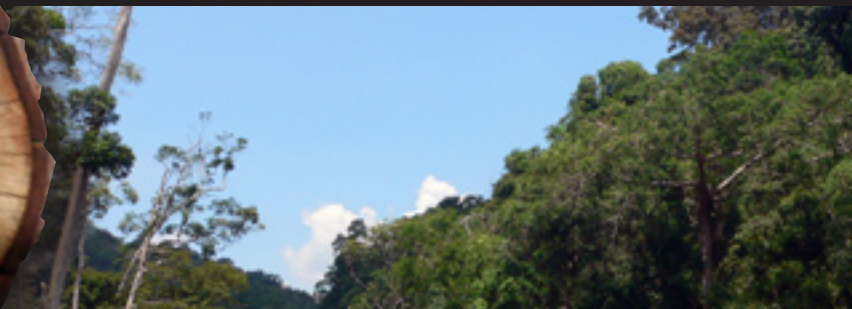
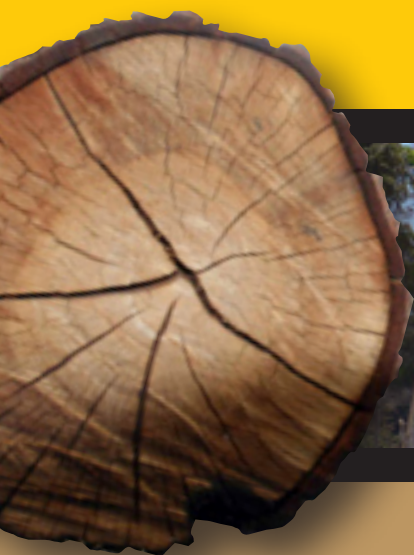


Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Phát triển và đánh đổi: Lựa chọn giữa lợi ích kinh tế và bảo vệ môi trường



Tuyển tập báo chí môi trường

Hà Nội – 2008

Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Phát triển và đánh đổi: Lựa chọn giữa lợi ích kinh tế và bảo vệ môi trường



Tuyển tập báo chí môi trường

Biên tập

Trịnh Lê Nguyên

Đỗ Hải Linh

Trần Hải

Hà Nội – 2008

Mục lục

Mục lục	2
Lời cảm ơn	4
Lời nói đầu	5
Giới thiệu	9
Phần I: Giá nào cho phát triển công nghiệp?	13
Ô nhiễm KCN Phú Thái	18
I: Dân bỏ nhà đi vì ô nhiễm	19
II: Khí tĩnh làm khó huyện	22
Những cái chết được dự báo trước	26
Việt Trì: Hy sinh để phát triển?	30
Phần II: Phát triển thủy điện – Góc nhìn đa chiều	35
Thủy điện ở Hà Tĩnh: Lợi bất cập hại	40
I. Nguy cơ thảm họa môi trường	41
II. Đánh giá ĐTM thiếu chính xác	46
III. Lời cảnh báo	51
Hà Tĩnh: Thủy điện nhỏ - hiểm họa lớn	55
Thủy điện ở Quảng Nam: Trăn trở bài toán tái định cư	60
I. Dân tái định cư chưa thể... an cư!	60
II. Bài toán an cư	63
Tái định cư: Nguy cơ mai một văn hóa vùng cao	66
Lời giải nào cho thủy điện và rừng?	69
I. Những dự án phá rừng mang tên “thủy điện”	69
II. Nguồn “nguyên liệu” nào cho nhà máy thủy điện?	73
III. “Quota” khí thải, tại sao không?	75
IV. “Bài toán kinh tế” - thủy điện và rừng	77

Phần 3: Dòng chảy dân cư và tài nguyên	79
Giữa rừng đại ngàn Tây Nguyên: Nỗi lo dân di cư tự do	85
I. Cư dân giữa rừng già	86
II. Nỗi lo của rừng	88
III. Áp lực nhiều phía	91
Lời nguyện từ những cánh rừng Đắk Sin	95
I. Rừng già biến mất, tiền chảy về đâu?	95
II. Lời nguyện của rừng: Hoang tàn, ô nhiễm!	100
Di dân tự do ở Tây Nguyên: Loay hoay tìm một lối ra	103
I: Đau đầu nhà chức trách	103
II: Vẫn loay hoay tìm lối ra	108
Cánh chim rừng không môi	113
I: Nhật ký ở nơi "cuối đất cùng trời"	115
II: Đi tìm đất hứa	119
III: Xót xa những cánh rừng	125
IV: Nóng bỏng Đắk Rmăng	127
V: Cuộc sống dựng tử rừng hoang	132
VI: Bài toán, bài toán, vẫn là... bài toán?	137
VII: Vĩ thanh	144
Phần 4: Rừng vàng một thuở	147
Rừng ngập mặn Cà Mau: Chuông buồn ngân đến bao giờ	152
I: Rừng rụng những cánh rừng tàn	153
II: Nhọc nhằn cuộc mưu sinh	156
III: Quy hoạch, quản lý rừng - Những dự báo buồn	159
Đất rừng phương Nam: Người dân không "mặn" với rừng	162
I: Người dân không "mặn" với rừng	163
II: Xung đột rừng - tôm	166
Khai thác tiềm năng ven biển Cà Mau: Ăn xổi ở thì	171
I: Ngụp lặn những mảnh đời ven biển	172
II: Tận diệt tài nguyên	175
III: Đóm lửa cuối đường hầm	178
Rừng "vàng" một thuở	180
I: Xã hội hoá rừng còn lắm nhiều khê	181
II: Rừng bị bức tử	183
Biển chưa lặn sóng	186
Các tác giả	191

Lời cảm ơn

Để có được nội dung ấn phẩm này phải kể đến sự đóng góp rất lớn của các phóng viên, nhà báo của các cơ quan báo chí trung ương và địa phương qua các chuyến điền dã. Chúng tôi chân thành cảm ơn Diễn đàn nhà báo môi trường Việt Nam đã tham gia và ủng hộ chúng tôi trong việc thực hiện công tác điền dã, mở rộng vấn đề và thu hút sự quan tâm của đông đảo các nhà báo về các chủ đề môi trường.

Xin cảm ơn ông Nguyễn Việt Dũng và ông Hoàng Xuân Thủy đã đóng góp ý kiến cho nội dung cuốn sách. Ngoài ra, các biên tập viên của trang ThienNhiem.Net cũng đã hỗ trợ việc tổ chức các chuyến điền dã và quá trình biên tập, chuẩn bị bản thảo.

Trung tâm Con người và Thiên nhiên xin chân thành cảm ơn Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam thông qua Chương trình Hỗ trợ Quy mô nhỏ về Dân chủ và Quĩ FOSI đã cung cấp nguồn tài trợ quý báu cho chúng tôi thực hiện các hoạt động điền dã và thông tin môi trường.

Lời nói đầu

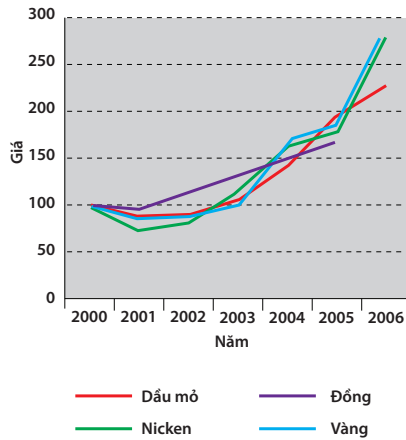
Thế giới bước vào thế kỷ 21 với một loạt những thách thức mới đe dọa đến sự tồn vong của nhân loại. Môi trường trở thành một chủ điểm lớn, đưa các nhà lãnh đạo của tất cả các quốc gia đến với bàn hội nghị. Bên cạnh toàn cầu hóa về kinh tế, toàn cầu hóa về an ninh môi trường đang len lỏi đến tất cả mọi ngõ của hành tinh. Những cảnh báo liên tiếp của các nhà khoa học về những mối đe dọa đến an ninh môi trường đã và đang thức tỉnh thế giới, thúc đẩy các quốc gia xích lại gần nhau hơn với mục tiêu chung - giữ gìn sự sống trên Trái đất trước khi quá muộn.

Biến đổi khí hậu đang là chủ đề nóng được đề cập tại nhiều cuộc đàm luận ở cấp quốc tế và quốc gia. Thế giới đang đối mặt với một viễn cảnh xấu, trong đó các quốc gia đang phát triển và dễ tổn thương như Việt Nam có thể sẽ hứng chịu hậu quả nặng nề do mực nước biển dâng cao. Trong tất cả các kịch bản biến đổi khí hậu, Việt Nam đều nằm ở mức nguy cơ cao. Việc hai vùng đồng bằng – hai vựa lúa – có thể bị nhấn chìm dưới mực nước biển được các nhà khoa học khẳng định là hoàn toàn có thể xảy ra trong bối cảnh biến đổi khí hậu là sự thực không thể cưỡng lại. Không chỉ an ninh lương thực của Việt Nam bị đe dọa – thế giới cũng có thể lâm vào cơn khủng hoảng như đầu năm 2008 khi mức cung lương thực đột ngột bị tụt giảm.

Khủng hoảng lương thực cũng có thể là mối đe dọa lớn khi dân số vẫn tiếp tục tăng nhanh, đô thị hóa diễn ra với tốc độ khó kiểm soát, đất nông nghiệp bị lấn chiếm phục vụ các mục đích phát triển công nghiệp và dịch vụ, sa mạc hóa và thoái hóa đất. Với một đất nước có truyền thống sản xuất nông nghiệp lâu đời như Việt Nam, liệu có nên đặt ra vấn đề ưu tiên phát triển sản xuất lương thực trong bối cảnh thế giới có thể đối mặt với nạn đói bất cứ lúc nào? Liệu tài nguyên đất có thể giúp Việt Nam thành một cường quốc với ưu thế mặt hàng chiến lược là lương thực hơn là các sản phẩm công nghiệp kém cạnh tranh khác?

Giá dầu mỏ và các tài nguyên tăng cao trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ 21 cũng đang đặt thế giới trước nguy cơ xung đột và tranh chấp mãnh liệt hơn. Những nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt trong khi nhu cầu của nhân loại không ngừng tăng nhanh. Các giải pháp thay thế nguồn nhiên liệu hóa thạch truyền thống vẫn đang được nghiên cứu và chưa có giải pháp khả thi. Nhiên liệu sinh học – dường như là cứu cánh của thế giới – đang gây ra nhiều tranh cãi khi chính giải pháp này lại đe dọa đến an ninh lương thực của loài người. Điều trớ trêu là những nước đang sở hữu các nguồn tài nguyên thiên nhiên giàu có lại là những nước xếp vào hàng “đang phát triển” hoặc nghèo đói. Lời nguyền tài nguyên (resource curse) đang hiện hữu – nhiều người đang phải sống cảnh đói nghèo và bản cùng trên chính “vàng bạc” dưới chân mình.

Từ năm 2002 đến 2006, giá kim loại đồng thế giới tăng 5 lần. Giá dầu mỏ, nicken, platin, quặng sắt, vàng cũng tăng chóng mặt. Tuy nhiên, theo nghiên cứu của tổ chức Christian Aid, các nước khai thác và xuất khẩu các nguồn tài nguyên này hầu như được hưởng lợi rất ít từ việc tăng giá.



Nguồn: A rich seam: who benefits from rising commodity prices. Christian Aid. 1/2007.

Khái niệm “an ninh môi trường” ngày càng được đề cập nhiều hơn. Vấn đề an ninh môi trường đang trở nên không kém phần quan trọng so với lĩnh vực an ninh truyền thống. Báo cáo phát triển con người của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) năm 2007 và 2008 đã tập trung vào chủ đề này với cảnh báo về những thảm họa sinh thái mà loài người chúng ta đang phải đối mặt. Trên thực tế, nhân loại đã chứng kiến những thảm họa khủng khiếp ngay đầu thế kỷ 21 này. Trận sóng thần vào tháng 12/2004 ở châu Á đã cướp đi sinh mạng của hơn 200.000 người. Cơn bão Nagris đổ bộ vào Myanmar tháng 05/2008 đã làm hơn 130.000 người chết và hàng ngàn người mất tích. Việt Nam chúng ta hàng năm cũng phải đối mặt với bão và lũ gây thiệt hại rất lớn về tài sản và sinh mạng. Việc mất rừng đầu nguồn và giảm sút độ che phủ ở các khu vực miền núi đang làm gia tăng sức tàn phá của lũ quét, lũ ống ở vùng cao và lụt lội ở khu vực đồng bằng. Dải rừng ngập mặn và rừng phòng hộ ven biển bị chặt phá để nuôi trồng thủy sản, phát triển công nghiệp và dịch vụ du lịch cũng là nguyên nhân dẫn đến nguy cơ thảm họa cao hơn.

Những thách thức và đe dọa từ khủng hoảng, sự cố môi trường đặt ra vấn đề cần phải có chiến lược quản lý môi trường và quản trị tài nguyên tốt hơn để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh một thế giới ngày càng “đói” tài nguyên và nhiên liệu, nếu không có hướng gìn giữ và khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên của mình một cách hợp lý thì các quốc gia đang phát triển dễ bị rơi vào tình trạng thiếu nguồn lực cho phát triển cho tương lai – một khi đã đánh đổi hết nguồn lực của chính mình. Lương thực, tài nguyên và nhiên liệu đang dần trở thành những “mặt hàng chiến lược” không hề kém phần quan trọng trong tiềm lực quốc gia.

Giới thiệu

Trong năm 2007 và 2008, Trung tâm Con người và Thiên nhiên đã tổ chức một số chuyến điền dã trên phạm vi cả nước cùng các nhà báo ở nhiều cơ quan báo chí khác nhau. Các chuyến điền dã tập trung vào 4 mảng chủ đề chính:

- Ô nhiễm công nghiệp và sức khỏe cộng đồng
- Phát triển thủy điện – Tiềm năng và các vấn đề môi trường, xã hội
- Di dân tự do và tác động lên tài nguyên thiên nhiên
- Rừng ngập mặn, sinh kế và hệ quả môi trường – xã hội từ nuôi trồng thủy sản

Qua những chuyến điền dã này, nhiều vấn đề về quy hoạch, quản lý môi trường, quản trị tài nguyên thiên nhiên đã được đề cập, trao đổi với các cơ quan liên quan, cộng đồng, doanh nghiệp, v.v. Một loạt các bài viết, phóng sự đã được đăng tải trên các cơ quan thông tin đại chúng và trên trang thông tin ThienNhiem.Net của Trung tâm Con người và Thiên nhiên.

Trong ấn phẩm này, chúng tôi chọn lọc một số bài viết đã đăng tải sau các chuyến điền dã, sắp xếp theo từng chủ đề nêu trên. Phải khẳng định rằng những bài viết này chưa thể đề cập hết các khía cạnh khác nhau của vấn đề, hoặc có thể đưa ra được những phân tích, kết luận thấu đáo. Bản chất của các điều tra, điền dã báo chí chủ yếu khai thác vấn đề ở bề nổi và diện rộng hơn là nghiên cứu khoa học dựa trên cơ sở các phương pháp và số liệu đầy đủ.

Mỗi chủ đề của cuốn sách gồm 3 phần chính:

Phần giới thiệu tổng quan: Tóm lược thông tin và đưa ra những bàn luận chính liên quan đến chủ đề. Những số liệu và thông tin đưa ra ở đây dựa trên những nguồn thông tin sẵn có, đã công bố bởi các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Dành cho nhà báo: Giới thiệu một số tài liệu có thể tham khảo, một số thuật ngữ liên quan và các nguồn tham khảo trực tuyến. Chúng tôi cố gắng giới thiệu những nguồn thông tin có thể tiếp cận được bằng công cụ Internet để thuận tiện cho các nhà báo tra cứu.

** Với các tài liệu trực tuyến có địa chỉ Internet quá dài, chúng tôi sử dụng dịch vụ rút gọn đường dẫn (<http://www.tinyurl.com>) để việc truy cập được tiện lợi và chính xác hơn. Việc rút gọn đường dẫn không thay đổi nội dung thông tin cũng như địa chỉ gốc. Khi truy cập, trình duyệt sẽ điều hướng sang địa chỉ đúng của tài liệu.*

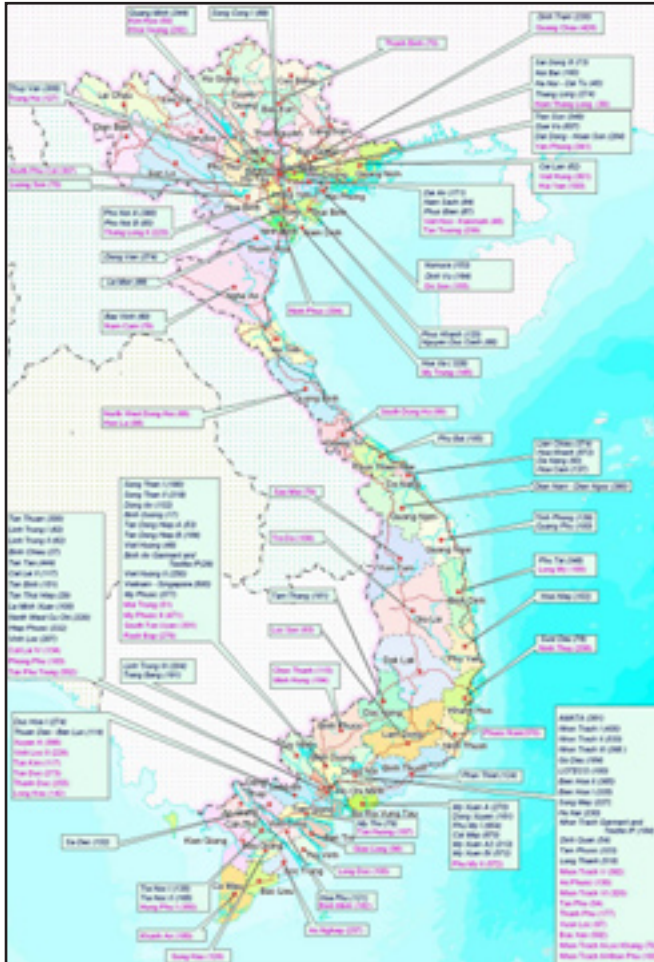
Các bài viết: Tập hợp một số bài viết từ các chuyên viên đã của các nhà báo đã được đăng tải trên trang thông tin ThienNhiem.Net. Tiêu đề của một số bài viết đã được biên tập lại để phù hợp hơn với tổng thể ấn phẩm.

Chúng tôi hy vọng ấn phẩm này sẽ mang lại cho những người quan tâm những ý tưởng và góc nhìn mới về các vấn đề môi trường. Từ đó, hy vọng sẽ có thêm nhiều tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn, đa chiều hơn về những khía cạnh quy hoạch môi trường và quản trị tài nguyên mà chúng tôi bước đầu đề cập trong ấn phẩm này.

Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Phần I:
Giá nào cho phát triển
công nghiệp?

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, đến tháng 07/2007, cả nước có 577 khu/cụm công nghiệp, trong đó 348 khu/cụm (chiếm 60%) đang hoạt động, 137 khu/cụm (chiếm 23,7%) đang trong giai đoạn triển khai. Trong tổng số khu/cụm công nghiệp đang hoạt động có 168 khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao. Các khu/cụm công nghiệp hiện tập trung nhiều nhất ở 4 vùng: Đồng bằng Sông Hồng, Duyên hải Nam Trung bộ, Đông Nam bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long với tỷ trọng 82%.



Hệ thống khu công nghiệp, khu chế xuất của Việt Nam.

Nguồn: Vụ Quản lý khu công nghiệp và khu chế xuất, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Truy cập từ website www.khucongnghiep.com.vn, 01/09/2008).

Kết quả điều tra công bố vào tháng 07/2008 của Bộ Công Thương tại 154 khu công nghiệp (KCN) đang hoạt động trên toàn quốc chỉ có 39 KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung (chiếm 25,3%), 27 KCN đang xây dựng, 27 khu khác đã có kế hoạch nhưng chưa tiến hành xây dựng.¹

Một câu hỏi lớn được đặt ra: Có phải chúng ta đang cố gắng phát triển bằng mọi giá, sẵn sàng hy sinh lợi ích môi trường? Phát triển công nghiệp thiếu tầm nhìn, thiếu trọng tâm và nhiều khi không tính đến lợi ích lâu dài đã và đang gây ra những hậu quả nhãn tiền. Trong những năm vừa qua công luận đã biết đến hàng loạt làng ung thư trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến các cơ sở công nghiệp. Các thành phố lớn như Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh phải chứng kiến những dòng sông, dòng kênh chết gây ảnh hưởng đến cuộc sống hàng triệu người dân. Các cụm công nghiệp gây ô nhiễm được di dời ra khỏi nội thành lại tiếp tục đe dọa sức khỏe của những khu vực dân cư ngoại thành. Bên cạnh những hậu quả về môi trường và sức khỏe của cộng đồng, ô nhiễm công nghiệp có thể góp phần gia tăng mâu thuẫn và nguy cơ xung đột xã hội.

Về phía doanh nghiệp, việc coi nhẹ xử lý môi trường trong sản xuất là một rủi ro ngày càng lớn đối với chiến lược phát triển kinh doanh. Một khi các chế tài xử lý vi phạm môi trường được ban hành đầy đủ và áp dụng chặt chẽ hơn, các công cụ và cơ chế thực thi pháp luật mạnh mẽ hơn (ví dụ: sự ra đời của cảnh sát môi trường) thì doanh nghiệp khó có thể tránh khỏi việc phải chịu nhiều hình thức xử phạt, thậm chí đình trệ sản xuất kinh doanh. Chưa kể đến việc uy tín và giá trị thương hiệu bị tổn hại từ những “scandal môi trường”. Việc trả phí dịch vụ môi trường cũng sẽ được triển khai áp dụng theo xu hướng của thế giới và nó sẽ phải được thể hiện trong chi phí doanh nghiệp. Bên cạnh đó, với sức ép ngày càng gia tăng từ khu vực xã hội dân sự cũng như ý thức của cộng đồng mạnh mẽ hơn, các doanh nghiệp gây ô nhiễm khó tránh khỏi nguy cơ bị kiện tụng do những hậu quả gây ra cho xã hội. Những doanh nghiệp muốn tồn tại lâu dài và xây dựng thương hiệu mạnh cần tính đến yếu tố môi trường trong chiến lược kinh doanh của mình – điều đó là không thể khác.

Đối với chiến lược phát triển công nghiệp ở quy mô quốc gia, vùng, địa phương cũng cần được tính toán cẩn trọng. Việc mở rộng quy mô và số lượng khu công nghiệp, khu chế xuất tất yếu dẫn đến thu hẹp diện tích đất nông nghiệp và gia tăng nguy cơ ô nhiễm. Câu hỏi đặt ra là liệu phát triển công nghiệp có tạo ra giá trị lớn vượt trội hơn các ngành sản xuất, dịch vụ khác? Những chi phí phát sinh như tạo việc làm thay thế nông nghiệp, chi phí chăm sóc sức khỏe người dân, phúc lợi xã hội, giải quyết mâu thuẫn phát sinh, ... cũng cần được tính đến trong bài toán này.

¹ <http://vietnamnet.vn/khoahoc/2008/07/795460/>

Trong bối cảnh toàn cầu luôn phải đối mặt với nguy cơ khủng hoảng lương thực và nhu cầu nhiên liệu sinh học gia tăng, ngành sản xuất nông nghiệp nên được coi là một lợi thế kinh tế của quốc gia. Việc bảo toàn diện tích đất nông nghiệp phải được coi là ưu tiên để vừa đảm bảo an ninh lương thực, đảm bảo việc làm nông thôn và lớn hơn là giữ lợi thế để Việt Nam là “nhà cung cấp lương thực toàn cầu”. Nên chăng ngoài các lĩnh vực mũi nhọn mang lại giá trị cao và ít gây ô nhiễm, phát triển công nghiệp cũng cần theo hướng phục vụ nông nghiệp? Để sản phẩm nông nghiệp Việt Nam có chỗ đứng trên thị trường thế giới, rất cần có nhiều doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị thông qua phát triển mạnh các ngành công nghiệp chế biến, bảo quản, gia tăng giá trị cho nông lâm sản. Phát triển “công nghiệp xanh” cần được các nhà hoạch định chính sách và các nhà kinh tế quan tâm, xây dựng – phù hợp với lợi thế và truyền thống sản xuất nông nghiệp của đất nước.

DÀNH CHO NHÀ BÁO

Thuật ngữ

- Phí dịch vụ môi trường (FES – Fees for Environmental Services): là một dạng phí phải trả khi sử dụng một số dịch vụ môi trường. Mức phí tương ứng với chi phí cho dịch vụ môi trường đó. Phí dịch vụ môi trường còn có mục đích hạn chế việc sử dụng quá mức các dịch vụ môi trường.
- Công bằng môi trường (environmental justice): được định nghĩa theo chiều rộng là “công lý bình đẳng và được bảo vệ công bằng trên cơ sở các quy tắc và đạo luật về môi trường mà không có sự phân biệt đối xử về chủng tộc, dân tộc và/hoặc địa vị kinh tế xã hội”.

Tài liệu nên đọc

- Danh sách các khu công nghiệp và khu chế xuất đến tháng 07/2007: <http://tinyurl.com/kcn72007>

Tham khảo trực tuyến

- Chuyên đề “Ô nhiễm công nghiệp”: <http://tinyurl.com/thiennhien>
- Website Bộ Công thương: <http://www.moit.gov.vn>
- Website Bộ Kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn>
- Tạp chí Khu công nghiệp: <http://www.khucongnghiệp.com.vn/>
- Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công nghiệp: <http://www.ips.gov.vn/>
- Tìm kiếm thông tin các khu công nghiệp Việt Nam: <http://tinyurl.com/kcnvn>



Dòng kênh nước thải từ khu công nghiệp tự phát Phú Thái thải ra sông đen ngòm.

Ô nhiễm KCN Phú Thái

Tiến Dũng - Trung Hiền

Hải Dương là tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế cao, có nhiều khu công nghiệp (KCN) và cụm công nghiệp tập trung. Tuy nhiên, đây cũng là nơi nổi tiếng về tình trạng ô nhiễm, điển hình như KCN Phú Thái tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành với 13 doanh nghiệp lớn, nhỏ.

Những hộ dân sống tại đây đang phải đối diện với nguy cơ bệnh tật, có người đã chết vì ung thư, có người đã bỏ nhà ra đi vì không thể chịu đựng thêm. Theo lời ông Phó chủ tịch thị trấn - Dương Văn Long - có khoảng 2.500 người dân sống đang chịu ảnh hưởng do ô nhiễm môi trường từ các nhà máy trong khu công nghiệp Phú Thái.

Hiện tượng ô nhiễm do các nhà máy tại khu công nghiệp thị trấn Phú Thái là rõ ràng. Không chỉ người dân bức xúc, chính quyền địa phương ở đây cũng lên tiếng mạnh mẽ nhưng không hiểu sao những kiến nghị của chính quyền sở tại bao nhiêu năm nay tỉnh vẫn không thấu.

I Dân bỏ nhà đi vì ô nhiễm

Chạy trốn thần chết

Chúng tôi tìm về thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo đơn tố cáo của chị Đỗ Thị Thích, tổ 14, khu phố Ga. Tuy nhiên, căn nhà chị Thích giờ chỉ là căn nhà hoang, những người hàng xóm cho biết chị đã bỏ nhà đi nơi khác, phải khó khăn lắm chúng tôi mới tìm gặp được chị. Trong căn nhà đang xây dở, chị Thích cho biết: Từ cuối năm 2006 chị đã phải bỏ nhà đi thuê trọ để ở. Đến tháng 06/2007, được sự giúp đỡ của anh em, họ hàng, chị mượn 5 quyển sổ đỏ đi cầm cố ngân hàng lấy tiền xây dựng ngôi nhà mới này. Chị ngậm ngùi khi cho chúng tôi biết tiền công xây nhà chị vẫn đang còn khát nợ.

Ngày thường, chị Thích bán hàng tạp hoá ngoài chợ nhưng hôm nay căn bệnh viêm vòm họng của chị tái phát nên chị đang phải nằm dưỡng bệnh tại nhà. Kể lại cho chúng tôi nghe câu chuyện, hai hàng nước mắt lại lăn dài trên đôi má gầy sạm đen của chị, chị bảo: “Tôi đã khóc cạn cả nước mắt rồi có lẽ tôi không thể sống nổi nữa, nhà đang ở là nhà vay mượn, giờ tôi lại bệnh tật thế này không biết lấy gì để trả nợ”.

Từ đầu năm đến nay, căn bệnh viêm vòm họng hành hạ chị suốt, lên Hà Nội chữa mấy nơi thì bác sỹ đều bảo về, bệnh thành mãn tính rồi hầu như không thể chữa khỏi được nữa. Trong ngắn ấy thời gian, riêng tiền chữa bệnh đã ăn sâu vào khoản vay nợ của chị thêm 6 triệu nữa.

Chị Thích không nhớ nổi đã gửi bao nhiêu đơn thư cầu cứu. Gửi lên UBND huyện, thị trấn không thấy hồi âm, chị lại gửi lên Sở tài nguyên Môi trường và lần này cẩn thận mượn người chụp ảnh, ghi bằng hình để làm chứng cứ rõ ràng với hy vọng sẽ thuyết phục được “các bác lãnh đạo”. Thế nhưng sau bao nhiêu chuyến ngược xuôi tất tả, kết quả chị nhận được là sự im lặng đầy khó hiểu. Đến đường cùng, chị lại chạy vạy vay cố 3 triệu đồng nữa nhờ luật sư làm đơn kiện các doanh nghiệp với nguyện vọng đòi lại bằng được quyền lợi chính đáng của mình, nhưng kết quả cũng chẳng đi đến đâu. Cuối năm 2006, ông Quế, một người hàng xóm của chị - chết vì bị ung thư. Quá sợ hãi chị đành bỏ hoang căn nhà, dắt đứa con trai 10 tuổi đi thuê nơi khác ở “lánh nạn”, giờ mới vay được tiền để xây nhà.

Không riêng gì gia đình chị Thích, hàng chục gia đình khác cũng đang sống trong cảnh ăn không ngon ngủ không yên và suốt năm chỉ lo làm đơn kiện nhưng kết quả cũng chỉ là “đá ném ao bè”. Ông Nguyễn Văn Điển, nhà sát với Công ty TNHH Thành Phát bức xúc, nói như van xin: “Không thể chịu đựng thêm được nữa, mấy anh chị cứ ở đây với chúng tôi mấy ngày để hiểu rõ hơn nỗi khổ của bà con dân làng nơi đây. Tôi có nói gì thì cũng không thể tả hết được. Cứ ở đi tôi nuôi được mà, nếu tôi không nuôi được thì làng này cũng nuôi được”. Nói rồi ông Điển lôi từ trong tủ ra một tập đơn: “Các anh chị xem thì biết, chúng tôi đã làm không biết bao nhiêu là đơn, gửi khắp nơi rồi, giờ chán cũng chẳng

muốn gửi. Có anh chị về đây, tôi mong có cách nào giúp chúng tôi thoát nạn”.

Nhà ông Điền trước đây làm cửa bằng gỗ nhưng từ khi nhà máy giấy dựng lên ông đã phải thay toàn bộ bằng cửa kính để tránh tiếng ồn và mùi hôi thối nhưng cũng chẳng ăn thua. “Nhà chị Thích còn có nghề bán hàng ngoài chợ còn gia đình chúng tôi có gì, muốn đi nhưng đi đâu, sống bằng cái gì, nếu đi được tôi đã đi từ lâu rồi”.

Cách nhà ông Điền không xa, bà Đỗ Thị Duân chủ một quán cóc gần nhà máy xi măng Hải Âu nói với giọng buồn xuôi: “Tôi cũng lo bệnh tật lắm, nhưng biết làm sao được. Con tôi còn trẻ chúng chuyển đi nơi khác rồi còn tôi già rồi cứ sống ở đây chết ngày nào thì chết chứ biết kêu ai bây giờ, có kêu cũng chẳng được”.

Doanh nghiệp chống chế

Nổi cộm nhất trong số những nhà máy đang gây ô nhiễm tại huyện Kim Thành phải kể đến nhà máy xi măng Hải Âu, nhà máy bia Hải Thành, nhà máy tấm lợp Hưng Long và đặc biệt

Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy vệ sinh của Công ty TNHH Thương mại Thành Phát. Chi Thích kể lại: Khi chị còn ở nhà cũ, thấy hệ thống nước thải của nhà máy



Con kênh đen - nơi xả thải chung của nhà máy bia Hải Thành và nhà máy Hưng Long (KCN Phú Thái) - giáp ranh với căn nhà cũ (giờ đã bị bỏ hoang) của chị Đỗ Thị Thích.

bia Hải Thành và nhà máy Hưng Long gây ô nhiễm chị đã phản ánh với lãnh đạo hai nhà máy. Tuy nhiên Công ty này đổ tại Công ty kia vì cả hai dùng chung một hệ thống cống thải. Lâu lâu cũng có đoàn về kiểm tra nhưng phải cái là mỗi lần có đoàn về thì

y rằng trước đó mấy ngày hệ thống cống thải được vệ sinh sạch sẽ. Trong số các đơn vị gây ô nhiễm trên, chỉ có nhà máy xi măng Hải Âu mới đây tạm dừng một số hoạt động, hiện chỉ còn nghiền clinker.

Khi chúng tôi đến Công ty giấy Thành Phát đơn vị gây ô nhiễm nặng nhất cho những hộ dân tổ 14 thuộc khu phố Ga. Bà Phạm Thị Tinh, giám đốc công ty, vẫn cho rằng: “Hiện trạng khí thải, bụi, tiếng ồn ở nhà máy đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép. Nước, đất ở trong khu vực chưa có dấu hiệu ô nhiễm. Nói là công ty hoạt động suốt ngày đêm nhưng thực chất chẳng được bao nhiêu tiếng vì thiếu nguyên liệu”. Bà Tinh cho biết thêm: “Công ty chúng tôi đã ký hợp đồng lắp đặt một hệ thống xử lý môi trường rất hiện đại và hiện chỉ còn chờ lắp đặt”.

Nói vậy nhưng khi chúng tôi yêu cầu cho xem hợp đồng đã ký với đối tác bà Tinh lại chống chế: “Cái đó chồng tôi cầm và hiện anh đang đi công tác”. Sự thật, khi chồng bà Tinh về đã cho chúng tôi xem và đó chỉ là một quyển catalogue giới thiệu về hệ thống xử lý nước thải của Trung Quốc. Ông Trần Trung Chén, chồng bà Tinh cho biết: “Chúng tôi đang thuê người dịch để xem, còn hai bên đã có ký kết gì đâu. Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất hết chưa đến 40 tỷ, nếu lắp đặt hệ thống xử lý này cũng hết gần 20 tỷ điều đó không hề đơn giản”.

Trả lời về việc người dân khiếu kiện, bà Tinh cho biết: “Có bốn hộ nằm gần nhà máy chúng tôi thì đã hộ trợ hàng tháng từ 300.000 - 500.000/hộ. Ngoài ra Công ty còn cung cấp nước sạch và điện sinh hoạt miễn phí, vào những ngày lễ ngày tết họ cũng được nhận quà như những công nhân của nhà máy. Tôi khẳng định mùi hôi thối thì có nhưng chẳng ảnh hưởng gì đến sức khỏe, cả trăm công nhân của tôi có kêu ca phàn nàn gì đâu. Hỗ trợ đến thế này mà có kêu nữa thì chúng tôi cũng chịu”. Ông Chén chống chế thêm: “Ông Điển nát rượu ấy mà, ông ấy cứ kêu linh tinh”. Nói như vậy, không lẽ hàng chục hộ dân ở đây đều nát rượu cả. Và cũng

dễ thấy rằng nếu nhà máy không gây ô nhiễm thì việc họ tự nguyện hỗ trợ các hộ dân vài trăm ngàn đồng mỗi tháng kia phải chẳng chỉ để “từ thiện”. Ông Chén thừa nhận: “Đúng là nước thải ra có màu đen và mùi thối khó chịu” nhưng ông biện minh “Đến nhà máy lớn như giấy Bãi Bằng và một số nhà máy giấy khác cũng không xử lý được nước màu vàng thành trong được”.



Ống phát khí thải của một nhà máy thuộc KCN Phú Thái giữa khu dân cư.

Năm 2006, trong đợt kiểm tra định kỳ của Sở tại nguyên và Môi trường tỉnh

Hải Dương, Công ty TNHH Thành Phát đã bị xử phạt 3 triệu đồng. Cũng sau đợt kiểm tra đó, thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã có báo cáo và kiến nghị gửi lên UBND tỉnh về những sai phạm của Công ty này. Tuy nhiên, đến nay đã hơn một năm tình trạng không những không thay đổi mà mức độ ô nhiễm ngày một trầm trọng hơn, Công ty TNHH Thành Phát thì vẫn “ung dung” hoạt động.

Phản đối mạnh mẽ nhất sự việc này phải kể đến UBND thị trấn Phú Thái và Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Kim Thành. Khổ nỗi, với “vị trí” của mình, chính quyền sở tại nơi đây cũng chẳng làm được gì dù đã không ít lần kêu lên tỉnh. Vấn đề này chúng tôi sẽ đề cập trong kỳ tới.



Khi tỉnh làm khó huyện

Hiện tượng ô nhiễm do các nhà máy tại khu công nghiệp thị trấn Phú Thái là rõ ràng. Không chỉ người dân bức xúc, chính quyền địa phương ở đây cũng lên tiếng mạnh mẽ. Không hiểu sao những kiến nghị của chính quyền sở tại bao nhiêu năm nay tỉnh vẫn không thấu.



Kiểm tra lấy lệ

Ngày 11/10/2007 chúng tôi có mặt tại Khu công nghiệp Phú Thái, một không khí vắng lặng đến lạ thường. Cơ sở tái chế nhựa Kim Thành, đơn vị tái chế 150 tấn nhựa vi phạm đang bị dừng hoạt động đã đành, đến Công ty TNHH Thành Phát cũng thấy “nghi ngại”. Không có cảnh sản xuất ồn ào, không có nước thải như trong đơn của những hộ dân tố cáo.

Ông Nguyễn Văn Điển, người quá thuộc giờ giấc hoạt động của nhà máy khẳng định: “Chắc chắn sắp có đoàn về kiểm tra, mỗi lần có đoàn về nhà máy bao giờ cũng nghỉ hoạt động trước mấy ngày”. Đúng như lời ông Điển khẳng định, sáng 12/10 đoàn kiểm tra từ Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương đã về kiểm tra tại Công ty TNHH Thành Phát. Công ty hôm đó trở lại hoạt động trở lại bình thường. Bà Phạm Thị Tinh giải thích:

“Mấy hôm nay cho công nhân học nên nhà máy ngừng hoạt động”. Ông Dương Văn Long, phó chủ tịch UBND thị trấn Phú Thái cho biết: “Họ được báo trước sẽ có đoàn xuống kiểm tra nên giờ có kiểm tra cũng chẳng có ý nghĩa gì”.

Theo quy định, mỗi khi các đoàn về kiểm tra phải thông báo trước để doanh nghiệp biết, chỉ có thanh tra môi trường mới được phép kiểm tra đột xuất. Thế nhưng thanh tra chỉ kiểm tra những sai phạm về quy trình hoạt động, họ không có chức năng kiểm tra mức độ ô nhiễm, việc này thuộc trách nhiệm của đoàn giám sát, quan trắc.

Một phần quang cảnh của nhà máy sản xuất giấy Thành Phát - KCN Phú Thái



Ngày 12/10 khi đoàn quan trắc về kiểm tra tại Công ty TNHH Thành Phát, chị Bùi Thị Nhung, cán bộ Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Kim Thành và ông Dương Văn Long cũng được mời tới dự. Sau khi đi kiểm tra một vòng, đoàn tiến hành lấy mẫu nước xét nghiệm theo sự chỉ dẫn của giám đốc Công ty Thành Phát. Xem xét nguồn nước lấy mẫu chị Nhung và ông Long khẳng định, nước ngày thường hoàn toàn khắc hẳn, nguồn nước đen đậm đặc và bốc mùi rất nặng. Rõ ràng Công ty đã có sự chuẩn bị rất kỹ trước khi đoàn kiểm tra về. Theo yêu cầu của của chị Nhung và ông Long, phải lấy nguồn nước

chỗ khác mới có thể chính xác nhưng lấy ở đâu khi mà hồ chứa nước cũng đã được lắng từ mấy hôm trước?

Bà Phạm Thị Uyên, Phó giám đốc Trung tâm quan trắc đồng thời là Trưởng đoàn kiểm tra phát biểu: “Chúng tôi chỉ kiểm tra và đưa ra kết luận vào thời điểm kiểm tra, còn trước đó như thế nào chúng tôi cũng không dám nói”.

Ông Dương Văn Long ngao ngán: “Tôi chỉ quan sát bằng mắt và thấy nguồn nước thải Công ty Thành Phát rất bẩn, mức độ nguy hại đến đâu tôi không biết nhưng rõ ràng những người dân ở đây không thể chịu nổi. Đến cây cỏ còn không sống nổi nói gì đến con người. Kiểm tra thế này theo tôi chẳng nói lên được điều gì, kiểm tra mà đi báo trước thì làm sao khách quan được”.

Hiện có trên 3 ha đất nông nghiệp xen lẫn trong KCN nhưng đã phải bỏ hoang suốt 5 - 6 năm nay do cây cối không thể mọc được. Những người dân có ruộng đang sống bằng những khoản trợ cấp hàng năm của doanh nghiệp. UBND huyện và Thị trấn đã rất nhiều lần có ý kiến với UBND tỉnh Hải Dương, Sở tài nguyên Môi trường... về việc gây ô nhiễm của các nhà máy tại địa phương. Tuy nhiên tỉnh vẫn không có động tĩnh gì. Năm ngoái, thanh tra Sở tài nguyên về kiểm tra và xử phạt một số doanh nghiệp trong đó riêng Công ty giấy Thành Thái 3 triệu đồng nhưng khi xử phạt xong các Công ty này vẫn tiếp tục như cũ.

Đến những quyết định khó hiểu

Trước những bức xúc của người dân và chính quyền sở tại nơi đây, ngày 09/03/2007 UBND tỉnh Hải Dương có quyết định số 1102/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy giấy Thành Phát. Quyết định nêu rõ: “ Phải hoàn thành toàn bộ các hệ thống xử lý môi trường trong năm 2008. Hiệu quả xử lý phải được cơ quan chuyên môn đánh giá và cơ quan quản lý kiểm tra xác nhận đảm bảo tiêu chuẩn cho phép”.

Quyết định này thực sự “thách đố” những người dân sống quanh nhà máy cũng như

chính quyền địa phương. Ông Long nhận xét: “Từ lâu, nhà máy giấy Thành Phát đã gây ô nhiễm môi trường. Nếu cho phép đến hết năm 2008 mới hoàn thành hệ thống xử lý nước thải e rằng dân ở đây không thể chịu đựng đến thời điểm đó... Nếu công ty vi phạm thì phải dừng sản xuất đến lúc lắp đặt xong hệ thống xử lý nước thải mới cho phép hoạt động tiếp mới đúng”.

Cũng trong quyết định này, UBND tỉnh “Ủy nhiệm cho Sở tài nguyên Môi trường thực hiện kiểm tra giám sát...”. Với việc kiểm tra được báo trước như ngày 12/10 vậy kết quả kiểm tra có đáng tin cậy không.

Trước những khiếu kiện liên tiếp của nhân dân khu phố Ga cũng như thực tế ô nhiễm từ Công ty TNHH Thành Phát, ngày 30/07/2007 UBND huyện Kim Thành đã có công văn số 378/CV-UBND gửi



Bọt thải trong một quá trình sản xuất tại nhà máy sản xuất giấy Thành Phát (KCN Phú Thái) không được thu gom, chảy tràn lan. (Ảnh: Trung Hiến)

Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương. Trong Công văn có đoạn: “Trong quá trình hoạt động sản xuất nước thải của công ty hầu như không được xử lý, xả trực tiếp ra mương tiêu thoát nước của khu vực, buổi tối bơm trực tiếp ra sông Kinh Môn với lưu lượng nước lớn gây nên mùi hôi thối làm ô nhiễm môi trường khu dân cư và trực tiếp là nguồn nước của nhà máy nước sạch thị trấn Phú Thái, gây bức xúc và hoang mang trong nhân dân khi sinh hoạt và sử dụng nguồn nước sạch... Tình trạng ô nhiễm môi trường ngày một gia tăng gây bức xúc trong nhân dân. Vào ngày 10 và 25 hàng tháng (kỳ tiếp dân hàng tháng - PV) cử tri và nhân dân kéo đến yêu cầu sớm có biện pháp kiên quyết với Công ty TNHH Thành Phát. UBND huyện đã giải thích nhưng nhân dân vẫn không nhất trí, khả năng sẽ tiếp tục tập trung đông người để lên tỉnh và Trung ương để đề nghị được giải quyết dứt điểm”.


Từ thực tế đó UBND huyện Kim Thành đề nghị: “Nếu Công ty không có khả năng thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường theo quy định. Đề nghị UBND tỉnh cho đình chỉ hoạt động nhà máy”.

Đem những thắc mắc của người dân thị trấn Phú Thái cũng như chính quyền nơi đây đến Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Hải Dương. Ông Vũ Đình Hiền, Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường cho biết: “Hiện nay tất cả các KCN đóng trên địa bàn tỉnh đều không có hệ thống xử lý nước thải theo quy định. Gọi là KCN

nhưng quy hoạch không đồng bộ, mỗi doanh nghiệp đến làm một kiểu dẫn đến tình trạng lộn xộn. Riêng KCN tại Phú Thái chúng tôi cũng tiến hành kiểm tra, tuy nhiên chúng tôi không được phép bắt Doanh nghiệp dừng hoạt động. Với vai trò của mình, chúng tôi đã có báo cáo lên giám đốc Sở tài nguyên và Môi trường, Sở báo cáo với UBND tỉnh và xử lý như thế nào là do tỉnh”.

Nói về trường hợp gia đình chị Đỗ Thị Thích, ông Hiền đổ lỗi: “Tại bà Thích tham, trước đây Doanh nghiệp đền bù để di dời thì bà chê ít bây giờ muốn đi doanh nghiệp không giải quyết nữa bà lại kiện”. Việc ông Hiền đổ lỗi cho chị Thích thật khó chấp nhận!

Đáp lại công văn số 378/CV-UBND của UBND huyện Kim Thành, ngày 02/10 UBND tỉnh Hải Dương đã có công văn số 1333/UBND-VP giao cho Sở tài nguyên Môi trường kiểm tra Công ty TNHH Thành Phát. Đến ngày 12/10 đoàn đã về kiểm tra. Kết quả phải một thời gian nữa mới có nhưng với cách kiểm tra như đã nói ở trên chắc chắn một kết quả có lợi lại thuộc về phía doanh nghiệp. Xem ra, người dân thị trấn Phú Thái sẽ còn phải sống trong cảnh ô nhiễm dài dài. Chính quyền địa phương sẽ còn lăm nhọc nhằn trong việc trả lời những khiếu kiện của người dân.



Những dây chuyền sản xuất cũ kỹ là một phần nguyên nhân khiến ONMT tại Việt Trì thêm trầm trọng. Trong ảnh là Xưởng ván sợi ép của XN Ván ép nhân tạo và chế biến lâm sản Việt Trì, thuộc Công ty Ván dăm Thái Nguyên. (Ảnh: Vũ Văn Tiến)

Những cái chết được dự báo trước

Vũ Văn Tiến

TP. Việt Trì (Phú Thọ) nổi tiếng, tự hào trong những thập niên 60, 70 của thế kỷ trước về hàng loạt nhà máy được ô ạt xây dựng bao nhiêu, thì nay chính những nhà máy, xí nghiệp đó, cùng với một số nhà máy công nghiệp mới được xây dựng khác đang “giết chết” chính những cư dân sống xung quanh những nơi này.

Đầy ải giữa trần gian

Cuộc sống của cư dân một số phường như Tiên Cát, Thọ Sơn, Bến Gót, Bạch Hạc thuộc TP. Việt Trì hiện nay chẳng khác chi đang bị đầy ải, vật lộn giữa cái sống và những cái chết đang được dự báo hiển hiện từng ngày. Bà Nguyễn Thị Hiền, 49 tuổi, tổ 23 phường Bến Gót bán vé số trước công Nhà máy Pang Ring than thỏ: “Gia đình tôi cũng như những người dân nơi đây hết như đang sống ở địa ngục”.

Gia đình tích góp mãi mới xây được căn nhà 2 tầng khang trang, vậy mà bao nhiêu năm nay chưa dám mở cửa “đón nắng, đón gió”. Căn nhà suốt ngày phải cửa đóng, then cài kín như là hầm để tránh mùi hôi, hắc của các nhà máy quanh đây. Kinh

khủng nhất là mùi hắc bốc ra từ nhà máy Pang Rim. “Nhà tôi có 5 thành viên thì bị viêm đường hô hấp mãn tính cả 5. Tháng nào cũng phải chi phí hết hàng trăm nghìn tiền thuốc để điều trị các bệnh liên quan đến căn bệnh này”, bà Hiền cho biết.

Bi đát hơn nhà bà Hiền là gia đình bà Trịnh Thị Dậu cũng ở phường Bến Gót. Ngôi

ăn mấy múi bưởi ở trước cửa nhà, không hiểu sao bà Dậu không sao nuốt nổi. Những múi bưởi vốn ngon là thế, vậy mà nó cứ đắng chát trong cổ họng khi bà nghĩ về những hình ảnh của người chồng xấu số. Cách đây 3

năm, chồng bà là ông Cao Kim Khương, là cán bộ Công an TP. Việt Trì đang khoẻ như vâm bỗng lăn đùng ra ốm. Khi đi viện chữa trị, các bác sỹ báo hung tin là chồng bà đã bị ung thư gan giai đoạn cuối, chỉ còn nước về nhà chờ ngày về quy cõi tiên. Khi đó, cả gia đình đau đớn tột cùng, đành chấp nhận số phận đã an bài đối với ông Khương. Khi nổi đau một phần nguôi ngoai đi, bà Dậu đã nhận ra “thủ phạm” gây ra căn bệnh quái ác cho chồng mình không ai khác chính là sự ô nhiễm môi trường trầm trọng tại khu dân cư bà sinh sống.

Khi chúng tôi tới nhà bà Lê Thị Thắng, chi hội trưởng chi hội Phụ nữ phố Hồng Hà, phường Bến Gót, hình ảnh đầu tiên ấn tượng là ba chiếc áo sơ mi trên dây phơi. Mặt trong những chiếc áo còn trắng

nguyên nhưng mặt ngoài thì chuyển màu ngả với vô số hạt đen li ti. Bà Thắng cho biết đó là do bà quên không cất vào nhà đêm hôm trước.

Tiếp chuyện với chúng tôi, bà Thắng không giấu nổi nỗi hoang mang về căn bệnh ung thư đã và đang bùng phát, cướp đi hàng loạt các sinh mạng vùng đất này.

Nhiều cư dân ở đây bị phát bệnh đau ốm, không ít trong số đó có những người mắc bệnh ung thư gan, vú và phổi. “Đấy, trường hợp ông Hà Việt Thuởng, ông Nguyễn Văn Giốc,... ở tổ dân phố 21, phường Bến Gót bị ung thư vừa chết xong, nếu không

phải vì ảnh hưởng ô nhiễm môi trường thì là do “ma” làm à?”- bà Thắng than phiền.

Theo như những thống kê mới đây nhất mà Trạm Y tế phường Bến Gót tiến hành, thì tỷ lệ người dân mắc các bệnh về đường hô hấp tại phường này là khá cao, có địa bàn dân cư 100% người dân đều bị mắc các căn bệnh về đường hô hấp. Khổ nhất là các cháu nhỏ, vì vậy mà vào mỗi đợt “cuồng phong” về bụi và mùi, các bậc ông, bà, cha mẹ nơi đây phải bế con, bế cháu “sơ tán” cấp tốc.

Bản thân chúng tôi chỉ sau hai ngày có mặt tại đây để thu thập tư liệu viết bài mà chúng tôi cũng cảm thấy ngột ngạt, khó chịu vô cùng, đặc biệt là những mùi hắc sộc thẳng lên mũi.



Trao đổi với người dân về tình trạng ONMT tại Việt Trì

Muốn thoát “chết” nhưng không có cơ hội

Bà Lê Thị Thăng- Chi hội trưởng chi hội phụ nữ phố Hồng Hà, phường Bến Gót chua chát nói: “Với đồng lương công nhân còm cõi, dành dụm tích góp bao nhiêu năm nay vợ chồng tôi mới có được cơ ngơi này. Những năm trước thì không có tiền mua đất nơi khác làm nhà, đành chấp nhận sống chung với ô nhiễm ở đây. Nay thì không chịu nổi, gia đình rao bán với giá rẻ mặt căn nhà này nhưng có ai thèm mua đâu. Thực tình, ai dại gì mà đến đây xin cái chết đã được dự báo trước”.

Là Tổ trưởng tổ dân phố 22, phố Hồng Hà I, phường Bến Gót, ông Hoàng Trung Dung đã thừa nhận sự bất lực của mình trong “cuộc chiến” chống lại ô nhiễm môi trường nơi đây. Ông Dung và các hộ dân

Con mương nước thải của nhà máy bia Viger - một trong rất nhiều con mương gieo “mầm chết” cho cư dân thành phố Việt Trì.
(Ảnh: Vũ Văn Tiến)



sống trên địa bàn này có hàng trăm, thậm chí hàng nghìn lá đơn kiến nghị gửi đến các cơ quan chức năng, nếu gom lại có lẽ phải lên đến 5-7 kg giấy rồi. Bất cứ cuộc họp nào, hay có cơ hội nào tiếp xúc với cán bộ phường, thành phố, cán bộ tỉnh ông cũng đưa vấn đề ô nhiễm môi trường ra chất vấn, kiến nghị. Khi đó, đại biểu nào cũng chú ý lắng nghe... “như thật”, cũng gật đầu và hứa. Nhưng khổ nỗi, “lời nói gió bay”, sau cuộc họp, sau khi người kiến nghị rất cố gắng bày, đại biểu cấp trên đã ghi nhận thấu tận “tim, gan”, nhưng rồi cuộc lại “đóng dấu đẩy”. Cuộc sống của người dân nơi đây vẫn “tối tăm”, bi đát như trước.

Xí nghiệp ván nhân tạo và chế biến lâm sản Việt Trì là một ví dụ tiêu biểu về sự xuống cấp của các dây chuyền sản xuất. Đồng nghĩa với nó là sự ô nhiễm môi trường của xí nghiệp này sẽ cao hơn trước khi trang thiết bị cũ kỹ, điều kiện xử lý tiếng ồn, bụi, nước thải kém hơn xưa. Hiện nay, tình trạng nhà máy đang trong giai đoạn sản xuất cầm chừng, “thoi thóp” để chờ cổ phần hoá. “Có thực mới vực được đạo”, “không lo được cái ăn, thì lấy tiền đâu ra tiền mà lo chống ô nhiễm” - đó là những câu nói được ông Thanh nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong khi nói chuyện với chúng tôi. Dầu ông Thanh không nói thẳng ra là vấn đề xử lý chất thải của xí nghiệp đã “buông xuôi” thì ai cũng hiểu, trong tình cảnh đời sống của xí nghiệp “ngập ngoài” như vậy thì hơi đâu mà quan tâm đến những việc làm “xa xỉ”, “vứt tiền đi” như thế.



Một đường ống xả nước thải ra sông.

Vi phạm không thể chối cãi

Mới đây, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục triển khai thực hiện một số việc để khắc phục ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Công an và UBND tỉnh Phú Thọ tổ chức kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường đối với 16 cơ sở và chủ đầu tư các khu công nghiệp. Kết quả kiểm tra đã gây “sốc” khi có đến 14/16 có hệ thống xử lý nước thải không đạt tiêu chuẩn Việt Nam cho phép từ 10 lần trở lên, vi phạm các quy định về quản lý chất thải rắn; 15/16 cơ sở có phát sinh chất thải nguy hại. Hàng loạt các cơ sở xả khí thải vượt tiêu chuẩn cho phép hoặc gây ô nhiễm không khí môi trường xung quanh. Tiêu biểu cho những cơ sở có “thành tích” gây ô nhiễm như trên phải kể đến: Công ty Giấy Việt Trì, Xí nghiệp ván dăm nhân tạo và chế biến lâm sản Việt Trì, Công ty Dệt Vĩnh Phú...

Như vậy, qua những gì phản ánh của người dân cùng với kết luận mới đây của Bộ tài nguyên và Môi trường có thể khẳng định rằng: Tình hình ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ do các nhà máy, xí nghiệp gây ra là đặc biệt nghiêm trọng. Theo cảnh báo của một số chuyên gia về y tế, môi trường thì Phú Thọ sẽ không chỉ có một “làng ung thư” như ở Thanh Ba, mà sẽ có nhiều “làng ung thư”, nhiều “phường ung thư” mới xuất hiện nữa. Chẳng nói đâu xa, phường Bến Gót, TP. Việt Trì đầu chưa ai “phong” cho phường này cái tên nghe lạnh cả người ấy, nhưng thực tế mấy năm gần đây người chết về bệnh ung thư đã quá nhiều khiến họ cũng không còn “ngại” để nhận “tên phường mới”!

TP. Việt Trì hiện có gần 250 nghìn người, là một trong những thành phố công nghiệp đầu tiên của đất nước thành lập từ năm 1962. Trong định hướng phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020, TP. Việt Trì được xác định là một trong 11 trung tâm vùng của cả nước, là thành phố lễ hội về với cội nguồn của dân tộc.

Biết mình đang sống trong môi trường bị ô nhiễm, độc hại mà không tự giải thoát cho mình được- đó là một điều bất hạnh, là nỗi đau xót của người dân ở một số điểm bị ô nhiễm nặng trên địa bàn TP. Việt Trì. Biết dân cư của địa phương mình kiến nghị, kêu cứu mà không giúp lại gì cho họ được- đó là một sự thất vọng, bất lực của những cán bộ cấp phường, xã nơi đây. Còn các nhà máy, xí nghiệp đang gây ô nhiễm có lẽ họ đã vô cảm với nỗi khổ của người dân.

Việt Trì: Hy sinh để phát triển?

Vũ Văn Tiến

Với chính sách “mở toang cửa thu hút đầu tư từ hàng chục thập niên trước, một chính sách thông thoáng đến quá mức, TP. Việt Trì đã và đang “bắn súng lục vào hiện tại”, và thảm họa môi trường sẽ là “phát đại bác” mà tương lai dành cho địa phương này. Một thảm họa về môi trường đang tới và rất có thể chỉ vài năm nữa đây sẽ là địa phương ô nhiễm nhất nhì miền Bắc!

Thành phố “ô nhiễm”

Nằm ở nơi gặp gỡ của ba con sông: sông Hồng, sông Đà và sông Lô, thành phố Việt Trì là cửa ngõ phía Tây của Thủ đô Hà Nội. Tốc độ tăng trưởng kinh tế ghi nhận năm 2005 là 18%. Thu nhập bình quân trên



đầu người tăng nhanh, trung bình đạt 500USD/năm. Đô thị hóa là nhân tố của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tuy nhiên quá trình này đã tác động không nhỏ tới môi trường. Và giờ đây, có không ít hộ gia đình đang muốn chạy trốn khỏi mảnh đất này trước nguy cơ bệnh tật đang ập về.

Việt Trì thường xuyên phải hứng chịu cảnh ngập úng bởi tài nguyên đất đô thị đang bị khai thác triệt để phục vụ các công trình trong khi diện tích cây xanh và mặt nước cứ giảm dần. Mỗi khi lâm vào cảnh này, người dân lại chứng kiến thêm cả việc “bơm nước thải ô nhiễm theo mưa” của hàng loạt các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn thành phố. Lợi dụng lúc mưa to gió lớn không ai để ý, họ mặc sức bơm nước thải ra ngoài. Thành thử cứ sau mưa, mùi không khí xung quanh các phường Bến Gót, Bạch Hạc lại hôi thối đến rùng mình.

Tại Việt Trì, sự phân bố chông chéo các cơ sở sản xuất rải rác dọc theo thành phố đang lộ diện rõ nét hơn bao giờ hết, khi mà cả thành phố không có khu xử lý nước thải công nghiệp và sinh hoạt tập trung. Quá trình đô thị hóa trong suốt thời gian qua cũng góp phần khiến các cơ sở sản xuất trở nên lạc lõng trong giữa các vùng dân cư đông đúc, trung tâm của thành phố. Ông

Nhạc Văn Tiến, Bí thư, Chủ tịch HĐND phường Bến Gót bức xúc cho biết: “Các vấn đề cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, như hệ thống cấp thoát nước, thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và không khí chưa được thành phố quan tâm đúng mức. Kỳ họp nào chúng tôi cũng có kiến nghị lên thành phố, UBND tỉnh nhưng kết quả đều rơi vào im lặng...Người dân kêu mãi thì hết hơi, mỗi mồm, đành ở nhà mà chịu ô nhiễm.”



Lấy mẫu nước thải của Công ty Hóa chất Việt Trì đổ thẳng ra sông. (Ảnh: Sở Tài Nguyên và Môi trường Phú Thọ)

Thương thay những dòng sông

”**N**ạn nhân” phải hứng chịu sự ô nhiễm từ thành phố công nghiệp này không chỉ là những người dân sở tại mà cả những vùng dân cư dùng nguồn nước sông Hồng, sông Đà, sông Chảy, sông Bứa,.. khi chảy qua địa phương này. Các đầm, ao, hồ nằm trên địa bàn TP. Việt Trì trở thành những bãi phễu hứng trọn vẹn nguồn nước thải đô thị và công nghiệp của thành phố. Theo thống kê sơ bộ thì chỉ khoảng 3,2% lượng nước thải công nghiệp được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn cho phép ra môi trường.



Nhà máy Pang Rim - 1 trong những nhà máy gây ONMT nặng nhất theo phản ánh của người dân tại phường Bến Gót - TP. Việt Trì, đặc biệt là vấn đề mùi.

Qua phân tích 08 mẫu nước với tần suất 4 lần/năm từ thượng lưu sông Hồng chảy về hạ lưu qua các huyện Hạ Hòa, Thanh Ba, thị xã Phú Thọ, huyện Lâm Thao, Thành phố Việt Trì nơi có các đơn vị sản xuất như Công ty Giấy Lửa Việt cự ly 100m, Công ty Giấy Bãi Bằng, Công ty supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì, công ty Pangrim Noetext, Công ty TNHH Miwon Việt Nam, ... thì đa phần đều vượt tiêu chuẩn cho phép, khiến dòng sông vốn hiền hòa thơ mộng, nay trở nên ô nhiễm, mang mầm mống bệnh tật.

Theo báo cáo Hiện trạng môi trường năm 2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ, hàm lượng ô nhiễm (BOD5, NH4+, -N, DO, COD, TSS...) so sánh với Tiêu chuẩn Việt Nam về chất lượng nước mặt (cột A) TCVN 5942:1995 thì nồng độ các chất ô nhiễm tại các sông lớn (sông Hồng, sông Lô, sông Đà) chảy qua Phú Thọ mấy năm gần đây cao hơn so với những năm trước.

Những đầm, ao “chết”!

Trong khu vực nội thành của TP. Việt Trì và các cụm, khu công nghiệp. Hệ thống các ao, hồ, đầm, kênh, mương là nơi tiếp nhận và vận chuyển nước thải của các khu công nghiệp, khu dân cư. Hiện nay, hệ thống này đều ở tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng, có nhiều chỉ tiêu ô nhiễm vượt quá nhiều lần giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn Việt Nam về chất lượng nước mặt (TCVN 5942:1995). Các đầm, hồ trong thành phố phần lớn ở trạng thái phú dưỡng, nhiều hồ bị phú dưỡng đột biến và tái nhiễm bản hữu cơ.

Đầm Sen thuộc địa phận phường Thanh Miếu “hứng” nước thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn phía Nam Việt Trì như Công ty Dệt Trí Đức, Công ty TNHH Plastic, HTX Phú Cát ... và nước thải sinh hoạt của khu dân cư. Chất lượng nước ở đây ô nhiễm nặng và gây mất cân bằng sinh thái. Nồng độ các chất hữu cơ như COD vượt 1,4 – 2 lần, BOD5 vượt 1,2 – 2,1 lần, chất rắn lơ lửng vượt 1,1 – 1,4 lần, NH4+ vượt 1,6 – 1,8 lần, hàm lượng Coliform vượt 1,1 – 1,2 lần. Tương tự như vậy, Đầm Gia thuộc địa phận phường Tiên Cát và đầm Cẩm Đội thuộc địa phận Khu Công nghiệp Thụy Vân cũng chịu chung số phận.

Hiện nay, hầu hết nước dưới đất tại các vùng công nghiệp, đô thị ở thành phố Việt Trì đều có dấu hiệu ô nhiễm về sắt, NH₄⁺, Coliform, pH nằm ngoài giới hạn cho phép. Đặc biệt, ô nhiễm cục bộ tại một số địa điểm tại thành phố, nồng độ As cao hơn tiêu chuẩn cho phép như: Bạch Hạc, Khu công nghiệp Thụy Vân.



Những “hồ chết”, “đầm chết”, “ao chết” tại Việt Trì. (Ảnh: Sở Tài Nguyên và Môi trường Phú Thọ)

Nhắm mắt dùng liễu

Công tác quản lý khai thác và sử dụng nước sinh hoạt ở TP. Việt Trì hiện nay còn nhiều bất cập, việc khoan giếng tùy tiện, không khảo sát và không thực hiện đúng quy trình đã tạo ra các cửa sổ địa chất thủy văn, làm xâm nhập các chất ô nhiễm vào sâu trong lòng đất gây nguy cơ ô nhiễm nước dưới đất tăng lên. Tại một số vùng xa đường ống nước chung của thành phố, người dân đã đào giếng để lấy nước sinh hoạt. Chất lượng nước ngầm đã bị ô nhiễm bởi nước bề mặt và các công trình vệ sinh tự hoại như khu 4 tại phường Vân Cơ và khu 2 xã Minh Phương, Minh Nông.

Việc khai thác quá mức, thiếu quy hoạch đã làm cho mực nước dưới đất bị hạ thấp, cạn kiệt vào mùa khô. Đến nay trên địa bàn Thành phố Việt Trì có 11 cơ sở sản xuất đang sử dụng nước ngầm phục vụ sản xuất.

Nước ngầm phường Thanh Miếu do chịu tác động một phần của nước thải, khí thải từ các cơ sở sản xuất công nghiệp phía Nam Việt Trì cộng với nước thải sinh hoạt, nồng độ Fe có trong nước dưới đất tại khu phố Thanh Bình đã vượt tiêu chuẩn 1,1 – 1,2 lần.

Ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm đã ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của người dân địa phương. Tại các vùng có nguồn nước ô nhiễm, tỷ lệ dân cư mắc bệnh cao hơn, bệnh nặng hơn các vùng khác. Thường gặp là các bệnh về đường hô hấp, bệnh ngoài da, về mắt, các bệnh liên quan đến thần kinh, bệnh phụ khoa và đường ruột. Đối tượng chiếm tỉ lệ mắc bệnh cao nhất là phụ nữ và trẻ em.

Tình trạng ô nhiễm sông hồ, ao đầm do nhận nước thải chưa qua xử lý cũng là nguyên nhân đang đe dọa hoạt động nuôi trồng thủy sản tại địa phương. Tại đầm Gia, ngày 09/06/2006 đã xảy ra hiện tượng cá chết hàng loạt do nồng độ ôxy hòa tan trong nước đột biến xuống quá thấp (0,4mg/l). Tình trạng này đã góp phần tăng thêm sức ép đối với môi trường sản xuất nông nghiệp của Việt Trì.

Ông Nguyễn Bá Thọ, cán bộ Phòng Quản lý môi trường - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ đã phải thừa nhận với chúng tôi về sự quá tải trong quá trình



Những “hồ chết”, “đầm chết”, “ao chết” tại Việt Trì. (Ảnh: Sở Tài Nguyên và Môi trường Phú Thọ)

thẩm định các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các đơn vị gửi đến. Công việc cứ ngày một tăng theo cấp số nhân, mà biên chế cán bộ thì quá mỏng. Cả phòng quản lý môi trường có 7 cán bộ (trong đó có một cán bộ vừa mới về), suốt ngày chỉ đọc các hồ sơ đánh giá tác động môi trường của các dự án mới đã mệt, còn thời gian đâu mà đi kiểm tra, thanh tra ô nhiễm môi trường.

Trong tình trạng nhốn nháo hiện nay, các cơ sở sản xuất ở TP. Việt Trì thì nhau gây ô nhiễm. Cái sự ô nhiễm ấy mất thường cũng có thể nhận biết được nhưng không hiểu các cơ quan chức năng quản lý về môi trường của tỉnh Phú Thọ lại làm ngơ theo kiểu “mũ ni che tai” như vậy?

Dem những suy nghĩ này trao đổi với một cán bộ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ, chúng tôi chỉ nhận được một lời biện hộ: “Xử lý ô nhiễm môi trường khó lắm đâu phải đơn giản. Để phạt một cơ sở thì phải có các xét nghiệm, thử mẫu chất thải nhưng việc này lại là chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ mà Sở

Khoa học và Công nghệ lại không có trách nhiệm trong quản lý môi trường... Nói chung để xử lý một vụ việc là khó lắm”.

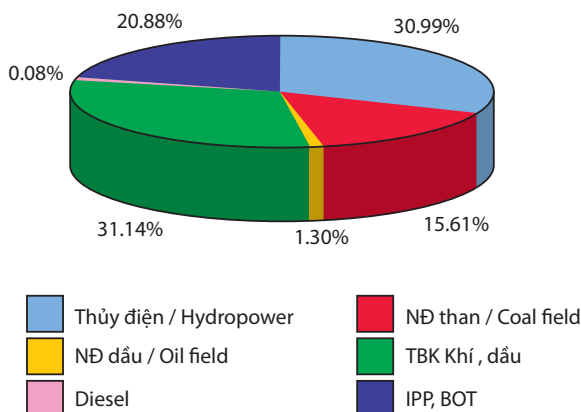
Trước những nguy cơ bệnh tật luôn rình rập, những người dân sinh sống bên cạnh các nhà máy, xí nghiệp ô nhiễm nặng thuộc TP. Việt Trì đang cố vùng vẫy nhưng có vẻ lối thoát duy nhất của họ chỉ còn cách “bán xới” khỏi mảnh đất này. Phận người dân nghèo khó, gia tài bán không có người mua thì “bói” đâu ra tiền để kiếm được “tắc đất cắm dùi” nơi khác. Còn mong cho các nhà máy, xí nghiệp ở đây di chuyển đến các khu công nghiệp tập trung của tỉnh này ư? Xem ra điều đó chỉ có xảy ra ở một tương lai rất xa nào đó mà thôi.

Nói như bà Trâm trưởng Trạm y tế phường Bến Cốt, TP. Việt Trì - bác sỹ Lê Phương Loan thì: “Không có gì là lạ nếu các làng, các phường “ung thư” sẽ xuất hiện ngày càng nhiều tại thành phố công nghiệp này”. Vậy, lãnh đạo TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ có “cảm giác” gì không về những dự báo chính xác mười mươi đó?

Phần II:
Phát triển thủy điện
– Góc nhìn đa chiều

Việt Nam có tiềm năng khá lớn để phát triển thủy điện, với hệ thống thủy vực gồm hơn 2.000 sông suối lớn, nhỏ. Về mặt lý thuyết, thủy điện có thể cung cấp khoảng 308 tỷ Kwh. Trữ năng kỹ thuật thủy điện trên toàn lãnh thổ Việt Nam là 72 tỷ Kwh với công suất từ 10 MW trở lên, có khoảng 360 vị trí lắp đặt máy, tổng công suất 17.500 MW.² Đó là chưa kể đến tiềm năng từ các nhà máy thủy điện công suất nhỏ hơn.

Thủy điện hiện đang chiếm tỷ trọng lớn trong các nguồn sản xuất điện hiện nay. Chiến lược phát triển ngành điện Việt Nam giai đoạn 2006-2015, định hướng đến 2025 cũng xác định ưu tiên phát triển thủy điện, khuyến khích đầu tư cho các nguồn thủy điện nhỏ. Theo kế hoạch, dự kiến đến năm 2020, tổng công suất các nhà máy thủy điện sẽ đạt khoảng 13.000 đến 15.000 MW. Tuy nhiên, theo tính toán của Viện Năng lượng thì tỉ lệ công suất và điện năng của thủy điện về lâu dài sẽ giảm rõ rệt so với các nguồn điện khác. Ước tính đến năm 2025, công suất của thủy điện chỉ chiếm 24,1% (so với 44% năm 2005) và điện năng giảm còn 14,1% (so với 30,8% năm 2005).



Sản lượng điện sản xuất theo nguồn.

Nguồn: Website Tập đoàn Điện lực Việt Nam (www.evn.com.vn). Truy cập 1/9/2008.

Một trong những vấn đề khó khăn và phức tạp nhất đối với các dự án thủy điện là công tác di dân, tái định cư và ổn định cuộc sống cho cộng đồng bị tác động bởi việc xây dựng lòng hồ và cơ sở hạ tầng phát điện, đặc biệt là các cộng đồng dân tộc thiểu số. Đây là vấn đề mà bất kỳ quốc gia nào có phát triển thủy điện đều phải đối mặt. Việc tham vấn chính các cộng đồng bị ảnh hưởng này trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện dự án là cần thiết để đảm bảo quyền lợi của họ và không tạo ra những xung đột lợi ích không đáng có. Chiến lược phát triển thủy điện đưa ra mục tiêu xây dựng đồng thời nhiều dự án trong thời gian khá ngắn là một thách thức lớn. Các bài học thành công về ổn định cuộc

² Tình hình khai thác và sử dụng tài nguyên. Vũ Đức Khánh. Tạp chí Thông tin Khoa học Thống kê. Số 4, 2005.

sống người dân, tạo sinh kế thay thế bền vững đến nay chưa có nhiều. Vấn đề này đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách và các dự án cần cần trọng, học hỏi từ những bài học ở các quốc gia khác, nâng cao năng lực cho các cộng đồng bị ảnh hưởng, hỗ trợ họ một cách hiệu quả và thiết thực để đảm bảo những lợi ích từ phát triển thủy điện cũng phải đến được với chính những cộng đồng tại chỗ.

Các dự án thủy điện được đặt tại các khu vực có độ nhạy cảm sinh thái cao, có khả năng gây ra nhiều thay đổi về môi trường tự nhiên ở diện rộng. Báo cáo khả thi của các dự án thủy điện đều có đánh giá tác động môi trường. Tuy nhiên, chất lượng và tính minh bạch của các báo cáo này là điều đáng quan tâm. Nhiều báo cáo cũng có chỉ ra những vấn đề môi trường nảy sinh từ quá trình xây dựng đập nhưng giải pháp khắc phục và giảm thiểu tác động thường ít có tính cụ thể. Bên cạnh đó, yêu cầu về hệ thống đánh giá, giám sát môi trường thường xuyên trong suốt thời kỳ dự án là chưa rõ ràng.

Theo đánh giá của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam,³ việc phát triển hệ thống thủy điện tạo ra nhiều tác động đến môi trường và tổng thể sử dụng nguồn nước, bao gồm:

- Nguy cơ suy giảm và cạn kiệt nguồn nước do việc chuyển dòng nước, dồn các lưu vực để tạo công suất đủ lớn cho các nhà máy phát điện;
- Mất nước ở hạ lưu các nguồn dùng cho thủy điện, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và nhu cầu nước sinh hoạt của các cộng đồng cuối nguồn;
- Nguy cơ trầm lắng phù sa tại các hồ chứa chưa được khảo sát, đánh giá một cách toàn diện. Bồi tích tại hồ chứa làm mất nguồn phù sa cho vùng hạ lưu.
- Hệ thống hồ chứa gây ra ngập lụt ở diện rộng, thay đổi hệ sinh thái, ảnh hưởng tiêu cực đến đa dạng sinh học, tạo ra biến đổi vi khí hậu trong vùng ngập;
- Nguy cơ động đất kích thích do sự hình thành các hồ chứa là chưa thể đánh giá và dự đoán được.

Các vấn đề về xã hội và môi trường ở các dự án thủy điện nhỏ cần được sự chú ý của các cơ quan hoạch định chính sách và quản lý. Với suất đầu tư thấp và sức ép thu hồi vốn nhanh, các chủ đầu tư sẵn sàng tìm cách bỏ qua các công đoạn, quy trình, yêu cầu để đảm bảo tiến độ dự án. Theo Bộ Công thương, trong năm 2008 sẽ có 39 nhà máy thủy điện nhỏ độc lập (thường gọi tắt là IPP) với tổng công suất hơn 43 MW được đưa vào vận hành.⁴ Đến đầu tháng 04/2008, đã có 217 dự án IPP với công suất gần 4.100 MW được đăng ký bởi các công ty tư nhân, các công ty cổ phần và các tổng công ty lớn. Trên thực tế, đã có một số dự án không tuân thủ đúng yêu cầu đảm bảo các lợi ích môi trường và xã hội, đã gặp phải sự phản đối mạnh mẽ của cộng đồng và chính quyền địa phương. Các dự án thủy điện nhỏ ở Hà Tĩnh được đề cập trong loạt bài viết sau đây là những ví dụ điển hình.

³ Báo cáo đánh giá kế hoạch phát triển điện lực Việt Nam. Liên hiệp các hội KH và KT Việt Nam. 4/2007.

⁴ <http://www.vnanet.vn/TrangChu/VN/tabid/58/itemid/247826/Default.aspx>

Một nguy cơ khác xung quanh vấn đề phát triển thủy điện nhỏ ở at là việc lợi dụng của các chủ đầu tư để chiếm đoạt tài nguyên. Một số dự án thủy điện thực chất là bình phong để nhà đầu tư khai thác lâm sản ở các khu vực rừng nguyên sinh đầu nguồn – vốn được bảo vệ nghiêm ngặt bởi các quy định pháp luật hiện hành. Kế hoạch này hiện đã và đang được lợi dụng. Một số bài viết trong loạt bài về thủy điện của chúng tôi cũng có đề cập đến khía cạnh này.

DÀNH CHO NHÀ BÁO

Thuật ngữ

- IPP: Nhà máy điện độc lập (Independent Power Producers), là các pháp nhân ngoài nhà nước sở hữu các cơ sở sản xuất điện để bán phục vụ người tiêu dùng.
- TSD VI: Tổng sơ đồ điện VI, gọi tắt của bản Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006 – 2015 có xét đến năm 2025.
- Lưu vực: là phần diện tích bề mặt đất khi nước mưa khi rơi xuống sẽ tập trung lại và thoát qua một cửa ra duy nhất. Trên thực tế, lưu vực thường được đề cập đến là lưu vực sông, và toàn bộ lượng nước trên sông sẽ thoát ra cửa sông. Các lưu vực khác nhau được phân tách bởi đường phân thủy (đường chia nước), thường là các dãy núi.

Tài liệu nên đọc

- Quyết định 110/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006 – 2015 có xét đến năm 2025.
- Báo cáo đánh giá kế hoạch phát triển điện lực Việt Nam. Liên hiệp các hội KH và KT Việt Nam. 04/2007.
- Đánh giá tác động chính sách năng lượng hiện hành và phát triển năng lượng Việt Nam trên quan điểm bền vững. PGS. TS. Nguyễn Minh Huệ và Th.S Nguyễn Thị Mai Anh. Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội. 5/2006. (Tài về: <http://tinyurl.com/nangluong>).
- Nghiên cứu tình huống: Điện lực Việt Nam. David Dapice. Chương trình Việt Nam tại trường Đại học Harvard Kennedy. (Tài về: <http://tinyurl.com/dienluc>).

Tham khảo trực tuyến

- Chuyên đề “Thủy điện: Phát triển và đánh đổi”: <http://tinyurl.com/thuydien>
- Website Tập đoàn Điện lực Việt Nam: <http://www.evn.com.vn>
- Trang tin điện tử ngành điện: <http://www.icon.com.vn/>
- Tham khảo về thủy điện trên Wikipedia: <http://tinyurl.com/thamkhao>

Thủy điện ở Hà Tĩnh: Lợi bất cập hại

Phan Đăng Hòe



Một góc dòng sông Hương Đại (huyện Hương Khê, Hà Tĩnh tháng 11/2007) sau khi cơn bão số 2 “đi qua” vào tháng 08/2007.

Miền Trung nói chung và Hà Tĩnh nói riêng là dải đất hẹp, địa hình dốc, phía Đông là biển, phía Tây là dãy Trường Sơn hùng vĩ. Độ dốc vùng Hương Sơn tương ứng với cấp nguy hiểm cao nhất 5/5 (Theo Nghiên cứu của Đại học Quốc gia TPHCM). Nắng lắm, mưa nhiều, địa hình dốc, bị chia cắt mạnh bởi nhiều sông suối nên hàng năm dải đất “thất lưng buộc bụng” này hứng chịu rất nhiều mưa bão và lũ lụt, khủng khiếp nhất là lũ quét! Theo điều 10, Luật Xây dựng (2003), đây là khu vực có nguy cơ lở đất, lũ quét, cấm xây dựng công trình.

Song, không tránh khỏi sức hút của trào lưu phát triển thủy điện vừa và nhỏ đang rầm rộ ở một số địa phương, Hà Tĩnh cũng rậm rạp xúc tiến các dự án của mình. Thủy điện Hương Sơn còn ngổn ngang công trường, Rào An 1, Rào An 2 đã nhăm nhe nổi tiếp, Ngàn Trươi cũng đang chuẩn bị triển khai ... Câu chuyện sẽ giản đơn rất nhiều nếu như các công trình thủy điện hình thành và tồn tại đúng nghĩa của nó, là nguồn cung cấp năng lượng sạch và rẻ, “chỉ làm mất một ít đất rừng” và đem lại “rất nhiều lợi ích” (như các nhà đầu tư vẫn nói). Nhưng đằng sau những công trình ấy còn biết bao điều cần phải xem xét lại. Điều này lý giải vì sao chính quyền và nhân dân xã Sơn Kim lại “phản đối quyết liệt” và có văn bản kiến nghị không nên thực thi các dự án thủy điện (DATĐ).

I Nguy cơ thảm họa môi trường

Thủy điện (TĐ) rất cần thiết, song cái gì cũng có hai mặt. TĐ cung cấp điện năng cho sinh hoạt và phát triển kinh tế, xã hội, song nó có thể gây nên những thảm họa về môi trường, đặc biệt là khi nhà đầu tư chỉ nghĩ đến lợi ích của họ, không xem xét, đánh giá tác

Vùng sỏi cát ven sông này đã từng là một làng thuộc xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.



động môi trường (ĐTM) đầy đủ. Đối với người dân Hà Tĩnh, các DATĐ chưa công khai minh bạch, vẫn là điều bí ẩn, họ không biết rõ những nhà đầu tư là ai? Những công ty cổ phần này của ai? Người ta vẫn thường kháo nhau về ông nọ, bà kia có cổ phần trong các DATĐ...


Hà Tĩnh có các hồ chứa như Kê Gỗ, Sông Rác, TĐ Hương Sơn, TĐ Hồ Hồ (thuộc đất Quảng Bình, giáp ranh huyện Hương Khê, Hà Tĩnh), sắp thi công hồ Ngàn Trươi - Cẩm Trang và có thể thêm TĐ Rào Àn 1

va Rào Àn 2. Với hệ thống hồ có tổng sức chứa hàng tỷ khối nước, nếu xảy ra sự cố vỡ, điều gì sẽ xảy ra đối với Hà Tĩnh?

Anh Nguyễn Khoa Thanh, cán bộ kỹ thuật, BQL Dự án Bồi thường hỗ trợ Tái định cư Công trình Thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang cho biết: “Dung tích hồ Ngàn Trươi 780 triệu mét khối, nếu bị vỡ thì thành phố Hà Tĩnh ngập khoảng 10m”. Những DATĐ “hạng ruồi”, như Hồ Hồ: 10MW, Rào Àn: 16MW, Rào Àn 2: 8,1MW, Ngàn Trươi 10MW chưa biết đem lại những lợi ích lớn lao nào cho cộng đồng, nhưng điều chắc chắn là hàng trăm ha rừng sẽ biến mất vĩnh viễn và nguy cơ lũ quét tăng lên rất cao!

Chính quyền và nhân dân ở xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh cho rằng việc chuẩn bị và phê duyệt DATĐ Hương Sơn có nhiều dấu hiệu vi phạm pháp luật về Bảo vệ môi trường, Bảo vệ rừng, Đất đai, Xây dựng... Quá trình thi công gây ô nhiễm môi trường, nguồn nước, ảnh hưởng sức khỏe và đời sống nhân dân, như san ủi hàng vạn khối đất đá đổ trực tiếp xuống khe suối thượng nguồn sông Ngàn Phố, xâm hại rừng đầu nguồn.

Chính quyền xã và nhân dân không được cơ quan có thẩm quyền, nhà đầu tư cho phép tham gia đầy đủ quá trình chuẩn bị thực thi DA theo quy định của pháp luật. Họ đã gửi kiến nghị lên huyện và các cơ



Tình trạng sạt lở hai bên đường vào công trình thủy điện Hương Sơn là những hình ảnh “quen thuộc” trên suốt cung đường đoàn đi.

quan liên quan, nhưng chưa nhận được phản hồi. Trong văn bản của thường trực HĐND huyện Hương Sơn cho biết có “nhiều ý kiến phản ánh gay gắt về nội dung này” và “đề nghị Tỉnh cân nhắc, xem xét quyết định không nên thi công công trình TĐ Rào Ân”.

Vùng nhạy cảm

DATĐ Hương Sơn, Rào Ân 1 và 2 đều nằm trong rừng phòng hộ đầu nguồn đặc biệt xung yếu, thuộc vùng đệm Vườn quốc gia (VQG) Vũ Quang. Điều đáng lưu ý là những vùng này đều được coi là có “nguy cơ cao”, “rốn lũ quét”! Chưa hết, bên cạnh vùng đệm VQG Vũ Quang còn có DATĐ Hồ Hồ, thuộc xã Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, giáp ranh với huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Nhà máy và đập dâng nước nằm trên đất Quảng Bình, nhưng hồ chứa và vùng xả lũ phần lớn thuộc Hà Tĩnh.

Rừng có khả năng điều tiết nước rất tuyệt vời. Khi mưa, rừng sẽ giữ lại khoảng 80% lượng nước, còn lại chảy về đồng bằng. Nếu mất rừng vai trò ấy sẽ bị đảo ngược, rừng chỉ còn giữ được 20% lượng nước. Mất rừng cũng đồng nghĩa với sự gia tăng nguy cơ hạn hán và lũ quét, đồng thời nước dùng cho TĐ cũng không đủ! Những DATĐ này làm biến mất không ít rừng khi thi công và khi tích nước sẽ làm ngập một diện tích không nhỏ rừng tự nhiên, phá vỡ cân bằng và đa dạng sinh thái. Nếu xảy ra sự cố, những hồ chứa hàng trăm triệu, thậm chí hàng tỷ mét khối nước nằm vắt vẻo trên độ cao nhiều trăm mét bất thần trút xuống, hậu quả sẽ như thế nào? Chắc chắn là hàng triệu dân Hà Tĩnh sẽ làm “tôm cá”!

Còn nhớ trận lũ quét ở Đắc Lắc năm 1990 làm vỡ đồng loạt 4 hồ chứa nước nhỏ ở thượng lưu, kéo theo 4 đập ngăn nước ở hạ lưu, làm chết 22 người, trôi 6 cầu, 30 cống và thiệt hại nhiều tài sản khác ước tính khoảng 3,4 tỷ đồng. Có thể nhà đầu tư nghĩ đơn giản, không phải là vấn đề trước mắt, nhưng nguy cơ và rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.

Hà Tĩnh đã trải qua những đợt hạn hán khốc liệt, như mùa hè 2007 gần 3 tháng liền Hương Khê không có một giọt mưa, cây chè chịu hạn rất tốt cũng bị chết cháy! Nước ngầm đang giảm sút rõ rệt, nhiều địa phương không đủ nước cho sinh hoạt, giếng khoan phải tăng thêm độ sâu, giếng đào tăng thêm cống ...

Lưu lượng nước trên các sông suối cũng giảm sút nghiêm trọng. Chị Nguyễn Thị Hiền ở cạnh suối Nước Sốt, xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn cho biết dòng nước đã giảm đi rất nhiều so với trước, nhất là sau trận lũ quét 2002. Chị Trần Thị Đào, nhà bên cạnh suối Rào Mắc, xã Sơn Kim 1 cũng nhận xét tương tự. Còn ông Trần Quốc Việt, Chủ tịch xã Sơn Kim 1 thì có nhận xét bị quan hơn: “Nguồn nước, lưu lượng đã thay đổi rất nhiều. Khoảng 5 năm về trước, lượng nước của suối Nước Sốt gấp đôi dòng chảy suối Rào Ân, nay thì ngược lại, chỉ bằng một nửa Rào Ân thôi. Hồi đó tui lội qua suối Nước Sốt ngập ngang bụng, nay nước chỉ đến bắp chân. Đây là mùa mưa lũ, nước còn khá, chứ mùa khô thì nước rất yếu, chảy re re mà thôi”.

Mùa mưa lũ ở đây từ tháng 9 đến tháng 11, chiếm 60 – 65% lưu lượng dòng chảy cả năm; tháng 9 và 10 thường có dòng chảy lớn nhất, chiếm 50% lượng dòng chảy

năm. Chúng tôi đến đây đầu tháng 11, lẽ ra nước chảy rất mạnh, nhưng điều đáng buồn là cả suối Nước Sốt lẫn Rào Ân đều rất “hiền hòa”.

Ông Trần Văn Phương, 60 tuổi, ở thôn Quyết Thắng, xã Sơn Kim 2 cho biết: “Nước ngầm giảm nhiều lắm. Trước đây giếng nhà tui sâu 5m mà không khi mò cạn, bị chừ phải đào thêm một cái nữa 80cm nữa mới có dùm”. Giếng nhà ông Việt sâu 7m, năm ngoái phải đào thêm 80cm mới đủ nước sinh hoạt.



Màu xám bạc của đất trống “điểm xuyên” giữa cánh rừng đại ngàn mệnh mông và dòng Nậm Sốt chảy cuộn cuộn. 300ha rừng được chặt đi nhường đất cho công trình thủy điện vẫn đang dang dở.

Rất nhiều nơi đang thiếu nước sinh hoạt và canh tác, trong khi báo cáo ĐTM của Trung tâm Quan trắc & Kỹ thuật Môi trường Hà Tĩnh khẳng định DATĐRàoÂndiều tiết dòng chảy của các dòng suối trong khu vực, từ đó hạn

chế ảnh hưởng của lũ lụt trong mùa mưa, tăng lưu lượng dòng chảy về mùa khô. Nếu tuyệt vời như thế tại sao dân Sơn Kim vẫn lo ngại? Nếu không đúng như nhận định trên thì ai sẽ chịu trách nhiệm với dân Hương Sơn? Nếu UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt báo cáo ĐTM thủy điện Rào Ân thì nhân dân Hương Sơn sẽ có nhiều lý do để lo sợ!

“Phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường”, câu nói đó có vẻ như các nhà đầu tư và quản lý đã thuộc lòng, nhưng e rằng



Gỗ được tận thu từ lòng hồ thủy điện Hương Sơn.

lời nói không đi đôi với việc làm. Các nhà hoạch định chính sách và quản lý nên xem xét kỹ khi quyết định một vấn đề nào đó, phải đặt lợi ích của cộng đồng, của số đông người dân trên lợi ích của một nhóm nhỏ.

TĐ Hương Sơn công suất 30MW, tổng mức đầu tư 537,98 tỷ đồng, dự định xây dựng trong 3 năm, tuổi thọ dự án 75 năm, cung cấp 133 triệu KWh/năm. Đây là DATĐ đầu tiên của Hà Tĩnh, xây dựng đầu nguồn suối Nước Sốt, thuộc xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh. TĐ Hương Sơn được xây dựng ở khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn, được coi là rừng đại ngàn nguyên sinh giàu tài nguyên nhất miền Bắc, gần sát biên giới Việt Lào, cách cửa khẩu quốc tế Cầu Treo 17 km. Nơi đây tỉnh đang có dự định xây dựng khu dự trữ sinh quyển.

Vùng đất này được coi là “rốn lũ quét”, do địa hình hẹp và dốc, chia cắt mạnh, lượng mưa lớn. Theo các nghiên cứu, lượng mưa trên 150mm/ngày có nguy cơ gây lũ quét; lượng mưa ở vùng này trung bình hàng năm 2500mm – 3500mm. Lũ quét tháng 09/2002 có lượng mưa khoảng 750mm, ngày mưa lớn nhất 350mm. Đây thuộc vùng đệm VQG Vũ Quang và Dự án

bảo tồn, phát triển Đa dạng sinh thái Bắc Trường Sơn. Nơi đây được đánh giá rất cao về giá trị đa dạng sinh học, có nhiều loại động, thực vật quý hiếm như sao la, mang lớn, chà và chân nâu, vượn má vàng, pơ mu, hoàng đàn, cẩm lai, thông tre; hơn 10 loài chim và 16 loài bò sát quý hiếm có trong sách Đỏ Việt Nam, có nguy cơ bị tuyệt chủng và rất cần được bảo vệ.

Đường lên thủy điện Hương Sơn, làm xong đến đâu, sạt đến đó



Thiên nhiên phần nộ

Cơ cuồng nộ của “Bố già Thiên nhiên” đã cướp đi nhiều sinh mạng, gây thiệt hại ghê gớm và để lại nỗi kinh hoàng cho nhân dân. Tôi đã tận mắt chứng kiến sự tàn phá khủng khiếp của lũ quét tháng 09/2002. Nhiều người dân Hương Sơn vẫn thất kinh khi nhắc đến cơn lũ lịch sử này. Ông Việt, chủ tịch xã Sơn Kim nói về lũ quét

2002: “Rất là gớm! Nỗi đau vượt quá sức chịu đựng của người dân Sơn Kim!”

Hồi đó Sơn Kim chưa tách làm 2 xã như bây giờ. Tôi gặp ông Việt với vẻ mặt bơ phờ, áo quần sũng nước sau khi lũ đã rút. Lũ cuốn phăng nhiều ngôi nhà ở đội 9 Nước Sốt, làng Tròn, Kim An; cuốn trôi mô mả, chỉ để lại bùn đất và sỏi đá ngoài đường, trong nhà. Cây rừng lao vun vút như mũi tên trên dòng nước đục ngầu sôi sùng sục. Nước đổ như thác, núi lở âm âm. Phố Châu, Sơn Bằng la liệt những cây cổ thụ bị lũ cuốn cả cành lẫn gốc rễ từ rừng về! Quốc lộ 8A từ ngã ba Bãi Vọt (thị xã Hồng Lĩnh) lên cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo sang Lào, năm 1999 được tặng danh hiệu “Con đường đẹp nhất Việt Nam” bị băm nát nhiều đoạn, bùn dày cả thước. Phía trên cầu Nước Sốt cả quả núi đổ sập vùi lấp vĩnh viễn 5 người, đến nay vẫn không tìm được xác! Nhiều cây cầu bị lũ vật trụ lan can.

Tất cả người dân Hương Sơn, Hương Khê, Đức Thọ, thị xã Hồng Lĩnh và Vũ Quang vẫn in đậm dấu ấn kinh hoàng về cơn lũ quét lịch sử này: 77 người chết, hàng trăm người bị thương, 70694 ngôi nhà bị sập, cuốn trôi hoặc hư hỏng nặng. Đê hữu sông Lam bị vỡ 2 đoạn dài 20m, sâu 3m. Hơn 700 tỷ đồng thiệt hại! Thiệt hại về lâu dài thì khó mà ước tính. Như cát và sỏi đá phủ kín dày cả thước hơn 100ha đất canh tác màu mỡ nhất của cánh đồng Khe Sứ. Cánh đồng này là “vựa thóc” của Sơn Kim, nguồn sống chủ yếu của 1.115 hộ, 4.700 nhân khẩu trong toàn xã. Nay hơn 100 ha đất này vẫn là sa mạc! Toàn xã đất canh tác còn 70ha, trong đó 20ha chỉ sản xuất được một vụ, vì thiếu nước. Ông Việt than thở: “Hiện nay mỗi người dân Sơn

Kim 1 chỉ có 100m² đất nông nghiệp, dân thiếu đất sản xuất trầm trọng, không biết mần chi mà ăn!”. Hồi đó Sơn Kim chết 6 người, thiệt hại hơn 4 tỷ đồng, 40 ngôi nhà bị trôi theo dòng nước lũ! Lở đất buộc 39 hộ ở thôn Kim An phải di dời.

Bão số 2 hồi tháng 08/2007 gây lũ lụt và thiệt hại lớn cho Hương Khê, cả Hà Tĩnh thiệt hại khoảng 700 tỷ. Tiếp theo là bão số 5 thiệt hại khoảng 350 tỷ đồng trong khi tổng thu ngân sách của Hà Tĩnh khoảng 500 tỷ đồng/năm. Hạn hán, lũ lụt ngày càng gia tăng và tàn khốc hơn. Bức tranh về thiên tai ngày càng ảm đạm.

TĐ Hồ Hồ đang dang dở, nước lũ cuốn phăng cả đoạn đường dài phía dưới đập, cuốn trôi mất tích một cỗ máy ủi! Nó còn mở một dòng chảy mới ngay phía dưới đập nước. Hương Khê chìm trong biển nước, trụ sở UBND huyện ngập đến mặt bàn. Chỉ mới cách đó ít ngày đồng ruộng còn khát, những đôi chè khô cháy!

Công trình thủy điện Hương Sơn nhiều năm trôi qua vẫn còn dang dở.





II

Đánh giá ĐTM thiếu chính xác

Đ i trên quốc lộ 8A, qua cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo sang Lào khoảng 10km, nhìn bên phía tay phải sẽ thấy một nhà máy TĐ hoang tàn, “chết tươi” sau lũ quét 2002. Những nhà làm TĐ đã tìm hiểu xem công trình này do lũ quét phá hủy hay không có nước để hoạt động? Nhà máy TĐ này chỉ cách TĐ Hương Sơn, Rào Ân 1 và Rào Ân 2 không quá 10km theo đường chim bay! Người Lào cho biết nhà máy thủy điện này do Công chúa Thái Lan giúp xây dựng để cung cấp điện cho Cửa khẩu Nậm Phao và thị trấn Lạc Xao, tỉnh Bolikhamxay. Những nhà đầu tư làm TĐ nếu nhìn thấy hẳn phải suy nghĩ. Người

ta đã không đánh giá chính xác và lường trước được những hiểm họa có thể xảy ra cho công trình và môi trường nên mới gặp tình cảnh đó.

Khi khảo sát, đánh giá để lập dự án, theo Công ty cổ phần Thủy điện Hương Sơn, diện tích đất cần huy động là 105ha, nhưng đến thời điểm hiện nay, theo ông Nguyễn Minh Đăng, phó chủ tịch huyện Hương Sơn, con số rừng bị mất là 225ha; còn theo ông Việt chủ tịch xã Sơn Kim 1 là “gần 300ha và chưa dừng lại ở con số đó”!

Ông Đăng nói: “Lúc đầu nhân dân Hương Sơn rất hào hứng với dự án này, với hy

vọng cuộc sống sẽ tốt hơn, kinh tế xã hội phát triển. Họ nói khởi công xây dựng 3 năm, đến cuối năm 2006 là phát điện. Nhưng mới đây đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đi giám sát báo cáo với cử tri là mới được khoảng 50% công việc, do địa hình phức tạp, đèo dốc và thời tiết không thuận lợi, không lường được những yếu tố khó khăn trở ngại trong quá trình thi công”.

Tổng diện tích cho công trình theo dự kiến ban đầu là 1.050.000m², tháng 04/2007 đề nghị cấp bổ sung thêm 1.112.100m². Như vậy, tổng diện tích đất dự án sử dụng là 2.162.100m². Con số đó đã chính xác và dừng lại hay chưa?

Báo cáo ĐTM của Viện Khoa học Thủy lợi, tháng 03/2004, nói thời gian thi công ngắn, chỉ 1 – 2 năm, nên tác động tiêu cực đến môi trường là không đáng kể. Đến nay đã gần 4 năm chưa hoàn thành được ½ khối lượng công việc, và chưa biết khi nào mới hoàn tất việc xây dựng! Vậy tính chính xác của các dự báo thể hiện trong hồ sơ về TĐ Hương Sơn có đáng tin cậy?

Tận mắt nhìn thấy công trường còn ngổn ngang, đường sá bị sạt lở hàng chục chỗ, đập tràn mới đổ xong móng; còn các hạng mục khác thì vẫn chưa thấy gì rõ ràng. Bạt núi mở đường làm sạt lở, đất đá bên taluy dương được đổ sang taluy âm, khiến cây rừng chết. Con đường từ Trung tâm Điều độ đến đập tràn gần 30km chưa hề được trải nhựa, ngổn ngang đất đá và bùn lầy, nguy cơ bị sạt lở rất lớn. Ông Việt tỏ ra rất bi quan: “Như lời họ nói thì đến bây giờ đã phát điện, nhưng thi công mấy năm mới

đổ được cái móng như sân chơi! Rừng bị phá, đường thì mưa là sạt lở, hốt đi mưa lại sạt lở. Sạt lở cả mảng, có khi cả mái rú chứ không phải ít đâu!”.

Báo cáo ĐTM tháng 03/2004 của dự án không có phần “Tham vấn ý kiến cộng đồng”, còn báo cáo ĐTM bổ sung tháng 04/2007 mục “Tham vấn ý kiến cộng đồng” ghi rõ: “Cam kết rằng các số liệu cung cấp trong báo cáo ĐTM bổ sung của DATĐ Hương Sơn có tính chính xác cao” nhưng đọc kỹ các tài liệu liên quan đến dự án này thấy có rất nhiều vấn đề.

Về địa danh hành chính đã thấy chưa chính xác. Trên bản ĐTM, DATĐ Rào An 1 và Rào An 2 sẽ thực hiện trên suối Giao An, phía bên trái cầu Nước Sốt trong khi hai xã Sơn Kim 1 và Sơn Kim 2 đều không có suối Giao An, mà chỉ có suối Rào An. “Có lẽ họ ngồi ở đâu đó viết chứ không đi thực địa! Như rúa thì báo cáo ĐTM của họ có đáng tin không? Sống ở đây từ nhỏ, đọc hồ sơ của Công ty Cổ phần Thủy điện Giao An tui tìm không ra cái tên Giao An. Tui nói với họ ở đây chỉ có Rào An, còn nếu các anh nói Giao An thì là các anh nói ở mô đó, chứ Sơn Kim 1 và Sơn Kim 2 không hề có cái tên Giao An mô hết! Địa danh đó không có trên đất chúng tôi. Họ ngồi ở mô đó viết, chứ có biết gì đến thực địa!” – Ông Việt nói tiếp.

Ông Nguyễn Minh Đăng, phó chủ tịch huyện Hương Sơn cho biết: “TĐ Hương Sơn khảo sát đánh giá không đầy đủ. Chưa có tổ chức hay nhà khoa học nào xem xét, đánh giá ĐTM và lợi hại TĐ Hương Sơn”.

Khu TĐC Nước Lang, xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn, Quảng Nam (Khu TĐC của công trình thủy điện Đăk Mi 4) - Rừng không những bị phá để làm thủy điện mà rừng còn bị phá để xây dựng các khu dân cư mới.



Nhà đầu tư cam kết bảo vệ môi trường khi thi công. Nhưng theo ông Việt: “họ đào đất, bạt núi bên ni đổ sang bên tê chứ không phải chở đất đi đổ nơi khác”!

Hội đồng Thẩm định Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh phê duyệt báo cáo ĐTM này. Câu hỏi của dân Hương Sơn là cơ quan nào chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát chất lượng môi trường và ai chịu trách nhiệm nếu môi trường bị tàn phá và gây nên thảm họa?

Không đồng tình

Nhà đầu tư quan tâm đến lợi nhuận, còn dân và chính quyền địa phương thì lại quan tâm đến môi trường bị tàn phá. Đây là xung đột giữa cộng đồng lớn và một nhóm lợi ích nhỏ.

Nếu “Công trình TĐ Hương Sơn có ưu điểm nổi bật là hầu như tác động tiêu cực về hoạt động kinh tế rất ít không đáng kể

chỉ mất một ít đất rừng, trong khi đó cái được thì rất nhiều” như Báo cáo ĐTM của TĐ Hương Sơn viết, thì tại sao dân và chính quyền xã Sơn Kim 1 lại phản đối gay gắt? Chủ đầu tư cho rằng mục tiêu kinh tế kỹ thuật của dự án nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu cần thiết về điện năng phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thương mại, du lịch ... trên địa bàn huyện Hương Sơn. Báo cáo ĐTM tháng 03/2004 của Viện Khoa học Thủy lợi có đoạn: “Tác động của công trình còn là điều tiết dòng chảy ở hạ du về mùa khô, nuôi trồng thủy sản, giải quyết việc làm, cải thiện và phục hồi điều kiện vi khí hậu và tạo cảnh quan môi trường phục vụ cho tua du lịch sinh thái”. Mục tiêu tốt đẹp như thế tại sao dân không vui lòng đón nhận?

Dân và chính quyền địa phương có lý do để lo ngại. Ông Việt gay gắt “Chúng tôi chẳng có hồ sơ gì về TĐ Hương Sơn. Lúc đầu họ nói chỉ mất 105 ha rừng, giờ không phải 200ha mà thực tế phải gần 300ha rồi!

Tác động mô thì không biết, chứ dòng sông nước đục ngầu. Từ khi khởi công TĐ đến nay người dân Hương Sơn phải chịu cảnh nước đục. Dân phản đối kịch liệt khi đồng chí phó Chủ tịch HĐND về tiếp xúc với cử tri. Họ không đồng tình vì cánh rừng đại ngàn bên phải cầu Nước Sốt là TĐ Hương Sơn, nay bên trái cầu Nước Sốt cũng là khu rừng nguyên sinh khác lại dự định xây thêm TĐ Rào Àn 1 và Rào Àn 2. Cái chi chứ phòng chống lũ quét chắc là không đảm bảo được nữa. Khu rừng 10.000ha đã đưa vào diện rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu, và cũng đã có kế hoạch đưa khu vực này thành khu dự trữ sinh quyển của thế giới. Lòng hồ TĐ là rừng đại ngàn nguyên sinh. Còn một chút rừng nữa mà chúng ta phá là hết. Họ nói thi công 2 năm, nhưng bây giờ gần 4 năm chưa được một nửa. E rằng 5 năm nữa cũng chưa phát điện được. Họ nói làm đường không xả đất đá xuống sông suối, phải bảo vệ rừng. Nhưng khi làm đường thì xúc bên ni đổ bên tê. Về nguyên tắc là làm đường phải xúc đất đá đổ nơi khác, nhưng họ đổ xuống sông suối. Làm đục nước, tắc nghẽn suối, tạo thành những cái đập nước tạm thời như thế gây nguy cơ lũ quét. Mở đường thì phải phá rừng. Xây dựng đường dây 110KV cũng phải phá rừng. Đào đường làm cây cối chết hết! Nhìn lũ quét cuốn cát và đá vùi lấp hơn 100ha đất nông nghiệp mới thấy rất là khủng khiếp”!

Người ta lo ngại khi mở đường làm TĐ, sẽ rất thuận lợi cho lâm tặc chặt phá, vận chuyển gỗ và săn bắt động vật. Đây là nguy

cơ làm suy thoái và phá vỡ đa dạng sinh học. “TĐ cũng cần, điện cũng cần, nhưng 2 nhà máy TĐ Rào Àn 9MW và 12 MW có bằng nguồn lợi cả cánh rừng mang lại cho chúng ta không? Có bằng một trận lũ quét tiêu tan hàng trăm tỷ đồng không? Công trình đó đem lại cho xã hội lợi ích gì, giải quyết công ăn việc làm ra sao? Chúng tôi không nghe nói gì về phân chia lợi ích để thông báo cho dân biết. Để cánh rừng đó cho mục đích khác, bảo vệ môi trường, tốt hơn là làm TĐ” – ông Việt kết luận.

Người dân ít được học hành vẫn biết rõ thế nào là hiểm họa của lũ quét. Họ nói những đập nước tạm thời trên sông suối sẽ bị vỡ khi dòng nước đạt đến ngưỡng nào đó, rồi đổ xuống và gây vỡ các đập khác theo hiệu ứng domino, tạo thành cơn lũ quét. Như lũ quét ở thị xã Lai Châu năm 1990, do sạt lở lấp dòng chảy tạo hồ chứa tạm thời, chỉ với lượng mưa 223mm, đã tạo ra cơn lũ quét cuốn phăng toàn bộ phần thấp nhất của thị xã, làm chết 104 người, bị thương 200 người, hư hỏng 14.300m² nhà, vùi lấp 300ha đất nông nghiệp. Thiệt hại tính theo thời điểm năm 1990 là 22 tỷ đồng. Rồi lũ quét tại thị trấn Mường Lay, Lai Châu năm 1994, cũng do đất đá trượt lở xuống lòng sông suối, chặn dòng chảy tạo thành đập nước tạm thời, quét đi một phần thị trấn, làm thiệt mạng 17 người, bị thương 34 người.

Một số người dân Sơn Kim 1 và Sơn Kim 2 nói “Những người có tiền góp cổ phần đầu tư xây dựng TĐ ở đây chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế của họ mà thôi. Họ

phân tích theo giá trị kinh tế, nhưng chúng tôi không tính theo cái đó, chúng tôi quan tâm đến rừng bị phá, môi trường bị hủy hoại. Họ ở đâu đến đây, chắc chắn trước hết vì lợi ích của họ, chứ không phải vì lợi ích của dân Hương Sơn. Nếu những nhà đầu tư có nhà cửa vợ con, mồ mã cha mẹ ở đây, họ có dám làm TĐ vùng này không?”.

Theo ông Lê Công Lương, phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Hà Tĩnh, thì dân và chính quyền xã không đồng tình, có văn bản gửi cấp trên và các ngành hữu quan. Ông Lương nói không chỉ TĐ Hương Sơn mà cả TĐ Rào Àn 1 và Rào Àn 2, Ngàn Trươi cũng thế, phải thận trọng sau các thảm họa. Tăng nguồn cung cấp điện và phát triển kinh tế xã hội là cần thiết, nhưng phải bảo đảm sinh thái bền vững và tránh thảm họa xảy ra. Tiến độ xây dựng TĐ Hương Sơn quá chậm, gây xói mòn và sạt lở đất. Mở rộng thêm lòng hồ so với dự tính ban đầu sẽ khác đánh giá ảnh hưởng ban đầu.

Ông Việt rất bức xúc: “TĐ Hương Sơn đang dở dang, kéo dài, nay lại dự định làm TĐ Rào Àn 1 và 2. Vô TĐ Hương Sơn mới thấy cảnh tan hoang. Tác hại và ảnh hưởng đến môi trường hết sức nguy hiểm. Rủi ro mà bể hai cái đập TĐ hai bên cầu Nước Sốt thì hạ lưu Hương Sơn rất nguy hiểm!”.

Người dân nơi đây rất sợ lũ quét. Nguyên vọng của họ muốn giữ lại cánh rừng đó, thứ nhất là để phòng chống lũ quét, thứ hai là làm lá phổi xanh, thứ ba là để điều tiết nguồn nước. Bản thân dân Sơn Kim từng là dân chặt gỗ mà họ còn ý thức được

việc phải bảo vệ rừng. Họ không muốn phá rừng làm TĐ.

Mặc dù vậy, trong báo cáo ĐTM bổ sung của TĐ Hương Sơn tháng 04/2007 vẫn ghi rõ ý kiến của UBND xã Sơn Kim 1 là: “Chúng tôi hoàn toàn đồng tình cao về việc quy hoạch xây dựng nhà máy TĐ tại địa bàn xã”! Điều này cho thấy tính chính xác của báo cáo ĐTM đáng tin cậy như thế nào!

Ông Việt cho biết “DATĐ Hương Sơn đã xâm hại và đang tiếp tục đe dọa xâm hại tới lợi ích của cộng đồng dân cư. Nhiều người muốn khởi kiện ra tòa”.

Báo cáo ĐTM mà chúng tôi có, ghi tháng 03/2004; báo cáo ĐTM bổ sung tháng 04/2007. Theo ông Việt và Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao (CHESH) thì TĐ Hương Sơn bắt đầu thi công năm 2002. Nghĩa là tiền trạm hậu tẩu trước 2 năm!.

Có lẽ báo cáo ĐTM chỉ làm hài lòng nhà đầu tư và người phê duyệt DA. Chẳng lẽ một cơ quan được thuê ĐTM lại không làm vui lòng người bỏ tiền ra thuê?

Nếu DATĐ Rào Àn 1 và Rào Àn 2 được phê duyệt và thi công, thì bức tranh về môi trường ở Hương Sơn và cả Hà Tĩnh sẽ trở nên ảm đạm hơn. Liệu lần này người ta có phớt lờ ý kiến của chính quyền địa phương và nhân dân? Đọc kỹ sẽ thấy các báo cáo ĐMT na ná như nhau, phần khác nhau chỉ là những con số, ngôi một chỗ cũng có thể viết được, đáng ngạc nhiên là không biết tại sao vẫn được “phê duyệt”.



Công trình thủy điện Hồ Hô, tỉnh Quảng Bình
- những ngày sau lũ quét tháng 08/2007.
(Ảnh chụp vào tháng 11/2007)

III Lời cảnh báo

Mất rừng và thảm thực vật, mất tầng đất ngầm nước, nước ngầm giảm sút, nắng nóng khiến nước bốc hơi mạnh hơn, khí hậu đang thay đổi, thiên tai ngày càng nhiều và khốc liệt hơn. Các nhà khoa học và chuyên gia về môi trường đã khẳng định “Khí hậu bất thường 90% là do con người gây ra”. Người ta cảnh báo nguy cơ lũ lụt, hạn hán, thiếu nước mà hàng tỷ người sẽ phải đối mặt trong tương lai.

Khi tôi đặt chân đến Đà Lạt đầu thập kỷ 90 của thế kỷ trước, thông reo vi vu và những cánh rừng rất đẹp. Khí hậu thật tuyệt vời, một ngày có 4 mùa rõ rệt – sáng Xuân, trưa Hạ, chiều Thu và tối là Đông, lãng mạn vô cùng. Sau đó người ta “làm thịt” đồi Cù, chặt thông để làm sân golf; đào tung Hòn Bô tìm quặng thiếc ... Bây giờ xứ sương mù khí hậu đã thay đổi rất nhiều, dĩ nhiên là tồi tệ hơn trước.

Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc - Ban Ki Moon vừa tới thăm Bắc Cực, nhằm thu hút sự chú ý về các vấn đề môi trường của thế giới và nói môi trường đang là vấn đề khẩn cấp. Ông Ban Ki Moon cũng sẽ là chủ tọa một hội nghị về khí hậu tại Bali, Indonesia vào tháng 12/2007.

Trong những năm gần đây, chúng ta đã chứng kiến những mùa đông ấm áp và những mùa hè đốt lửa, hạn hán khốc liệt trên diện rộng. Mùa hè năm 2006 hạn hán và thiếu nước nghiêm trọng, đến mùa đông thì ấm áp bất thường. Đầu năm 2007 đã có nắng nóng gay gắt, đến mùa hè vừa qua thì khô hạn, cây chè rất chịu hạn, thế mà những đồi chè ở Hương Khê cũng bị òng mặt trời đốt cháy. Nắng nóng, khô hạn gay gắt, thiếu nước trầm trọng. Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng

Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, cho tới Bắc Giang... đều thiếu nước nghiêm trọng. Nhiều sông suối và ao hồ cạn kiệt, trở cả đáy, trẻ em đá bóng trong lòng hồ. Mùa hè vừa qua có nơi như ở huyện Kỳ Anh, Nghi Xuân, Thạch Hà (tỉnh Hà Tĩnh) giá nước sinh hoạt lên đến 20.000 - 40.000 đồng /m³! Tây Nguyên cũng khô hạn ghê gớm, nước ngầm cạn kiệt, cây cà phê không đủ nước tưới; đồng bằng sông Cửu Long cũng khô hạn, nhiễm mặn. Hạn hán chưa chấm dứt thì lũ lụt liên tục trút xuống, ở miền Bắc và miền Trung thì lũ, triều cường ở T.P Hồ Chí Minh.

Những hệ lụy này chủ yếu do bàn tay con người gây nên. Người ta đã lạm dụng, làm cạn kiệt nguồn nước, gây hạn hán và thiếu nước ngày càng khốc liệt, sau đó là lũ lụt. Miền Trung và Tây Nguyên mấy năm gần đây hết đời mặt với hạn hán lại đến mưa lũ khủng khiếp. Những ngày này, miền Trung đang liên tiếp hứng chịu những đợt lũ chồng lũ, bốn cơn lũ lớn trong thời gian chưa đầy một tháng, gây thiệt hại nặng nề.

Năm 2006 và 2007 chúng ta đã chứng kiến những đợt hạn hán khốc liệt, làm thiếu nước nghiêm trọng cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và phát điện. Mực nước các sông xuống đến mức thấp nhất, hàng trăm ngàn ha lúa bị khô cháy, sông Hồng cạn dòng có thể lội qua, tàu bè mắc cạn, có những dòng sông trở cả đáy...

Chúng ta không nên nghĩ rằng chỉ mất “một ít” rừng thì không sao. Suy nghĩ như

thế rất nguy hiểm. Bài học từ Lào khiến chúng ta không thể không suy nghĩ. Cách đây hơn 10 năm, người ta đổ xô sang Lào để khai thác và mua bán gỗ. Năm 1993, khi tôi qua Lào lần đầu thì đất nước này còn rất nhiều cánh rừng nguyên sinh tuyệt đẹp. Đến năm 2002, những cánh rừng bạt ngàn đó chỉ còn rất ít ở những nơi xa xôi, khó mở đường khai thác và còn phi hoạt động. Lúc đó cánh rừng vùng Thà Viêng, đặc khu Xay Xổm Bun là vẫn chưa có dấu chân người. Nhưng chỉ không đầy 2 năm sau, người ta đã khai thác cạn kiệt. Hầu như lúc đó nhiều người Lào nghĩ chặt “một ít” cây rừng không ảnh hưởng gì. Còn những người buôn gỗ, làm tặc thì không bao giờ bận tâm điều gì, ngoài túi tiền nặng trĩu mà họ thu được. Người Việt, Malaysia, Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan... ùn ùn đến Lào mua gỗ, xưởng xẻ gỗ đặt ngay bìa rừng, hàng đoàn xe nối đuôi nhau chở đầy gỗ rời nước Lào, và túi tiền của họ lại nặng trĩu hơn. Đến bây giờ đường như người Lào bưng tỉnh, thì rừng đã cạn kiệt, khí hậu thay đổi và họ phải hứng chịu những hậu quả rất đáng buồn.

Mùa khô vừa qua người Lào bị thiếu nước nghiêm trọng. Rất khó khăn mới có nước cho lễ hội Bun Hốt Nặm (Tết Xối Nước vào ngày 15/04 hàng năm). Tôi nghỉ ở khách sạn Xềng Ta Vần, thị xã Phonsavan, tỉnh Xiêng Khoảng vào đầu tháng 4. Mỗi phòng chỉ được phát một xô nước. Ông chủ khách sạn than vãn: “Khó khăn còn hơn một tháng nữa. Tết Xối Nước không biết lấy gì mà xối đây”. Ngày Tết Xối Nước,

từ trong rừng ra phố không có nước, tôi nghĩ ra một cách để gọi đầu: đắp nước lên tóc đủ ướt, xoa dầu gội và cứ để thế đi ra phố cho thiên hạ xối nước. Người Lào tin rằng ai xối nước được nhiều sẽ gặp may mắn. Nhưng vì thiếu nước nên người ta xối rất tiết kiệm, không đủ để gội sạch đầu. Một bà cụ lom khom đứng trước nhà, xin tôi cúi xuống cho cụ xối nước lên đầu. Chỉ được một gáo nhỏ mà thôi. Tôi xin cụ xối thật nhiều vào, cụ cười nói: “Mất nậm leo” (hết nước rồi)!

Thời tiết nóng lên rất nhiều. Phonsavan, thủ phủ tỉnh Xiêng Khoảng, có khí hậu như Sa Pa và Đà Lạt của Việt Nam. Anh Khonsavan nhà cạnh Bưu điện kêu: “Nóng quá. Rừng mất hết rồi, trời nóng lại thiếu nước!”.

Bà Nguyễn Thị Quế, 57 tuổi, Việt Kiều sinh sống ở Xiêng Khoảng từ nhỏ cho biết: “Hơn 10 năm trước, khí hậu ở đây rất lạnh, khi nào cũng phải đắp chăn, kể cả buổi trưa mùa hè; còn mùa đông thì nhiều khi nước đóng băng, thỉnh thoảng có tuyết rơi. Nhưng khoảng 8 năm trở lại đây thì thời tiết đã thay đổi nhiều, nhất là từ năm 2003, không hề có tuyết, không còn nước đóng băng. Mùa hè rất nóng, phải dùng quạt điện, trước đây Phonsavan không hề bán quạt, bây giờ bán đầy phố. Nước sinh hoạt thì càng ngày càng khó khăn do nước suối trong rừng cạn hết”.

Nếu ai đó nói khi có TĐ sẽ cải thiện, điều hòa nguồn nước và làm cho khí hậu mát

mẻ hơn, thì nhầm to. Vào TĐ Long Xán, cách Pắc Xan khoảng 70km, từ Viêng Chăn đi Bolikhamxay rẽ ở ngã ba Thà Bốc, bạn sẽ thấy khí hậu không dễ chịu chút nào, nhất là sau khi TĐ được xây dựng. Hỏi những cụ già sống ở đây từ nhỏ, họ đều trả lời: “Hon, hon lăi” (nóng, nóng nhiều). Báo cáo ĐTM của TĐ Hương Sơn có viết: “Do có hồ chứa nên tiểu khí hậu vùng được cải thiện rất nhiều nhờ môi trường trong sạch nên so với khi chưa có công trình nhìn chung về điều kiện khí hậu tốt hơn nhiều so với trước”.

Nếu bạn vào TĐ Trị An ở Đồng Nai hỏi dân sống trong vùng, họ sẽ cho bạn biết khí hậu tốt hơn hay tệ hơn sau khi làm TĐ. Ở Ấp 2, Hiếu Liêm, Mã Đà cho tới La Ngà, tôi chưa gặp ai nói là khí hậu tốt hơn sau khi xây dựng TĐ Trị An. Báo cáo ĐTM của TĐ Hương Sơn còn nói sau khi thực hiện DA hầu như chỉ có tác động tích cực đến môi trường và kinh tế xã hội, như nước ngầm tăng, tiểu khí hậu tốt hơn, v.v... là điều khiến dân Sơn Kim 1 và ông chủ tịch xã ngạc nhiên. Ông Việt cho hay: “Khi họp với Giám đốc TĐ Hương Sơn ở huyện, tôi nói rằng rừng bị phá rồi sẽ không đủ nước mà chạy máy. Ông ta bảo thiếu nước thì ngày tích nước, đêm chạy máy”.

Ngành điện đã thiệt hại hàng trăm tỷ đồng vì thiếu nước chạy máy phát điện trong 2 năm vừa qua chắc hiểu rõ điều đó hơn ai hết!



Lời cảnh báo

Thiếu ý thức bảo vệ rừng và lạm dụng cạn kiệt nguồn nước là thách thức lớn đối với các giá trị đa dạng sinh học và thay đổi khí hậu, gây ra những hậu quả tồi tệ cho môi trường sống của chúng ta. Đã đến lúc phải gióng lên hồi chuông cảnh báo để ngăn chặn thảm họa có thể xảy ra trong tương lai gần.

Ai cũng biết điện rất cần thiết cho cuộc sống. Việc xây dựng các nhà máy TĐ chỉ đem lại những lợi ích như các nhà đầu tư nói, thì chẳng có vấn đề gì khiến người dân và các chuyên gia về môi trường phải lo ngại.

Theo Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái nhân văn vùng cao (CHESH), các DATĐ ở Hương Sơn có thể mang lại hiệu quả kinh tế trước mắt, nhưng về lâu dài không thể bù đắp được những thiệt hại về giá trị của môi trường tự nhiên, hậu quả về kinh tế xã hội không những cho cộng đồng dân cư huyện Hương Sơn mà còn ảnh hưởng đến cả vùng dân cư rộng lớn của các huyện hạ lưu sông Ngàn Phố.

Mặc dù chính quyền địa phương và nhân dân xã Sơn Kim 1, Sơn Kim 2 không đồng tình, phản đối quyết liệt, cho rằng xây dựng TĐ Rào Ân 1 và Rào Ân 2 là không có lợi, phá hủy tài nguyên rừng, đề nghị cơ quan thẩm quyền không phê duyệt DA, nhưng ý kiến và mong muốn của họ có được xem xét?

Trước khi ký quyết định khai tử một cây xanh hay cả cánh rừng, xin hãy nhớ rằng môi trường bị phá hủy, thảm thực vật bị mất, đa dạng sinh học bị sụp đổ, sẽ khiến con người phải đối mặt với nhiều hậu quả tồi tệ. Và chúng ta nên nhớ rằng bảo vệ môi trường không phải chỉ là trách nhiệm của riêng ai, mà là của tất cả mọi người, của toàn xã hội. Mỗi người nên có ý thức tiết kiệm, giảm sử dụng năng lượng và bảo vệ môi trường từ những việc làm nhỏ nhất, bằng cách giảm bớt các thiết bị điện, bớt dùng xe máy, ô tô, máy lạnh... Ngành điện luôn kêu gọi mọi người tiết kiệm điện, trong khi đó đèn đường ở những vùng sâu vùng xa như Hắc Dịch, Châu Pha, Tóc Tiên huyện Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu vẫn sáng suốt ngày đêm trong mùa khô thiếu điện! Không lo xa ắt phải buồn gần! Chúng ta đang khai thác cạn kiệt nguồn lực có hạn!

Hà Tĩnh:

Thủy điện nhỏ - hiểm họa lớn

Thúy Bình



**1ha rừng đầu nguồn =
10ha rừng hạ lưu**

Khi người dân miền Trung lo lắng theo dõi thông tin về những trận lũ lớn đổ về quê hương, người dân Hà Tĩnh vùng biên giới giáp Lào còn có thêm một mối trăn trở khác: điều gì sẽ xảy ra nếu có thêm nhà máy thủy điện khởi công xây dựng tại địa phương? Hiện nay, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh có nhà máy thủy điện Hương Sơn đang thi công và dự kiến có thể khởi công thêm nhà máy thủy điện Rào Àn 1, Rào Àn 2. Ba nhà máy dự định xây dựng dọc theo suối Rào Àn.

Người đàn ông tóc bạc, gầy yếu Trần Văn Phượng từng sống ở xóm Vũng Tròn, xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn cách đây 5 năm. Thế nhưng chỉ một trận lũ quét vào tháng 09/2002, cả xóm ông biến mất. Từ đó, người đàn ông 60 tuổi vĩnh viễn mất nhà và phải chuyển toàn bộ gia đình đến nơi ở mới - xóm Quyết Thắng sinh sống.

Không chỉ xóa sổ một xóm, trận lũ khủng khiếp nhất trong trí nhớ của những người cao tuổi ở xã Sơn Kim 1 và Sơn Kim 2 còn tạo dòng chảy mới và vết sạch lớp đất màu nông nghiệp ven sông. Người đàn

ông có đôi mắt hiền, thông thả tâm sự với chúng tôi: “Trước đây, bên sông Ngàn Phố có khoảng 100 ha đất sản xuất của nhà tôi và hơn 200 hộ khác. Vậy mà, chỉ qua một đêm lũ, đất của chúng tôi phủ đầy cát trắng, gỗ tạp và đá tảng”.

Hơn 5 năm sau, bên sông Ngàn Phố, cát vẫn trắng đục, đá vẫn nằm la liệt, cỏ xanh vẫn lơ thơ. Đứng trên con đường chia đôi hai bờ cát, ông Trần Quốc Việt, chủ tịch UBND xã Sơn Kim 1, nhíu mày ưu tư nói: “Hiện nhà máy thủy điện Hương Sơn mới đang xây mà đã phá mấy trăm ha đất rừng. Giờ mà xây thêm hai nhà máy thì còn biết bao rừng bị phá. Rừng là kho giữ nước, mất kho rồi lũ về e là còn nặng hơn lũ năm 2002. Và mọi thứ có thể tồi tệ hơn chỗ tôi đứng bây giờ”.

Những lo lắng của ông Việt hoàn toàn có cơ sở. Theo cuộc họp lãnh đạo các ban ngành Hương Sơn ngày 17/09/2007, công trình thủy điện Hương Sơn dự kiến khai thác 105ha rừng nhưng đến khi thiết kế chi tiết tăng gấp 2,5 lần (263ha) và đến thời điểm này, diện tích khai thác thực tế gấp 3 lần (trên 300ha). Sự gia tăng nhanh diện tích rừng khai thác ở thủy điện Hương Sơn hoàn toàn có thể lặp lại ở công trình nhà máy thủy điện Rào Ân 1 và Rào Ân 2.

Dự kiến, nhà máy thủy điện Rào Ân 1 cần khai thác 36,37ha diện tích rừng để làm đường. Nhà máy thủy điện Rào Ân 2 cần ít nhất 12,68ha. Song trên thực tế, đây chắc chắn không phải là con số cuối cùng. Vì đường vào hai địa điểm trên không bằng phẳng, núi dựng đứng hai bên, chỉ cần

Đường vào nhà máy thủy điện Hồ Hồ đã bị lũ cuốn trôi.



một trận mưa cũng đủ sạt lở đá xuống đường. “Tôi tính đường công vụ từ đây vào đó bình quân mặt đường cả phần đất đá vùi lấp rừng phía dưới cũng hết 30ha rồi, còn đâu 30ha làm thủy điện” – Ông Trần Quốc Việt phân tích.

Kỹ sư Nguyễn Xuân Vỹ - Chi cục trưởng Chi cục lâm nghiệp Hà Tĩnh cho rằng việc mất trên 300 ha rừng ở thủy điện Hương Sơn và vài chục ha rừng ở Rào Ân 1 và Rào Ân cũng không phải là lớn. “Sau khi chặt rừng làm thủy điện, chỉ 3 đến 5 tháng sau có thể che phủ lại rừng và phải phát quang” – ông Vỹ khẳng định. “Diện tích rừng mất do thủy điện không đáng kể so với diện tích rừng hiện có ở Hà Tĩnh”.

Nhưng khi chúng tôi trao đổi với ông Nguyễn Hoàng Trạch, nguyên phó chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh về nội dung này,

ông Trạch nhắc đi nhắc lại với chúng tôi: Một ha rừng đầu nguồn bằng 10 ha rừng vùng hạ lưu và “rừng ở huyện Hương Sơn hình thành trên lớp đất đá, nguồn nước hiếm hoi nên không thể phục hồi. Nếu tiếp tục chặt phá có thể gây ra tình trạng sa mạc hóa rừng.” Bởi vậy, diện tích rừng xấp xỉ 50 ha nếu mất đi có thể là con số nhỏ bé so với 10.000 ha rừng nguyên sinh hiện có, tuy nhiên, mất diện tích rừng này đồng nghĩa việc mất vĩnh viễn.

Cụm thủy điện vừa và nhỏ Hương Sơn gồm nhà máy thủy điện Hương Sơn và các công trình thủy điện Rào Àn 1, Rào Àn 2. Thủy điện Hương Sơn khởi công năm 2004 (tuy nhiên việc thi công đã được triển khai từ 2002) và dự kiến năm 2006 sẽ hòa lưới điện quốc gia. Nhưng đến tháng 11/2007, vẫn còn nhiều hạng mục thi công chưa hoàn thành.

Các công trình Rào Àn 1 và Rào Àn 2 dự kiến thi công năm 2007 và cấp điện vào năm 2009. Tuy nhiên, theo Trung tâm QT&KT Môi trường Hà Tĩnh các công trình này có nền đất yếu thi công yếu, khó tránh sạt lở và trượt lở.

Bật đèn xanh cho lâm tặc

Theo báo cáo “Một số ý kiến về việc xây dựng hệ thống thủy điện vừa và nhỏ của Hương Sơn – Hà Tĩnh” của Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao (CHESH), khu vực Sơn Kim có địa hình đồi núi cao với độ dốc >300 và thường có mưa lớn tập

trung (lượng mưa trung bình năm cao, từ 2500mm-3500mm). Khi mưa lớn, dòng nước mưa chảy mạnh không bị ngăn lại cản sẽ làm xói lở các sườn dốc, gây ra quá trình sạt lở lũ quét. Báo cáo khẳng định: “Nguy cơ về hiểm họa môi trường do sạt lở lũ quét là rất lớn nếu có thêm tác động của những hoạt động của con người vào khu vực đồi núi cao thượng nguồn các hệ thống sông”.

Báo cáo cũng dự đoán: “Khi thi công các bậc thang thủy điện Hương Sơn sẽ có các tuyến đường trong phạm vi hẹp đi vào rừng phòng hộ đầu nguồn có nguy cơ sạt lở cao là đường thi công vào nhà máy thủy điện Hương Sơn và đường thi công thủy điện Rào Àn ...”. Nguy cơ trên trở thành hiện thực đối với đoạn đường vào nhà máy thủy điện Hương Sơn. Vào đầu tháng 11 năm nay, nhóm phóng viên chúng tôi buộc phải rời chiếc xe Mekong 7 chỗ để cuốc bộ đoạn đường bụi mù đất đá hơn 4km đến nhà máy. Theo báo cáo “Kết quả giám sát việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Hương Sơn” của Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh Hà Tĩnh, “đoạn đường nối Quốc lộ 8A với nhà máy mới đạt 75% kế hoạch”. Ông Nguyễn Minh Đăng, Phó chủ tịch UBND huyện Hương Sơn giải thích: “Sự chậm trễ trên do địa hình Hương Sơn dốc, khi mưa lớn làm xói lở đất đá, cản trở quá trình thi công”. Từ đó có thể thấy, công trình thủy điện Rào Àn 1, Rào Àn 2 cũng dễ gặp phải nguy cơ sạt lở đường.

Công trình thủy điện Sông Tranh 2 thuộc tỉnh Quảng Nam.



Khu vực Rào Àn thuộc địa phận Sơn Kim, Hương Sơn chỉ còn sót lại trên 10.000ha rừng nguyên sinh. Theo Quyết định 102/2002/QĐ-TTg, rừng Sơn Kim nằm trong quy hoạch vùng đệm của Vườn quốc gia Vũ Quang và nằm trong dự án bảo tồn đa dạng sinh học Bắc Trường Sơn (thực hiện từ thập kỷ 90). Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES) đánh giá đây là một trong những khu rừng còn lại đẹp nhất Việt Nam. Theo kế hoạch hành động quốc gia về đa dạng sinh học đến 2010 và định hướng 2020 (79/2007/QĐ-TTg), khu vực rừng Hương sơn đang được điều tra quy hoạch thành khu dự trữ sinh quyển quốc gia.

Bên cạnh đó, việc mở đường vào nhà máy thủy điện khiến đường vào rừng trở nên dễ dàng hơn. Hiện nay, theo chỉ cục kiểm lâm huyện Hương Sơn, tuy kiểm lâm phải phá đường trong rừng, gây khó khăn cho việc đi lại trong rừng nhưng lâm tặc vẫn theo đường sông đưa gỗ ra ngoài. Khi đã có đường, gỗ hẳn sẽ càng ra khỏi rừng

nhanh hơn. Chủ tịch UBND xã Sơn Kim 1 Trần Quốc Việt, cho biết: “Nếu chấp nhận cho xây dựng nhà máy thủy điện tại lưu vực Rào Àn thì đương nhiên bật đèn xanh cho phép tàn sát 10.000 ha rừng phòng hộ. Điều này không phải xảy ra một lúc mà theo kiểu mưa dầm thấm lâu, cho đến khi nhận biết hết được các dấu hiệu rõ rệt thì rừng đã cạn kiệt”.

Nước nhỏ mong làm thủy điện nhỏ

Như vậy, để có thêm hai nhà máy thủy điện nhỏ, người dân ở huyện Hương Sơn nói riêng và tỉnh Hà Tĩnh nói chung có thể mất 10.000 ha rừng nguyên sinh và chịu thêm nhiều cảnh sát lở lũ quét trong khi môi trường ở tỉnh có nhiều biến động không thuận lợi.

“Xu hướng lũ mấy năm nay có khác, dịch dần vào phía nam.” - Ông Trần Quang Trung, Phó ban Tuyên giáo tỉnh Hà Tĩnh, thừa nhận – “Trước kia, tỉnh chịu ảnh hưởng bão số 6, 7, 8 nhưng giờ bão số 2, 5 cũng vào”. Theo UBND tỉnh Hà Tĩnh, riêng thiệt hại lũ lụt do bão số 2 tháng 10.2007 đạt xấp xỉ 700 tỷ đồng, vượt khoản thu ngân sách của tỉnh năm 2006 (520 tỷ).

Ông Nguyễn Minh Đăng, Phó chủ tịch UBND huyện Hương Sơn, cho biết: “Các cơn bão có xu hướng dịch chuyển sớm hơn. Cách đây 3, 4 năm, bão thường xuất hiện từ 15/09 đến 20/09, đến thời điểm này, bão đến trước 1 tháng (từ 20/08) và nhiều hơn.”

Mực nước ngấm ở khu vực Sơn Kim có dấu hiệu suy giảm. Điều này chưa từng xảy ra trong hàng chục năm qua. Ông Phụng cho biết, năm 2006, giếng của hầu hết các hộ gia đình trong xã đều cạn. Riêng giếng của gia đình ông cũng phải đào thêm một mét.

Sự thay đổi mực nước còn diễn ra ở sông Nậm Sốt, nguồn nước chính của thủy điện Hương Sơn. Ông Việt, người đã hơn 50 năm gắn bó với những con sông, suối của huyện, cho biết: “Tôi còn nhớ cách đây năm năm, cứ sáng mưa nước sông đục nhưng đến chiều lại trong. Vậy mà giờ nước đục quanh năm. Năm trước, tôi phải xắn quần lội qua sông Nậm Sốt. Song cùng thời điểm năm nay, nước nhỏ đến nỗi tôi cứ việc bước qua. Tôi muốn hỏi vì sao lúc đầu, nguồn nước ở thủy điện Hương Sơn lớn gấp đôi nguồn nước ở khu vực Rào Àn, nhưng bây giờ, so ra chỉ bằng một nửa?”

Vậy một câu hỏi đặt ra: Nếu xây thêm hai nhà máy thủy điện nhỏ với nguy cơ mất rừng và chịu thêm lũ thì đối lại người dân nơi đây được gì? Theo dự án đầu tư công trình thủy điện Rào Àn 2 (hay Giao An 2 - tên trong dự án - PV) do Trung tâm tư vấn và triển khai công nghệ năng lượng (thuộc Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam) lập, các xã của huyện Hương Sơn có điện (từ hệ thống truyền tải lưới điện 110kV quốc gia) nhưng sự cố và hạn chế công suất ở giờ cao điểm thường xảy ra ... Thủy điện Rào Àn 2 có nhiệm vụ chủ yếu phát điện lên lưới điện quốc gia với công suất lắp máy là 11,4MW.

Theo Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản và thủy điện Thăng Long - chủ đầu tư, quản lý trực tiếp dự án đầu tư công trình thủy điện Rào Àn 1 (hay Giao An 1 - tên trong dự án - PV), công trình có nhiệm vụ chủ yếu phát điện lên lưới điện quốc gia với công suất lắp máy là 16MW.

Lượng điện của hai nhà máy trên cùng với nhà máy thủy điện Hương Sơn có công suất 33MW dự kiến sẽ hạn chế tình trạng hạn chế công suất điện ở những giờ cao điểm. Tuy nhiên, theo CHESH, “về hiệu quả khai thác sử dụng công trình, theo tính toán trong các báo cáo nghiên cứu đầu tư thì hiệu quả điện năng không cao (công suất đảm bảo/công suất lắp máy của Rào Àn 1 là 13,68%, Rào Àn 2 là 21,15% trong khi mức trung bình thường > 25%)”. CHESH khẳng định: “Trên thực tế về mùa khô việc cung cấp đủ nước cho phát điện là rất khó, vì các dòng suối sẽ cạn nước do công trình nằm ngay đầu nguồn”. Bên cạnh đó, nếu nhà đầu tư dự định lấy nước từ các nhánh suối khác để tăng công suất phát điện thì “dẫn đến nguy cơ cạn kiệt và suy giảm nguồn nước không phù hợp với luật bảo vệ môi trường nước.”

Nếu tiếp tục hai dự án thủy điện, nguy cơ thiếu nước có thể thành hiện thực. Ông Trần Tuấn Khanh, chủ tịch HĐND huyện Hương Sơn cho biết: “Hà Tĩnh chưa phải thiếu điện nghiêm trọng đến mức phải phá rừng nguyên sinh đầu nguồn. Nếu thiếu điện, chúng ta có thể khắc phục được nhưng nếu thiếu nước, con người sẽ chết.”

Thủy điện ở Quảng Nam: Trăn trở bài toán tái định cư

Thanh Minh

I Dân tái định cư chưa thể ... an cư!

Hơn 2.000 hộ dân phải di dời nhường đất cho các công trình thủy điện ở Quảng Nam, con số này đã được thống kê nhưng chưa thể dừng lại bởi Quảng Nam đang được đánh giá là địa phương có tiềm năng to lớn về phát triển thủy điện trên hai hệ sông Thu Bồn và Vu Gia. Di dân đối với đồng bào miền núi - nhiều người từng xem đó là cơ hội đổi đời cho những con người bao năm nghèo khó nhưng thực tế đã không giản đơn như vậy. Nhiều xáo trộn đã len lỏi, thậm chí khuấy động đời sống cộng đồng dân cư. Bài toán “an cư” cho những hộ dân “tái định cư” được đặt ra.

Sinh kế nhọc nhằn

Mùa nắng, Pachepalanh và Cutchrun (hai khu tái định cư của công trình thủy điện A Vương tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam) lại đối mặt với khô hạn, đến mùa mưa vẫn không khá hơn, tình trạng sạt lở đã trở thành nỗi lo cho bao hộ gia đình. Nhưng dường như những khó khăn đó xem ra đã cũ. Bây giờ bà con lại “rên rì” bởi đất canh tác quá xấu, một số nhà tái định cư đã có dấu hiệu xuống cấp.... Đó là những hệ lụy từ một dự án “an sinh” mà những yếu tố cơ bản của việc “an cư” cho hàng nghìn con người đã bị xem nhẹ.

Mảnh lưới dài hơn ba sải tay, “bố” Brui Đờ (khu tái định cư Pachepalanh, thôn A Dang, xã Mả Cooih, Đông Giang) có vẻ

quí nó như cả một cơ nghiệp. Ông đang kiểm tra đến từng miếng chì, nhặt những sợi rong khô còn bám trên mắt lưới, cũng nhờ mảnh lưới này, 9 nhân khẩu trong nhà mới có “chất tươi”. Thịnh thoảng còn đổi được gạo – thứ lương thực thường xuyên hết nhãn trong xó bếp của mẹ Arát Thị Kiên (vợ Brui Đờ). Nhưng khổ nỗi, Brui Đờ bảo, muốn đi đánh lưới phải lội bộ hơn chục cây số mới đến nơi ở cũ (lòng hồ A Vương) mà cái chân của “bó” thì cứ kéo lại, mỗi nhừ từng đốt.

Chín nhân khẩu nhưng có đến 5 người trong độ tuổi lao động của gia đình này lâu nay không màng đến cái rẫy, mặc dù khu đất sản xuất được giao không cách xa nhà là mấy. Còn thửa trước mặt, theo cái chỉ tay của Brui Đờ, đó là ruộng lúa nước của gia đình, nứt nẻ từ đầu mùa nắng và đến cuối mùa mưa năm nay thì đầy cỏ tranh. Bây giờ cả nhà lại điều đứng với chuyện nước sinh hoạt bởi từ hơn ba tháng nay đường ống dẫn nước sạch vào khu này đã bị đứt. Các hộ ở đây đang dùng tạm nước mưa hoặc hàng ngày lội bộ đến suối Arảng cách nhà cả buổi đường để lấy nước.

Bruि Đuih, người hàng xóm của Brui Đờ đang ngồi thẩn ra trước thềm cũng góp chuyện: “Đất xấu quá, không trồng được cây gì cả. Cây chuối Nhà nước bảo cứ trồng thử nhưng cao bằng đũa con nít thì héo. Cây dứa, cây sắn cũng thế. Bà con chỉ biết quanh quẩn với nghề phụ bút máy, đánh cá, bẻ măng thôi”.

Theo thiết kế dự án đã được phê duyệt ban đầu, hai khu tái định cư PachePlanh

và Cutchrun có tổng diện tích hơn 316 ha dành cho 257 hộ dân (1.176 khẩu). Bình quân cấp đất sản xuất cho mỗi hộ từ 1-1,5 ha lúa rẫy và 0,35 ha lúa nước. Nhưng theo báo cáo của huyện Đông Giang, sau khi đo đạc trên thực tế diện tích tại khu PachePlanh: Đất rẫy 0,85 ha/hộ, đất ruộng 0,091ha/ hộ; còn tại khu Cutchrun: Đất rẫy 0,95 ha/hộ, đất ruộng 0,0675 ha /hộ. Nghĩa là diện tích đất được bàn giao cho bà con vẫn còn thiếu so với kế hoạch, đặc biệt là diện tích đất làm lúa nước.

Dẫu vậy, vấn đề đó không “nóng” bằng chất lượng đất tại khu tái định cư. Vì thế mới có chuyện Dự án đã hỗ trợ cải tạo đất cho mỗi hộ là 3 triệu đồng nhưng đất vẫn chẳng phi nhiêu thêm là bao, chưa nói cái việc “bơm cho đất phi nhiêu” ấy mất rất nhiều năm mà cư dân ở đây thì đang cần gấp cái gọi là “sự ổn định” cuộc sống trước mắt.

Thấp thỏm nổi lo

Không giống như dân tái định cư thủy điện A Vương, những ngày cuối năm, cư dân vùng thủy điện Sông Tranh 2 (huyện Bắc Trà My, Quảng Nam) và thủy điện Đắc My 4 (huyện Phước Sơn, Quảng Nam) vẫn đang bận rộn với việc di dời để dọn về nhà mới.

Thủy điện Sông tranh 2, theo thống kê, chiếm 2.200 ha đất các loại, ảnh hưởng 1.196 hộ dân với khoảng 6.256 khẩu, chủ yếu là người Cadong và Mơ Nông. Trong đó, số hộ cần bố trí tái định cư là 830 hộ. Cách đây hơn một năm, mặc dù chưa xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng để kịp tiến độ thi công, địa phương đã thực hiện di dời tạm cho 30 hộ

dân nằm trong lòng thủy điện. Đến nay, đã có 95 hộ dân được nhận nhà và thực hiện di dời. Bốn khu tái định cư ở xã Trà Đốc và Trà Bui đang san ủi mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm bố trí các hộ dân còn lại.

Công trình Thủy điện Đắc My 4 có 29 hộ phải di dời thì 25 hộ mới chuyển về khu tái định cư Nước Lang (xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn).

Còn nhớ cách đây hơn một năm khi các dự án thủy điện đang trong giai đoạn áp giá đền bù, cuộc sống của những con người nơi thâm sơn cùng cốc của hai địa phương này đã trở nên nhộn nhịp. Người ta đua nhau mua sắm những vật dụng xa lạ với họ bằng tiền đền bù giải tỏa. Một vùng sơn cước xã Trà Bui (huyện Bắc Trà My) thoáng chốc đã mọc lên hàng chục cửa hiệu bán xe gắn máy, điện thoại di động. Thanh niên trong làng không màng đến việc rẫy, hàng ngày xem việc cưỡi xe leo núi, uống rượu, nghe nhạc bằng điện thoại di động (vì không có sóng) là hợp thời, là phát triển. Những đồng tiền đền bù vì thế cứ hao hụt dần. “Tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống” - người ta thường ta than như thế với những gia đình nghèo. Nhưng hình như không đúng với dân tái định cư thủy điện, bởi số tiền mà họ nhận được là không nhỏ (có hộ được đền bù lên đến 500 triệu đồng). Nếu biết cách tính toán, với số tiền chừng ấy họ có thể dư giả để bắt đầu một cuộc sống mới ấm no hơn. Đường như đã có những sai sót đâu đấy?

Chúng tôi trở lại các khu tái định cư ở Bắc Trà My và Phước Sơn vào những ngày

cuối năm. Tuy không linh đình như dưới xuôi nhưng nơi đây người dân cũng đang rộn ràng với không khí tết. Già Hồ Văn Nuôi, 80 tuổi, khu tái định cư Trà Đốc (huyện Bắc Trà My) cho biết: “Già chi chuẩn bị một ít gạo nếp làm bánh. Nhà cửa chưa ổn định mà. Nhà nước cho mình nhà đẹp nhưng không thể để bếp lửa giữa nhà được vì sẽ cháy trần nhà (lợp nhựa). Mùa đông đành ở nhà bếp”.

Theo cái chỉ tay của già, ngón bếp bộn bề hiện ra, chỉ thấy một màu đen xín những đồ dùng quen thuộc vừa được đưa lên từ nơi cũ. Hỏi đến đất sản xuất và kế mưu sinh lâu dài, già Nuôi chỉ lắc đầu: “Chưa làm gì hết. Đất sản xuất chưa có. Thanh niên cũng ở nhà giữ con mà”.

Tại khu tái định cư Nước Lang (xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn) tình cảnh cũng không khá hơn. Tất cả 25 hộ dân ở đây, sau 6 tháng di dời về nơi ở mới do chưa được bố trí đất sản xuất nên ngày ngày chỉ biết bó gối nhìn trời. “Ngồi ăn núi lờ”, số tiền vừa nhận đền bù tiếp tục được đem ra trang trải, mua sắm. Theo tính toán của các cơ quan chức năng, kế mưu sinh lâu dài của họ là khu đất sẽ được khai hoang từ vạt rừng đang cháy âm ỉ trước mặt. Phía sau khu tái định cư sẽ là ruộng lúa nước cho dân tái định cư nhưng đang nhẩy nhựa, ngấu đục và khoét sâu những rãnh nước vì những trận mưa. Hầu hết những cư dân tái định cư ở Bắc Trà My, Phước Sơn khi hỏi đến sinh kế đều thấp thòm nỗi lo: Sau khi nhà nước thôi hỗ trợ, lối thoát nào để đảm bảo đời sống lâu dài cho những con người đang định cư giữa đại ngàn?

Gạo mùa lúa mới của đồng bào
TĐC Pachepalanh.



Những nỗ lực của nhà chức trách

Ở khu tái định cư thủy điện A Vương, địa phương đang căng sức khắc phục khó khăn. Theo ông Đỗ Tài, Phó Chủ tịch UBND huyện Đông Giang, sau ngày bà con từ lòng hồ A Vương di chuyển đến nơi ở mới (tháng 01/2006), địa phương đã tính đến các phương án sản xuất. Ngoài việc nhanh chóng giao đất sản xuất, địa phương đã hỗ trợ cho hai khu tái định cư 60.000 cây chuối mốt và vận động bà con trồng cây sắn tại những thửa đất vừa được khai hoang. Thế nhưng, vụ đầu tiên sản xuất ở hai khu tái định cư gần như mất trắng.

Hiện tại, chính quyền địa phương cũng đang đau đầu vì những vướng mắc phát sinh, ví như chuyện xác định diện tích đất cũ của từng hộ, những chuyện về an sinh xã hội, đời sống tinh thần, chất lượng đất canh tác nơi ở mới... Một số biện pháp hỗ trợ và ổn định cho bà con khắc phục hậu tái định cư cũng đã được đề xuất, nhưng dự kiến sơ sơ cũng... khoảng 40 tỷ.

Ra đời muộn hơn thủy điện A Vương, thủy điện Sông Tranh 2 và Đắc Mì 4 được kỳ vọng có thêm nhiều kinh nghiệm. Nhưng theo ông Đặng Phong, Phó Chủ

tịch UBND huyện Bắc Trà My, tình hình cũng “không xuôi chèo mát mái”. Như ở Sông Tranh 2, việc di dời tiến hành cấp tập vì công trình “vừa thiết kế vừa thi công”, đặc biệt khó khăn trong việc ổn định học hành cho con em địa phương. Sinh kế lâu dài cho bà con cũng được coi là “vấn đề được quan tâm số một nhưng chưa thể triển khai ngay” vì trước mắt phải ưu tiên công tác di dời, tái định cư.

Trong khi đó, ông Huỳnh Ngọc Thiệu, Phó Ban giải tỏa đền bù, tái định cư huyện Bắc Trà My cho biết việc xây dựng các khu tái định cư Thủy điện Sông Tranh 2 sẽ rút kinh nghiệm của các công trình trước đó, được thực hiện trên tinh thần tôn trọng, lắng nghe ý kiến nguyện vọng của nhân dân và có sự khảo sát kỹ lưỡng hơn về đặc điểm xã hội, cộng đồng, đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào. Các căn nhà tái định cư thủy điện Sông Tranh 2 sẽ được xây dựng trên các khu đất tự nhiên (không san bằng như các nơi khác); đất ở luôn gắn liền với đất vườn (tối thiểu 1.000 m²) và các dãy nhà đều nằm trên trục đường giao thông nông thôn. Phương án hỗ trợ “dài hơi” cho những hộ dân sau khi tái định cư cũng được địa phương kiến nghị. Cụ thể: Sẽ hỗ trợ cho người dân trong vòng 3 năm sau khi tái định cư (trước đây là một năm, với mức hỗ trợ 30 kg gạo và 100.000 đồng thực phẩm/người/tháng).

Phát triển bền vững?

Quảng Nam được đánh giá là địa phương có tiềm năng to lớn để phát triển thủy điện. Riêng trên hệ thống sông Tranh dự kiến sẽ có 5 thủy điện theo kiểu bậc thang triển khai xây dựng. Kèm theo đó, sẽ có nhiều diện tích đất rừng tự nhiên bị ảnh hưởng, số hộ dân phải di dời nhường đất cho thủy điện sẽ lớn hơn con số đã thực hiện rất nhiều lần... Những tác động về thiên nhiên con người trên vùng đất Tây Quảng Nam vì thế sẽ phức tạp hơn gấp bội. Quan điểm của cơ quan chức năng là mất bao nhiêu rừng thì trồng lại bấy nhiêu, nhưng không ít câu hỏi nghi ngờ đã được đặt ra: Ai trồng? Trồng cây gì? Thời gian bao lâu?. Trước mắt nếu không có những đánh giá nghiêm túc, đầy đủ, khoa học về những tác động của việc triển khai xây dựng công trình thủy điện tại Quảng Nam, nhiều người e rằng, những hậu quả để lại sẽ rất nghiêm trọng.

Trở lại câu chuyện về sinh kế lâu dài cho người dân tái định cư, theo nhiều ý kiến, thực ra đây mới chỉ là vấn đề “phần nổi”. Một “phần chìm” khác rất quan trọng nhưng đang “đổ vỡ” âm ỉ. Đó là sự cố kết cộng đồng; những phong tục tập quán, tâm linh, thói quen sinh hoạt; quan niệm về cuộc sống của mỗi tộc người... Từ những “đổ vỡ” này đã kéo theo nhiều hệ lụy cho những con người lâu nay chỉ biết đến cái

Trần trở - bức ảnh chụp một em bé người dân tộc Giẻ Triêng lang thang một mình trong không gian khu TĐC chật hẹp. (Khu TĐC Nước Lang, xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam)



phá đi lên giữa khó khăn. Bởi ngay trên thực tế, một công việc đơn giản như cách học chọn lựa giống cây trồng, bà con cũng dừng dừng, xa lạ.

nường, cái rẫy. Hiện tại, cuộc sống của hàng nghìn con người ở các khu tái định cư thủy điện Quảng Nam chỉ biết trông chờ vào nguồn hỗ trợ của nhà nước. Các hoạt động kinh tế dường như đã “ngưng đọng” ở đây. Kèm theo đó, đời sống tư tưởng, tinh thần của bà con cũng nặng nề hơn. Chị Bưởi Điêng (26 tuổi, thôn A Đêng, khu tái định cư PachePalanh, huyện Đông Giang) cho biết: “Thanh niên không có việc cứ nhậu suốt. Đụng một tý là kêu Nhà nước. Cầu thang, hiên của một số ngôi nhà đã hư hỏng không biết sửa lại. Mấy hôm trước có con nít té gãy tay”.

Bao trùm lên toàn bộ các khu tái định cư thủy điện Quảng Nam là sự “è nặng” của tư tưởng ỳ lại. Dường như các cư dân đang sống chung với nỗi bức dọc từ chính họ. Khó thấy có một điển hình nào đó bứt

Thật khó tưởng tượng, có những hộ dân với định suất hỗ trợ tới 500 triệu đồng sau khi tái định cư do thủy điện lại điều đúng với cuộc sống mới. Có thể ghi nhận những nỗ lực của địa phương và các ngành chức năng trong việc hỗ trợ, hướng dẫn sản xuất nhằm tạo ra sự phát triển bền vững cho những “cuộc sống mới”. Song, một thực tế đang là trở lực cho “bài toán an cư” của dân tái định cư, đó là những “đổ vỡ” ngoài dự tính trong tâm tưởng của người dân. Vì vậy, lâu nay một phần việc rất quan trọng và được các địa phương duy trì thường xuyên, đó là kêu gọi hỗ trợ và ... vận động. Những biện pháp mềm dẻo như trên ít nhiều đã có tác dụng. Nhưng điều đang được nhiều người kỳ vọng là hàng nghìn người dân tái định cư tự “đứng vững” với cuộc sống mới để an cư.

Tái định cư: Nguy cơ mai một văn hóa vùng cao

Trần Hữu Phúc

Việc xây dựng hàng loạt công trình thủy điện ở vùng Tây Quảng Nam không chỉ phát sinh bất cập trong công tác tái định cư (TĐC), ảnh hưởng đến sinh kế người dân trong vùng bị giải tỏa, mà ít nhiều còn phá vỡ bản sắc văn hoá đặc trưng của đồng bào các dân tộc thiểu số. Đó là hệ lụy đã được cảnh báo từ lâu. Làm gì để giữ gìn những giá trị văn hoá tinh thần vùng cao không bị mai một là câu hỏi khó đặt ra vào lúc này.

Nhà tái định cư và nỗi niềm bếp lửa

Trước hết, phải kể đến các công trình xây dựng thủy điện lớn tại vùng Tây Quảng Nam như thủy điện A Vương (huyện Đông Giang), Sông Tranh 2 (huyện Bắc Trà My), Đắc My (huyện Phước Sơn). Sự xuất hiện của chúng đã hình thành nhiều ngôi làng TĐC mới như PachePlanh, Cút Chrun (Đông Giang), khu TĐC Đắc My, hay các khu TĐC ở huyện Bắc Trà My.

Những khu TĐC mới đẹp đẽ, khang trang và kiên cố hơn nhiều so với chỗ ở cũ của đồng bào. Giá trị bình quân mỗi ngôi nhà ngót cũng trăm triệu. Thêm nữa, điện, đường, trường, trạm được đầu tư đáng kể. Dân có cơ hội hưởng lợi các điều kiện y tế,



Nhà TĐC mới thiếu những nét đặc trưng cơ bản của một ngôi nhà sàn quen thuộc bao đời với đồng bào các dân tộc.

giáo dục, tiếp cận với thế giới bên ngoài. Đó là chưa nói đến chính sách hỗ trợ lương thực cho người dân TĐC trong thời gian ổn định cuộc sống ban đầu.

Tuy nhiên, những hạ tầng kiến trúc bài bản đó đã vô tình (hoặc cố ý) gây xáo trộn đời sống văn hoá, tập quán sinh hoạt, tâm linh của đồng bào các dân tộc Cơ Tu, Ca Dong, Dê Chiêng ... bởi ngôi nhà sàn nguyên thủy của họ bao giờ cũng có một bếp lửa đặt ở giữa. Mọi sinh hoạt, ăn uống của gia đình đều xoay quanh bếp lửa. Bởi, với họ, ánh lửa là hiện thân của sự sum vầy, giúp xua đuổi tà ma. Bếp lửa là “linh hồn” không thể thiếu trong căn nhà sàn của đồng bào. Trong các lễ mừng lúa mới, lễ đâm trâu ... bên ánh lửa bập bùng, dân làng ngất ngây trong những chén rượu và điệu zaza tung tung.

Tại khu TĐC PachePlanh, mặc dù vẫn được xây dựng theo kiểu nhà sàn, nhưng do nhà được xây hoàn toàn bằng bê tông, cốt thép, mái nhà lợp tôn, ngói nên không thiết kế đặt bếp lửa ở giữa nhà được. Nhà xây xong, buôn làng vẫn về nhưng thực tế, đó chỉ là nơi chứa bồ thóc, vật dụng gia đình và chỉ có một số hộ dân dùng để ngủ, chứ không phải chỗ sinh hoạt, sum vầy trong gia đình như xưa.

Tương tự, tại TĐC thôn 2, xã Trà Đốc (huyện Bắc Trà My), nhà xây mới, nhưng dân vẫn không “mặn mà” lắm. Bởi vậy, mới phát sinh chuyện, đồng bào dựng tiếp một nhà sàn khác kể nhà TĐC mới. Chị Hồ Thị Xuân - một người dân ở đây

cho biết: “Nhà mình có 4 khẩu, hơn 5 tháng ni, cả nhà vẫn chưa ting cái bụng lắm khi vào ở nhà mới, vì nó không có bếp lửa”. Nhà chị Xuân được xây dựng gần 100 triệu đồng, hoàn thành hơn 5 tháng nay, nhưng vợ chồng chị và các con suốt ngày vẫn luẩn quẩn trong căn nhà sàn thấp lè tè, chật hẹp nằm gá cạnh ngôi nhà mới. Theo lời chị, gia đình không thích sinh hoạt ở nhà mới, đơn giản vì: thiếu bếp lửa!

Nhà Gươl mới cũng được đầu tư, các giá trị văn hoá vật thể (chén rượu, thổ cẩm, các loại kèn, sáo, nhạc cụ khác ...) vẫn còn bảo tồn, song, ngày một nghèo nàn, thậm chí có nhiều khả năng biến mất.

Bà Brú Rư (65 tuổi), sống ở làng TĐC PachePlanh 3 năm nay trầm ngâm nói với chúng tôi, hát lý Cơ Tu muốn hay, đúng nhịp điệu, bắt buộc người hát phải am hiểu tận tường tiếng Cơ Tu, đồng thời phải có nhiều bộ phận khác hỗ trợ như công chiêng, trống đánh ... ở giữa núi rừng trùng điệp mới thích chứ không phải đứng bên cạnh những ngôi nhà bê tông khô cứng san sát nhau. Bà trần trụi, giờ tìm người hát lý Cơ Tu đích thực khó lắm, phải lặn lội về các bản làng khác mời họ về biểu diễn.

Trong những ngày về các khu TĐC thủy điện, chúng tôi ngạc nhiên khi tìm “đỏ cả mắt” vẫn không ra người hát lý Cơ Tu thành thạo. Nhiều già vẫn còn hăng say hát, nhưng dường như điệu Cơ Tu đã bị xen lẫn các giai điệu, lời tiếng Kinh.

Lý giải điều này, một già làng cho biết, người Cơ Tu cũng dễ thích ứng với môi trường mới. Thực tế hiện nay, tại các khu TĐC mới, nhà nhà có tivi, đầu đĩa, casset mà thanh niên của làng bây giờ phần lớn đều thích nghe nhạc trẻ, phim ảnh nên những bài lý Cơ Tu nhanh chóng bị lãng quên.

Chúng tôi có dịp vào tận nhà dân ở các khu TĐC, và đã ghi nhận nỗi lo xa của nhiều già làng ở đây là có thật. Cơ chế thị trường, khoảng cách hai miền ngược - xuôi ngày càng thu hẹp là những nguyên nhân chính gây xáo trộn bản sắc văn hoá đặc trưng của đồng bào các khu TĐC. Trong các phương án, đề án đặt ra, chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan,

chỉ chú trọng nhiều đến sinh kế người dân, còn việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của đồng bào các dân tộc dường như vẫn còn bỏ ngỏ.

Ông Đỗ Tài - Phó Chủ tịch UBND huyện Đông Giang cảnh báo, nếu không có sự đầu tư đúng mức, thì tác động của cơ chế thị trường và “con lốc” phát triển công nghệ thông tin sẽ là những tác nhân chính làm mai một bản sắc văn hoá của các đồng bào dân tộc trong tương lai.

Không biết mai này khi trở về các ngôi làng TĐC thủy điện, có còn được nghe những điệu lý Cơ Tu?





Lời giải nào cho thủy điện và rừng?

Nguyễn Hoàng

I Những dự án phá rừng mang tên “thủy điện”

Những dự án nhà máy thủy điện đã và đang đầu tư tại Quảng Nam trên hệ thống sông Vu Gia-Thu Bồn ngày một tăng, đó có thể là một tín hiệu tốt cho sự phát triển của kinh tế địa phương. Nhưng cũng chính những dự án đó đã và sẽ “nuốt chửng” hàng trăm nghìn ha rừng đầu nguồn. Câu chuyện thủy điện nơi vùng đất khó nghèo miền Trung

này giờ đây đang đặt ra những thách thức lớn về môi trường. Nhiều chuyên gia khẳng định rằng nếu không thận trọng, trong tương lai gần chúng ta phải trả giá đắt khi môi trường bị tàn phá, và hàng chục nhà máy thủy điện nơi vùng thượng nguồn nằm dọc theo dãy Trường Sơn sẽ trở thành “sân phơi” thủy điện.

Rừng: xưa và nay

Hơn 30 năm trước, rừng Quảng Nam vẫn còn nguyên sinh. Mặc dù bom đạn và hoá chất chiến tranh tàn phá dữ dội nhưng rừng Quảng Nam đã phục hồi và trở thành tấm lá chắn bảo vệ vùng hạ lưu tránh những cơn lũ dữ.

Nhưng giờ đây, nhiều người đã một thời sống chết với rừng đã thần thờ thốt lên rằng: Chúng ta hoàn thành sớm chỉ tiêu phá rừng từ những năm 90 của thế kỷ trước.

Ngay cả những đàn voi từng sinh sống tại rừng núi Quảng Nam cũng không còn đất sống khi rừng ngày càng bị thu hẹp, đó cũng chính là lý do khiến chúng tìm về tàn phá xóm làng tại các huyện vùng cao Bắc Trà My, Quế Sơn, Tiên Phước...vào mùa mưa hàng năm.

Cuộc chiến giữa voi và người có lúc giằng co không phân thắng bại, và hậu quả là những cái chết thương tâm của người dân vô tội dưới chân voi trong thời gian vừa qua đã làm giết mình nhiều người. Đường như chúng muốn trả thù con người vì đã nhẫn tâm phá đi “ngôi nhà” rừng xanh, nơi nương náu của mình bấy lâu nay.

Xung đột với voi chưa giải quyết được, thủy thần cuồng nộ liên tiếp giáng xuống đầu

người dân lãnh nơi mảnh đất miền Trung nghèo khó hàng chục cơn lũ dữ tới tấp.

Hàng trăm người chết mỗi năm, hàng nghìn ngôi làng bị nước lũ nhấn chìm, thiệt hại lên đến hàng trăm nghìn tỷ đồng. Trong cơn hoảng loạn, con người chột tinh ngộ và nhận ra cái giá phải trả cho bao nhiêu năm triệt hạ rừng xanh.

Nhưng vẫn theo lẽ thường, vừa qua cơn bán loạn, con người lại quay vào rừng để tiếp tục thanh sát những khoảnh rừng hiếm hoi còn sót lại nơi vùng đầu nguồn dưới nhiều hình thức để lấy gỗ quý, để săn thú rừng. Hàng loạt các nhà hàng “đặc sản thú rừng” mọc lên ven đường Hồ Chí Minh ở phía Tây dãy Trường Sơn. Người ta đua nhau xẻ gỗ mang về xuôi làm đồ mỹ nghệ, thậm chí cả đồ thờ tâm linh rồi đem “xuất khẩu” nơi xứ người.

Tôi đã đi qua những cung rừng Trường Sơn ở Quảng Nam, Quảng Ngãi. Người dân bảo 20 năm trước nơi ấy còn là rừng già nguyên sinh. Nhưng giờ đây, chúng chỉ còn là những cung đôi trục rộng lớn vắt qua hai tỉnh. Người ta phá rừng bằng nhiều cách, với nhiều dự án mang tên khác nhau. Kết quả cuối cùng là hàng nghìn ha rừng “gục ngã” trong một thời gian ngắn để nhường đất cho dây leo và cây dại.

“Cuộc chiến” thủy điện và rừng xanh bị “bức tử”

Rừng xanh vẫn chưa được “buông tha”. Những năm đầu của thế kỷ 21, những cung rừng hiểm hoi còn sót lại tiếp tục bị bức tử bởi những dự án mang tên “thủy điện”.

Ngay tại miền núi huyện Bắc Trà My, nơi chúng tôi tiến hành cuộc khảo sát vào cuối tháng 12/2007, khi được tiếp xúc với người dân, lắng nghe họ nói mới thấu hiểu được nỗi lòng của họ. Không phải ai khác mà chính họ là những người đầu tiên gánh chịu hậu quả khi hàng loạt dự án thủy điện đã và đang triển khai tại đây, khi mà hàng ngàn héc-ta rừng lần lượt “đội nón” ra đi.

Khi thủy điện Sông Tranh 2 khởi công xây dựng cách đây hơn 2 năm cũng là lúc hơn 1.196 hộ dân phải di chuyển vào sâu trong rừng. Ông Đặng Phong, Phó Chủ tịch UBND huyện Bắc Trà My tâm sự chủ trương xây dựng nhà máy thủy điện để đem lại nguồn năng lượng cho quốc gia ông không hề phản đối nhưng nhìn những cánh rừng rộng lớn bị triệt hạ nhường đất cho nhà máy mà không khỏi quặn lòng. Ông đã bao năm sống và gắn bó ở nơi đây.

Không riêng gì ông Phong, những người dân vùng rừng núi, chủ yếu là bà con

người Cơ Tu, Vân Kiều, Ca Dong mà chúng tôi đã gặp đều cùng chung một nỗi lòng, đã bao đời nay rừng đã chở che và nuôi sống họ bằng các sản vật. Nhưng giờ đây, hàng nghìn ha rừng bị mất. Tất cả đều lo lắng cho cuộc sống ngày mai, không biết phải dựa vào đâu, mất rừng ắt lũ dữ sẽ về nhiều hơn.

Chi tính riêng nhà máy thủy điện Sông Tranh 2 đã “triệt” hơn 2.500 ha rừng. Còn dự án nhà máy thủy điện Sông Tranh 3 đang chuẩn bị khởi công xây dựng tiếp tục “thanh sát” 400 ha rừng nguyên sinh đầu nguồn còn lại nơi huyện miền sơn cước này. Ước tính vài năm nữa, giả dụ có thêm những dự án thủy điện Sông Tranh 4, 5... thì chắc gì rừng còn, có khi lúc đó lại là “khu công nghiệp thủy điện miền núi”.

Trò chuyện với chúng tôi, ông Phong bảo việc xây dựng nhà máy thủy điện ào ạt nơi vùng rừng đầu nguồn này cần phải được xem xét một cách thận trọng, vì mất quá nhiều rừng, di dân quá lớn đã làm xáo trộn ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống của người dân.

Huyện miền núi Bắc Trà My, trên hệ thống sông Tranh nay đã có 5 dự án nhà máy thủy điện bậc thang. Đó là chưa kể hàng chục dự án thủy điện vừa và nhỏ khác, mà nói như một cán bộ lãnh đạo của huyện

này thì “người ta đang tìm mọi cách băm nát những khu rừng nguyên sinh có chức năng phòng hộ nơi vùng đầu nguồn của con sông Thu Bồn, Quảng Nam”.

Rừng xanh đã và đang bị bức tử hàng ngày bởi những dự án thủy điện. Ông Hồ Văn Nin, một người dân Xê Đăng mà tôi có may mắn được trò chuyện nói rằng: “Nhà nước bảo làm cái thủy điện sẽ đổi đời cho bà con mình. Nhưng đổi đời đâu không thấy, chỉ thấy đất mất, rừng mất. Không biết mai này con cháu mình sẽ sống mần răng”.

Cái điều ông Nin trần trở suy tư cũng như hàng nghìn người dân vùng rừng núi này lo toan, không biết dự án thủy điện đem lại gì lợi cho họ, chỉ thấy cái hại trước mắt là những khu rừng bao đời nay “chờ che” cuộc sống họ giờ đây đã bị triệt hạ không thương tiếc.

Những trận lũ quét kinh hoàng liên tục giáng xuống đầu họ trong đầu tháng 10 và 11 năm ngoái như một lời cảnh báo của rừng bị triệt hạ bởi những dự án phá rừng mang tên “thủy điện”, nhưng chẳng ai chịu tình ngộ?

Một cán bộ lãnh đạo đề nghị không nêu tên của huyện miền núi này than thở rằng, trong hơn 2 năm qua, lãnh đạo của huyện đã quá mệt với các dự án thủy điện và ngại tiếp xúc với các nhà đầu tư. Bởi cái lợi cho dân đâu chưa thấy, chỉ thấy người dân than thở kêu trời về chuyện di dân, tái định cư, chuyện mất đất, mất rừng...

Trong “cơn nóng lạnh” của chuyện thời sự về thủy điện ở vùng rừng núi này đã không cho người ta kịp suy nghĩ, chỉ thấy họ tính toán dự án này bao nhiêu MW, đem lại nguồn lợi lớn cho đất nước! Rằng điện quốc gia đang thiếu, nên phải gấp rút triển khai xây dựng nhà máy để cung cấp nguồn năng lượng phục vụ cho phát triển công nghiệp.

Thế nhưng chẳng ai tính toán đến chuyện những khu rừng bị triệt hạ, và hậu họa đã và đang giáng xuống đầu người dân lành nơi mảnh đất miền Trung khó nghèo này với xác suất dôn dập mỗi năm. Rừng xanh than khóc, đau để để cho người yên.

II Nguồn “nguyên liệu” nào cho nhà máy thủy điện?



Trong hầu hết các dự án nhà máy thủy điện đã được phê duyệt đầu tư tại Quảng Nam, vấn đề được các nhà đầu tư chú ý phân tích nhiều nhất chính là lợi thế về tiềm năng thủy điện tại vùng đất lắm bão nhiều lũ này.

Như hệ thống các nhà máy thủy điện bậc thang trên hệ thống sông Vu Gia-Thu Bồn, ngoài hiệu quả kinh tế hứa hẹn sản xuất hàng tỉ KW điện để cung cấp cho hệ thống điện lưới quốc gia, bù đắp lượng điện thiếu hụt vào mùa khô cho đất nước, các dự án thủy điện còn góp phần cắt lũ cho vùng đồng bằng của tỉnh Quảng Nam.

Thế nhưng, chẳng có nhà đầu tư nào phân tích vấn đề hàng chục nghìn ha rừng bị mất, hàng nghìn hộ dân bị di dời hay đưa ra kế hoạch trồng mới lại diện tích rừng bị mất để tạo nguồn “nguyên liệu” cho các nhà máy hoạt động cũng như tạo tấm lá chắn phòng hộ...

Thạc sĩ chuyên ngành lâm sinh Thái Truyền, nguyên Phó Chi cục kiểm lâm Quảng Nam - người đã có một thời gian dài sống chết với rừng Quảng Nam - tâm sự, nếu không bảo vệ rừng, không có kế hoạch trồng mới lại diện tích rừng bị mất thì không nên đề cập đến việc triển khai các dự án thủy điện cũng như nói chuyện chung sống với bão lũ ở vùng đất này. Trong suốt buổi trò chuyện, ông nhắc đi, nhắc lại nhiều lần chuyện trồng và bảo vệ rừng, mà như lời ông khẳng định là

vô cùng cần thiết khi hàng chục nhà máy thủy điện đã và đang được đầu tư tại vùng rừng núi Quảng Nam. Không có rừng thì không thể nói đến chuyện làm thủy điện, mặc dù tiềm năng thủy điện của Quảng Nam là rất lớn nhờ hệ thống sông có độ dốc lớn với nhiều ghềnh thác. Đó là chưa nói đến chất lượng, rừng trồng sánh sao được với rừng nguyên sinh.

Nhiều người dân chúng tôi gặp trong chuyến khảo sát về các dự án nhà máy thủy điện tại Quảng Nam đều lên tiếng bức xúc về chuyện hàng chục nghìn ha rừng bị xâm hại. Tất cả đều để nghị phải trồng lại rừng đã mất, bởi rừng đã trở thành nguồn nuôi sống của họ bao đời nay, rừng cung cấp gỗ quý, thú hiếm cho người dân. Không hề phụ nhận yếu tố rừng mất một phần do người dân chặt phá đốt nương rẫy, nhưng chừng đó chưa thể so với diện tích rừng bị mất từ 1 dự án thủy điện. Chỉ trong tích tắc hàng chục, hàng trăm, thậm chí lên tới hàng ngàn ha rừng bị đốn hạ. Khi những cơn lũ dữ dội đổ ập về từ thượng nguồn, người dân bản địa đã dần nhận ra tất cả, còn “những vị trên cao” liệu có hay chăng?

Trong nhiều vị lãnh đạo của tỉnh Quảng Nam mà chúng tôi gặp, khi đề cập đến vấn đề mất rừng, tất cả đều từ chối trả lời đầy tế nhị, song nói về vai trò của rừng để cho các nhà máy thủy điện hoạt động thì họ đều đồng tình và khẳng định rằng hầu hết các dự án thủy điện được phê duyệt, chưa có dự án nào đề cập đến chuyện trồng lại rừng cùng lúc với chương trình đầu tư xây dựng nhà máy.

Điều đó cũng dễ hiểu, bởi không một chủ dự án nào muốn đề cập đến chương trình tốn công tốn sức này. Dĩ nhiên, cái họ chỉ muốn khai thác là nguồn lợi từ rừng, nhưng không hề có kế hoạch tái đầu tư để phát triển bền vững, mà nói như ông Thái Truyền, nếu không đầu tư chương trình trồng rừng thì các chủ dự án kia cũng tự “giết” chết mình. Rừng mất đồng nghĩa với việc mất đi nguồn nước do rừng tạo ra. Các nhà máy thủy điện khi đó biến thành sân phơi thủy điện cũng là điều dễ hiểu. Điều đó sẽ xảy ra trong một tương lai gần nếu ngay từ bây giờ Quảng Nam không phối hợp với các chủ dự án thủy điện triển khai đồng bộ các biện pháp bảo vệ và trồng mới để bù đắp lại diện tích rừng đã mất.

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam, ông Nguyễn Ngọc Quang, người gắn bó với ngành nông lâm nghiệp Quảng Nam nhiều năm cũng đã nhiều lần đề cập đến vấn đề này. Theo ông Quang, việc trồng lại diện tích rừng bị mất vô cùng cần thiết. Đó là sự sống còn của các nhà máy thủy điện, là tấm lá chắn tốt nhất để khống chế lũ lụt và xa hơn là nguồn kinh tế vô cùng lớn nếu biết khai thác hợp lý và khoa học.

Tuy nhiên những ý kiến trên vẫn không được đáp trả. Dự án vẫn tiếp tục triển khai. Rừng vẫn tiếp tục bị phá. Không biết rồi đây khi những dự án thủy điện kia đưa vào hoạt động, liệu có còn nguồn nước cho nhà máy hoạt động một khi rừng không còn?

Nói chuyện về kinh tế rừng, Tiến sĩ Nguyễn Hữu Ninh - một trong những chuyên gia hàng đầu nghiên cứu về biến đổi khí hậu tại Việt Nam và là thành viên trong nhóm tác giả nhận giải thưởng Nobel Hoà bình năm 2007 khẳng định rằng: Việt Nam có thể được lợi nhiều tỷ USD nếu biết hoá giải những tác động của biến đổi khí hậu. Mỗi tấn CO₂ được trả 50 USD, nếu Việt Nam trồng rừng, bán lại “quota” khí thải CO₂ thì mỗi năm thu lợi hàng tỷ USD. Trong khi đó môi trường trong nước lại được cải thiện.

Câu chuyện “quota” khí thải là cả một câu chuyện dài mà nhiều nhà khoa học đã đặt ra từ rất lâu. Thế nhưng đến nay vẫn còn bỏ ngõ. Trong khi đó, chiến lược trồng mới 5 triệu ha rừng của Chính phủ đặt ra vẫn chưa đạt được như mong đợi.

Diện tích rừng nguyên sinh mỗi năm ngày càng bị co hẹp bởi nhiều nguyên nhân khác nhau. Từ việc phá rừng lấy đất sản xuất, đến những dự án thủy điện đã triệt hạ cùng lúc hàng chục nghìn ha rừng.

Ngay tại Quảng Nam, nếu nhìn vào toàn bộ hơn 87 dự án nhà máy thủy điện lớn, vừa và nhỏ đã và đang đầu tư xây dựng sẽ thấy một phần lớn diện tích rừng bị tàn phá do chính các dự án thủy điện này. Thủy điện Sông Tranh 2 lấy đi 2.500 ha rừng, Sông Tranh 3 là 400 ha.

Đó là chưa kể hàng nghìn ha rừng khác đã và đang bị xâm hại bởi các dự án nhà máy thủy điện A Vương (huyện Đông Giang và Tây Giang), thủy điện Đăk Mi 4 (huyện Phước Sơn), thủy điện Khe Diên cùng hàng chục dự án thủy điện khác.

Ngay tại dự án thủy điện Khe Diên tại huyện Quế Sơn vừa mới đưa vào hoạt động cuối năm 2007 vừa qua, chỉ mới thống kê lượng gỗ rừng nguyên sinh được gọi là “tận thu” đã lên đến con số 12.000 m³. Người ta lợi dụng việc khai thác tận thu gỗ từ lòng hồ nhà máy thủy điện này xâm hại hàng trăm ha rừng nguyên sinh đầu nguồn và đã bị phát hiện.

Hậu quả là một vị phó chủ tịch huyện Quế Sơn, 1 giám đốc công ty cùng 3 cán bộ khác của tỉnh và huyện vào trại tạm giam. Mặc dù vậy, khi cơ quan chức năng



phát hiện thì đã quá muộn, hơn 147 ha rừng nguyên sinh không nằm trong lòng hồ nhà máy thủy điện Khe Diên nhưng đã bị các cán bộ này “phù phép” biến thành rừng bị ngập để khai thác tận thu.

Thạc sĩ lâm sinh Thái Truyền cũng đã khẳng định chuyện “quota” khí thải là một bài toán kinh tế về rừng. Nhưng chuyện đó nhiều người cho là mơ hồ, bởi ai mua? Ngay cả những lãnh đạo của tỉnh Quảng Nam khi chúng tôi đặt vấn đề rừng bị xâm hại từ dự án thủy điện triển khai rầm rộ ở Quảng Nam trong thời gian vừa qua nhưng tất cả đều từ chối trả lời.

Nhiều cán bộ lãnh đạo cho rằng Quảng Nam có tiềm năng thủy điện lớn. Nhưng chẳng một vị lãnh đạo nào lý giải tiềm năng thủy điện dồi dào kia nhờ đâu? Có phải nhờ những bậc ghềnh thác hay nhờ Quảng Nam may mắn vẫn còn hàng trăm nghìn ha rừng nguyên sinh nơi vùng đầu nguồn kéo dài hàng trăm km dọc theo vùng biên giới Việt-Lào?

Quảng Nam đã được ví như “thủ phủ của ngành công nghiệp không khói - thủy điện”, người ta ô ạt và tìm mọi cách để tiến hành các dự án, người ta để đạt những kỳ vọng mà “ngành công nghiệp” này đem lại cho sự phát triển của địa phương. Nhưng cũng thật nghịch lý, không ai quan tâm đến rừng - thứ sinh lợi cho họ và đem điện về. Mỗi ngày, một ít diện tích rừng lại mất, “tích tiểu thành đại” (như các cụ vẫn nói) có lẽ sẽ đúng với Quảng Nam - “tích tiểu thành hoạ” một khi rừng đã mất.

Còn chuyện “quota” khí thải mà như Tiến sĩ Nguyễn Hữu Ninh cho biết, mỗi tấn

CO2 được trả 50 USD, nếu Việt Nam trồng rừng, bán lại “quota” khí thải CO2 thì mỗi năm thu lợi hàng tỷ USD. Trong khi đó, môi trường trong nước lại được cải thiện.

Đây là một thực tế nhưng không mấy ai tin, bởi đã từ lâu người ta chỉ nói đến “rừng vàng biển bạc” để khai thác tận thu, chứ chưa nghe nói đến chuyện phải bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên này như thế nào để khai thác lâu dài.

Ngoài chuyện rừng bị xâm hại từ dự án thủy điện, còn chuyện hàng nghìn hộ dân phải di chuyển đi nơi khác để nhường đất cho nhà máy. Biết bao xáo trộn trong đời sống. Chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, họ sẽ phải “học cách” bắt đầu cuộc sống mới.

Chỉ tính riêng các dự án của nhà máy thủy điện Sông Tranh 2, A Vương, Đăk Mi 4 đã phải tiến hành di dân trên 2.000 hộ. Bà còn cần đất để sản xuất, đồng nghĩa với việc rừng lại tiếp tục bị “xén” thêm, và cạn kiệt sẽ là điều khó tránh khỏi.

Một chuyên gia kinh tế đã nhận định rừng liên tục bị xâm hại mà không hề có biện pháp bảo vệ, không có chiến lược trồng mới để bù lại diện tích rừng bị mất, thì không thể nói đến chuyện phát triển kinh tế bền vững ở một tỉnh thuần nông như Quảng Nam.

Đó là chưa xét tới kế hoạch của tỉnh đặt ra đến năm 2015 chuyển dịch cơ cấu kinh tế trở thành một tỉnh công nghiệp. Đến lúc đó, mới “tận mục” vai trò của rừng lớn đến nhường nào. Đến lúc đó, Quảng Nam nói riêng và khu vực miền Trung nói chung có bỏ ra nhiều tỷ USD cũng khó mà phục hồi được rừng.

IV

“Bài toán kinh tế” - thủy điện và rừng



Theo số liệu thống kê, tại Quảng Nam hiện có 673.000 ha rừng và đất rừng. Trong đó có 390.000 ha rừng tự nhiên. Nếu nói như Tiến sĩ Ninh, chỉ cần bán “quota” khí thải với giá bình quân 50 USD/ha/năm. Thì mỗi năm, nếu diện tích rừng và đất rừng kia được bảo vệ và phát triển mới thì nguồn thu từ “quota” khí thải hơn 33,6 triệu USD. Đó là chưa kể môi trường sinh thái được bảo vệ, hạn chế được lũ lụt hàng năm gây hại hàng nghìn tỷ đồng và rừng sẽ là “nhà máy” xử lý khói thải từ các nhà máy công nghiệp mà Quảng Nam đang đầu tư xây dựng ở vùng đồng bằng.

Đó là chưa kể giá trị kinh tế từ rừng được khai thác theo qui chuẩn 20% lượng cây hiện có đã đến tuổi khai thác, chắc chắn sẽ thu lợi từ rừng hàng chục triệu USD mỗi năm. Trong một báo cáo của Sở NN&PTNT Quảng Nam, chỉ tính trong năm 2007, kim ngạch xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt 17,96 triệu USD.

Trong khi đó, theo tính toán từ nhà máy thủy điện nhỏ Khe Diên, huyện Quế Sơn, nguồn thu từ điện năng mang lại chưa trừ chi phí, mỗi năm khoảng 30 tỷ đồng. Để có được công trình ấy, người ta đã xóa sổ gần 1.000 ha rừng nguyên sinh đầu nguồn.

Điều đó có thể chứng minh rằng hiệu quả kinh tế từ thủy điện thấp hơn giá trị kinh tế của diện tích rừng bị mất.

Vẫn chưa có nhà kinh tế nào đánh giá mức độ thiệt hại khi chuyển đổi mục đích một đất rừng và rừng nguyên sinh sang làm thủy điện. Nhưng chắc chắn một điều rằng, thiệt hại kinh tế từ rừng do các dự án nhà máy thủy điện mang lại là rất lớn với nhiều triệu USD mỗi năm. Trong khi đó, nguồn thu từ thủy điện lại rất thấp.

Nói như vậy, không đồng nghĩa với việc không đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện để cung cấp nguồn năng lượng cho quốc gia phục vụ phát triển kinh tế đất nước. Nhưng vấn đề đặt ra là làm sao vừa xây dựng các nhà máy thủy điện nhưng hạn chế thấp nhất việc xâm hại vào rừng. Hoặc ít ra cũng nên đề cập đến một chương trình đầu tư trồng mới rừng để bù lại diện tích rừng mà các dự án nhà máy thủy điện xâm hại (mặc dù giá trị và chất lượng từ rừng trồng không thể so sánh với rừng nguyên sinh). Không thể để một khi không còn rừng nữa thì chuyện các nhà máy thủy điện cũng sẽ thành những “sân phơi” thủy điện như nhiều nhà khoa học đã cảnh báo là điều khó tránh khỏi.

Rõ ràng, lợi ích kinh tế từ rừng là vô cùng to lớn và có ý nghĩa nhiều mặt, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống dân sinh trong khu

vực. Nếu ngay từ bây giờ Quảng Nam không có kế hoạch cũng như chiến lược phát triển vốn rừng và bảo vệ diện tích rừng hiện có thì thiệt hại kinh tế là vô cùng lớn không thể tính toán được bằng tiền.

Ở một khía cạnh khác, chỉ tính trong năm 2007, trong vòng chưa đầy 1 tháng, liên tiếp 5 trận lũ kinh hoàng “đim” Quảng Nam trong biển nước, thiệt hại hơn 2.000 tỷ đồng. Đó là chưa kể thiệt hại không thể nào quy ra tiền bạc, đó là con người, với hơn 54 người chết và mất tích. Chuyện bão lũ dồn dập giáng xuống đầu người dân Quảng Nam đã được các nhà khoa học lên tiếng cảnh báo là do rừng đầu nguồn bị xâm hại nghiêm trọng, không còn rừng phòng hộ đầu nguồn.

Chỉ tính về thiệt hại kinh tế của Quảng Nam trong mỗi mùa lũ đã thấy giá trị của rừng Quảng Nam lớn thế nào. Trước khi kết thúc loạt bài này, chúng tôi lại nhận được những dòng thông tin từ báo chí cho biết, máu rừng Quảng Nam vẫn tiếp tục chảy bởi nạn khai thác rừng trái phép không được chặn đứng, bởi nạn phá rừng lấy đất sản xuất, bởi khai thác khoáng sản và hàng loạt dự án thủy điện đang bắt đầu đồng loạt khởi công ngay trong năm 2008 và những năm tiếp theo. Điều đó đồng nghĩa với hàng chục nghìn ha rừng khác sẽ bị “khai tử”.

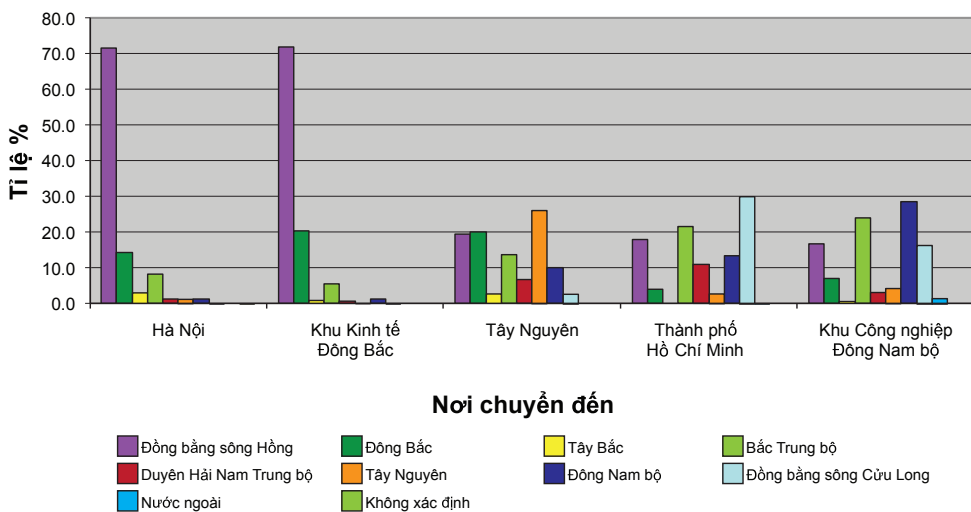
Phần III:
Dòng chảy dân cư và
tài nguyên

Di cư là một hiện tượng xã hội gắn liền với quá trình phát triển của mỗi cộng đồng, quốc gia. Đây cũng là một quy luật khách quan, phản ánh tính chủ động và nhu cầu của con người tìm đến cuộc sống tốt đẹp, an toàn và thịnh vượng hơn. Tục ngữ Việt Nam tổng kết: “đất lành chim đậu”. Những nơi có nguồn tài nguyên thường là điểm đến của các nhóm người di cư. Ở một số nhóm dân tộc ở Việt Nam, du canh du cư từng là truyền thống sinh sống lâu đời. Cuộc sống của họ gắn liền với những cuộc chinh phục miền đất mới dồi dào tài nguyên hơn nơi ở cũ.

Với một đất nước có diện tích không lớn nhưng dân số khá đông như Việt Nam, vấn đề ổn định dân cư và di dân có tổ chức đã được thực hiện khá sớm. Các chương trình di dân có kế hoạch theo chủ trương của nhà nước nhằm phân bố lại dân cư, xây dựng các vùng kinh tế mới, ổn định đời sống nhân dân đã được triển khai từ những năm 1960. Nhà nước đã đầu tư rất lớn và có trọng điểm vào các chương trình định canh, định cư giúp các cộng đồng dân tộc miền núi xóa bỏ tập quán du canh, du cư. Về cơ bản, phân bố dân cư trên toàn quốc đã đi vào ổn định.

Tây Nguyên là một trong những khu vực hấp dẫn di cư do nguồn tài nguyên dồi dào, mật độ dân cư thưa hơn các vùng khác. Với nguồn tài nguyên đất bazan màu mỡ phù hợp với việc trồng các loại cây kinh tế như cà phê, hồ tiêu, điều, ... Tây Nguyên trở thành lựa chọn hàng đầu cho hàng ngàn người dân từ những vùng quê nghèo đến sinh sống, lập nghiệp mang theo giấc mơ làm giàu. Trong giai đoạn 1995 – 1999, khi giá cà phê tăng cao, số lượng dân di cư đến Tây Nguyên tăng vọt. Phần lớn dân di cư là người nghèo, với khoảng 30% là người dân tộc thiểu số từ các tỉnh miền núi phía Bắc.⁵ Di cư ồ ạt đã thay đổi hoàn toàn thành phần dân cư ở khu vực Tây Nguyên. Theo niên giám thống kê năm 2002, người dân bản địa chỉ chiếm 26,1% dân số. Phần lớn dân cư còn lại là người di cư từ các tỉnh miền Bắc.

⁵ *Đánh giá nghèo theo vùng tại vùng ven biển miền Trung và Tây Nguyên. Nhóm hành động chống đói nghèo. 2003.*



Phân bố nguồn đi và đến của người di cư.

Nguồn: Số liệu điều tra di cư Việt Nam năm 2004. Tổng cục Thống kê.

Số liệu điều tra di cư của Tổng cục Thống kê năm 2004 cho thấy ngoài di cư nội vùng thì nguồn di cư chủ yếu đến Tây Nguyên là từ các tỉnh phía Bắc với 52,6% từ khu vực đồng bằng sông Hồng, Đông Bắc và Bắc Trung Bộ. Điều đáng lo ngại là hiện tượng di cư tự do đang diễn ra một cách khó kiểm soát trong những năm gần đây. Trong giai đoạn 1991 – 2005, đã có gần 130.000 hộ dân di cư tới các tỉnh Tây Nguyên.⁶ Riêng ở Đắk Nông, theo báo cáo của UBND tỉnh, từ năm 2004 đến nay có khoảng 3.000 hộ dân với 14.000 người di cư tự do từ phía Bắc vào địa phương.⁷

Di cư tự do đe dọa phá vỡ quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh Tây Nguyên và phân tán nguồn lực đầu tư phát triển do một tỉ lệ ngân sách lớn phải chuyển sang giải quyết cơ sở hạ tầng và các vấn đề nảy sinh nằm ngoài kế hoạch. Bên cạnh đó, cơ cấu sử dụng đất bị xáo trộn, không thể kiểm soát được do áp lực tăng dân số cơ học. Những hộ di cư vào sau thường ít có cơ hội để chiếm hữu được nhiều đất đai hơn những người đã đến khu vực này lâu hơn. Một khi dòng người di cư vẫn chưa kiểm soát được thì nguy cơ gia tăng khoảng cách giàu nghèo là không tránh khỏi. Đây là áp lực lên các chính sách kinh tế xã hội của các địa phương có nhiều người di cư đến.

⁶ <http://www.vietnamnet.vn/xahoi/doisong/2006/07/592150/>

⁷ <http://www.vtv.vn/VN/TrangChu/TinTuc/CKX/2008/6/13/163157/>

Nguồn tài nguyên rừng ở Tây Nguyên đang bị tàn phá với tốc độ báo động. Riêng ở tỉnh Đắk Nông, trong 4 năm (2004-2007), đã có 1.222 ha rừng bị tàn phá do hậu quả của di dân tự do.⁸ Diện tích rừng giàu có bị biến thành các nương rẫy cà phê và các loại cây kinh tế khác. Bên cạnh đó, một số chính sách như đổi rừng lấy cao su ở Gia Lai đã tạo kẽ hở cho việc phá rừng “hợp pháp”. Sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến gỗ ở khu vực này cũng là một yếu tố quan trọng dẫn đến mất rừng.

Độ che phủ của rừng bị thu hẹp, độc canh cây công nghiệp, khai thác nước ngầm quá mức, ... đã dẫn đến hiện tượng khan hiếm nước vào mùa khô. Ngược lại, vào mùa mưa thì nguy cơ lũ lụt diễn ra nhiều hơn. Diễn biến khí hậu ở khu vực này trong những năm gần đây đã chứng minh hậu quả của việc phá rừng phòng hộ đầu nguồn. Đáng lưu ý là hiện tượng nhiều nhóm người di dân tự do thường khai phá đất ở những khu vực rừng nguyên sinh, xa khu vực dân cư để tránh sự quản lý của các cơ quan chức năng. Việc xâm lấn tài nguyên để lấy đất sản xuất đang ngày càng đe dọa lên an ninh môi trường của cả khu vực Tây Nguyên.

Quản lý lương di dân tự do đang trở thành thách thức lớn đối với chính quyền địa phương các tỉnh Tây Nguyên cũng như triển vọng phát triển bền vững của khu vực này. Bên cạnh suy thoái môi trường và phá vỡ an ninh sinh thái, những nguy cơ về bất ổn xã hội, “sốc” văn hóa, tranh chấp tài nguyên giữa các cộng đồng di cư và bản địa, giữa bản thân các cộng đồng di cư, giữa người di cư và các cơ quan quản lý, ... là những vấn đề có thể nảy sinh.

Việc chuyển hóa tài nguyên đất rừng thành đất thâm canh cây công nghiệp, nông nghiệp ngoài việc phá vỡ cân bằng tự nhiên còn gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế vùng vào thị trường thế giới. Với sự “nhập khẩu” ngoài ý muốn một số lượng lớn người nghèo, thiếu kinh nghiệm sản xuất và quản lý tài nguyên từ nơi khác, rõ ràng việc đảm bảo ổn định kinh tế xã hội của khu vực này sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

⁸ <http://www.vtv.vn/VN/TrangChu/TinTuc/CKX/2008/6/13/163157/>

DÀNH CHO NHÀ BÁO

Thuật ngữ

- Di cư: là sự thay đổi chỗ ở của các cá thể hay các nhóm người để tìm chỗ ở tốt hơn, phù hợp hơn nơi ở cũ để định cư. Những cá nhân tham gia vào việc di chuyển chỗ ở là dân di cư. Các lý do chính của di cư là kinh tế, chiến tranh, chính trị và thiên tai.
- Kiến thức bản địa: chỉ những thành phần kiến thức hoàn thiện được duy trì, phát triển trong một thời gian dài với sự tương tác qua lại rất gần gũi giữa con người với môi trường tự nhiên. Tập hợp những hiểu biết, kiến thức và ý nghĩa này là một phần của tổng hòa văn hoá bao gồm cả hệ thống ngôn ngữ, cách định danh và phân loại, phương thức sử dụng tài nguyên, các lễ nghi, giá trị tinh thần và thế giới quan.
- An ninh môi trường: là trạng thái mà một hệ thống môi trường có khả năng đảm bảo điều kiện sống an toàn cho con người sinh sống trong hệ thống đó. Hệ thống môi trường bị mất an ninh có thể do các nguyên nhân tự nhiên (thiên tai, biến cố thiên nhiên) hoặc do các hoạt động của con người (khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, thải chất độc vào môi trường gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, suy giảm đa dạng sinh học, ...) hoặc phối hợp tác động của cả hai nguyên nhân trên.

Tài liệu nên đọc

- Di cư trong nước và mối liên hệ với các sự kiện của cuộc sống. Tổng cục Thống kê, Quyển Dân số Liên hợp quốc. 2006.
- Báo cáo nghiên cứu tham vấn hiện trường khu vực Tây Nguyên về lâm nghiệp, giảm nghèo và sinh kế nông thôn. PGS. TS Bảo Huy và cộng sự. Chương trình Hỗ trợ ngành lâm nghiệp và đối tác, Bộ NN và PTNT. 8/2005.

Tham khảo trực tuyến

- Số liệu điều tra di cư Việt Nam năm 2004: <http://tinyurl.com/dicu2004>
- Chuyên đề “Di cư tự do và sức ép lên tài nguyên”: <http://tinyurl.com/dicutudo>
- Cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn: <http://www.dcrd.gov.vn>
- Trang tin điện tử Ủy ban Dân tộc: <http://www.ubdt.gov.vn>
- Hội Dân tộc học Việt Nam: <http://www.vae.org.vn/>
- Website năm quốc tế miền núi: <http://www.mountains2002.netnam.vn/>
- Các dân tộc Việt Nam: <http://tinyurl.com/cacdantoc>



Dân di cư tự do ở Đắk R'ông,
huyện Đắk Glong, Đắk Nông.
(Ảnh: Hồng Linh)

Giữa rừng đại ngàn Tây Nguyên: Nỗi lo dân di cư tự do

Hồng Linh

Tây Nguyên - vùng đất hùng vĩ với những cánh rừng già trập trùng bát ngát, với nguồn tài nguyên nông lâm giàu có - được ví như buồng phổi cân bằng sinh thái môi trường cho dải đất miền Trung và Đông Nam Bộ của đất nước. Nhưng giờ đây, nguồn tài nguyên quý giá từ rừng Tây Nguyên đang bị con người khai thác triệt để, thay vào đó bằng bạt ngàn nương rẫy cà phê, hồ tiêu, điều hay những đôi trục gỗ đầu bất tận.

Cũng không quá khó hiểu khi thiên nhiên nổi giận, phản ứng lại hành vi phá rừng không thương tiếc của con người bằng cơn lũ lịch sử chưa từng có tháng 08/2007 ở hai tỉnh Đắk Nông, Đắk Lắk, cướp đi sinh mạng hơn 20 người, cuốn trôi hàng ngàn căn nhà cùng hàng trăm ngàn ha hoa màu. Phá rừng và giữ rừng đang trở thành vấn đề nóng bỏng, cam go và nan giải đối với các tỉnh Tây Nguyên trước làn sóng dân di cư tự do ồ ạt.

Đắk Lắk và Đắk Nông là 2 tỉnh có số lượng dân di cư tự do nhiều nhất ở Tây Nguyên hiện nay. Lượng di dân đổ về không ngừng khiến cho các cấp chính quyền địa phương không khỏi lúng túng. Bên cạnh những trần trở không để di dân đói khổ, dịch bệnh, được hưởng điện, đường, trường, trạm, có đất sản xuất, chính quyền địa phương còn canh cánh một nỗi lo lớn, ấy là nỗi lo về tình trạng phá rừng làm nương rẫy của dân di cư. Ở nhiều nơi, vấn đề chăm lo cuộc sống và quản lý di dân đã vượt quá tầm của các địa phương, trong khi đời sống của người dân vẫn diễn ra hết sức cơ cực nơi rừng thiêng nước độc.

Chúng tôi tìm đến huyện Ea Súp (Đắk Lắk), một địa phương có lượng di dân tự do lớn nhất, đang diễn ra nóng bỏng nhất và đáng lo ngại nhất cho những cánh rừng đầu nguồn Ea Súp Thượng. Ông Phan Xuân Linh - Chủ tịch UBND huyện Ea Súp cho biết, huyện có gần 55 nghìn dân thì lượng dân di cư tự do chiếm tới 2/3 và hàng ngày di dân vẫn tiếp tục “nhảy dù” vào những cánh rừng sâu heo hút khiến cho địa phương hết sức lo ngại. Cả huyện tính đến năm 2007 có gần 40% hộ nghèo.

Theo chỉ dẫn của ông Linh, chúng tôi lặn lội vào xã Cư Kbang, một xã 100% di dân tự do, mới được thành lập. Anh Đàm Văn

Hà - Phó chủ tịch xã, một người di dân tự do cho biết, xã có 5.000 khẩu, bà con đều từ các tỉnh phía Bắc vào đây.

Thôn mới nhất của xã là thôn 13, gồm 44 hộ dân người Hmông quê gốc ở Lào Cai, Cao Bằng ... từ Bình Thuận đổ về từ tháng 04/2007. Chính quyền sở tại đã phải đốc sức xin để xuất cấp cho mỗi hộ 400m² ở và 4000m² đất sản xuất để bà con an cư lập nghiệp. Chúng tôi ghé vào thăm một căn nhà tranh vách nửa xiêu vẹo. Anh Yang Xeo Văn - chủ nhà cho biết: “Mặc dù có đất sản xuất nhưng nhà mình có 5 khẩu, làm lúa cũng chỉ đủ ăn 8 tháng, còn 4 tháng là đói”.

Chúng tôi vượt gần 200 km đường đất đỏ bụi mù mịt để đến xã Đắk Rmăng, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, nơi có 14 cụm dân di cư tự do với hơn 4000 khẩu sống gần như tách biệt với thế giới bên ngoài. Sau khi vượt qua Đèo Đá Mang Mười quanh co khúc khuỷu và gần 1 giờ lội suối, leo hết mấy con đường đèo dốc dựng đứng, cụm dân cư số 1 hiện ra với những căn nhà tranh vách nửa xiêu vẹo ẩn hiện nơi góc rừng.

Khung cảnh vắng vẻ và hiu hắt, như nói lên phần nào cái đói nghèo, lạc hậu song hành với người dân nơi đây. Đi mỗi chân, chúng tôi mới gặp được mấy cháu bé đứng



Đồng bào dân tộc Mông trên đất Tây Nguyên.
(Ảnh: PanNature)

khép nép sợ sệt khi thấy người lạ. Chúng tôi vào thăm nhà già Vàng A Phao, một căn nhà tranh vách nứa rộng chừng 10m² trống tuênh toàng, chẳng có đồ dùng sinh hoạt gì đáng giá, ngoại trừ mấy cái xong nôi treo lơ lửng nơi góc nhà.

Theo lời già A Phao thì xóm này có 300 hộ dân di cư tự do, quê ở Lai Châu vào đây lập nghiệp từ năm 2001. Là dân di cư tự do nên họ không hề khai báo với chính quyền sở tại mà âm thầm chọn những cánh rừng xa xôi, heo hút gần con suối dựng nhà lập xóm. Họ nhẫn nại, chịu khó làm thuê kiếm sống, rồi đốt rừng làm rẫy, cuộc sống nghèo nàn, lạc hậu, đập đổi qua ngày. Năm giữa địa bàn xa xôi hiểm trở và phải lo cái ăn từng bữa nên hầu như trẻ em ở đây không được đến lớp học mà phải theo chân cha mẹ lên nương, xuống suối. Mỗi năm, khoản trợ cấp mà họ nhận được từ xã là 5 lít dầu và mấy bao muối.

Nhiều tập tục lạc hậu vẫn còn hiện diện trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của họ,

đặc biệt tình trạng tảo hôn. Chúng tôi bắt gặp những bà mẹ ở độ tuổi 14 - 15, tuổi mà các em lẽ ra đang cắp sách đến trường.

Mọi liên lạc, giao lưu với thế giới bên ngoài gần như không có, vào mùa mưa lại càng khó khăn hơn. Anh Vàng A Thỉnh cho biết: “cứ 3 ngày cả xóm họp lại cử ra một người đi xuống chợ mua vật dụng sinh hoạt cần thiết cho cả xóm”.

Khi ai đó đau ốm, bệnh tật cũng chỉ được chữa trị theo cách dân gian thông thường. Già A Phao ngậm ngùi: “Già ao ước có một cái ra-đi-ô để nghe tin tức ở bên ngoài xã hội, nhưng đến giờ nó vẫn chưa thành hiện thực”.

Dân di cư tự do ở 14 cụm xã Đăk Rmăng nói riêng và các tỉnh Tây Nguyên nói chung đang phải đối mặt với cái đói, cái nghèo và nỗi lo lắng về những ngày phía trước không biết đi đâu về đâu.

Theo lời anh Nguyễn Trọng Lực, Phó trưởng ban Công an xã, chính quyền xã gặp rất nhiều khó khăn trong công tác quản lý nhân khẩu dân di cư tự do, và điều nhức nhối nhất vẫn là bảo vệ rừng trước việc người dân xâm hại, đốt rừng làm rẫy.

Rừng bị phá tàn khốc.
(Ảnh: Đỗ Doãn Hoàng)



II Nỗi lo của rừng

Dân di cư tự do thường nhờ những người địa phương am hiểu địa bàn chỉ mới hoặc sẵn sàng chi trả tiền cò từ 2 - 5 triệu/hộ cho những kẻ “chỉ trở” chuyên nghiệp để tìm đến những vùng đất có thể sinh sống và tồn tại. Các hộ dân cử ra những người có sức khoẻ đi “tiền trạm” dựng lều trại, phá rừng làm nương rẫy, khi có lương thực họ mới đưa toàn bộ gia đình vào. “Bến đấp” của dân di cư tự do đến là những cánh rừng già heo hút và sâu thẳm nên rất khó

cho việc quản lý của chính quyền địa phương, khi phát hiện được thì là chuyện đã rồi! Để tồn tại, di dân phải nhờ vào kỹ năng hơn hẳn cư dân bản địa trong việc phá rừng làm nương rẫy và săn bắt động vật rừng, do đó tài nguyên rừng bị khai thác không thương tiếc. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm giữ rừng cố gắng đến mấy cũng chỉ hạn chế được phần nào, đôi khi còn gặp sự chống đối quyết liệt từ di dân.

Ông Đỗ Ngọc Duyên - Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông cho biết trong hai tháng đầu năm 2008, các cơ quan chức năng đã phát hiện 201 vụ vi phạm lâm luật, trong đó có 68 vụ phá rừng làm nương rẫy với 47,62 ha bị tàn phá. Còn tại huyện Ea Súp (Đắk Lắk), cùng kỳ đã phát hiện 41 vụ vi phạm lâm luật, trong đó có 2 vụ di dân phá rừng làm nương rẫy với 2.834 m² ở tiểu khu 278 và 288.

Năm 2007, các cơ quan chức năng tỉnh Đắk Lắk đã phát hiện 1.178 vụ vi phạm lâm luật với 31,9 ha rừng bị chặt phá; trên địa bàn có 1.406 lán trại, trong đó cấp giấy chứng nhận chỉ có 99 lán trại, chiếm 7,04%.

Cũng trong năm này, Đắk Nông đã phát hiện 872 vụ vi phạm lâm luật, trong đó có 171 vụ phá rừng làm nương rẫy với 125,54 ha. Đa số các vụ phá rừng làm nương rẫy của di dân chủ yếu tập trung vào dịp tết Nguyên Đán. Do đó, đối với các chủ rừng gần như không có tết vì họ phải duy trì 100% quần số để lo giữ rừng.

Ông Lương Vĩnh Linh - Giám đốc Vườn quốc gia Chu Yang Sin (huyện Krông Bông, Đắk Lắk) cho biết, lâm tặc không ăn tết nên chúng tôi cũng không có tết. Trong dịp tết, chúng tôi đã phục bắt được 2 vụ vận chuyển gỗ pơ mu (gỗ quý hiếm thuộc nhóm IIA) với hơn 2,3 m³ gỗ. Tết cũng là dịp để các tay súng sẵn ráo riết vào rừng tìm thú để sát hại, chúng tôi đã phát hiện Hà Văn Thợi ở xã Cư Pui đã sát

hại và đang vận chuyển 1 con sơn dương (loài động vật đang có nguy cơ tuyệt chủng). Dịp tết Nguyên đán năm ngoái, 40 con voọc chà vá chân xám (loài đặc hữu của Việt Nam và là 1 trong 25 loài linh trưởng bị đe dọa tuyệt chủng cao nhất trên thế giới) của Vườn Chu Yang Sin đã bị Hoàng Seo Quang và 4 tên khác xả súng giết chết. Chúng sấy khô để bán 1 triệu đồng/kg. Gian nan, vất vả của người giữ rừng là thế, nhiều khi vì nhiệm vụ mà họ còn bị lâm tặc không ngần ngại tấn công phải đổ máu.

Gian nan nghề giữ rừng

Ngay trước tết Nguyên Đán, ông Trần Quyết Tâm - Giám đốc Công ty lâm nghiệp Trường Xuân (huyện Đắk Song, Đắk Nông) vì giữ rừng đã bị các đối tượng lạ mặt chém trọng thương trên đường từ cơ quan về nhà. Trước đó không lâu, 3 cán bộ Lâm trường Đắk Rmăng (huyện Đắk Glong, Đắk Nông) khi phát hiện dân di cư tự do phát rừng trái phép làm nương rẫy đã tiến hành ngăn cản và thu giữ dao, rựa của các đối tượng. Ngay lập tức, nhóm người này huy động một lực lượng đồng dao vây bắt và trói 3 cán bộ lâm trường vào gốc cây. Lâm trường Đắk Rmăng phải cử người tới thương lượng và trả lại dao, rựa đã thu, khi đó họ mới chịu thả 3 cán bộ. Cũng tại địa bàn này, 1 cán bộ công an cũng bị nhóm di dân bắt trói treo lên cây, sau đó đốt lửa ở xung quanh.

Công ty lâm nghiệp Đắk Song (huyện Đắk Song, Đắk Nông) được giao bảo vệ, sản xuất kinh doanh hơn 11 ngàn ha rừng. Trong lâm phần này có nhiều gỗ nhóm I quý giá, đất đai phì nhiêu thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, di dân tự do ở các địa phương khác kéo về ngang nhiên chặt phá cây rừng lấy gỗ, lấy đất sản xuất. Gặp sự kiên quyết của lực lượng bảo vệ rừng họ mạnh động nhiều lần đốt phá trạm bảo vệ rừng, đánh người, hủy hoại tài sản của lực lượng bảo vệ. Chưa dừng lại ở đó, lâm tặc còn lên lút bỏ thuốc trừ sâu xuống giếng nước ăn của anh em bảo vệ.

Sáng ngày 28/05/2007, anh Đặng Bá Hiến, Đội trưởng đội quản lý bảo vệ rừng thuộc Công ty lâm nghiệp Đắk Song cùng với 3 bảo vệ đi tuần tra đã phát hiện trước nhà đối tượng Vinh ở bản Đắk Thốt (bản 100% là dân di cư tự do) đang dùng cửa máy lốc xẻ gỗ trái phép. Khi bảo vệ tới, lâm tặc chạy mang cửa cất giấu và chúng quay lại dùng điện thoại di động gọi đồng bọn tăng cường tới để hành hung bảo vệ. Khi thấy các đối tượng mạnh động và lực lượng đông đảo, anh Hiến đã quyết định rút quân. Chưa dừng lại ở đó, vào lúc 21h30, trên 50 đối tượng sau khi uống rượu đã tiến hành bao vây, đốt cháy Trạm bảo vệ rừng của công ty đóng tại tiểu khu 1127 thuộc địa bàn xã Thuận Hà. Lúc đó trong trạm có 3 bảo vệ là anh Hiếu, Sơn, Cường đang ngủ; các đối tượng đã hành hung anh Hiếu và Sơn, đồng thời đổ xăng lên người anh Trần Xuân Cường để đốt

nhưng anh Cường nhanh chân chạy thoát thân vào rừng. Sau khi đánh người, nhóm người này đã phóng lửa đốt trạm cháy rụi.

Trước đó, vào ngày 31/03/2006, trạm bảo vệ này đã bị trên 40 lâm tặc đập phá sập hoàn toàn, khi bà Thái Thị Tú Anh, Giám đốc Công ty lâm nghiệp Đắk Song vào giải quyết vụ việc thì bị lâm tặc bao vây không cho đi về cho tới khi lực lượng Công an huyện Đắk Song vào ứng cứu. Mặc dù chính quyền địa phương và Công ty lâm nghiệp Đắk Song đã tạo điều kiện cấp đất sản xuất và cho xen canh trên diện tích đất công ty nhưng các hộ dân này vẫn ngang nhiên phá rừng lấy gỗ, lấy đất lập trang trại. Khi lực lượng bảo vệ phát hiện vụ vi phạm nào và muốn xử lý thì ngay lập tức các hộ dân trên huy động hàng trăm người già, trẻ em và phụ nữ bao vây bảo vệ vòng trong, còn thanh thiếu niên bao vây vòng ngoài la hét khủng bố lực lượng thi hành nhiệm vụ. Tổ tuần tra bảo vệ đã nhiều lần phải dờ khóc dờ cười khi phát hiện các đối tượng đang phá rừng làm rẫy, khi lực lượng tới, đàn ông thì chạy trốn vào rừng, còn phụ nữ không chạy mà đứng lại cởi bỏ hết quần áo, mình trần như nhộng và miệng la hét vu cáo bảo vệ(!). Sau sự kiện đêm 28/05, lực lượng bảo vệ công ty buộc phải rút ra, ngay lập tức trên 50 ha trồng cây xoan được 2 năm tuổi của đơn vị bị người dân chặt phá trả thù, gây thiệt hại hàng tỷ đồng, nhiều diện tích rừng nhanh chóng bị tranh thủ chặt phá.



Cuộc sống của người dân di cư tại thôn mới Cư K'bang.
(Ảnh: PanNature)

III Áp lực nhiều phía

Việc dân di cư tự do ào ạt đổ vào các tỉnh Tây Nguyên đã gây ra một áp lực rất lớn ảnh hưởng đến tình hình kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng của các địa phương. Di dân khi đặt chân đến vùng đất mới có đời sống vô cùng khó khăn, họ sinh sống rải rác trên các khu đất sản xuất, hoặc sống sâu trong các khu rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, xa các khu trung tâm, điều kiện sản xuất khó khăn, không có điều kiện khám chữa bệnh, con em không được đến trường, tỷ lệ thất học và mù chữ cao, nhiều thủ tục lạc hậu - mê tín vẫn còn tồn tại... Tình trạng du canh, du cư của di dân vẫn diễn ra thường xuyên dẫn đến những khu rừng tiếp tục bị tàn phá, gây tác động xấu đến bảo vệ môi trường sinh thái và ảnh hưởng lớn đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tại nhiều nơi dân di cư tự do sinh sống xảy ra nhiều loại tệ nạn xã hội như cờ bạc, nghiện hút, mua bán, sang nhượng, tranh chấp đất đai giữa di dân với dân sở tại, giữa các nhóm di dân với nhau, trong khi đói nghèo phổ biến, tạo điều kiện cho một số kẻ lợi dụng dân tộc, tôn giáo, gây mất tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc anh em. Những nguyên nhân đó gây nên mất ổn định tình hình an ninh, chính trị xã hội và cũng gây không ít khó khăn cho địa phương về quản lý nhân hộ khẩu cũng như quy hoạch bố trí, sắp xếp dân cư.

Số hộ đói nghèo chủ yếu sống trong các vùng khó khăn, thiếu đất sản xuất hoặc đất xấu, đất bạc màu không thể canh tác. Họ sống ở những khu vực chưa có cơ sở hạ tầng, thiếu nước sinh hoạt và nước phục vụ sản xuất. Một số di dân bị mất đất do

lần sóng nhập cư ồ ạt của một số hộ nghèo mới di cư vào 3 - 4 năm gần đây, họ không có tiền mua đất và phải đi làm thuê, tỷ lệ đói nghèo chiếm trên 51%. Điển hình như khu vực Trung đoàn 720 thuộc Binh đoàn 16 (xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức, Đăk Nông) có 384 hộ dân với gần 2000 khẩu với lý do vào thăm bà con (từ năm 2003) rồi ở lại luôn, hiện vẫn chưa có đất ở và đất sản xuất. Đó là một vấn đề hết sức nan giải đối với Tuy Đức, một huyện biên giới mới được thành lập, còn gặp nhiều khó khăn.

Còn tại Vườn quốc gia Yok Đôn (Đăk Lăk), nỗi lo lớn nhất của vườn là ngay tại “lõi” vườn, buôn Drang Phok (xã Krông Ana, huyện Buôn Đôn) có 85 hộ dân (cách đây 1 năm chỉ có 63 hộ) thì có tới 65 cửa máy, 30 xe máy cày chuyên đi rừng khai thác gỗ trái phép.

Điểm dân cư Drang Phok sẽ “phình” ra và cứ theo đà này, chắc chắn không xa một xã mới sẽ hình thành ở ngay vùng lõi của vườn, khi đó một diện tích rừng đặc dụng không nhỏ sẽ tan hoang, tỷ lệ thuận việc tăng dân số. Vườn đã nhiều lần đề xuất lên huyện và tỉnh về việc phải di dời người dân buôn Drang Phok ra khỏi vùng “lõi” của vườn, nhưng cho đến bây giờ địa phương vẫn chưa đồng ý (!).

Dân di cư tự do cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đăk Nông. Năm 2007, trên địa bàn Đăk Nông có trên 60 hồ sơ dự án của các đơn vị, tổ chức kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp.

Sau 2 năm chờ đợi xét duyệt, số dự án đã khảo sát xác định được quy mô diện tích, địa điểm để xây dựng dự án đầu tư là 39 hồ sơ, với tổng diện tích là 32.976,1 ha. Trong đó, 9 dự án được UBND tỉnh quyết định cho thuê đất có diện tích là 11.817,8 ha; nhưng việc triển khai dự án thì như “rùa bò”, cho đến bây giờ diện tích rừng được trồng là 1.753 ha và 170 ha cao su.

Theo đánh giá của Sở NN&PTNT tỉnh Đăk Nông, kết quả thực hiện các dự án đầu tư sản xuất nông - lâm nghiệp là không cao, chậm tiến độ và chưa phát huy được chính sách thu hút đầu tư của tỉnh.

Qua tìm hiểu nguyên nhân, chúng tôi được biết, các chủ đầu tư tự phải đi liên hệ tìm quỹ đất, khi được phê duyệt rồi thì diện tích đất không có rừng trong các dự án chủ yếu là đất xâm canh làm nương rẫy của di dân, việc thoả thuận giữ các chủ đầu tư với các hộ dân có đất để đưa vào thực hiện dự án gặp nhiều khó khăn, người dân không đồng ý, hoặc đòi đền bù quá cao nên chủ đầu tư không đáp ứng được.

Rừng và đất rừng thuộc các khu vực đang trong quá trình xây dựng dự án có nhiều biến động so với kết quả điều tra ban đầu vì các hộ dân xâm canh, lấn chiếm, khai thác gỗ... Đây là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng các dự án sau khi được tỉnh cho thuê đất, nhưng không tổ chức bàn giao được ngay cho chủ đầu tư để đưa vào triển khai thực hiện dự án. Nhiều chủ đầu tư đã phải “bỏ của chạy lấy người”, không hện ngày gặp lại Đăk Nông.



Bài toán khó cho các tỉnh Tây Nguyên

Việc chăm lo cuộc sống, quy hoạch khu định cư, xây dựng cơ sở hạ tầng, cũng như cấp đất ở và đất sản xuất cho dân di cư tự do là vấn đề hết sức nan giải cho các địa phương, trong khi chưa lo kịp đợt di dân vừa tới thì hàng ngày phải lo “tiếp đón” thêm dân từ nơi khác đổ về. Và cứ một điệp khúc “luẩn quẩn” khi có di dân tới, xã làm văn bản “kêu” huyện, huyện lại báo cáo tỉnh, còn tỉnh thì xin ý kiến của Chính phủ. Đó là cả một quá trình kéo dài không ít thời gian, trong khi địa phương phải lo cho cuộc sống di dân hàng ngày, đồng thời cũng phải canh chừng không cho họ nhảy vào phá rừng làm nương rẫy.

Theo ông Phan Xuân Linh- Chủ tịch huyện Ea Súp (Đắk Lắk), huyện đang tập trung

nguồn lực để xây dựng cơ sở hạ tầng, cấp đất ở và sản xuất cho 5.000 khẩu là dân di cư tự do ở xã mới thành lập Cư KBang.

Trong khi đang trao đổi với chúng tôi, ông Linh nhận được điện thoại từ xã Cư Kbang gọi về xin ý kiến chỉ đạo của huyện về việc xã vừa phát hiện 10 hộ dân di cư tự do với 59 khẩu mới đổ bộ vào cánh rừng của xã để phát rừng dựng nhà lập xóm, hiện số dân tạm được đưa về sống tạm ở hội trường thôn 4 chờ ý kiến chỉ đạo.

Bản thân huyện cũng đang “lúng túng chưa biết phải bố trí các hộ dân di cư tự do mới tới ở đâu vì phải xin ý kiến của tỉnh. Ông Linh tâm sự: “Giải pháp còn nan giải lắm. Trước mắt cứ phải gom họ lại đó. Chỗ nào còn trống đã chia cho dân cũ rồi, có còn chỗ nào dư để bố trí đâu. Đất của Ea Súp chỉ còn đất có rừng, muốn bố trí cho di dân thì phải xin chuyển đổi mục

đích sử dụng và việc quyết định chuyển đổi lại là của cấp trên. Chính vì thế mà dân chúng tôi gom ở đây có khi tới vài ngày cũng không giải quyết được, rất bức xúc.”

Còn tại xã Đăk Ngo (huyện Tuy Đức, Đăk Nông), gần 2.000 khẩu đờ bỏ vào đã làm phá vỡ quy hoạch tại địa phương, gây ra nạn chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng ... làm ảnh hưởng đến kinh tế, an ninh chính trị của địa phương. UBND tỉnh Đăk Nông đã có công văn số 29/BC-UBND về việc xin ý kiến chỉ đạo của Chính phủ về DDCTD ở Đăk Nông. Ngày 11/03/2008, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 1527/VPCP-NN, trong đó có nêu ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải: “UBND tỉnh Điện Biên (nơi có dân tới Đăk Nông) chỉ đạo các cơ quan chức năng và chính quyền các cấp tăng cường quản lý dân trên địa bàn, không để tình trạng dân di cư tự do ... Phối hợp với Đăk Nông giải quyết số hộ dân di cư tự do trái phép ở xã Đăk Ngo ...”.

Được biết, tỉnh Đăk Nông đã xây dựng dự án tổng quan ổn định dân di cư tự do trên địa bàn với tổng số vốn được phê duyệt là 409 tỷ đồng, nhưng mỗi năm Trung ương chỉ đầu tư 5-6 tỷ đồng, đạt 12-15%. Trong khi Đăk Nông là một tỉnh nghèo, ngân sách địa phương không thể cân đối, huy động nguồn vốn của địa phương để hỗ trợ cho các dự án bố trí, sắp xếp, ổn định dân di cư tự do.

Đứng trước áp lực từ dân di cư tự do, Đăk Nông đã đề nghị Chính phủ xem xét, hỗ

trợ hàng năm 30-40 tỷ đồng và chuyển đổi từ 500 đến 1.000 ha đất lâm nghiệp (không còn rừng, hoặc rừng nghèo kiệt) sang đất nông nghiệp để thực hiện mục tiêu của các dự án ổn định di dân.

Theo một số vị lãnh đạo, để ngăn chặn hiện tượng di cư tự do tiếp tục đến Tây Nguyên, Chính phủ cần yêu cầu các tỉnh có dân di cư tự do đến Tây Nguyên thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của Chính phủ tại Hội nghị bàn biện pháp giải quyết tình trạng di dân tự do đến các tỉnh Tây Nguyên, cụ thể là cần phối hợp chặt chẽ với các tỉnh Tây Nguyên trong việc sắp xếp ổn định số di dân đã đến trước ngày 13/03/2002. Đồng thời, nếu việc đưa các hộ di cư tự do sau ngày 13/03/2002 về quê cũ không khả thi thì các tỉnh có dân đi phải có kế hoạch phối hợp với các tỉnh có dân đến (Tây Nguyên) đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để ổn định cho số hộ dân đó và phải kiên quyết ngăn chặn không để dân di cư tự do đến Tây Nguyên nữa.

Tóm lại, việc giải quyết tình trạng di dân tự do không phải là trách nhiệm của riêng bất cứ địa phương nào, mà là nhiệm vụ tổng thể. Nhất là cần phải có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ và thường xuyên của những tỉnh có dân đi và các tỉnh có dân tới, có như thế mục tiêu phấn đấu đến năm 2010 tình trạng dân di cư tự do cơ bản mới có thể được chấm dứt; đồng thời ổn định và nâng cao đời sống đối với những hộ di dân ở những nơi cần bố trí, sắp xếp theo quy hoạch và kế hoạch.

Lời nguyện từ những cánh rừng Đắk Sin

Hoàng Thiên Nga

I Rừng già biến mất, tiền chảy về đâu?

Lần đầu tôi đến Đắk Sin, ngỡ ngàng nhìn đôi cao lũng thấp tua tủa cọc tiêu chới với in trên nền trời như hàng triệu cánh tay rừng kêu cứu, nhưng những tỉ phú sống trên xác rừng thì hớn hờ mùa vụ bội thu. Tám năm sau trở lại, trên triệu ngón tay khô ấy rũ rượi những mớ dây tiêu vàng vọt ngắc ngoải sâu bệnh lan tràn. Còn mỗi mặt người đều hằn sâu vẻ mỗi mệt buồn bã, muốn rời bỏ nơi này ra đi...



Rừng chết, tiêu cũng tiêu điều.
(Ảnh: PanNature)

Rừng già biến thành “bãi công”

Hơn ba mươi năm trước, nơi đây bạt ngàn rừng thẳm. Năm 1977 đợt chuyển dân kinh tế mới đầu tiên từ Thái Bình vào đây đã hình thành nên hợp tác xã Hồng An, thuộc xã Đạo Nghĩa, huyện Đắk Rlấp. Nông dân vùng đất chật người đông mang kinh nghiệm trồng trọt từ đồng bằng Bắc bộ đến khai phá những vạt ruộng hoang mỡ màu, gieo trồng lúa ngô khoai sắn, cuộc sống êm ả xuôi dòng, người với rừng nương tựa cộng sinh. Cho tới năm 1992, sau nhiều đợt kinh tế mới khác đến Đắk Sin đánh dấu bằng việc tách đôi xã Đạo Nghĩa, những lũng đồi xanh tươi nơi đây vẫn thừa thớt bóng người, tính cả bon làng đồng bào Mạ định cư từ ngày xưa ngày xưa cũng chưa tới ba trăm nóc nhà sớm chiều khói ảm.

Địa hình cao nguyên Đắk Nông trùng điệp thung lũng núi đồi đan xen vào nhau, thoải thoải, tròn trịa lò xô như bát úp. Trong 6.000 quả đồi toàn tỉnh, có hàng nghìn quả đồi chỉ lơ phơ có sắc trên nền quặng bôxít lộ thiên, nhưng ở Đắk Sin gần trăm quả đồi màu mỡ đất bazan phủ kín rừng già xanh thẳm. Dưới chân đồi, những con suối trong vắt róc rách quanh năm hứa hẹn cho nguồn nước tươi không

bao giờ cạn. Hình như hạt gì gieo xuống đất này cũng hứa hẹn mùa vàng. Nhiều năm đầu việc canh tác hoa màu, ngũ cốc giá rẻ chỉ đủ áo ấm cơm no cho mức sống tự cung tự cấp. Có người thử trồng tiêu, tiêu lên nhanh như thổi, lên 2 tuổi đã lúc liu trái thơm nồng. Tính nhẩm đơn sơ vài phép cộng trừ cũng có thể thấy trên đất này không có nghề gì mau làm giàu bằng trồng tiêu.

Tiếng đồn vang xa. Dân tứ xứ lập tức lũ lượt đổ về xã mới Đắk Sin phá rừng như bão cuốn. Công an, kiểm lâm, chính quyền bắt lực trước đủ kiểu phá rừng bí mật, công khai, lì lợm, lấp lũng mua bán san nhượng, hối lộ xin “cho qua”. Núi đồi Đắk Sin nhanh chóng bị cạo gọt, cỏ cây bị nung đốt thành tro than. Giữa lớp lớp cây rừng đổ xuống, những thân gỗ quý không sợ mối mọt được chọn ra, đeo gọt thành trụ và chôn ... trên chính mảnh đất nó đã đổ xuống, để làm cọc cho tiêu. Vùng nào rừng nghèo, cây thưa không đủ chọn cọc tiêu thì sẽ có thêm những khoảnh rừng nơi khác bị tàn phá. Nghề phá rừng, nghề buôn đất, nghề bán giống và bán cọc tiêu sinh sôi như nấm độc sau mưa.

Từ mười nghìn một bầu tiêu giống, tới mùa cao điểm hạ tiêu xuống hố giá mỗi bầu tiêu lên tới mười lăm, hai mươi nghìn,

dân Đắc Sin vẫn tranh nhau mua. Giống tiêu không cần điều tra rõ nguồn gốc, chỉ cần đủ độ dài và mắt rể để vùi xuống đất này mầm ngay. Không ít kẻ bắt lương đã chờ đêm tối đột nhập vào các vườn tiêu xanh ở các huyện xa để cắt trộm dây về ngắt đoạn, ương bầu. Nạn cắt trộm dây tiêu rộ lên khắp tỉnh như nhà tranh gặp lửa mùa gió, bao nhiêu khổ chủ nước mắt ngấn dài biết vườn tiêu của mình trôi về hướng Đắc Sin mà bó tay, không kiện cáo gì được.

Cọc tiêu ban đầu được chuộng nhất là lõi cầm xe, lõi mít, cà chít, muồng đen. Lái gỗ cũng chính là làm tặc, đổ từng đống cọc ngổn ngang cho chủ vườn tha hồ lựa. Sau, cung không đủ cầu, người ta tận dụng cả các loại cây chai, dầu gió, dầu đất. Mỗi hecta cần 1.100 trụ khô. Giá mỗi cọc chừng năm, sáu mươi nghìn. Hai thanh niên, một cái cưa và một chiếc xe cải tiến mỗi ngày cưa đổ vài chục cây rừng là có thể bỏ túi tiền triệu. Cũng có người ít nhiều biết thương rừng khấn gỏi về đồng bằng, ra tận đảo Phú Quốc học tập kinh nghiệm trồng tiêu trên thân cây sống vòng, keo, trôm, muồng đen, như kiểu trâu bò lên cau; hay xây trụ gạch cao dần hàng năm theo đà phát triển của dây tiêu như cách làm phổ biến ở Đồng Nai, Long Thành.

Nhưng rồi tính đếm lời lãi tới lui họ đều thấy xây trụ tốn quá nhiều tiền, trồng cọc sống tốn quá nhiều phân nên quanh đi quẩn lại cũng quay về chấp nhận tiếp tay cho lâm tặc phá rừng lấy trụ gỗ chết làm điểm tựa cho đời tiêu, nhanh gọn, đỡ tốn. Lâu lâu, lương tâm áy náy thì tặc lưỡi : Chậc! Rừng luông tuông không rào giậu cửa ngõ, bảo vệ lỏng lẻo tiêu cực kiểu này thì mình không nở phá cũng có đứa khác phá mất thôi!

Kỹ sư lâm sinh Ngô Xuân Lộc- phó Chủ tịch UBND huyện Đắc Rlập đưa tôi đi từ đầu đến cuối xã Đắc Sin. Đứng từ đồi cao trông xuống dải cọc tiêu xám xịt bạt ngàn tua tủa như kéo dài vô tận, anh không giấu được vẻ đau lòng khi nghe tôi buột miệng than: “Để tạo nên cả bãi chông Bạch Đằng đuổi quân xâm lược lưu danh sử sách ngàn xưa, có lẽ cổ nhân cũng không cần chặt hạ nhiều cây xanh đến thế này!”

Vàng chảy về đồng bằng

Giai đoạn hưng thịnh nhất của “thủ phủ tiêu” Đắc Sin, theo nhận định của những tỉ phú xứ này, là từ năm 1997 đến hết 2002. Nhà nào cũng có vườn tiêu, ít thì bảy, tám sào, nhiều thì hàng chục mẫu, năng suất bình

quân 3 tấn hạt khô trên mỗi hecta. Một trong những “tỉ phú tiêu” nổi tiếng ở xã này là ông Phan Văn Vinh, vốn là con nghiện nặng từ những bãi vàng thổ phi phía Bắc. Vào đây quyết tâm cai nghiện, vừa phá rừng vừa mua thêm đất mở rộng “bờ cõi”, chỉ sau vài năm ngoài 7 ha cà phê ao cá còn sở hữu đến 13 ha tiêu, có vụ thu lãi cả tỉ đồng.

Lúc bấy giờ, Đắk Sin có tới hơn 2.000 ha tiêu trên 4.000 ha tiêu của toàn huyện Đắk Rlấp. Nhân với số trụ trên mỗi hecta sẽ thấy đến 2,2 triệu cây rừng đã bị đẽo gọt và chôn làm trụ tiêu ở Đắk Sin, kéo theo đó là hàng triệu cây non gãy đổ và hàng triệu cây không đạt yêu cầu đã bị gom đốt! Giá tiêu hạt khô hàng năm đều dao động mạnh, khi tuột xuống 17 triệu đồng/tấn, lúc vọt lên tới 70 triệu đồng/tấn. Tiêu kinh doanh năng suất cao, tiêu mới trồng chưa ra trái, tính bỏ đồng 2 tấn tiêu/ha, nhân với giá tiêu bình quân 40 triệu đồng/tấn, cho thấy thu nhập riêng về tiêu ở Đắk Sin nhiều năm không dưới 160 tỉ đồng/vụ.

Hàng trăm tỉ đồng bán tiêu không phải đóng thuế mỗi năm, nhân với nhiều năm liên tiếp, núi tiền của nông dân xã vùng sâu heo hút này chảy đi đâu?

Tự do chảy đi rất nhiều hướng!

Dòng chảy mạnh nhất là trôi về quê cũ, hầu hết ở các tỉnh đất chật người đông phía Bắc. Họ đem tiền về hỗ trợ anh em họ hàng, tậu ruộng xây nhà sắm xe, tự hào khoe với xóm làng lấp lửng nửa đùa nửa thật cứ như trở thành tỉ phú nhờ xuất ngoại Tây phương chứ không phải phá rừng Tây Nguyên trở về! Không ít làng quê ở Hưng Yên, Thái Bình nhanh chóng mọc lên những biệt thự kiểu cọ hào nhoáng trị giá hàng tỉ, mà chủ nhân của nó còn mãi lo chăm sóc vườn tiêu tận gốc trời thăm thăm Đắk Sin, chỉ việc chuyển tiền về nhờ người thân đứng ra lo liệu trông nom giám sát, chờ ngày bán rẫy về quê an dưỡng. Chính kiểu đầu tư ngược lại quê cũ là động cơ kích thích mạnh mẽ những làn sóng di cư tự do ồ ạt theo chân “dân Tây” trở vào tiếp tục phá rừng Đắk Sin và vùng lân cận để “noi gương làm giàu”.

Dòng chảy thứ hai tràn lan qua mấy xã lân cận Nhân Cơ, Đạo Nghĩa; băng sang các tỉnh láng giềng Bình Dương, Bình Phước để mua thêm đất mở trang trại trồng tiêu, chuyển nghề hoạt động dịch vụ hoặc kinh doanh bất động sản.

Dòng chảy thứ ba là đầu tư cho con cái học hành, sắm sửa “bằng chị bằng em”, đua với giới trung lưu ở các thành phố lớn. Hàng trăm nông hộ giàu lên từ Đắk Sin có con cháu đi học ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh.

Đó là những nguyên nhân khiến Đắk Sin, một xã nhỏ gần biên giới phía Tây nhanh chóng được các ngành nghề như Ngân hàng, Viễn thông, Cơ khí, Giao thông vận tải đặc biệt lưu ý, tranh nhau mở chi nhánh, mở rộng mạng lưới hoạt động đầu tư. Không có xã nào trong hàng trăm xã của tỉnh Đắk Lắk (tỉnh cũ, trước khi chia tách thành 2 tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông từ đầu năm 2004) mới thành lập có vài năm mà dày đặc sóng điện thoại di động, nườm nượp mỗi nhà vài chiếc xe máy, ô tô xe buýt chằng chịt chạy lù lượt mỗi ngày, xe đò Bắc Nam chật ghế í ới nhộn nhịp mỗi tuần, cho bằng Đắk Sin. Hàng hóa tiêu dùng từ món lớn như tivi tủ lạnh, món nhỏ như mớ rau con cá tới tay người tiêu dùng Đắk Sin đều đắt đỏ hơn mọi nơi. Phần vì cách trở đường xa. Phần vì cư dân tại chỗ chỉ thích tập trung làm giàu cho nhanh bằng những loại nông sản có thể xuất khẩu được, ban đầu phần đầu trở thành tỉ phú tiêu, điều, cà phê; Sau lại có thêm những tỉ phú chăn nuôi ba ba, cá sấu, mở tiệm cầm đồ, cho vay lấy lãi. Dù đất rộng xuôi trong, vẫn chẳng có mấy nông

dân chịu chất chiu trồng rau nuôi gà, nhờ hành hái ớt lạnh lặn non tươi đem ra chợ bán như cảnh sinh hoạt thân quen gần gũi thường thấy ở mọi vùng quê khác.

Ấn tượng về lối sống “kim tiền” tạm bợ ở Đắk Sin luôn ám ảnh trong tôi, nên sau nhiều năm quay lại, bước vào quán ăn ghé bàn đầy đất bụi, nhìn trước cửa có bảng kê dòng chữ rõ to “rau rừng cá suối” tôi không khỏi nghi ngờ. Mà đúng vậy! Gọi mãi cô chủ nhỏ mới lớn lên bê ra đĩa rau thập cẩm đầy chất phố thị, còn “cá suối” đích thị là cá lóc thương phẩm chợ nào cũng bán đầy. Vừa gắp vài dưa thì trời đổ mưa sầm sập, rác rưởi theo dòng nước trôi cuộn cuộn trước sân. Mấy anh cán bộ xã bật cười: “Trận mưa sớm giữa mùa khô này giúp dân Đắk Sin tiết kiệm được hàng tỉ đồng xăng dầu, công tưới. Thế nào sáng sớm mai mọi thứ của ngon vật lạ bán ngoài chợ xã cũng được vét sạch vì nhà nào cũng muốn ăn nhậu tưng bừng”.

Ôi Đắk Sin, xã vùng sâu chẳng còn vương vấn tạo nào dấu vết hương đồng gió nội. Trách gì soi hết các tập thơ ca nhạc họa của văn nghệ sĩ nơi này cũng chẳng thấy đâu là nguồn cảm hứng sáng tác trong lành cho miền đất mà ở đó, dân tứ xứ tìm đường lập nghiệp đã lạnh lùng quy đổi rừng xanh ra vàng ròng, bạc tỉ...

Khu chợ tạm ở Đắk Sin.
(Ảnh: PanNature)



II

Lời nguyện của rừng: Hoang tàn, ô nhiễm!

Nhân vật chính cho bài viết của tôi trong chuyến đi Đắk Sin lần đầu, do Bí thư Đoàn xã Hoàng Xuân Quý giới thiệu, là phó Bí thư Đoàn xã Nguyễn Tiến Hùng, nguyên quán Bình Định sinh quán Hưng Yên, một trong 21 gương mặt thanh niên điển hình tiên tiến của tỉnh Đắk Lắk năm 2002. Lúc bấy giờ Hùng là tấm gương sáng về lao động giỏi, biết cách làm giàu với 4,5 hecta tiêu, trừ 50% thu nhập về chi phí nhân công thuê mướn các loại vẫn còn lãi ròng 500 triệu đồng/ năm. Đứng trước căn nhà rộng rãi lát gạch hoa sáng ngời, ngắm những trụ tiêu treo chi chít hàng nghìn chùm trái xanh xanh đỏ đỏ, Hùng tự hào kể cho tôi

nghe chuyện làm giàu dễ dàng như ăn chuối ở đây, nhà nông phía Bắc ngoài kia nằm mơ cũng chả bao giờ thấy.

Lần này tôi quay lại, Hùng đã là phó Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã. Tác phong vẫn nhanh nhẹn, nói cười vẫn hoạt bát nhưng ánh mắt lại buồn hiu. Hùng cho biết diện tích rẫy nhà anh giờ lên đến 6 hecta nhưng tiêu đã chết gần hết vì bệnh thối rễ, đang được thế chỗ dần bằng cà phê, cao su. Anh Hoàng Xuân Quý giờ là Chủ tịch UBND xã, hàng ngàn trụ tiêu cao sản nhà anh lâu nay cũng rụi chết dần hồi quá nửa. Anh Quý rầu rĩ: “Còn chừng đó nhưng chưa biết có giữ nổi không!”

Thì ra, ngay sau đỉnh điểm huy hoàng năm 2002, Đắk Sin bắt đầu lao đao khốn đốn với dịch bệnh phát tán nhanh như vết dầu loang qua các vườn tiêu. Dây tiêu đang tươi xanh bỗng lá vàng vọt, héo úa, nhổ dây lên thấy bộ rễ đã lụi tàn. Dân Đắk Sin không tiếc tiền mời chuyên gia về chẩn đoán, chữa bệnh cho tiêu.

Cán bộ xã kể rất nhiều chuyên gia đã về lấy mẫu dây, mẫu đất, mẫu rễ, phán đoán đủ kiểu nhưng khi họ đi rồi thì đợi mãi vẫn chẳng thấy kết luận nào gửi về. Hội thảo, họp bàn tìm giải pháp liên tục mở ra, tốn kém vô cùng mà bao công sức tổ chức chỉ đổ ra suối ra sông. Hàng chục Công ty phân bón nhân cơ hội kéo lên mở Hội nghị giới thiệu sản phẩm, nhận định đất nhiễm đầy nấm bệnh tuyến trùng do trước đây bị bón quá nhiều loại phân gà phân heo dỏm mua từ Long An, Đồng Nai, hoặc bón phân vô cơ chất lượng kém không tan trong đất khiến đất trở đất chết khiến các chủ vườn liên tục đổi loại phân bón nhưng thảm trạng không nhờ vậy mà khá hơn.

Có công trình nghiên cứu cho rằng do khâu xử lý đất và giống ban đầu không được chú trọng nên cây tiêu ở Đắk Sin bị rệp sáp tấn công vào bộ rễ. Vết thương do rệp sáp gây nên là môi trường thuận lợi để nấm phitoptora sinh trưởng gây nghẽn tắc các ống dẫn trong bộ rễ khiến tiêu chết dần. Bệnh này chưa có thuốc đặc trị nên khi tiêu đã mắc bệnh thì hầu như vô phương cứu chữa.

Báo cáo mới nhất của UBND xã Đắk Sin, hiện cả xã còn có 1.200 ha tiêu, 1.600 ha cà phê, năng suất bình quân cà phê và tiêu cùng chỉ đạt 1,8 tấn/ha, ngày càng thấp dần đi vì sâu bệnh. Không chỉ phát tán trên tiêu, sâu bệnh còn tấn công qua nhiều loại cây khác. Dân ở đây không thiếu triệu phú, tỉ phú. Thế nhưng không hiểu sao cả bộ tiên của họ cũng không vơi nổi dù chỉ một kỹ sư nông nghiệp chịu về đây định cư. Dọn sạch vườn tiêu chết rữ, Nguyễn Tiến Hùng đã xử lý đất cẩn thận bằng thuốc sâu, vôi bột rồi mới đào hố hạ xuống hàng nghìn cây giống, hy vọng mười năm sau sẽ cấy được những hốc trám thơm. Xanh tốt được thời gian đầu, bây giờ vào tuổi thứ năm vườn giống lại đã ... chi chít dây sâu.

Môi trường bị tàn phá, rừng xanh bị hủy hoại vì những kẻ làm giàu bằng mọi thủ đoạn phi pháp không chỉ khiến sâu bệnh phát sinh dưới đất trên cây, mà còn từng ngày, từng giờ bào mòn lương tri trong quan hệ giữa người với người, làm mất lòng tin của dân vào bộ máy chính quyền bị trà trộn không ít loại "sâu" hư hỏng, tha hóa. Trong nhiều năm gần đây, báo đài trung ương, địa phương liên tục nêu tên Đắk Sin như một điểm nóng về các vụ việc vi phạm pháp luật.

Điển hình như vụ khởi tố, bắt giam cả "giàn" chủ tịch xã, kế toán xã, cán bộ địa chính xã vào năm 2002 về các tội cố ý làm trái và tham ô tài sản, trong đó có việc tung tin dời chợ và tự ý san lấp 5.000m² đất ruộng để bán cho dân với giá 20 triệu

đồng/lô 100m². Khi chuyện đổ bể, các nạn nhân đòi lại tiền không được nên liên tục vác đơn đi kiện. Năm 2003, công an tỉnh Đắk Lắk lại khởi tố cán bộ xã Đắk Sin, lần này còn “đồng vu” hơn trước vì số bị can lên tới 11 vị, trong 8 vị bị bắt giam có những cái tên đã lộ diện trong vụ án năm trước, nào bí thư Đảng ủy, trưởng công an xã, xã đội trưởng, quyền chủ tịch xã, phó chủ tịch HĐND, cán bộ địa chính cho tới các ông trưởng thôn 5, thôn 6 v.v... Một chút quyền lực trong tay đủ cho các vị này cấu kết với nhau chế ra nhiều khoản thu trái phép để lập quỹ đen, như dân Đắk Sin muốn nhập hộ khẩu phải nộp 0,5 - 1 triệu đồng, đăng ký tạm trú tạm vắng nộp 500 - 700 nghìn, chủ xe công nông nộp thuế “phương tiện sản xuất” từ ba trăm nghìn đến một triệu đồng/xe/năm ...

Bạo gan hơn nữa là vụ ông Nguyễn Hồng Nhật vừa rời ghế Chủ tịch UBND xã qua ghế Bí thư Đảng ủy xã Đắk Sin đã biến trụ sở xã thành sòng bạc. Dù nhiều lần cấp trên nhắc nhở khuyên răn, ông vẫn chứng nào tật nấy cho tới tháng 08/2007, công an huyện buộc phải đưa ông vào chỗ tạm giam vì tội “tổ chức đánh bạc mang tính chất chuyên nghiệp”, Huyện ủy Đắk Lắk phải ra quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng sau khi ông Bí thư này bị khởi tố.

Nắng mùa khô hanh hao như nhóm lửa trên những vạt cỏ khô khốc, vương đầy rác bẩn quanh khu chợ phát phơ lều bạt dưới chân đồi. Trên đỉnh đồi, trụ sở UBND xã

Đắk Sin nằm chênh vênh như thiếu điểm tựa bởi xung quanh trụi trụi chẳng có bóng cây xanh. Một phóng viên điện thoại liên lạc với ti phú trang trại Phan Văn Vinh, mười phút sau ông đã có mặt. Ti phú ngồi sau chiếc xe máy cũ, cho biết tiền ti giờ không có nữa nhưng hai chục hecta rẫy năm nay vẫn có thể lãi chừng năm trăm triệu. Ông trò chuyện vội vàng vài câu rồi hối hả quay về trang trại. Phóng viên nọ bất giác lo âu : Nhìn sắc da tái môi thâm kia, tiền đầy túi vậy ở giữa rẫy nương heo hút không biết ông Vinh có đoạn tuyệt hẳn với năng tiêu nâu nổi không?

Đoàn nhà báo nặng nợ với chủ đề Thiên nhiên - Môi trường chúng tôi rời Đắk Sin. Xe từ từ lăn bánh, bỏ lại phía sau một thị trấn nhếch nhác mà sự tạm bợ hẳn dấu trên mọi thứ, từ lối sống cho đến ngành nghề, hoạch định tương lai. Phải chăng Đắk Sin - thủ phủ tiêu một thời của cả hai tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông đang trả giá cho những năm tháng phá rừng ồ ạt, không chút xót thương? Tôi nhớ tấm bản đồ Đắk Sin treo trên tường UBND xã thể hiện rõ những mảng rừng đã mất ở đây chính là vùng xanh che mát thượng nguồn sông suối của Vườn Quốc Gia Nam Cát Tiên. Rừng Đắk Sin mất, hậu họa thiên nhiên như hạn hán, lũ lụt còn giáng xuống cả đồng bằng chứ đâu chỉ riêng miền núi... Tôi ngoái lại, lòng bỗng tràn ngập cảm giác bất an trước những bài tha ma rừng đầy hoang tàn, ô nhiễm đang lùi về phía sau, mờ dần ...

Di dân tự do ở Tây Nguyên: Loay hoay tìm một lối ra

Thúy Bình



Bãi tập kết gỗ lậu và phương tiện của lâm tặc tại một trạm kiểm lâm ở Đắk Lắk. (Ảnh: Đỗ Doãn Hoàng)

I Đau đầu nhà chức trách

Lâm tặc len lỏi Tây Nguyên. Những người dân miền Bắc Trung tiến. Rừng đại ngàn Tây Nguyên lùi dần vào quá khứ, được thế bởi bạt ngàn nương rẫy cà phê, tiêu, sắn... Nhờ lấn đất rừng, những người dân đang gây dựng cuộc sống trên quê hương mới. Song, sự xuất hiện của họ đã xáo trộn nếp sống, nếp nghĩ nơi đây, đồng thời gây không ít phiền toái cho chính quyền sở tại.

“Chúng tôi biết sai nhưng...”

Rời con đường liên tỉnh rải nhựa êm ru, xe chúng tôi rẽ vào con đường đất đỏ dẫn vào Đắk Rmăng (huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông) một trong những nơi rừng đang bị bà con di cư tàn phá ác liệt nhất khu vực Tây Nguyên hiện nay. Hai ven đường, dấu vết rừng nhăm nhò, đoạn đã bị phát và đốt trụi, đoạn vẫn

còn hờ hững đám cây bụi lơ thơ phía ngoài như rèm trúc nhưng trong hoặc đã thành rẫy cà phê hoặc còn ngổn ngang bãi chiến tích thảm thương của những vụ đốt rừng.

Anh bạn đồng nghiệp bên báo Lao Động, trong vai hoa tiêu của nhóm, thở dài: “Một năm trước, nơi đây toàn là rừng đẫy”. Càng đi sâu vào xã, chúng tôi càng gặp nhiều đồi trọc, đen cháy. Chốc chốc, những đám khói u ám bao trùm, che lấp màu xanh vơi vơi của bầu trời Tây Nguyên.

Mang những thắc mắc đến nhà một người dân ở cụm 4 – một trong 17 cụm do người Mông di cư vào lập nên, chúng tôi gặp anh Hoàng A Chú, từ Lào Cai đến đây năm 2001. Anh Chú vừa đỡ cô con gái nhỏ ở trần, vừa giải thích: “Bà con vào đây thấy đất rộng nên phá rừng, đốt cỏ cây để trồng lúa, sắn. Nhà mình hiện đang làm trên hơn 3ha. Đất tốt lắm nên phải mở rộng để trồng thêm”.

Cạnh nhà anh Chú là nhà của trưởng thôn cụm 4 – ông Hoàng A Dung. Trước cửa nhà ông Dung, hàng chục súc gỗ xếp ngay ngắn, “Gỗ này lấy từ rừng về làm nhà. Bà con nghèo không có tiền nên nhà nào làm nhà cũng phải vào rừng” – ông Dung thật thà. Từ khi vào Đắk Rmăng đến nay, gia đình ông cũng đã kịp phá đến 8ha rừng tre, lồ ô làm ruộng rẫy trồng lúa, sắn. Ông Dung thừa nhận: “Chúng tôi biết sai rồi nhưng cũng chỉ vì kiếm ăn mà thôi.”

Toàn xã Đắk Rmăng có 14 cụm dân di cư tự do, với 3.431 khẩu. Phó tịch UBND xã

– ông K Vành cho biết, từ năm 2000 dân từ các tỉnh ở ạt kéo về xã, phần lớn là đồng bào Hmông. Ban đầu, họ cử vài người đến “thăm thính” trước, thấy ổn thì kéo cả gia đình vào, tiếp nữa là họ hàng với lý do thăm thân, cũng ở lại nốt và dần tách thành hộ mới. Đến nay, dân di cư tự do “hoàn thành” việc phá một diện tích rừng từ 500 – 600 ha. Cá biệt, một số người còn phát rừng trên đất của lâm trường, khi bị tịch thu đao rựa, còn chống đối, giam giữ cán bộ.

Chúng tôi được biết ở Đắk Nông đa số các xã đều có dân di cư tự do. Trong vòng 11 năm qua (1976 - 2007), lượng dân di cư tự do đã tăng ở ạt, con số lên đến 36.105 hộ - 165.666 khẩu, nằm ngoài khả năng kiểm soát của chính quyền.

Cư Kbang, cái tên được nhắc đến nhiều trong những cuộc phỏng vấn của chúng tôi tại Ea Súp, bởi đây là xã mới nhất của huyện, dân 100% di cư tự do. Hiện xã có khoảng 1.110 hộ với 5.100 khẩu, chỉ từ tháng 04/2007 đến nay đã có thêm 120 hộ người Mông “đổ bộ”.

Chủ tịch xã, ông Ma Văn Thuyên (quê gốc Cao Bằng), nhớ lại: “Ban đầu là 44 hộ dân kéo đến. Họ kéo từ Bình Thuận sang, vào xã Ea Dloi, được tích dồn về Cư Kbang theo chủ trương của trên. Số hộ này chúng tôi đã tổ chức cứu đói trong suốt 3 tháng đầu khi họ chưa có đất sản xuất, Tết hỗ trợ cho mỗi khẩu 5kg gạo nếp, sau cũng giao đất ở và đất sản xuất và lập thôn lâm thời là thôn 13. Cuộc sống của họ đã tạm gọi là ổn định.

Nhưng đến trước Tết nguyên đán vừa rồi, họ lại kéo nhau vào thêm 83 hộ nữa...”

Theo báo cáo của UBND xã Cư Kbang tháng 12/2007, diện tích đất sản xuất nông nghiệp tăng so với cùng kỳ năm trước, diện tích lúa tăng 3,1%, diện tích đậu xanh 58,6%... Diện tích gia tăng này ở đâu chui ra? Dĩ nhiên là từ đất rừng.

Hiện tượng phá rừng không chỉ xảy ra ở xã Cư Kbang mà rộng khắp huyện Ea Súp. Chủ tịch UBND huyện Ea Súp cho biết: “Dân di cư tự do chiếm 2/3 dân số huyện, đều phá rừng. Điều đáng nói là số dân kéo đến vẫn đang gia tăng không ngừng.”

Chưa có con số thống kê chính thức về diện tích rừng biến mất do dân di cư tự do ở Tây Nguyên. Nhưng nhìn vào diện tích đất sản xuất nông nghiệp tăng ở các xã, con số đó chắc chắn không nhỏ. Theo ông Vũ Mạnh Khuông, Chi cục trưởng Chi cục Hợp tác xã tỉnh Đắk Nông, mỗi hộ di cư tự do có diện tích bình quân đất sản xuất 1,5ha/hộ. Đắk Nông trong 11 năm qua có 36.105 hộ. Như vậy, diện tích đất sản xuất của số hộ này đã khoảng 54.000 ha, hầu hết đều từ đất rừng mà ra. Đó là riêng tỉnh Đắk Nông, vậy cả khu vực Tây Nguyên thì sao?

Tìm thấy miềndất hứa

Anh Hoàng A Chú sau 7 năm nhảy dù vào Đắk Rmăng, giờ cũng đã có nhà để ở, 2 ha đất trồng lúa,

trồng mì, có xe máy chạy vè vè. Những gì gia đình anh đang có thực sự quý giá so với những ngày khắc khổ chọc lỗ trên đá để trồng lúa, trồng ngô ở quê cũ Lào Cai, dưới cái rét tê tái vùng cao. Và cũng rất quý giá sau những ngày lang bạt khắp nơi kiếm sống.

Bên cạnh việc có đất tốt để sản xuất, dân di cư tự do cũng nhận được một phần hỗ trợ từ các chương trình của Nhà nước giúp Tây Nguyên phát triển kinh tế xã hội. Chủ tịch huyện Ea Súp, ông Phan Xuân Linh, cho biết: “Năm 2007, huyện dành cho 100 triệu giúp đào 3 giếng nước cho dân di cư tự do. Trong đó, có một giếng cung cấp nước cho 44 hộ dân Mông ở thôn 13, xã Cư Kbang.”

Trong thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều văn bản dành ưu đãi cho đồng bào dân tộc thiểu số như Quyết định 168 hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên, chương trình 134 về chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt, quyết định 139 về thẻ khám chữa bệnh cho đồng bào dân tộc thiểu số, chương trình 135 dành cho các hộ gia đình dân tộc thiểu số ở các buôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc miền núi, biên giới, vùng sâu vùng xa. “Chưa có quốc gia nào trên thế giới có chính sách ưu đãi đối với đồng bào dân tộc thiểu số lớn như vậy cả” - Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk Nguyễn Văn Lạng cho biết.

Còn tại Đắk Rmăng, xã hỗ trợ mỗi hộ dân 5 lít dầu thắp sáng và mấy bao muối. Con em họ trong độ tuổi đi học đều được nhận vào trường PTCS Lê Lợi.

Cô hiệu trưởng Nguyễn Thị Chiên cho biết học sinh của trường chủ yếu là từ các hộ dân di cư tự do, trong đó, học sinh người Mông chiếm 2/3. Tuy nhiên, không hề có sự phân biệt đối xử giữa các học sinh.

Những người dân di cư hầu hết đều hài lòng với nơi ở mới và bày tỏ mong muốn được chính quyền địa phương tạo điều kiện để ổn định lâu dài. Trưởng cụm 4 xã Đắk Rmăng, Hoàng A Dung, tâm sự: “Chúng tôi không muốn chuyển đi đâu. Đồng bào đều muốn Đảng và Nhà nước hỗ trợ để sống ổn định ở đây.”

Trưởng thôn lâm thời 13 của xã Cư Kbang, anh Thào Seo Vãnh cũng có chung nguyện vọng: “Đồng bào đi nhiều nơi rồi. Đói khổ nhiều rồi. Giờ đến đây thấy cuộc sống sung sướng hơn nhiều. Đồng bào mong chính quyền giúp đỡ”.

Mặc dù có vô vàn vấn đề phức tạp nảy sinh từ vấn đề di cư tự do của người dân, song bên cạnh đó cũng có một nhận xét chung về họ ấn tượng chúng tôi trong suốt chuyến công tác, cũng là một câu nguyên văn trích từ bản Báo cáo tình hình di dân và dân di cư tự do là người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông:

“Dân di cư tự do có tinh thần tự lực cánh sinh cao, cần cù chịu khó làm ăn, không trông chờ, ỷ lại vào nhà nước, có nhiều kinh nghiệm cho dân sở tại học tập”...

Quản lý không theo kịp

Hầu như đi đến đâu, chúng tôi cũng gặp những cái lắc đầu, thờ dãi của cán bộ địa phương. Số lượng dân đổ về tăng hàng ngày, thậm chí hàng giờ. Ngay cả việc giám sát số lượng dân mới đến đã đủ căng thẳng chứ đừng nói đến việc chăm lo hay đối phó với họ. Vậy mà chủ trương giải quyết từ trên xuống thì còn lập lờ, nước đôi khiến huyện, xã nhiều phen lúng túng như gà mắc tóc.

Ông Phan Ngọc Quân, trưởng phòng kế hoạch Ủy ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông, cho biết: “Đồng bào di dân tự do thường lên vào chiếm đất rừng, trong khi dân địa phương xưa nay vẫn bị cấm vào khai thác. Nếu không xử lý nổi đồng bào di dân tự do, dân địa phương sẽ ty nạn. Đồng thời, ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo vệ rừng”.

Ông Trần Đình Bình, chuyên viên phòng Tồn giáo huyện Krông Bông, Đắk Lắk thì nhận xét: “Dân càng đông, địa phương càng khó quản lý. Số lượng dân di cư tự do tăng không kiểm soát được khiến kế hoạch hàng năm của địa phương đều bị phá vỡ”.

Chủ tịch xã Cư Kbang, Ma Văn Thuyên, cho biết: “Đối với những hộ dân mới đến do chưa được tiếp nhận chính thức, chưa có chương trình hỗ trợ nên việc học hành của con em họ phải tự giải quyết. Tôi được biết họ đang thuê một cô giáo người Mông có trình độ lớp 8 để dạy trẻ em lớp 1, lớp 2.”

Tại Đắk Rmăng, tình cảnh dù có khá hơn nhưng vẫn thiếu thốn trăm bề. Trẻ em trong độ tuổi đi học phải vượt qua hàng bao cây số đất đỏ, sông suối để đến trường. Do ở xa nên các em đều ở lại trường. Nhờ những tấm lòng hảo tâm quyên góp, trường cũng đã xây được cho các em một dãy nhà trọ, nhưng xem ra vẫn bí lắm. 15 - 20 em chui vào căn phòng rộng chưa đầy 10m², ẩm thấp. Các em tự xách nước, tự nấu ăn và phải tự lo mọi thứ sinh hoạt cho mình, chẳng khác nào một “sinh viên đại học” từ quê ra trọ học ở thành phố. Có gì đó thật ngậm ngùi.

Tôi ngồi bên em Hoàng Thị Sầu, 6 tuổi, học lớp 1. Em đang xới cơm từ chiếc nồi con con, đen nhẻm. Đôi bàn tay nhỏ xíu còn lóng ngóng khiến các hạt cơm cứ chạy quanh thìa. Khi tôi lần la hỏi chuyện, em cúi gằm, nhích dần vào sát tường. Đến khi cô Chiên hiệu trưởng đến đỡ lời, em mới lí nhí: “Em mang gạo từ nhà, rau thì vào rừng có gì ăn nấy. Hôm nay, em ăn cơm với cà chua.”

Một số bạn khác thì góp gạo thổi cơm chung. Em Hoàng A Vàng, 17 tuổi đang học lớp 6, cho biết: “Em nấu cơm cùng 3 bạn khác, mấy đứa góp tiền vào với nhau.”

Do đường xá xa xôi, mỗi năm cứ đến mùa thu hoạch, số học sinh đến lớp lại giảm. Thầy Nguyễn Bá Dũng, hiệu phó trường PTCS Lê Lợi, cho biết: “Từ 70% - 80% học sinh của trường có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Nhà học sinh ở gần nhất cũng cách trường 10 cây số, còn xa thì 20 cây. Sau khi nghỉ Tết, các em thường nghỉ ở nhà để giúp bố mẹ thu hoạch lúa, sắn, đến năm học sau mới đi học lại.”

Cũng vì cái khó chuyen đi lại, cộng thêm việc không có trạm y tế nên nhiều trường hợp người dân không được cấp cứu kịp thời đã tử vong. Ông Dung bùi ngùi: “Năm ngoái, con anh Hoàng A Phênh mắc bệnh tả, kiêng cháu ra trạm y tế xã nhưng giữa đường nước lên to quá nên đành chịu.”

Theo báo cáo chưa đầy đủ của Ủy ban Dân tộc, hiện nay, các tỉnh Tây Nguyên gồm: Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông, Lâm Đồng có khoảng 50.868 hộ dân di cư tự do chưa ổn định cuộc sống cần định canh định cư và 85.055 hộ dân di cư tự do đã ổn định, hầu hết họ đều sống trên đất lâm nghiệp.

II

Vấn loay hoay tìm lối ra

Số lượng dân di cư tự do tại Tây Nguyên có thể tăng ít hay nhiều, tùy từng giai đoạn nhưng có một thực tế là con số này chưa bao giờ giảm. Tây Nguyên vẫn là “miền đất hứa”. Và lãnh đạo các địa phương phải tiếp nhận dân di cư tự do bất đắc dĩ hẳn còn “đau đầu” khi chưa có một giải pháp mạnh và kiên quyết từ trên xuống.



Cây rừng bị chặt hạ hàng loạt để làm cọc tiêu trên chính mảnh đất chết của mình. (Ảnh:PanNature)

Tiêu chết trên nghĩa địa rừng

Những người dân di cư tự do có thể đang hài lòng với cuộc sống hiện tại, nhưng 20 - 30 năm nữa, sự hài lòng có còn không? Liệu con cháu họ sau này có tiếp tục di cư nữa không?

Đi tìm câu trả lời cho hai câu hỏi trên, chúng tôi đến nơi từng được mệnh danh là thủ phủ tiêu của tỉnh Đắk Nông - xã Đắk Sin, huyện Đắk RLấp. Ở Đắk Sin, tiêu đang bệnh và diện tích trồng tiêu đang giảm.

Trước năm 2000, màu xanh của tiêu bạt ngàn Đắk Sin. Hồ tiêu được giá và ổn định trên thị trường nên nhà nhà trồng. Theo thống kê của UBND xã, từ năm 1998 – 2000, xã Đắk Sin có trên 4.000 ha tiêu cho thu hoạch. Nhiều người trở nên có của ăn của để nhờ tiêu như tỉ phú Phan Văn Vinh, thu về hàng trăm triệu đồng mỗi năm nhờ 13ha đất trồng tiêu. Số hộ có diện tích từ 5 – 10 ha hồ tiêu tăng nhanh và không ít nông dân thành tỷ phú nhờ trúng liên vài vụ. Tuy nhiên, có một điều lạ. Theo

phó chủ tịch Hội nông dân xã Phạm Văn Quyền, dù thu nhập bình quân đầu người thuộc loại khá trong huyện và tăng 8 – 10%/năm nhưng người dân vẫn không có ý định ở lại lâu dài.

Chúng tôi đến nhà của vợ chồng anh Nguyễn Quang Hoa, chủ của trên 4ha tiêu, điều, cà phê, cao su. Hai vợ chồng anh rời xã Trung Nghĩa, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đến Đắk Sin đã hơn 10 năm. Gia đình anh thuộc hộ thu nhập khá trong xã, mỗi năm thu được hơn 100 triệu đồng. Vậy mà vẫn ở nhà cấp 4, trong nhà ngoài chiếc tivi cũ không rõ nhãn hiệu sản xuất hầu như không có gì đáng giá.

Thấy vẻ băn khoăn của tôi, anh Hoa giải thích: “Phần lớn tiền kiếm được, vợ chồng tôi đều chuyển về cho bố mẹ ở quê. Một phần nuôi hai con học ở nhà, một phần xây nhà và phần còn lại để tích lũy khi đất ở Đắk Sin không còn sinh lời.” Ông Quyền bảo đó cũng là suy nghĩ chung của đa số hộ dân của xã, vốn là người quê gốc ở các tỉnh phía Bắc như Thái Bình, Hưng Yên

Chủ tịch UBND xã Hoàng Xuân Quý cho biết: “Xã Đắk Sin không có người dân bản địa vì nơi đây trước kia là rừng. Năm 1977, người dân Thái Bình vào đây theo chương trình di dân kế hoạch, thành lập hợp tác

xã Hồng An, từng bước hình thành nên xã Đạo Nghĩa, tiền thân của xã Đắk Sin ngày nay. Sau khi tách năm 1982, xã Đắk Sin có 70% dân di cư tự do.”

Mỗi năm, khi thu tiền về, các hộ dân đều gửi tiền về quê tích lũy để xây nhà từ một đến hai tầng. Vị chủ tịch xã trẻ gốc Hưng Yên cho biết: Riêng 6 tháng đầu năm 2007, lượng tiền từ Đắk Sin chuyển đi các vùng khác qua ngân hàng khoảng 6 - 7 tỷ đồng, trong đó thu nhập từ trồng tiêu chỉ chiếm một phần, vì giờ tiêu đã giảm nhiều.

Từ năm 2002 đến nay, rệp sáp tấn công vào bộ rễ tiêu và gây nên những vết thương. Nấm phát triển trên vết thương khiến bộ rễ không thể cung cấp thức ăn cho thân, lá, quả tiêu. Tiêu chết dần. Được biết, nhiều đoàn cán bộ khoa học đã đến lấy mẫu về nghiên cứu nhưng vẫn chưa tìm được thuốc đặc trị.

Tiêu mất mùa liên tiếp khiến diện tích tiêu thu hẹp và sản lượng giảm sút. Diện tích trồng tiêu năm 2007 giảm 24% so với năm 2006, và giảm hơn 70% so với thời hoàng kim. Ông Quyền vừa chỉ vào ruộng tiêu trơ trụi của mình, vừa nói giọng buồn buồn: “Trước cứ mỗi ha thì khoảng 1.000 trụ, từ khi bị sâu bệnh, giờ chỉ còn 300-400 trụ/1ha. Năng suất cũng giảm phân nửa”.

Nhiều hộ phá bớt tiêu để trồng thêm điều, cà phê và cao su. Nhiều hộ bán trang trại, trở về quê cũ. Khi chúng tôi hỏi anh Hoa về dự định tương lai, anh cho biết: “Vợ chồng tôi làm thêm mấy vụ nữa xem sao. Nếu thu hoạch không được thì chắc chắn này không kiếm được tiền rồi.”

Khi không thấy đất sinh lời, những ông chủ như anh Hoa sẽ đi tìm đất mới hay trở về quê. “Những cây tiêu hút chất màu của đất rừng để sống, khi chất màu cạn và con người ra đi, nơi đây chỉ là đất chết” – ông Quyền mất nhìn vô định nói: “Chúng tôi thường bảo nhau: Tiêu chết trên nghĩa địa rừng”.

Nghे câu chuyện của Đắk Sin, chúng tôi cảm nhận một sự thờ ơ, lãng tránh của những người dân di cư nơi đây đối với mảnh đất mà chính họ vung dao khai phá, mảnh đất đang chăm lo đời sống hàng ngày của gia đình họ. Khi đất chết, họ lại tiếp tục hành trình tìm miền đất hứa.

Loay hoay tìm một lối đi

Thực tế, số lượng dân di cư tự do đến Tây Nguyên có thể tăng ít hay tăng nhiều, nhưng chưa bao giờ giảm. Tây Nguyên vẫn là “miền đất hứa”. Và lãnh đạo các địa phương có dân di cư tự do vẫn “đau đầu” sau khi áp dụng nhiều biện pháp “cương”, “nhu” đủ loại.

Ban đầu, khi dân di cư tự do mới đến, các địa phương đều lập dự án cấp đất, đưa bà

con ra khỏi rừng. Tin lành đồn mau, số lượng người kéo đến càng đông khiến dự án nào cũng bị phá vỡ. Anh Tống Ngọc Trung, cán bộ hạt kiểm lâm vườn quốc gia Chư Yang Sin (Đắk Lắk), cho biết: “Năm 2001, khi những người dân từ các tỉnh phía bắc kéo đến khu vực quản lý của Vườn quốc gia, một dự án cho 200 hộ dân được lập tại ba điểm của xã Cư Pui. Theo đó, người dân trong dự án được cấp đất và hưởng điện, đường, trường, trạm y tế.” Nhưng chỉ một thời gian ngắn, số hộ dân tăng nhanh và phá thêm đất rừng ngoài dự án. Một số hộ dân được nhận đất liền lạc với người thân của họ, và tiếp đó là 10 đợt dân đổ về vùng qui hoạch từ các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, Lào Cai, Bình Thuận ...

Theo ông Huỳnh Chính, Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Krông Bông, (Đắk Lắk), huyện khuyến khích dân di cư tự do trồng rừng trong vùng dự án. Hộ nào trồng sẽ được cấp sổ đỏ và có thể thế chấp sổ đỏ vay tiền. Song không có hộ nào trồng rừng.

Các nhà quản lý dự án tìm cách ngăn chặn song họ không thể kiểm soát được tình hình. Số hộ dân trong vùng dự án đến nay là 500 hộ (tăng 250%) và chắc đó không phải con số cuối cùng. Dự án hoàn toàn bị phá vỡ.

Hiện tượng phá vỡ qui hoạch cũng diễn ra tương tự tại Đắk Nông. Theo ông KVanh, phó chủ tịch UBND xã Đắk Rmăng,

huyện Đắk Glong, năm 2000, xã mới có khoảng 5 - 6 hộ di cư tự do. Nhưng 8 năm sau, số hộ đã là 590 với 3.141 khẩu sống rải rác ở 14 cụm không theo qui hoạch. Đó là chưa kể đến những hộ sống lén lút trong rừng sâu mà chính quyền xã chưa tìm ra.

Xã từng lập dự án đưa các hộ dân về vùng đất qui hoạch nhưng chỉ có duy nhất 1 cụm đồng ý. Ông K Vành cho chúng tôi biết: “Sau khi làm công tác tư tưởng, chỉ có cụm 13 chịu về dự án. Chúng tôi không gom được các cụm khác.” Theo Bí thư Đảng ủy xã Đắk RMãng Lê Kim Phúc, người dân từ chối cư trú hợp pháp tại vùng qui hoạch vì theo họ, đất dự án không tốt bằng đất họ đang canh tác.

Không chỉ chính quyền địa phương lúng túng, quân đội cũng bó tay. Tại văn phòng Ủy ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông, trưởng phòng kế hoạch Ủy ban, Phan Ngọc Quân, cho biết tháng 05/2002, Trung đoàn 720, đơn vị kinh tế quốc phòng thuộc Binh đoàn 16 tiếp nhận 320 hộ người Mông di cư tự do vào ổn định cuộc sống tại đất của Trung đoàn tại xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức. Song khi bà con có đất ở và đất sản xuất, thân nhân của họ lại đến và không về. Số hộ tăng hơn 2 lần so với dự kiến. Theo UBND huyện Tuy Đức, riêng trong tháng 01/2008, có 26 hộ/128 khẩu mới đến. Và trong khi chờ cấp đất, bà con phá cả rừng thuộc lâm phận Trung đoàn quản lý.

Biện pháp cứng rắn là gom dân trả về địa phương cũng đã được áp dụng. Ông Phan Ngọc Quân cho biết: Cách đây, một vài năm, Ủy ban tổ chức một vài chuyến đưa bà con về quê hương song chưa có chuyến đi nào thành công.

Chính quyền địa phương cấp huyện, tỉnh cũng liên lạc với địa phương có dân đi nhưng chỉ nhận được sự hợp tác trên điện thoại hay sự im lặng. Anh Trần Đình Bình, chuyên viên phòng Tôn giáo huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk cho biết: “Chúng tôi đã liên lạc với tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Lào Cai, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Lai Châu. Song không tỉnh nào tổ chức đón người về, một số tỉnh cử cán bộ đến làm việc và bày tỏ mong muốn huyện sẽ hỗ trợ cho bà con ổn định cuộc sống bởi vì đâu cũng là “đồng bào ta” cả.

Ông Linh phân bua “Việc tiếp nhận nhiều khi phải dừng lại vì trước đón tiếp tốt nên họ đến nhiều. Chúng tôi chỉ biết gom họ lại vì dựng đến đất phải đợi ý kiến tỉnh. Có lần gom đến 10 ngày vẫn chưa có cách giải quyết vì lãnh đạo tỉnh đi vắng hay bận việc”.

Phó chủ tịch Ủy ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông cho biết phía Ủy ban cũng đã nghĩ đến những giải pháp dung hòa như tổ chức các chuyến tham quan vùng núi phía Bắc cho các già làng trưởng bản M'Nông, Mạ, Êđê để họ thông cảm và chia sẻ hơn

với những khó khăn của bà con ngoài ấy. Họ đã tổ chức được 3 chuyến như vậy, mỗi chuyến được 50 người. Ngoài ra, Ủy ban cũng đang góp phần nỗ lực để đồng bào di cư tự do hưởng thêm quyền lợi như giải quyết 100% đất ở và sản xuất, hỗ trợ kinh phí học, đề nghị đồng bào dân tộc di cư tự do nằm trong khu vực quy hoạch bố trí sắp xếp được hưởng những ưu đãi của chính sách 134, 135. Sắp tới, Ủy ban sẽ đứng ra tổ chức Liên hoan sum họp các dân tộc thiểu số Đăk Nông (29 dân tộc), cam kết trao vòng tay hứa hẹn đoàn kết chung sức chung lòng, bảo vệ tổ quốc.

Nhiều giải pháp cho vấn đề di dân tự do đã được đưa ra song các tỉnh đều gặp khó khăn trong quá trình thực hiện. Ông Khuông cho biết: “Dự án Tổng quan ổn định dân di cư tự do trên địa bàn tỉnh đến năm 2010 được phê duyệt 409 tỷ đồng, nhưng mỗi năm, TW chi đầu tư 5 - 6 tỷ đồng, đạt khoảng 12 - 15% so với nhu cầu. Quĩ đất không còn nên tỉnh đề nghị chuyển đổi từ 500ha đến 1.000 ha đất lâm nghiệp sang đất nông nghiệp nhưng đề xuất trên chưa được thông qua.”

Dĩ nhiên nếu đề xuất ấy được chấp nhận, sẽ có thêm rừng bị mất.

Theo báo Nhân Dân ngày 02/04/2008, từ năm 1980 đến năm 1995, trung bình mỗi năm Tây Nguyên “xóa sổ” 120.000ha rừng. Rừng giàu và trung bình giảm 75%, rừng nghèo tăng 109%. Từ năm 1995 đến nay, mỗi năm không dưới 45.000ha rừng bị phá.

Còn tại VQG Yok Đôn (VQG lớn nhất cả nước) chỉ trong vòng 6 ngày, từ 28/10 đến 02/11/2007, kiểm lâm Vườn đã phát hiện và bắt giữ được 11 vụ khai thác và vận chuyển gỗ trái phép ở vùng lõi – vùng bảo vệ đặc biệt. Thu giữ gần 2 tấn gỗ trái tang vật. Đó là chưa kể đến hàng chục vụ lâm tặc đã nhanh chân trốn thoát cùng tang vật.

Ông Mai Văn Hiền, Hạt trưởng kiểm lâm huyện Ea Súp cho biết: “Chỉ trong hai tháng đầu năm, huyện đã mất 2.834 m² rừng, thu giữ 88,073m³ gỗ quý (bồ kết, bằng lăng, cẩm se) trị giá 58.494.000 đồng.



Ảnh:Trần Thúy Bình

Cánh chim rừng không mới

Đỗ Doãn Hoàng

Họ cứ đi như những cánh chim rừng không biết mới. Đôi khi, phương thức canh tác tàn “phát, đốt, trọc, tria” của bà con đã là không thể khác, không thể khả dĩ hơn, ở cái thời rừng còn hoang rậm, cuộc sống của bà con còn tự cấp bị bủa giữa núi cao và mây mù.

Nhiều cộng đồng người vùng cao phía Bắc Việt Nam, từ cổ xưa, họ có thói quen di cư theo chu kỳ. Bà con nhiều nơi gọi đó là “phạ phung”, cứ một vài chục năm (hoặc 100 năm) lại “phạ phung” một lần kỳ vĩ. Mỗi chuyến phạ phung, cắt tranh thờ, đồ lễ sạch sẽ vào một cái túi dệt khoác trên vai, cùng với cung nỏ, súng kíp, cả cái cây chia vôi cong vênh

dị kỳ, bước chân người đàn ông vạm vỡ như con đại bàng núi; đàn bà đặt sau lưng một khung gỗ lớn như cái ... thang, các sợi dây rừng lớn thít vào trán họ, thít vào hai vai họ làm “quai”, họ xếp, buộc, treo đủ thứ lên cái thang đó, và ngất nghiêng ra đi. Họ còng lưng, dưới cổ công đủ con thỏ, gạo lúa, xoong nồi, áo quần rục rở; tay dắt theo bò, trâu, chó, lợn. Có khi lúc nhúc, đen

nhánh cả một đàn dê dầm ba chục con cùng đi theo nữa, lũ dê được liên kết với nhau thành “bè” bởi dây thừng, như chiến thuyền của Tào Tháo trên sông Xích Bích. Bầy đoàn thể từ lùi lùi, cảm lạnh cất bước hải hồ, tối đâu là nhà, ngã đâu là giường. Có khi, họ đi cả tháng ròng mới tới nơi cần đến, đó là một miền rừng màu mỡ. Nếu nâng lên tầm sử thi nó như một cuộc thiên di. Huyền sử của người Thái, người Mông, người Tày, người Dao đều có chép về những cuộc thiên di hào sảng đó. Có khác gì bước chân lầy lừng đã nghìn năm rồi vẫn hằn giữa rêu xanh trên đỉnh Khau Phạ ngút mây mù của ông Lò Lạng Chượng, người đã dẫn đồng bào Thái từ Mường Lò kéo ngược lên “ăn” (khai phá) cả Tày Bắc mệnh mang.

Họ cứ đi như những cánh chim rừng không biết mỏi. Đôi khi, phương thức canh tác tàn “phát, đốt, trọc, tria” của bà con đã là không thể khác, không thể khả dĩ hơn, ở cái thời rừng còn hoang rậm, cuộc sống của bà con còn tự cấp bị bủa giữa núi cao và mây mù. Các tổ tiên (người đi trước) đã truyền dạy cho từng thành viên của các chuyến di cư kia kinh nghiệm chung sống với rừng, kinh nghiệm “ăn” rừng mà không phụ lòng thần rừng. Đó là chuyện của ngày xưa.

Nay, trước sức ép của chảo lửa tăng dân số, sức ép của sự đói nghèo và thậm chí cả những lời xúi giục của kẻ xấu, nhiều khi, người ta đã biến tục “phạ phung” thành một nỗi ám ảnh nhức buốt cho cả cộng đồng lớn. Khi tham gia vào những cuộc di cư không theo kế hoạch, bà con tự ý nhảy dù, tàn sát các miền rừng được công phu quản lý bảo vệ để bắt đầu một cuộc sống “bốn không, năm không” (ví như không điện, đường, trường, trạm) gây đau đầu cho cơ quan chức năng, thì cái việc biến mình thành “cánh chim rừng không mỏi” đã là một sai lầm. Thậm họa sinh thái, những hệ lụy do coi thường luật pháp sẽ đến, bà con mình khổ, người bản địa và cả xã hội phải khổ. Khi ấy, di cư tự do, không còn là cuộc bôn tẩu nhuộm màu sử thi của những tộc người dũng mãnh và hào sảng nữa, nó là một sự vi phạm. Hoặc ít ra, nó là câu chuyện của những người bị cái đói, sự hiểu biết có giới hạn dẫn đến chỗ phải làm cái việc mà họ biết rất rõ là không ngấm ở góc độ nào cũng vẫn cứ sai. Họ đi tìm miền đất rộng lớn, màu mỡ, rừng và đất rừng còn xứng đáng là tay nôi ngọt ngào hơn vùng sa mạc hóa ở cố hương.

Bài toán di dân tự do vào Tày Nguyên của chúng ta hôm nay, nhất định phải tìm lời giải ở đó.



Nhật ký ở nơi “cuối đất cùng trời”

Câu hát gió lộng của Tây Nguyên bảo, nắng đã nở núa, gió đã nghiêng núi rồi đây; tháng ba, mùa ăn năm uống tháng - mùa cao nguyên trung phần này đẹp nhất đã đến. “Tháng ba/ mùa con ong đi lấy mật/ mùa con voi ra suối uống nước”. Tháng 3 năm 2008. Bay Sài Gòn, bay ngược Buôn Ma Thuột, lại vượt gần 100km tính từ tỉnh lỵ của Đắk Lắk, Ea Súp hiện ra, đó là nơi mà không ít người di dân tự do coi là “thiên đường”.

Ông Phan Xuân Linh, Chủ tịch UBND huyện Ea Súp kêu trời: huyện chúng tôi có những xã, với xuất phát điểm là toàn bộ là bà con là người di dân tự do từ miền Bắc vào. Lúc đầu là vài hộ, rồi nhiều lên thành thôn, đông lên thành xã. Một xã và (có thể sẽ) dăm bảy xã. Chúng tôi, hiện giờ vẫn có những cái làng mà ta quen gọi là “bốn không, năm không”, như báo chí các anh vẫn hằng viết. Bà con nhảy dù vào giữa rừng và cứ “săn bắt hái lượm, phá rừng làm rẫy” thế thôi. Chuyện ấy ở địa bàn chúng tôi, báo chí viết rồi, Trung ương điện thoại vào, Phó Bí thư thường trực tỉnh Đắk Lắk của chúng tôi cũng đã vào kiểm tra, đầu đầu kinh khủng. Bà con rất đáng thương,

họ vào đó, họ cùng trời cuối đất rồi, sẽ là thật khó để di dời bà con hồi hương hay đến một vùng đất khác nữa. Bà con đói, chúng tôi phải lo, bà con bệnh (ốm đau), chúng tôi phải chữa – ông Linh thẳng thắn một cách khả kính. Thì báo chí đã đăng tin, con số chưa cập nhật, cứ ghi lại để để hình dung cái đã: ít nhất toàn Tây Nguyên có gần 51.000 hộ dân di cư tự do vào, chưa được ổn định cuộc sống, cần phải định canh định cư; đáng lo ngại không kém là, khoảng 85.000 hộ dân thuộc diện di cư tự do đã được ổn định cuộc sống nhưng bà con vẫn “tọa lạc” trên đất lâm nghiệp.

Cần thống nhất khái niệm một chút: “ổn định trên đất lâm nghiệp”, thế nghĩa là chưa ổn định tí nào. Rừng sẽ tiếp tục bị cạo trọc như cái cằm người đàn ông đang ngồi ở tiệm hớt tóc cạo râu vì “lực lượng” ăn thịt lá phổi xanh kia.

Nếu so với cái cách bà con gồng gánh, chất lên vai phụ nữ, đàn ông cả những toa đồ đạc ngất nghều trong các cuộc di dân tự do mà tôi đã gặp ở miền núi phía Bắc nước ta, thì việc “di cư” vào Tây Nguyên hiện đại hơn nhiều.

Ông Linh bảo, những người tiên phong đi “chọn đất”, họ thính nhạy và chuyên nghiệp vô cùng khi sử dụng các mối quan hệ dây mơ rễ má với người am hiểu vùng Ea Súp. Họ sử dụng cả những “cò”, “chỉ điểm ... phá rừng”, với sự mua bán thông tin chuyên nghiệp. Họ đi xe mô tô, thấy đất, rừng “đẹp”, là họ rút điện thoại di động ra, a-lô cho gia đình, anh em, họ hàng cùng tiến quân vào.

Có khi cán bộ kiểm lâm lo mất rừng, ngăn chặn không cho họ lập lán “tụ cư” giữa rừng, họ rút phất điện thoại di động ra, gọi cho một đồng chí mà nói tên ra chắc nhiều người biết. Đúng là đồng chí ấy, số máy ấy, giọng nói ấy, “thôi cố gắng tạo điều kiện cho họ ở”. Thì suy cho cùng, bà con cũng là đồng bào của mình, đất nước ông bà là đất nước xương máu ruột già của tất cả chúng ta, có ai không thương bà con mình đâu. Chúng ta sinh ra từ cái bọc trăm trứng mà.

Nhưng kiểm lâm thì phải giữ rừng, rừng mất, cấp trên “gõ đầu” ủy ban, kiểm lâm, công an, các hộ nhận rừng ... thì ai gánh tội thay đây? Mà bà con chỉ thích nhảy dù vào những cái chỗ rừng theo đúng nghĩa để “phát, đốt, trọc, tria” (chính quyền địa phương từng thu xếp cho họ ra “định cư” ở những cánh rừng nghèo, họ “vàng, dạ” rồi lạng lẽ ... trở lại rừng giàu!). Có khi, sáng tinh mơ ra coi khu rừng mà gia đình mình đang nhận khoanh nuôi bảo vệ, bà con ở xã Cư Kbang (Ea Súp) hoảng hồn thấy cây

rừng đổ rạp. Một cái nhà lều mọc lên, cơm nước, giường chiếu lùm xùm kiểu “một mái lều nương hai trái tim vàng”. Cứ như có ai đó đã phù phép cho thành quách lâu đài mọc lên trên sóng biển trong chớp mắt vậy. Lục tục, hoang mang, chủ rừng đội đơn lên báo xã.

Đoàn liên ngành đến kiểm tra thì bà con mới đến rất là lịch sự. Em đến đây để làm lụng, kiếm ăn, nó cũng là bước đường cùng rồi các bác ạ. Không phá rừng, vì như thế là vi phạm pháp luật. Em chỉ chặt vài cái cây nhỏ, dọn một khoảnh đất dựng lều. Không đánh nhau với ai.

Ông KBốt, Phó trưởng Ban Dân tộc tỉnh Đắc Nông còn túm tít: bà con nhanh nhạy lắm. Lúc nào cũng bảo, em biết em sai rồi, sờ theo quy định nào cũng là sai rồi, giờ đã vào đến đây thì trăm sự nhờ các bác. “Bảo cúng gà cũng cúng gà, cúng heo cũng cúng heo (ý là lót tay cho người địa phương)”. Họ làm lụng siêng năng.

Tại Đắc Rmăng, cán bộ cơ sở kinh ngạc khi những người mặc thứ quần áo mà anh chị em chưa nhìn thấy bao giờ, họ “nhảy dù” từ phương Bắc vào, họ có thể làm quần quật suốt ngày đêm, có khi 22 giờ đêm vẫn miệt mài ngoài rẫy với củ khoai mì (sắn). Làm quên ăn quên ngủ, sẵn của những người mới đến chất ngất khắp các quả đồi, đến mức, bọn tư thương phải tính cách tự võ đường cho công nông lên vào mua sắn kiểm lời. “Có sức người sỏi đá cũng thành

cơm”, một cán bộ xã khám phục nói khi đội năng chàng đưa tôi đi bờ hơi tai vào trong các dãy núi chênh vênh đã bị người di cư tự do gọt hết rừng.

Cũng vì thế, từ chỗ có hơn chục hộ nhẩy dù vào Đắc Rmăng, khi chúng tôi có mặt, Chủ tịch UBND xã sợ tại lo lắng thống kê: có tới 14 cái xóm của xã, toàn là người di dân tự do mới vào, tổng số là hơn 3000 người! Đến 2/3 dân số của xã giờ là người mới di cư từ phía Bắc vào. Trường học Lê Lợi trên địa bàn xã, rợp màu váy áo của người Mông. Chỉ có điều, nhiều cháu giấu xoong nồi trong hốc cây đầu trường, học xong, lúi húi nấu lửa, “màn trời chiếu đất” tự xách nước nấu cơm rồi li lượm ăn với nhau cái bữa tiệc ... núi xót lòng.

Là một cán bộ tâm huyết, có lẽ phải đau đầu nhiều lắm với vấn đề di dân tự do hiện nay thì ông Chủ tịch Phan Xuân Lĩnh mới “nỡ” thẳng như ruột ngựa thế này: thương bà con, không thể đuổi bà con, khi họ đã trót neo đậu ở nơi cùng trời cuối đất này rồi. Nhiều khi, họp Hội đồng nhân dân huyện, không ít đại biểu nói gay gắt: ông Lĩnh phải giục tỉnh “giải quyết” nhanh vấn đề di dân tự do đang tàn sát nhiều cánh rừng đi chứ. Mùa mưa lại sắp tới, đem theo đói rét, bệnh tật rồi, cả một núi việc phải lo cho người ta đang đợi mình.

Vẫn biết thế, nhưng huyện cũng không thể tự tiện “tiền trạm hậu tấu” giao đất rừng cho bà con phá đi để mở rẫy mưu sinh

ngay được. Quyết định vấn đề này là ở cấp trên. Cái việc di dân tự do, phá rừng nó còn tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ nhân tiên nữa: có các cò mối, móc nối để đưa dân vào phá rừng.

Có chuyện, bà con bản địa sẽ tị nạnh, rằng người ta di từ đâu đâu đến, vừa đến đã được làm nhà, cấp đất ở, đất canh tác, ổn định cuộc sống, trong khi chúng tôi sống chết với đất này 30 năm rồi mà không có được như vậy.

Đã có chuyện, mình chia đất cho người mới đến, người mới đến ngồi nhìn đất được chia mà không dám làm, vì sợ “ma cũ” (bắt nạt ma mới). Lại có chuyện, bà con vốn sống ở rừng và đất rừng nơi này, họ phá rừng, phát rẫy rồi bán cho người mới đến. Người ta bỏ tiền ra mua thì rất khó đuổi người ta đi.

Hai nữa, cái anh vừa phá rừng bán rẫy xong, anh ấy lại tiếp tục đi phá để ... bán. Thậm chí, họ còn tinh vi chặt một nửa thân cây gỗ rừng thối, bỏ đó một đêm, cho gió cao nguyên lồng lộng thổi gãy rạp cả cánh rừng. Rồi bà con “nhân tiện”, mượn gió bẻ măng, làm một khoảnh rẫy. Đó là một tảng băng chìm, nếu mạnh dạn nói ra thì có thể ai đó sẽ nói rằng thiếu căn cứ, song nó là sự thật.

Có thể, vì ở cương vị là Chủ tịch huyện, nên ông Lĩnh hơi thận trọng quá chàng, bởi cái con người dám nghĩ dám làm

nhiều năm gắn bó với Ea Súp như ông mà còn sợ “thiếu căn cứ” khi nói tuột ra cái sự thật kia - thì ai có nhiều căn cứ hơn ông nữa? Mà những chuyện ấy, tôi và ông, và cán bộ của ông cùng tận mục sở thị, chứ nào có mơ hồ xa xăm gì?

Lan man với thăm cảnh phá rừng một chập thì xe ô tô của huyện nhà đã đỗ xích trước cửa Ủy ban. Trên xe có sẵn đồng chí Chinh, Phó hạt trưởng hạt Kiểm lâm huyện Ea Súp, cái anh chàng miệt mài đi đẩy đuổi, khuyên giải người di dân tự do rồi: liên tục, lại thờ dài nhìn những cánh rừng tiếp tục bị teo tóp như suốt bao nhiêu năm qua.

Rừng bị “chọc tiết” như một điều không thể khác. Năng chang chang, ngọn cỏ rầu rầu - mặc kệ miền Bắc đang rét chết trâu chết bò, rét thảm khốc, mặc kệ nhà tivi vẫn đưa lên sóng hình quốc gia mấy em xinh tươi “hô phong hoá vũ”, gọi bằng tuyết nước ta là “hiện tượng thời tiết thú vị”.

Mấy cậu thanh niên ở cái xã 100% di dân tự do này đều đã mua xe máy, họ phóng xe với tốc độ kinh tởm, trên cái con đường rêu rọ toàn đá, sỏi, đất bột mà có lẽ đi bộ trên đó nhiều người cũng sợ... trượt chân ngã. Xe chúng tôi bật đèn để đề phòng tai nạn (như kiểu đi trong sương mù), họ rẽ bụi lao đến, như cào cào châu chấu lượn quanh ngọn đèn măng xông.

Rời huyện lỵ gần 20km, qua địa phận của những cái lâm trường, anh cán bộ huyện cứ khoát tay, chỗ này vốn là rừng, giờ là xã nọ xã kia, xã ấy toàn dân di cư tự do. Quạt chỗ này còn một cái điểm nóng, mấy chục hộ từ trên trời rơi xuống, phá rừng của tiểu khu X. làm rẫy, giờ ta ổn định cuộc sống, coi họ là cư dân của một cái thôn thuộc một cái xã đảng hoàng rồi. Chỗ này, qua điền thoại di động của “cùng tổ nhóm”, thấy dễ làm ăn, được địa phương tạo điều kiện tốt, người ta kéo đến ào ào. Hôm qua, vừa có thêm 10 hộ tiến quân vào xã này, góp thêm vào cái điểm nóng di dân tự do chưa biết giải quyết ra sao ngót trăm người nữa, tổng số là gần 600 người rồi anh ạ. Anh bảo, một chốc một lúc, ổn định làm sao được đời sống, lại còn điện đường trường trạm cho cả nghìn người? – vẫn là giọng ông Linh.

Gần 600 dân trong xã Cư Kbang đang chờ “bố trí sắp xếp” vẫn ở đó. Bà con dựng lều nằm chờ được... cứu giúp. Với cán bộ huyện, đó là cái ung nhọt “đau đầu nhức óc” bậc nhất hiện nay. “Chúng tôi vừa đã bố trí cho 44 hộ di dân tự do được ổn định rồi, giờ “món” 600 người này, chưa biết phải làm sao. Kế hoạch, dự án thì đậm chân tại chỗ. Chờ chỉ đạo của cấp trên thôi” – ông Nguyễn Đình Toàn, trưởng phòng kinh tế huyện, thờ dài.



Nụ cười của những người dân sắp được chuyển về nhà mới tái định cư. (Ảnh: Đỗ Doãn Hoàng)

II

Đi tìm đất hứa

T rời nóng rực. Ông Mai Văn Hiến, hạt trưởng kiểm lâm huyện vừa báo cáo việc thu cửa mâm, việc lâm tặc đánh cán bộ, việc cả núi gỗ lớn nằm chết ngất ở hạt kiểm lâm có nguồn gốc từ cánh rừng xấu số nào, lại vừa bổ sung thêm cái thông tin rất là phần thực cho hoang thú chuyện huyện nhà: mấy năm qua, năm nào Ea Súp có voi rừng... đẻ. Bà con nhặt được nhau thai của voi đánh chén liên tục, kiểm lâm xác tín thông tin, thì vui thay, “không tin được, dù đó là sự thật”. Gớm, nắng chang chang ngọn cỏ rầu rầu, đi miệt mài vẫn chỉ gặp toàn có

rừng khộp khô ron ngoằn nghèo những dáng đứng của “cây bàng mỡ côi mùa đông” thế này, thì voi nào sống được? Hai bên đường không một bóng cây xanh. Cũng trong cái hôm ông Hiến nói chuyện voi để với tôi, ngay gần hạt, rừng bị cháy đỏ rực một góc trời, trước mắt và trước ống kính máy ảnh của tôi.

Chợt hiện ra một không gian êm đềm, tôi ngỡ ngác bối tìm một dáng hoa ban tím, một nhánh đào phai hay mạn trắng già xuân. Không, chỉ có dáng sừng sè của vài cây khảng khiu còn sót lại của rừng

khộp bị phá. Gì? Cái dáng nhà bốn mái
ngói của người Tày. Cái dáng nhà làm tôi
nhớ Tây Bắc, nhớ Việt Bắc, dù trong miền
nắng gió này làm gì có dốc đèo quanh co,
từ thượng cổ đến giờ làm gì có người Tày
- người Thái với thói quen tụ cư bên các
vó nước lớn.

Tôi từng theo kiếm lâm và bộ đội biên
phòng đi chống di cư tự do ở Mường Nhé,
Tây Bắc. Phá rừng khốc hại. Một đêm,
hàng chục héc-ta rừng bị chặt, đốt thẳng
càng. Hàng chục căn nhà mọc lên. Bà con
ập đến bắt nạt, người ngựa ngậm tằm, 40
người húm vào đẵn gỗ làm một cái nhà
cho một hộ. Xong cái thứ nhất, làm cái thứ
hai, làm cái thứ ba. Cứ như sinh viên đi
cắm trại ấy. Họ làm nhà cuốn chiếu, một
ngày đêm là mọc lên bản mới.

Anh em biên phòng khuyên giải không
được, bèn gạt nước mắt, châm lửa vào đốt
những cái nhà mới lợp bằng gỗ tươi, lá tươi
đi. Rồi van vỉ khuyên bà con hãy ra khỏi
rừng nguyên sinh của khu bảo tồn màu
mỡ nhất Việt Nam ấy, “chứ là tôi thương bà
con nhưng rừng bị phá, cấp trên kỷ luật thì
ai thương tôi?”. Và, cái dáng nhà của người
Tày ở Ea Súp làm tôi giật mình. Những
nếp nhà ngói đỏ, nhà sàn, nằm ngơ ngác
trong cao nguyên vốn chưa bao giờ có sự
hiện diện của người Tày. Mái ngói đỏ là
dấu vết của cuộc “phạ phung” mang nhiều
điều tiếng.

Xã vốn là người di dân tự do, 100% bà con
người Tày, không cần biển chỉ dẫn. Những

nếp nhà sàn ngói đỏ đã êm ẹp vững chãi,
lành lẽ trong nắng. Ruộng rẫy bắt đầu ánh
ôi cái màu xanh trừ phú.

Cái cảm giác trừ phú và lành lẽ vỡ òa, khi
mà con đường gỗ ghề, bụi đỏ dẫn đến một
cái vùng lều lán xập xệ như là của dân du
mục trong những thảo nguyên Mông Cổ.
Quần áo sặc sỡ của đồng bào thiểu số phía
Bắc treo trên các thanh sào tạm bợ, vắt
trên bờ rào làm bằng những cây gỗ ngoằn
ngoèo mới dẫn từ rừng khộp Tây Nguyên.

Chủ tịch xã Cư Kbang Ma Văn Thuyên là
một gã người Tày đặc quánh, ria con kiến,
mặt vuông chữ điền, đẹp trai như một ...
hào hán.

Anh Thuyên người gốc ở xã Nam Quang,
huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng. “Bản
thân tôi, và cả 5.000 người trong xã Cư
Kbang chúng tôi, đều là người di dân tự
do. Lúc đầu, các cấp ngành rất đau đầu vì
cái việc chúng tôi “từ trên trời rơi xuống”,
nhưng giờ ổn định rồi, Chi bộ xã có tới 53
Đảng viên. Kinh tế rất phát triển. Chúng
tôi mang cả cái lễ lớn nhất trong năm,
hội Lồng Tồng (xuống đồng) của người
Tày vào đây... chỉ có điều, tình trạng di
dân tự do vẫn tiếp diễn, sẽ là một tai họa
với các cánh rừng, gây mất ổn định tại
địa phương. Nhiều người vừa đến dịp
Tết Nguyên Đán 2008 vừa rồi, họ băng
rừng rậm, điu con nhỏ, lội rừng khoảng
30km từ bên Ea Hleo sang xã chúng tôi.
Họ dựng lều, “mặt phục” cả tuần cả tháng
trong rừng, dưới suối, chờ dịp ... nghỉ

tết là đồng loạt chiếm đất, dựng nhà, phá nương làm rẫy!”.

“Thú thật, chúng tôi chỉ bắt bà con cam kết không phá rừng. Năm bắt thông tin để báo cáo thôi. Chứ không dám đẩy đuổi họ đi. Họ tạm thời chỉ dám chặt những cây nhỏ, nhưng nguy cơ bà con tiếp tục phá rừng là ... dĩ nhiên. Họ gồm khoảng 100 hộ. Mà nhất cử nhất động ở địa phương chúng tôi, họ đều có ... chân rết để nắm thông tin!” – ông Thuyên thật thà. “Thật ra thì nhiều người họ rất biết thông tin, rất nắm luật pháp, họ cố tình nhảy dù vào để phá rừng. Chúng tôi bắt ký cam kết, rất nhiều “điều khoản” họ ừ ào ký, coi như không để ý. Nhưng khi chúng tôi ghi cái điều quan trọng nhất vào văn bản, rằng “không vận động bà con ngoài quê cũ tiếp tục di dân tự do vào Cư Kbang” thì họ chối đây đẩy, họ không ... ký. Có thể anh sẽ bất ngờ: ở cụm người đang dựng lều chờ được “chu cấp” kia, họ có tới 20 cái điện thoại di động, 18 cái xe máy!” – vẫn là tự sự của Chủ tịch Ma Văn Thuyên.

Vốn tiếng Mông, tiếng Tày ít ỏi của tôi được dịp làm cho cán bộ Ea Súp ngỡ ngác. Bởi cả cái thôn số 13 (thôn vừa được “bắt đặc đi” thành lập cho người di dân tự do) của Cư Kbang này không ai biết nói tiếng của cư dân bản địa Tày Nguyên. Cũng như ở cả cái huyện 54.000 dân này không một ai biết tiếng Mông, tiếng Tày của người di cư tự do. Bà con đã rời tỉnh Lào Cai thượng nguồn biên ải của mình, để cất bước lang thang. Cánh chim rừng không

mỗi ấy đã dừng ở nhiều nơi, có khi là tỉnh Bình Thuận, có khi là Đắc Nông, có khi là cái huyện lân bang cũng trong địa hạt tỉnh Đắc Lắc này thôi, họ đã nhảy dù sai trái vào nhiều cánh rừng quý, rồi phải “bật” ra. Và cú “bật” gần đây nhất đã đưa chân họ vào tới Cư Kbang.

Váy áo rợp trời bên khuôn giếng bê tông hiếm hoi của vùng rừng vắng vẻ. Nơi này xa suối, không có nước. Bà con xuất hiện tháng 4 năm 2007, thấy tương đối “đất lành”, với lý do thăm thân, với lý do ... nán lại ngắm trời ngắm đất, từng đợt, từng đợt bà con từ miền Bắc liên tục kéo vào. Giờ, số khẩu đã lên tới con số gần 600 người. Thừa “quần số” để lập một cái thôn mới toe cho Cư Kbang.

Tết vừa rồi, bà con vào thêm một toán; hôm qua, lại có thêm gần chục hộ - con số cứ được cán bộ Ea Súp cập nhật dần. Chủ tịch xã Cư Kbang thì sâu sát hơn: nhiều bà con ngại bị ngăn chặn, họ đi bộ, lội rừng từ huyện Ea Hlêo (cũng của Đắc Lắc) sang đây. Họ ập vào như con ... gió.

Cơ quan chức năng đã đào 3 cái giếng nước phục vụ bà con, số tiền đầu tư lên tới hàng trăm triệu đồng. Mỗi gia đình, khi được ổn định cuộc sống để lập thôn, đều được cấp cho 5000m² đất canh tác, và 700 m² đất ở.

Đất! Cánh chim rừng không mỗi bay đến từ hơn một nghìn cây số xa thăm, có khi bay qua cả nghìn ngày đằng đẵng kia, cuối

cùng họ đã tìm được cái mà họ vẫn hằng ao ước. Thế nên, bên này là bác người Mông khoe ở quê tôi sắp thành lập một tuyến xe khách riêng chạy thẳng từ huyện “cố hương tôi” vào thẳng Ea Súp, quê hương mới đấy nhé. Bên kia, đông vui hỉ hả, một căn nhà gỗ đang được dựng khang trang, chỉ thiếu có cảnh giết một con lợn thả lông đen thui làm “lý” nữa là y xì phóc cảnh dựng nhà mới ngoài quê cũ Lào Cai, Lai Châu, hay vùng cao Thanh Hóa quê tôi đấy.

Chỗ này, rào giậu đóng gỗ kiên cố, những cái bờ rào chỉ ngăn mỗi trâu bò, giống hệt hàng trăm, hàng nghìn bản Thái, Mông ngoài Bắc mà tôi đã đi qua. Ngoài sân, các bé chơi bi. Bếp núc, củi lửa, cỏ rả, nồi niêu, nấu nướng giữa màn trời chiếu đất, giữa gió lồng lộng và hân hỉu lắm mới có một bóng cây sót lại khiến người ta da diết nhớ rằng: chỗ này, chỉ ít bữa trước, vẫn là rừng.

Đám trẻ khoe, cháu học trường Bế Văn Đàn của xã Cư Kbang, chả phải đóng góp gì, học thoải mái. “Bản Mông” chúng cháu thuê riêng một cô giáo biết “phát sóng ngắn” (tiếng Mông) để bổ túc giữa lều lán cho chúng cháu. Trong nhà, các cụ già tỉ mỉ nấu nướng, khâu thêu, khâu vải, khâu niêm thương nỗi nhớ. Cái cuộc sống “du mục” hình như đã quá quen với bà con, miền rừng nào cũng giúp họ tìm thấy sự bình an vĩnh viễn, chứ đâu có nháo nhào kiểu nhảy dù chiếm đất như ai đó vẫn

tưởng? Thế mới là phạ phung, cái tục khởi nguồn cho những nhức buốt mang tên di dân tự do.

Anh chàng nhỏ thó mà cơ bắp như dây chèo đồ au cứ đứng tùm tùm cười nhìn khách lạ. Nụ cười trong nắng nỏ cứ lấp lánh bao nhiêu là răng... bịt vàng. Cái giọng mày mày tao tao, lơ lơ của hắn với anh Chinh, Phó hạt trưởng Kiểm lâm Ea Súp, nghe quen quen. Hóa ra là một anh chàng Mông ở Bắc Hà, Lào Cai. Tôi chưa gặp hắn lần nào, chắc thế, nhưng cái xã, cái huyện của hắn thì tôi đã ăn mòn bát, ngủ mòn lưng. Hắn tên là Thảo Seo Vênh, người xã Bản Liễn, xã ấy cheo leo giáp với Sín Mần của Hà Giang.

Vênh biết ơn cán bộ Chinh lắm. Cái hồi nằm dài ngoài Bình Thuận, “cánh chim rừng không mời” nằm xe ô tô mấy ngày vào tới Cư Kbang. Biết mình nhảy dù vào rừng là phạm pháp, Vênh sợ lắm. Cứ nằm lý dưới suối, cán bộ công an, kiểm lâm đi tìm, không dám ra. Chỉ phụ nữ và trẻ em ở lại ven lều dưới suối, khách lạ đến hỏi gì cũng chỉ “Chư pâu” (không biết) rồi lằm lằm khâu thàng khâu năm bên bếp lửa. Vênh và cánh lực điền nằm ngoài suối, cán bộ không tìm được. Anh Chinh đã mang mỳ tôm, gạo muối vào đặt ở khe đá cho Vênh tự khắc tìm đường ra lấy về ăn. Chứ cũng là bà con mình, để họ sợ quá, trốn trong rừng, chết đói thì sao. Anh Chinh biết, Vênh vẫn nhìn thấy anh và đoàn cán bộ, dẫu Vênh không ra mặt. Cái ơn ấy, giờ Vênh nhớ lắm.

Nhất là vừa rồi, cái thôn di dân tự do mới nhất ở cái xã vốn là di dân tự do toàn tòng Cư Kbang này vừa được thành lập, cán bộ lại còn bố trí Seo Vênh làm cán bộ. Trưởng thôn hẳn hoi nhé! – Vênh vỗ ngực, chỉ lên lá cờ đỏ sao vàng treo ở nóc nhà gỗ mới dựng. Thế là Vênh có đất ở, dựng được nhà, có đất làm rẫy, cả thôn 13 của Vênh đã kết thúc cái đời chui nhui đi tìm miền đất hứa như cánh chim rừng không môi rồi. Nụ cười của Thào Seo Vênh vẫn lấp lóa răng bịt vàng trong nắng vàng như mật ong của Tây Nguyên - tháng ba.

Bà con từ Bắc vào, đi phiêu du giữa rừng và chọn lựa rồi “tự cắm đất cho mình”. Nếu như ở ngoài Bắc, chọn được một cánh đồng trong thung sâu, mỗi dòng họ sẽ đeo một cái cột đá để làm “cột chủ quyền” cho đám ruộng; đôi khi, hoang sơ đến mức, chỉ vài nhát bằm nhẹ vào vỏ cái cây cổ thụ, đường kính gốc hơn 1m là bà con đã khẳng định được “quyền sở hữu” rất vô lý của mình ở cái cây vua trong tán rừng đó. Không ai dám và không aiỡ chặt những cái cây đã được bà con mình đánh dấu.

Nhưng, giờ đây, họ đang “du canh du cư” ở miền đất không phải được sử dụng để làm rẫy hay dựng nhà, đó là cánh rừng mà người Việt Nam và quốc tế đang nỗ lực bảo vệ. Phải làm sao? Thôi thì chiếu cố, giúp bà con rơi vào cái cảnh “cùng trời cuối đất”, đã chót rồi thì phải ... chết, cố gắng ổn định cuộc sống cho đồng bào. Và cái nỗ lực ổn định ấy thật là cảm động, thật là ngậm ngùi. 150 người ở cái bản của Vênh ra đi, họ lần lữa,

chui nhui ở Bình Thuận 3 năm. Có người chán nản hồi hương, có người ương ngạnh tiếp tục kiếm tìm cái miền đất “không đầu màu mỡ bằng” mà họ tin là sẽ có. Một trong số đó là Vênh. Vào Cư Kbang, ở dưới tuổi 30 ngày, dựng lán canh chừng, nghe ngóng, sợ hãi, đói khát. Từ một nhóm người nhỏ bé được ra sống trên khoảnh đất của Cư Kbang này, giờ, qua nhiều đợt “bổ sung”, nấn ná, thôn đã có tới 130 hộ. Họ không phá rừng. Họ thậm chí phải thuê đất của người ở địa bàn trước mình để được làm rẫy, kiếm ăn lần hồi.

Con đường dốc dác, đỏ sậm những đất bột, đất như vờ vụn hơn, dễ bốc mù trời hơn trong nắng già chiều muộn. Những bé em ở trường nông nông đi xách nước, dòng nước rọt thím thắm trên mặt đất mịn. Không một bóng cây, chỉ những bờ rào gỗ vạm vỡ và những nếp nhà bé tẹo như cái trường trâu bò hiện lên ở cuối con đường.

Thào Thị Pè, 19 tuổi, cũng từ Bắc Hà vào, dắt xe đạp leo dốc, nụ cười vẫn lấp lóa răng bịt vàng, trưng ra cả đàn con và nụ cười hài lòng khó tả với cuộc sống du mục của mình. Em Giàng Seo Phủ, nhà ở Mường Lát, Thanh Hóa, đang là học sinh lớp 5, trường Bế Văn Đàn, cứ phồng mồm thổi lửa giữa trời nắng. Vào đây được gần 1 năm, là con thứ 4 trong gia đình đông đàn dài lũ 6 anh em, bé Phủ rất biết thân biết phận. Ở trường về, là lập vào nấu nướng. Cái bếp dựng giữa trời, không liếp che, nhưng hỏa lò đắp kỳ vĩ lắm, ở đó có thể xếp được cái chảo gang to như cái thuyền thúng, nấu đủ cơm cho 40 người ăn. Bé trèo

lên ụ bếp lò lớn. Bé nấu cá cơm nuôi lợn, nấu cơm cho cả nhà 8 người ăn, bố Mùa A Sinh đi làm rẫy, mẹ Vàng Thị Cá cũng đi kiếm củi trong rừng. Bé mở tất cả các cái nồi rỗng ra, chỉ một cái nồi còn lơ phơ vài hạt cơm trắng. “Trưa nay nhà cháu ăn cơm với ... cơm thôi!”. Bé Phú cười hi hi, hồn nhiên nổi lửa, xung quanh, các cặp váy áo mỏng xúm vào, vàng ruộm cả không gian. Bọn trẻ lúc nào cũng vui tươi thế.

Anh Tiên Tri, nhà báo, trưởng phân xã Đắc Lắc của Thông tấn xã Việt Nam có lẽ vì ít có dịp gần bó với miền núi phía Bắc nên mắt tròn mắt dẹt gọi tất cả chúng tôi lại chứng thực cái chuyện khó tin nhưng có thật: vợ chồng Ma Thị Sú và Cư A Thè, mới 29 tuổi mà có tới 6 đứa con. Đứa đầu mới chỉ 13 tuổi, cũng chưa bao giờ biết đến trường là gì.

Anh Tiên Tri không tiên tri được rằng, việc di dân tự do, nếu không quan tâm đúng mức, bà con còn “di tự do” cả những hủ tục vào miền đất mới. Thí dụ dễ thấy, như tục đẻ vô tội vạ, cái “tục” không khai sinh, không đến trường, không đăng ký kết hôn. Cái tục tự khoan nông, chế tạo, sử dụng súng kíp và cung nỏ bách phát bách trúng. Cái “tục”, một gã trai bản có thể thức trắng vài đêm, người ướt đẫm sương khuya, căng mắt giương súng rình bắt bằng được một con sóc, con chồn, con dúi, con don bé xíu, chỉ đơn giản bởi gã thú hoang tội tình kia đã hơn một lần hớ hênh để cho “gã thợ săn” nhìn thấy.

Thông tin từ hạt trường hạt kiểm lâm huyện Ea Súp, Mai Văn Hiến: Ea Súp là một huyện có diện tích đất lâm nghiệp rất lớn, với 125.756 ha (trong tổng số 176.000 ha đất tự nhiên). Diện tích rừng đặc dụng lên tới 14.500 ha; rừng sản xuất hơn 100.000 ha.

Trước sức ép di dân tự do, phá rừng như hiện nay, kiểm lâm huyện gặp quá nhiều khó khăn. Nhiều đối tượng lâm tặc núp bóng “bà con bản địa” để phá rừng. Nhiều chủ rừng không biết phải giữ rừng thế nào trước đoàn người đột ngột chặt phá rừng mà mình đang làm chủ để dựng lều, lập “bản”, chỉ còn biết báo cáo thăm trạng lên kiểm lâm. Khi những người di dân tự do “nhảy” vào rừng cổ thú, thì chính lực lượng kiểm lâm cũng không dễ gì đẩy đuổi đưa họ ra khỏi rừng được, vì rất nhiều lý do (mà như đã nói, UBND huyện Ea Súp cũng chỉ biết ... tiếp nhận rồi xin chủ trương của cấp trên). Thậm chí, như đã kể, lực lượng kiểm lâm phải mang cơm gạo, mỳ tôm vào cứu đói cho những người tự dưng nhảy vào rừng dựng lều, chỉ chờ dịp chặt trụ cây rừng!

Giữa bối cảnh rừng bị mất từng giờ từng phút, lực lượng kiểm lâm lại quá mỏng. Nếu đúng như quy định 1000ha rừng thì cần 1 kiểm lâm, lẽ ra, huyện nhà phải có tới 125 chiến sỹ kiểm lâm – trong khi đó, quân số thực của hạt chỉ là ... 16 người, tính cả hạt trường. Ngoài một số vụ tổn từ năm 2007, hơn 2 tháng đầu năm 2008, hạt xử lý tới 41 vụ phá rừng, với gần 3000m² rừng bị chặt phá.



Ảnh: PanNature

III Xót xa những cánh rừng

Tận mục những cánh rừng bị phá tan hoang, những thân gỗ lớn đen trũi nằm thuôi luôi, kênh kênh kang giữa những rông núi mà rừng vừa bị đốn ngã, đốt cháy. Tận mục những đám khói mịt mù do đốt rừng mà nó kinh khủng như B52 trải thảm. Tận mục rừng đêm, lửa lan đến mức đỏ rực cả ba bề bốn bên nơi tôi đang đứng; hơi nóng phả hằm hập, mùi tro than ngọt ngào đến ma quái. Tận mục, chúng tôi đã hoảng hồn y như đàn hoang thú đang bị lửa xua đuổi khỏi tay nôi của bà mẹ rừng.

Những người di cư tự do, hoặc từ tít tít Tây Nam Bộ ra, họ phá rừng tàn nhẫn, chống đối ra mặt lực lượng bảo vệ rừng. Sự bất lực của lực lượng bảo vệ rừng trước cơn bão di dân tự do, nó cũng rõ rệt như những cánh rừng đang bị ép phải chết đứng, chết

nằm vậy. Đúng là, khi mà lối ra cho thăm trạng này còn nằm đâu đó trên những kế hoạch - dự án lúc xa xôi, lúc gần gũi - thì chúng tôi chỉ còn biết đi xem phá rừng. Đi xem cuộc sống của những “cánh chim rừng không môi” từ “trên trời” đậu xuống giữa rừng, rồi phá rừng, lập làng để bắt đầu một cuộc sống cái gì cũng không có. Không cả tuân thủ luật pháp, không cả thềm chào người cán bộ từ tế đến tính kế lo ổn định cuộc sống cho chính mình.

Khi chúng tôi có mặt ở tỉnh Đắk Nông, đoàn kiểm tra liên ngành của huyện biên thủy Tuy Đức vừa “tấn công” vào điểm nóng phá rừng, di cư tự do ở Đắk Ngo, Quảng Tín về. Hơn 2.000 người đang nằm trong lõi rừng, họ đã xóa sổ vài cái lâm trường, mỗi lâm trường rộng tới hơn 1.000ha! Hai ba cái lâm trường nữa, cũng cả nghìn héc-ta diện tích rừng đang bèn

bờ vực bị xóa sổ. Đoàn liên ngành gồm công an, bộ đội, kiểm lâm ..., trực tiếp Phó Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức, ông Trần Đình Quang “điều binh khiển tướng” vừa đi ròng rã suốt 3 ngày đêm, đã bắt quả tang hàng chục vụ phá rừng, trực xuất 41 người ra khỏi địa bàn huyện, tháo dỡ 23 căn nhà, thu hàng chục xe máy và cửa xăng, triệt phá cả nhiều héc-ta nương rẫy vô lối của người di dân tự do vi phạm lâm luật.

Có một sự thật mà tất cả các thành viên trong đoàn kiểm tra thêm một lần thờ dài thượt thượt để nói ra, đó là câu chuyện “biết rồi khổ lắm nói mãi”, câu chuyện cứ tồn tại như cỗ máy chém giết chết lá phổi xanh của Tây Nguyên từ khá lâu nay: đó là sự bất lực trước cảnh rừng bị giết bởi những người di dân tự do. Sự nửa vời. Sự nhân nhượng của chúng ta đôi khi đã làm cho những kẻ coi thường luật pháp họ lấn tới. Kèm theo đó là thái độ chây lỳ, thậm chí chống đối ra mặt của những người di dân tự do.

Đoàn kiểm tra đi rồi đoàn kiểm tra lại ra về, kể cả kiểm lâm và cán bộ lâm trường, cũng chẳng có ai sống với rừng được 24/24 tiếng mỗi ngày. Nhà tạm bị phá, rất nhiều người bị trực xuất ra khỏi rừng, nhưng rồi họ lại vào rừng, lại phá rừng và dựng nhà, dựng một cuộc sống dựa trên những cái “lý” mà sờ đâu cũng thấy sai của họ!

Có người di dân tự do, thấy đoàn kiểm tra đến, họ trưng ra cả cuốn sổ ghi nhật

ký ghi tên, thời gian, công việc, kiến nghị của các đoàn đến kiểm tra, xử lý trước đó như thách thức. Cam kết quá nhiều, kiểm tra quá nhiều, song sự việc vẫn đâu đó đọng lại. Cam kết, xử lý rồi bỏ đó thì chẳng có gì là khó hiểu khi mà chủ nhân của “cuốn sổ phá rừng” vẫn ở trong rừng và vẫn phá rừng đều đặn.

Cái tâm lý “chơi bài cùn” của người di dân tự do là quá rõ rệt: họ tin rằng, cứ bám trụ, rồi sẽ được chăm bẵm, cơ quan chức năng dần dà sẽ “xuống tay”, sẽ cấp sổ đỏ cho đất ở, đất canh tác mà họ vừa giết rừng “cướp” được. “Thế thì tội gì mà không ... phá rừng, người ta phá được thì tôi cũng phá được!” – trả lời nhà báo, một người di dân tự do nói “toạc móng heo”, cho cả đoàn cán bộ liên ngành nghe ... thả phanh.

Các cuộc phỏng vấn chính thức và trực tiếp của chúng tôi với Chi Cục kiểm lâm, Ban Dân tộc tỉnh, Chi Cục Hợp tác xã và phát triển nông thôn của tỉnh Đắk Nông đều thu nhận được những con số, những nhận định xót xa về thực trạng rừng bị xóa sổ sau bước chân của người di dân tự do. Có gần 14.000 người di dân tự do đang “oanh tạc”, phá rừng thảm khốc ở cả tỉnh Đắk Nông. Trùm lên những con số, là tình trạng địa phương lao đao, bất lực, đành ngồi chờ đợi chủ trương của ... cấp trên; là thủ đoạn phá rừng bán trao tay đất rừng, là nếp nghĩ “rừng nhiều thế, người ta phá được, tội gì mình không phá” của những kẻ coi thường luật pháp.



Khi chúng tôi vào tận nơi chỉ thấy vườn không nhà trống, nhưng những vạt rừng còn sót lại vẫn đang nghi ngút cháy.
(Ảnh: PanNature)

IV Nóng bỏng Đắc R’măng

Sự thực trên không phải do chúng tôi tự nghĩ ra hoặc tự đúc kết. Nó là nhận định của cơ quan chức năng, là thực tế đã được chứng minh thuyết phục bằng sự biến mất đau đớn của rất rất nhiều cánh rừng. Mất gần 100km từ thị xã Gia Nghĩa, tỉnh lý Đắc Nông để vào được đến xã Đắc Rmăng của huyện Đắc Glong. Dọc đường, đường đất bazan đỏ đến mức, bụi đến mức, khi trở về, toàn thân, xe cộ của chúng tôi vàng ruộm, đỏ quạch. Con đường khổ ải đã biến Đắc Rmăng trở thành một ốc đảo lam lũ, ốc đảo của những câu chuyện kiểu “săn bắn lá lượm” do người di cư tự do “di thực” từ nơi xa xôi đến.

Nhiều khi rừng bị đốn ngã, bị đốt cháy, thân gỗ to cả vòng tay người ôm; cả những thung lũng bất tận đen thui sau khi tre nứa

bị thiêu rụi, vừa mới bị thiêu rụi. Tất cả phơi ra trước mắt người đi đường, xin thưa là cái đường đó dẫn người ta đi từ tỉnh về huyện, là đường cho ô tô ca, ô tô tải đi hẳn hoi, chứ không phải “độc đạo” hay “sơn lộ” hoang vu với lục lâm thảo khấu như người ta hình dung. Vậy là rừng bị tàn sát công khai. Người ta hoặc là làm ngơ, hoặc là bất lực trước sự tháo lui của những cánh rừng tội nghiệp.

Tôi đi với cán bộ xã, thấy rừng cháy mịt mù, khói đen kịt cuộn cuộn lên mây xanh, cũng không ai giạt mình, càng không ai kêu cứu hay tố cáo lên với ai điều đó. Làm cái gì cũng phải có “chiến dịch” chứ, rừng cháy thì chắc gì đã ảnh hưởng đến... hòa bình thế giới. Một cán bộ địa phương thờ dài: chỉ cách đây một năm thôi, ven đường

này là bạt ngàn rừng xanh, vào xã, như đi du lịch sinh thái vườn rừng. Giờ người ta phá trụi thui lụi. Có đoạn, là đất công ty lâm nghiệp quản lý, người phá rừng người ta ý tứ phá bên trong, cách mặt đường độ nửa quả đồi chẳng hạn; họ thương mến, ý tứ để lại rừng xanh ở ... hai hàng cây ven đường. Song, càng đi vào sâu, dấu tích của cây xanh càng hiếm dần. Trọc lốc bất tận. Hãn hữu lắm có cái màu xanh nhẹ nhàng, thưa thớt của sắn khoai, rau màu, Nhưng, ngay cả sự tốt tươi của mùa vụ ít ỏi đó, cũng đã tố cáo với chúng ta rằng: rừng đã biến mất để nhường đất cho vườn tược của người di cư tự do. Ai đó nói như làm thơ: một màu xanh tội lỗi.

Kvanh là Phó Chủ tịch UBND xã Đắc Rmăng. Văm vấp, da nâu bóng, giọng nói oang oang, sinh ra lớn lên ở miền nắng gió cách thị xã tỉnh lỵ những 100km, giáp với tận tỉnh Lâm Đồng này, nên Kvanh nói chậm và có vẻ rất hồn nhiên. Anh rành rề từng ly từng tý bước “thiên di” của bà con từ miền Bắc vào quê mình. “Lúc đầu, vào năm 2000, họ đến với vài hộ, họ nằm lại với rừng, dựng bản làng, phá rừng làm rẫy. Thấy ổn, họ mách nước cho nhau, kéo vào ở trong rừng rất đông. Đến gần đây, thống kê thấy con số 3.431 khẩu, với gần 600 hộ dân (con số này có thể tăng từng ngày). Bà con di cư tự do sống rải rác ở cả một vùng mệnh mông, gồm 14 tiểu khu! Bà con giờ đông hơn người bản địa”.

Rừng tre pheo, rừng già, rừng nào người di dân tự do cũng phá. Có thể họ không

muốn phá rừng đâu, bởi họ không hề buôn bán gỗ như lâm tặc, nhưng phải “dọn” rừng đi thì mới có đất mà trồng lúa, trồng sắn, trồng màu chứ - Kvanh lý luận rất chí lý. 14 cái cụm tạm ra đời, giờ được hợp thức hóa một chút rồi, ở mức: có nhiều anh đã lâm thời được bầu làm trưởng thôn. Đội quân 14 trưởng thôn của xã Đắc Rmăng, toàn bộ là đồng bào Mông. Họ được mời ra xã họp bàn đủ thứ chuyện, lúc đầu anh em phấn khởi lắm. Thế rồi, bỗng dưng có nhiều anh cũng chả thèm đi họp nữa. Cái lý họ đưa ra là: không trả lương trưởng thôn cho tao thì tao không đi đâu mà. Đi họp mấy chục cây từ trong rừng ra xã, phải có ... công tác phí chứ. Họ nói cũng ... có lý (?).

Ba nghìn rưởi người với cả nghìn ngôi nhà và lều lán, với hàng nghìn héc-ta đất sản xuất, đất ấy lấy ở đâu. Phải phá rừng thôi. Phá rừng mà lại còn bị người của Công ty lâm nghiệp đang quản lý rừng người ta bắt, thu dao rựa, trục xuất ra khỏi rừng những cánh rừng vốn được bảo vệ nghiêm ngặt, thế là mấy cái người vô lối bắt nổi nóng đầu hè nhau tấn công 4 cán bộ lâm trường.

Nghe anh KBốt, Phó trưởng Ban Dân tộc tỉnh Đắc Nông kể lại cái cảnh cán bộ lâm trường bị đánh đập nhảm tâm thì ai cũng thấy đau lòng. Sau vụ việc tày trời ấy, có vài người chống người thi hành công vụ bị đi tù. Mặc kệ, người di dân tự do vẫn kéo đến Đắc Rmăng từ đủ các ngã đường: từ Phía Liêng của Lâm Đồng sang, từ các xã Quảng Khê, Đắc Blao, từ Krông Nô (của Đắc Nông) lại.

Họ cương quyết khai phá đất rừng, cán bộ địa phương đến làm công tác tư tưởng hòng đưa họ ra những cái vùng rừng ngèo để ổn định cuộc sống, để họ khỏi xâm hại đến tài nguyên rừng, nhưng “bà con di cư tự do” kiên quyết không đồng ý. Đưa họ ra “nơi ở hợp lý”, họ cũng vẫn lù lù quay lại phá rừng giàu. Họ đi đến đâu, phá rừng, nương rẫy tốt tươi ngay đến đó.

Thương dân thì ai cũng thương, bà con nơi nào cũng là bà con mình, “đất nước ông bà”, giang sơn gấm vóc này chỗ nào cũng là của con dân nước Việt. Có thể, cái màu xanh ngò sắn kia vô tội, nhưng việc phá rừng và coi thường pháp luật kia là không thể tha thứ. Khi chúng ta coi việc nhờ thuốc của “căn bệnh” di dân tự do - phá rừng là dễ hiểu, thì có nghĩa là chúng ta đã đồng lõa với những kẻ bất chấp luật pháp.

Kvanh cũng thật thà. Anh Lực, Phó trưởng Công an xã, người bỏ cả ngày đưa chúng tôi lang thang trong suốt nhiều cái tiểu khu tinh có người di dân tự do ấy, cũng thật thà lắm. Họ bảo rằng, “nạn” nhảy dù phá rừng này đã được báo cáo ra ngoài tỉnh Lào Cai, vùng đất chôn nhau cắn rốn của rất nhiều bà con đang “tạm trú” ở Đắc Rmăng rồi. Chính phủ cũng đã yêu cầu hẳn hoi là lãnh đạo UBND tỉnh Điện Biên phải tìm cách cùng với Đắc Nông giải quyết vấn đề bà con từ Điện Biên “di cư tự do” phá rừng ở Đắc Nông rồi. “Công an Lào Cai đã vào đây tìm hiểu. Các đồng chí ấy đi đến đâu, thì bà con di cư tự do bỏ trốn đến đó. Họ trốn hết vào trong rừng. Lúc chúng tôi

(chính quyền xã) vào, thì họ lại không ... trốn nữa. Tết đến, chúng tôi vẫn phải cứu trợ dẫu, muối cho bà con trong 14 cái cụm dân cư đó. Dù cả 14 cụm, cả hơn ba nghìn năm trăm dân ấy, chưa có cụm nào được công nhận là bộ phận dân cư hành chính của xã chúng tôi. Họ cứ ở đó, cứ phá rừng, làm rẫy, không có bất cứ một lớp học nào, một điểm trường nào ở trong đó!”
– KWanh chán nản.

Từ UBND xã Đắc Rmăng vào đến cụm người di dân tự do xa nhất là khoảng 20km đường núi non. Có nơi xe máy vào được, rất nhiều nơi chỉ còn nước lội bộ, leo núi, leo qua những đôi lồ ô cháy đen nhánh, những thân gỗ lớn nằm chết vệ đường và cả dưới thung sâu. Đi bộ trong nắng trảng, suối cạn, rừng chết, quả thật là kinh hoàng.

KBắc, trưởng Công an xã Đắc Rmăng kể chi tiết cho tôi nghe cái vụ hồi tháng 5 năm ngoái, cán bộ công ty lâm nghiệp có bắt giữ công cụ của 3 đối tượng phá rừng ở tiểu khu 17 (gồm những người di dân tự do) rồi bị họ đánh, trói, giam giữ khổ sở ra sao. Hai đồng chí công an địa phương (là anh Lực và anh Hào) đã lấy lý do vào rừng với “lâm tặc” như thế thì rất nguy hiểm, họ đã đội nắng cùng chúng tôi vào với các “xóm nhảy dù”.

Hiểm nguy thì chưa thấy, nhưng đúng là nếu không có công an dẫn đường, sẽ thật khó để ai đó biết được rằng các “toán nhảy dù” nằm ở chỗ nào trong bạt ngàn các dốc núi, các thung sâu ngút mắt kia.

Cũng thật khó để tìm được một ai trong túp lều nào đó mà hỏi chuyện. Bởi có đến 3.500 người, nhưng chẳng có ai ở nhà cả, vài trăm hộ nằm rải rác ở 14 tiểu khu, mỗi cụm cách nhau vài cây số, nếu cứ lội bộ đi tìm, có khác gì mò kim đáy bể. Người người lên nương, bà con miệt mài với ruộng rẫy từ mờ sớm đến mịt tối. Vô tình có gặp, vô tình ai có hỏi gì cũng chỉ một câu đáp lại, là: “chư pâu, chư pâu” (không biết, không biết đâu). Nụ cười nào cũng lấp lóa cái răng bịt vàng, như là biểu tượng của sự quyền quý, sang trọng. Song, cái việc bức tử các cánh rừng, việc ô ạt xâm lấn rồi chây bừa ăn vạ chờ ... chính sách của họ thì lại không có dấu hiệu của quyền quý, không có tinh thần xây dựng, không vì cộng đồng tí nào. Càng đi, càng ngẫm, mới thấy người di cư tự do, đáng thương lắm mà cũng đáng giận lắm.

Một cái tiểu khu (thật ra là vài hộ gia đình bạ đầu dựng lều đó) xa nhất của xã Đặc Rmăng, ở đó toàn bộ là đồng bào người Mông. Thung lũng cháy. Trên trời nắng như đổ lửa, đất bột bụi như đã được rang nóng. Vách đồi uốn lượn toàn tàn tro than đốt rẫy đen xì, thỉnh thoảng có những trảng tre, lồ ô gãy rạp nửa trắng nửa đen kéo dài về ... bất tận. Tóm lại là không có cây xanh. Con suối đục ngàu, cạn khô đến mức xe máy gầm thấp cũng cứ nhè giữa lòng suối mà lội ào ào qua. Vài bé gái người Mông hè nhau đi khênh nước, những nhặng đi về các túp lều lợp gianh. Các bé đều mặc váy áo Mông lờ xòe, mỗi bé chỉ cao hơn cái can nhựa 20

lít đựng lưng lửng nước đục mà các cháu đang vắn đi một chút. Mồ hôi nhễ nhại, da đỏ au, tóc che nửa khoé miệng, nụ cười của các bé rạng ngời thơ ngộ. Cười như là chưa có nạn di cư tự do tàn sát các cánh rừng Đặc Rmăng, như là chưa có 14 cụm dân cư với gần 4.000 người nhảy dù vào giữa hoang vu gây nên những “thảm họa” khiến cả huyện, cả tỉnh và cả trung ương đau đầu.

Phải nói rằng, có quá nhiều nụ cười hồn nhiên giữa nơi này. Nụ cười được mùa của những con người lắm lý, chỉ biết chịu thương chịu khó, nửa đêm vẫn lụi cụi ngoài ruộng rẫy. Sản phơi trắng các thung lũng lờm chờm cỏ cháy. Sản xếp trong những cái bao tải đở chất ngất đến tận mái lều “du mục” của hàng nghìn người di cư tự do. Sản đem lại cho những chàng trai Mông vạm vỡ như A Sự ở cụm 5, có tới ba chục con trâu trong nhà. Sản đem cho Xuân Páo vài chiếc xe máy, và mấy cái tiểu khu tôi đến, nhà nào cũng mua được xe máy Tàu vừa đẩy vừa đi cũng “vè vè” như ai - để rồi Xuân Páo mở cả cái hiệu “sửa chữa xe máy Xuân Páo”, với “lô-gô” vẽ biểu tượng của hãng Honda rất là sành điệu. Bên cạnh ghi số điện thoại của Páo. Những người tên Páo, hầu hết là bà con đồng bào Mông. Thấy tôi thú vị và sừng sốt với tám biển ngoài bia rừng trong xóm “bốn năm không”, cán bộ xã Đặc Rmăng đã không hiểu ý. Là bởi vì, quê họ, mấy năm nay, kể từ khi có di dân tự do vào giữa rừng già, họ mới được “mục kích” người Mông vạm vỡ như thế nào.

Tại một số xóm “nhảy dù”, nhà nhà (thật ra là lều lều) đều rậm rịch mua sắm máy bơm nước, với chiến lược trồng cà phê trên diện rộng. Chuyện thú vị: cái việc chúng tôi lằm lũi lội bộ vào chòm dân cư “từ trên trời rơi xuống” để phá rừng phát nương hôm ấy đã bị “camera” ghi lại rất chi tiết. Cả anh Lực, Phó Công an xã; cả cậu Hào, công an huyện cấm xả đều bất ngờ. Cậu thanh niên đứng ở hiên nhà anh Dũng, Phó “thôn” di dân tự do, cứ móc điện thoại ra... quay phim cảnh tôi đang phỏng vấn và chụp ảnh... anh ta. Bản thân anh Dũng cũng đã mang ở đầu về nhiều mét khối gỗ vào hàng “tứ thiết”, xếp lũng lũng, vòng vắn ở trước sân để chuẩn bị dựng nhà mới. Riêng tiền công dựng nhà, dự trù đã lên tới 20 triệu đồng. Con trai anh, đã có xe máy để đi học ngoài trường Lê Lợi gần UBND xã Đắc Rmăng. Cái việc bà con chịu khó làm ăn trên đất mới “vỡ vạc” từ rừng rồi có những mùa bội thu, kinh tế khá giả - là có thật. Nếu đúng là bà con rời phương Bắc “cố hương” với lý do đất bạc màu, bản làng chật trội, kinh tế khó khăn để đi tìm miền đất hứa trù phú, làm chơi ăn thật - thì hình như Đắc Rmăng đã là bến đỗ khá lý tưởng trong mắt của bà con. Dẫu rằng, khi nhảy dù vào 14 cụm dân cư kia, những người di dân tự do chẳng chịu tuân thủ một thứ quy định, một thứ luật pháp nào. Sờ đâu cũng thấy sai, nghĩ góc độ nào cũng thấy tai hại.

Sự tai hại đầu tiên là rừng, vị thần hộ mệnh cho không chỉ riêng ai, đã mất. Đi hàng chục cây số qua những đôi trọc, những quả núi mà chúng tôi tận mắt nhìn thấy đốt nương làm rẫy lù tù mù với khói lửa hoang tàn, những “cụm” dân của nhếch nhác với những người “nhảy dù” chui nhủi đầy mặc cảm - đúng là không ai tránh được cảm giác xót xa. Nỗi buồn tê tái. Bà con dẫn gỗ làm nhà. Bà con bỏ nhà, bỏ lều đó đi biệt vào trong các rông núi để làm lụng. “Nhà” không cửa rá, không có một thứ tài sản gì có thể... bị mất trộm. Họ vào núi từ sáng đến tối mịt. Họ đi đâu? Đi phá rừng, phát nương. Nếu như gần 4.000 người di cư tự do ở riêng cái xã Đắc Rmăng này đã chiếm mất nhiều trăm héc-ta rừng giàu và đất làm nghiệp làm “bãi đập” (dựng nhà, dựng “bản”); thì chắc chắn diện tích rừng đã và sẽ bị phá để phục vụ cho canh tác còn gấp nhiều lần con số đó. Không có ai nhảy vào rừng, dựng lều chi để chơi. Không có ai ở giữa rừng mà lại canh tác trên mảnh những mảnh nương bé nhỏ hơn cái nền nhà (lều) mình đang dựng cả. Nhìn những núi sản lát chất ngất ở các căn lều; nhìn đời sống vật chất đi lên một cách đáng mừng của bà con; thì chúng ta cũng cần hiểu rằng, đó là bằng chứng của việc rừng và đất rừng đã bị xé thịt tàn khốc. Càng đi, cái lời ồ ề, thô mộc “không phá rừng thì lấy đầu đất trồng mỳ” của Phó Chủ tịch Kvanh càng làm tôi tâm đắc.



Hai cháu bé người H'mông Vũ Thị Sai và Vàng Thị Mơ, nhà cùm "nhảy dù" số 17, xã Đắc R'măng. Nhà quá nghèo, hai cháu học xong là ra phía sau trường, chui vào hốc cây cụt lì lụi lồi nổi niêu ra nấu nướng. (Ảnh: Đỗ Doãn Hoàng)

V Cuộc sống dựng từ rừng hoang

Quyết sách cho vấn đề di dân tự do vùng Đắc Nông nói riêng và mọi miền nói chung là việc của các nhà quản lý. Song, khi mà chúng ta ở quá lâu trong mớ lũng nhùng "đi thì cũng dở, ở không xong" đối với người di cư tự do và về vấn đề di dân tự do như hiện nay, thì chính cán bộ cơ sở cũng không biết phải đưa người di cư tự do "sờ điểm nào cũng sai" ra khỏi địa bàn, hay là nỗ lực hơn nữa để tạo điều kiện cho bà con mình ổn định cuộc sống? Chính bà con cũng cứ thậm thụt ở với rừng, khi thì bị trục xuất, khi thì được quy tập lại để "định canh định cư". Sự mặc cảm ấy, đôi khi là nguyên nhân để sinh ra những cái kiểu trốn tránh: thấy khách đến là ai cũng... bỏ đi nương.

Quả thật là cán bộ địa phương không thể làm gì hơn được những gì họ đang làm hiện nay, với đối tượng là người di cư tự do. Nhất là khi mà các diễn biến như cò môi đất, cò môi phá rừng, lợi dụng bàn tay người thiểu số để phá rừng lấy đất bán trao tay ngày càng phổ biến. Cán bộ xã chỉ nắm tình hình rồi... báo cáo. Rồi Tết nhất cứu trợ cho bà con, mỗi hộ vài lít dầu, vài ký lò muối. Tạo điều kiện cho các giáo viên xâm nhập các cùm dân cư (14 cùm!) để tìm học trò vận động các cháu đến trường. Làm đăng ký tạm trú, làm giấy khai sinh, đưa các cháu rời rừng rú đến trường, thôi thì có khi 16 tuổi mà chưa đi học cũng cứ nhét cả vào lớp một. Các cháu dựng lều mà học, kê vài hòn đá tảng giữa trời đất nơi

bìa rừng mà nấu nướng li lụm ăn với nhau. Học cho nó ... gọi là có học.

Các cái dự án tiền tỷ, gom 14 cụm dân cư kia vào, thành lập cả hai cái ... xã mới của người Mông, nghe đầu cũng đang được bàn thảo; rồi điện đường trường trạm cũng xấp xỉ năm để được triển khai phục vụ bà con mình – cán bộ xã chỉ nghe vậy, biết vậy, đó là việc của các “cơ quan cấp trên”. Nếp nghĩ, nếp làm này đã gây nên những hậu quả tai hại.

Chúng tôi cùng với cán bộ xã vào rừng. Không có một túp lều nào có người dân. Họ đi nương, hoặc cố tình đi nương. Đám trẻ lóc nhóc đùa trên những bao xác rắn màu đỏ chứa toàn sản thái lát xếp như tường thành cao, thấy khách lạ, đứa nào cũng đứng nghiêm sợ sệt. Đám con buôn đã kẹp đem pip pô kem mút len lõi vào các cụm dân cư hoan hỉ bán. Mát lạnh đường hóa học, giữa nắng nỏ, cái thức quà dù chẳng ra gì ấy, luôn gợi lên sự tươi mới, gợi lên niềm vui mục đồng ngơ ngẩn. Đám xe thô cũng đẩy lúi liêu chào gang, xoong đại bằng nhôm trắng lấp lóa vào xóm – những món hàng ấy, bà con người Mông rất thích. Có vẻ như một cuộc sống mới đã thật sự bén rễ xanh cây.

Phá rừng là sai, ai đó bắt giữ hành hung cả cán bộ lâm nghiệp là sai. “Nhảy dù” là càng sai. Nhưng rõ ràng, cái sự “hồi sinh” mờ màng đang hiện diện ở nhiều cụm người di dân tự do kia.

Trước, bà con bản xứ đã phải bỏ mấy cái thung lũng hễ mưa là ngập lụt nơi này ra đi, bởi hễ mưa là nó ngập, ngập lụt nóc nhà. Rừng hoang, cỏ dại, lau lách tràn lấp xóm buôn cũ. Nay, bà con người phương Bắc cứ nhảy đại vào ở, mùa đến, vẫn ngập, vẫn cô lập đường ra xã. Nhưng bà con chấp nhận, là bởi vì cái mùa không ngập đất rất tốt, là bởi vì “méo mó có hơn không”. Sống như hiện nay, dẫu gì thì cũng hơn vạn lần cái cảnh chạy từ Bắc vào Nam tìm miền đất hứa, nhảy dù vào khu rừng nào cũng bị “trục xuất”.

Giàng A Sem, 25 tuổi, từ Bắc Hà, Lào Cai vào Đắc Rmăng đã 7 năm, mua được xe Wave Tàu 9 triệu, để được đứa con xinh xẻo (một đứa đã “hữu sinh vô dưỡng” vì lối sống du mục giữa rừng hoang của Sèng). Tồi gặp Sem địu con, chở vợ đi trên chiếc xe máy xanh biếc. Cả ba cười tít mắt, răng trắng lóa. “Ai giàu nhất ở đây, hả Sem?” - Anh Lực hỏi. “Mình chưa nghĩ được đâu. Giàu thì ít người giàu lắm. Vì vất vả nhiều năm ở đây rồi, ngày nào cũng làm việc đến khuya ngoài rẫy, nên ai cũng có tiền một tí, một tí thôi mà” – Sem bảo.

Chấp nhận cuộc sống dựng từ ... hư vò của rừng hoang, bà con cũng chẳng sung sướng gì. Vẫn biết rằng cả rừng núi, cả cộng đồng đang phải khổ sở vì cái sự chà sung sướng gì của bà con. Đến ngày bầu cử, cũng phải đón bà con từ rừng ra, lo ăn ở, lo đi lại mấy ngày trời để bà con thực hiện quyền công dân. Giữa heo hút, đến

chợ của xã Đắc Rmăng còn không có, nói gì chợ búa cho người di cư tự do sống giữa lõi rừng được bảo vệ. Thế là bà con cứ một mình với hoang vu. Có khi, cả cụm dân cư, mỗi tuần chỉ cử 1 người đại diện đi chợ mua những thứ không tài nào tự cung tự cấp được, những thứ tối thiểu của một cuộc sống nhọc nhằn, như dầu thắp sáng và muối ăn để sống làm người thôi. Nồi niêu treo trên cành cây, lều nường, vách nứa xiêu vẹo, cuộc sống tạm bợ đến mức không tưởng tượng được. Mấy cụ già ở bản, ai cũng dờ dẩn ngồi trong phen liếp tránh nắng. Cụ Vàng A Phao, dăm năm nay, ở rừng, chỉ ước ao có cái ra-đi-ô để nghe, mà mấy năm rồi, ao ước vẫn treo ở đầu núi xa.

Phó cụm (tạm bầu lên như thế để cho nó... có vẻ chính thống) tên là Vàng Văn Dừng, lúc 12 giờ trưa, nắng như đốt lửa khắp thung lũng, vẫn ở chon von trên đỉnh núi phơi khoai mỳ (sắn). Một tiếng đồng hồ sau, cậu con trai đi nhanh như sơn dương của anh ta mới đi gọi được bố mình về. Đám trẻ nhỏ, ở trần ở truồng, đi thung thăng trong đôi vắng, thấy khách, chúng bỏ chạy tán loạn. Tiếng khóc thét lên trên đồng cỏ cháy. Vẫn biết là tiếng thét con trẻ, vẫn biết là nỗi sợ hãi con trẻ, nhưng càng ngẫm càng thấy thất lòng. Anh Dừng là phó cụm (lâm thời), nên công an xã mới có mối liên hệ, mới mạnh dạn cho đi “mời” về như chú người khác, hỏi gì cũng không biết, nói gì cũng cần phải... xem lại, vì họ thận trọng, để phòng, mặc cảm, lẩn trốn liên tục và liên tục.

Câu chuyện với anh Dừng, phần nào giúp chúng tôi hình dung ra chút đỉnh, con đường đã đưa những phận người miền cực Bắc, như cánh chim rừng không mỏi, dạt vào vùng đất hoang hóa này cũng như số phận họ.

“Anh Dừng từ tỉnh nào vào?”

- “Từ Bắc Hà, Lào Cai, mình đến xã Chà Chang, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên từ năm 2001 mà. Từ đó, năm 2003, mình vào thảng trong Đắc Rmăng này thôi.”

“Lúc vào, đây toàn rừng rậm?”

- “Trên núi mới có rừng. Chỗ mình dựng nhà này, toàn là rừng trảng cỏ, rừng lồ ô (tre nứa).”

(Các đồng chí công an xã chứng kiến cuộc trò chuyện phản đối câu nói này của Dừng, họ cho rằng, Dừng và bà con đã phá rừng đích thực, phá những cánh rừng để “dọn đất nhảy dù”).

“Không lẽ tự dưng anh biết, cách nơi anh ở những hơn 1.500km, có một vùng màu mỡ như thế?”

- “Quê mình, mình không có một miếng ruộng gì cả. Vào đây, mình đi theo một người anh em, tên là Mã A Lử, anh ấy vào đây coi đất trước, rồi rủ mình đi chứ!”

“Ai đã rủ Lử đi?”

- “Là Mã A Phù, Phù nó là người lớn hơn, là anh em họ hàng. Vợ nó là em gái của mẹ mình. Phù “nó” mới bỏ về quê cũ rồi, nó không thích ở đây nữa.”

“Nếu có thể, anh sẽ ở lại Đắc Rmăng lâu dài chứ?”

- “Muốn. Minh có nhiều con, một thằng Phàng đã lấy vợ rồi. Hai thằng Vàng A Lự, 12 tuổi, đang học lớp 5 ngoài trường Lê Lợi của xã Đắc Rmăng. Minh mua xe máy cho nó, sáng đi học, chiều về cùm giúp bố làm khoai mỳ. Thằng nhỏ lớp 2, tên là Vàng Seo Sủ, mình cho nó ở luôn ngoài trường nội trú. Đi học khổ lắm.”

“Kinh tế nhà anh thế là khá giả, ít ra là so với cuộc sống của những người bà con như anh?”

- “Nhà mình có 8ha để trồng đậu, lúa, mì. Sản khô, chặt khúc ra, loại đẹp, giờ bán được 27.000 đồng/kg. Họ vào tận đây họ mua. Chúng tôi cũng đổ mồ hôi, đổ nhiều nước vào vùng đất này lắm rồi. Bà con còn khổ hơn tôi. Giờ chỉ ước ao được nhà nước quy hoạch, có nước tưới, nước giếng để sinh hoạt. Có muối, có dầu để sống. Chúng tôi biết là mình đã sai. Nhưng chúng tôi không có đồng tiền nào để mua đất. Vào đây, biết là mình đã làm sai. Nhưng, khi đã vào đây để kiếm ăn, chúng tôi chăm chỉ làm ăn, không làm một điều gì sai trái nữa. Giờ chỉ biết làm suốt ngày đêm, khi ốm đau, khi đói khát, chỉ biết khóc.”

(Nước mắt anh Dừng ầng àng, mấy cán bộ xã ý tứ quay đi).

Lúc ốm đau, đường đồi núi cheo leo, không khiêng bà con mình ra trạm xá, đi bệnh viện thì họ chết mất. Có ai muốn tự đứng tìm vào tít trong rừng sâu này để ở không? Một tuần mới đi chợ một lần, ở tít ngoài xã Quảng Sơn, con cháu thì dựng lều tranh trọ học. Thế mà khi đau ốm, khi nước lũ dâng cao, cái cầu bị trôi mất. Trẻ con từ lều ở ven trường về nhà lấy gạo, bị nước lũ không thể đến trường được nữa. Người bị ốm, đang khiêng ra viện thì chưa vượt qua được suối, chưa ra được trạm xá đã chết. Con thằng Phênh cạnh nhà mình vừa chết năm ngoái, là vì thế. Ở cùm 5 ngoài kia, mấy người cũng chết. Nước ngập lụt cả cái gốc cây xoài kia, cái thằng ấy ăn gì bị đau bụng khiêng nửa đường thì nó rơi xuống và chết”.

Đã có những ngày, chỉ cách đây không lâu, trường PTCS Lê Lợi của xã Đắc Rmăng là tiêu điểm gây “sốc” về sự xập xệ của toàn Tây Nguyên. Các nhà hảo tâm đã chung lưng xây phòng học, đưa các em khỏi sự đói khát, nhếch nhác kiểu “dựng lều trọ học”, ăn đói mặc rách. Một trong những lý do cho kỷ lục đó, là sự góp mặt của ít nhất 234 em học sinh người Mông thuộc diện di cư tự do “toàn tòng”, chiếm một nửa sỹ số toàn trường! Cái dự án gom nhóm gần 4.000 người nhảy dù của Đắc Rmăng vào làm 2 xã mới của người Mông giờ mới manh nha. Nhưng, ở trường Lê Lợi,

thì màu áo và phong tục của trẻ em người Mông đã quá quen rồi.

Cả trường, không một ai biết một câu một từ tiếng Mông. Cô hiệu trưởng Nguyễn Thị Chiên cứ nằn nì, cứ thăm hỏi và xót thương các cháu mãi, rồi cũng dần dà động viên các cháu giúp cô trò tìm được ngôn ngữ chung: tiếng Việt. Các cháu học tiếng Việt, học chữ. Rồi tất cả những đứa không biết chữ, gom cả vào làm ... lớp 1. Cô giáo vào các cụm dân cư, rớt nước mắt xuống rừng cháy, thương các cháu đến quận lòng. Đầu xanh có tội tình gì!

Chiều về, từ trong hốc cây bị xẻ thịt nằm trơ lơ, tôi gặp hai bé con chui vào hốc gỗ mục, lôi ra hai cái nồi đen nhèm và lụi hụi nấu nướng. Chỉ có một cái nồi, và chỉ nấu một thứ là cơm. Ăn với muối. Nước để trong những cái can 2 lít, lớn nhỏ mỗi cháu một can. Hàng can đứng trắng đục, trắng nhàu cả một góc rừng. Bé Vừ Thị Sai, nhà ở cụm 17, bố tên là Vừ A Hồ, cháu đang học lớp 2A, cô Hạnh chủ nhiệm. “Quê cũ cháu ở đâu ư? Cháu không bí đồ (không biết đâu)”. “Con tên là Vàng Thị Mơ, lớp 1, nhà cũng ở cụm 17 mà. Chư pâu! (con không biết gì nữa)”.

Hai bé nấu cơm. Chỉ một phen tranh áp vào gốc cây khổng lồ là thành cái bếp ở ngay đằng sau lớp học, hai bé con, như đôi chim chiến chiến làm hang trong hốc cổ thụ. Cô Chiên không đành lòng quay đi. Tôi bắt gặp nụ cười lớn lên, váy áo rục rờ của hai bé con. Bên cạnh, bọn con trai quét dọn khu đất trống để tất cả đều nấu cơm giữa trời, chúng vung chổi tre như Quan Công khiến Long đao. Bụi mù mịt. Bên cạnh, mấy cậu bé đang hè nhau chẻ một cái lốp xe máy cũ ra thành từng miếng. Dùng cao su ấy để nhóm lửa, khét mù, lửa lốp xe cũ nhuộm cái chiều muộn hoang vu xám xịt, lạnh lẽo của rừng trở nên ấm áp. Tối, chiếu trải ra cái phòng trống huyênh, quần áo ném lổn nhổn trên sàn, căn phòng không có một thứ vật dụng gì. “Các cháu nằm ôm nhau co quắp, thương lắm!” – Chủ tịch xã KRang điểm xuyết vào cảnh buồn một câu tiếng Việt lơ lơ.



Cuộc sống không thể tạm bợ hơn của những người dân di cư tự do. (Ảnh: Đỗ Doãn Hoàng)

VI Bài toán, bài toán, vẫn là... bài toán?

C húng ta đã bàn quá nhiều, đã bàn từ lâu lắm về vấn đề di dân tự do. Từ những “cánh chim rừng không môi” trong cuộc trường chinh đòi khi gọi là “phạ phung” như tập quán lành lẽ của các cộng đồng vắng vẻ miền thượng du, đến những cuộc tàn sát rừng, sự nóng rẫy những lo toan của vấn đề “di dân tự do” hôm nay là cả một quá trình dài. Một quá trình buồn. Di dân tự do đang không chỉ đe dọa sự tồn vong của những cánh rừng cuối cùng còn sót lại mà hơn thế, nó còn tiềm ẩn những nguy cơ xấu đối với an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Vậy thì, đâu là bản chất vấn đề?

Trước hết, cần khẳng định, việc bà con bỏ quê cũ, “tiến vào rừng sâu” như hiện nay là một thực tế. Một “nhu cầu” của bà con mà tự thân cuộc sống làm nảy sinh, khi dân số tăng, rừng ở phía Bắc quá cạn kiệt, đất đai bạc màu do phương pháp canh tác “ăn xối”. Trung ương đã có nhiều quyết sách cụ thể và sáng suốt đối với “nạn” di cư tự do. Nhưng, ở cấp địa phương, nhiều khi và ở đâu đó, chúng ta vẫn chưa nắm bắt được thực trạng, nguy cơ và bản chất vấn đề di dân tự do.

Qua khảo sát, chúng tôi thấy, đôi khi: cán bộ cơ sở rất chàng màng với những vấn đề

liên quan đến người di dân tự do “ấp” vào địa phương mình. Thậm chí, bà con từ nơi khác liên tiếp “bỏ sung quân số” cho “điểm nóng” di dân tự do ở địa bàn của mình, cán bộ địa phương cũng không nắm rõ về số lượng. Trong khi, hàng nghìn người đã “nhảy dù” vào các xã (đất đai màu mỡ, rừng còn nhiều) kia vẫn chưa được giải quyết (hoặc là trực xuất trả về nơi xuất phát, hoặc ổn định cuộc sống) thì làn sóng di cư vẫn ào ào tràn đến. Bà con cứ chiếm rừng, chiếm đất, dựng lều lán và “hăng hái” sản xuất một cách vô tư lự.

Cán bộ địa phương không ngăn cản được, họ chỉ biết “nhiều lắm là báo cáo kịp thời”. Nghĩa là cái “đầu tiếp nhận” người di cư tự do ở cấp cơ sở là chưa thật sự được kiểm soát. Hoặc, nó chỉ được kiểm soát khi các cánh rừng đã chính thức bị giết. Đây là một lỗ hổng quá lớn, ít ra là ở góc độ bảo vệ rừng. Khi trả lời phỏng vấn trực tiếp chúng tôi tại trụ sở ông Đỗ Ngọc Duyên, Chi Cục trưởng, Chi Cục kiểm lâm tỉnh Đắk Nông còn đặt vấn đề “nóng” hơn: trách nhiệm của các lâm trường (các công ty lâm nghiệp) đối với sự tồn vong của các cánh rừng, hiện nay chưa rõ ràng. Ngay cả việc rừng bị chặt hạ, bị giết chết, “các vị ấy” cũng không bị ảnh hưởng gì cụ thể và

xứng đáng. Cứ theo những gì ông Duyên nói thì đây là một điều thật sự cần rành mạch và cần báo động đỏ. Làm sao giữ được rừng, nếu chúng ta còn lăn tăn, rằng là nếu rừng bị mất thì người giữ rừng có bị xử hay không, nếu xử thì sẽ “xử” thế nào!!!

Trở lại với hai thí dụ di cư tự do ở Đắk Lắk và Đắk Nông như bài viết đang đề cập. Theo báo cáo của Bộ NN & PTNT, từ năm 1995-2000, mỗi năm nước ta có trung bình là 21.000 hộ, là khoảng 100.000 người di dân tự do; con số này đang được khống chế, với mức: từ năm 2003 trở lại gần đây, mỗi năm chỉ có 4.000 người di dân tự do; trong đó, 41% số bà con “nhảy dù” vào Tây Nguyên. Không biết con số này có phản ánh kịp với tình hình thực tế không, nhưng, ít nhất hiện nay, riêng ở 4 tỉnh Tây Nguyên đã có tới gần 51.000 hộ dân di cư tự do, chưa ổn định cuộc sống, cần phải được định canh định cư.

Riêng về tình hình di dân tự do tại Đắk Nông, mới đây, Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đã phải yêu cầu tỉnh Điện Biên tăng cường quản lý đầu “xuất phát” của làn sóng di cư trên địa bàn tỉnh nhà; đồng thời sớm Điện Biên phải cử

đại diện lãnh đạo UBND tỉnh vào bàn kế hoạch phối hợp với tỉnh Đắk Nông nhằm giải quyết tình trạng dân di cư tự do từ Điện Biên tràn vào Đắk Nông. Tỉnh Đắk Nông cần sớm có kế hoạch ổn định đời sống cho bà con di cư tự do đang sống trên địa bàn, nếu có khó khăn gì, cần báo cáo với trung ương để cơ quan chức năng có kế hoạch hỗ trợ, giúp vốn cho Đắk Nông làm tốt công việc trên.

Theo khảo sát mới nhất của HĐND tỉnh Đắk Nông, chỉ tính riêng trong thời gian từ năm 2004 đến năm 2007, đã có hơn 3.000 hộ với gần 14.000 người di cư tự do từ phía Bắc vào Đắk Nông! Con số khủng khiếp này đã khiến cho Đắk Nông không thể kiểm soát nổ nạn phá rừng, buôn bán đất đai do phá rừng. Đây là chưa kể những hệ lụy dai dẳng mà gần 14.000 dân di cư tự do đã đem đến cho Đắk Nông, như một thứ “hành trạng buồn”: theo khảo sát, chỉ có 1.074 người trong tổng số gần 14.000 người kia học hết lớp 1; chỉ có 167 người hết cấp 2 và ... 34 người hết cấp 3. Số còn lại là ... mù chữ hoàn toàn! 51% số người này là thuộc diện ... đói nghèo. Nếu đọc kỹ và suy nghĩ kỹ về những thống kê buồn bã đến khó hình dung trên đây, chúng ta

cũng sẽ dễ dàng thấy được những hệ lụy mà làn sóng di dân tự do đang gây ra!

Trước tình trạng trên, rõ ràng là Trung ương, tỉnh có dân “ra đi” và bản thân “khổ chủ” Đắk Nông (và Tây Nguyên nói chung) đã rất nỗ lực để giải quyết tình trạng nóng di dân tự do. Toàn Đắk Nông, hiện nay có 28 dự án sắp xếp ổn định lại dân di cư tự do với tổng kinh phí 410 tỷ đồng. Nhưng, trước nhiều bất cập hiện nay, nhiều người đã rất có lý khi đặt câu hỏi: đến bao giờ những dự án tiền tỷ kia mới thành hiện thực toàn bộ? Dự án có giúp bà con thoát khỏi mớ bòng bong kia không? Và, cứ tình trạng này, từ khi việc khảo sát “đóng sổ” cho đến thực thi xong các dự án kể trên thì số người tiếp tục di dân tự do vào Đắk Nông sẽ tăng lên gấp bao nhiêu lần con số mà chúng ta đang đưa ra hôm nay? Từ nay đến cái thời điểm “chưa biết khi nào” ấy, rừng tiếp tục bị phá, bà con tiếp tục lam lũ tội cùng và tiếp tục “vi phạm đủ thứ quy định” như hiện nay, thì “quả bom” di dân tự do sẽ đi về đâu? Nhân tiên là rừng tiếp tục bị gọt trụi đến độ không còn gì mà gọt nữa; an sinh xã hội, cuộc sống của những bé thơ vô tội vẫn sồn sồn được sinh ra do thói quen đẻ vô tội vạ của những người di cư tự do sẽ vẫn

là một cái gì đó nhói buốt lương tri. Một sự không đành lòng.

Chúng ta hoàn toàn có thể “chặn đứng” những người đang “tiếp lửa” cho làn sóng di dân tự do đang nóng hổi hiện nay lại bằng một biện pháp mạnh, bằng nỗ lực thực sự. Những người đang ở trong rừng, ta khoanh lại để giúp đỡ bà con khi “sự đã rồi”. Bên cạnh đó, phải “đóng cửa rừng” chặt chẽ, không thể bà con tiếp tục ào vào. Việc ngăn chặn này nên làm trước, thay vì cứ vuốt đuôi theo, lập các dự án để giải quyết cái ngọn của việc người di cư tự - khi họ đã “tọa lạc”, đã “trót” tàn phá các cánh rừng, các vùng quê yên ả như hiện nay. Bởi, thực tế, buồn thay, chúng ta đang có quá nhiều dự án ổn định cuộc sống cho người di cư tự do đã bị rối tung rối mù chỉ bởi vì dự án đang tốt đẹp thì hàng trăm hàng nghìn người tiếp tục “từ trên trời rơi xuống”. Họ đến một cách vô tổ chức, họ tiếp tục phá vỡ mọi khuôn khổ. Bất kỳ dự án ổn định dân di cư tự do nào cũng sẽ đổ bể, nếu như khuôn khổ dự án chỉ thu xếp cho 200 hộ dân, mà chúng ta lại “sơ xuất” để bà con ập đến những 400 hộ đòi được “chăm sóc”. Dự án điểm ổn định cho bà con di dân tự do được Trung đoàn 720 (đơn vị kinh tế quốc phòng, thuộc Binh đoàn 16) đỡ đầu là một ví dụ.

Tháng 5 năm 2005, Trung đoàn đã giang tay tiếp nhận 320 hộ đồng bào dân tộc Mông, những người bị tình Đắc Lắc đề nghị “xúc trả” về quê cũ. Trên địa bàn huyện Tuy Đức, tỉnh Đắc Nông, Trung đoàn đã xây dựng đủ điện, đường, trường, trạm đưa bà con về, ổn định cuộc sống. Dạy dân cách sản xuất mới, trồng điều, trồng cà phê, kinh tế ổn định lắm, mà không cứ phải “phát nương làm rẫy”. Anh bộ đội lo cho trẻ em giấy khai sinh, lo cho cơm cháo để ấm bụng đến trường. Lo đủ thứ, đến mức thân nhân của 320 hộ nghe tin, thích quá, mới lấy có thăm thân, ngắm cảnh, học tập kinh nghiệm, họ vào ở lý trong khu kinh tế mới. Thảm họa: đến nay, điện đường trường trạm đều quá tải, tình hình trở nên rối ren, là bởi vì số hộ và số dân đều tăng hơn gấp đôi con số của dự án! Bà con thậm chí còn nhảy vào phát nương làm rẫy, phá rừng khiêng gỗ rừng rùng ngay trước cửa Trung đoàn, rừng của trung đoàn quản lý cũng bị chặt phá! Vùng đất trù phú có mô hình kinh tế quốc phòng quản lý và giúp đỡ bà con vốn là những người di cư tự do ở Tuy Đức bỗng dưng phải đứng trước nguy cơ biến thành một miền rừng bị người di cư tự do phá rừng, lập làng bản mới và ... phải “định canh định cư”, “ổn định cuộc sống”... lần thứ hai. Trung đoàn 720 đã phải tức tốc

báo cáo cấp trên, chứ tình trạng quá nóng, chưa biết quyết theo bề nào. Chính quyền xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức vô cùng đau đầu. Ông KBót, Phó Ban Dân tộc tỉnh Đắc Nông, mạnh dạn gọi cách làm này là “sự quy hoạch chưa đến nơi đến chốn”, là “không quy hoạch nổi”. Đã có chuyện mâu thuẫn lớn giữa người bản địa và người di cư tự do, khi họ bị va chạm lợi ích. Có chuyện người dân đánh nhau, đánh cả cán bộ xã sở tại.

Hậu quả đó nói lên điều gì? Nói rằng, thứ nhất: chúng ta hoàn toàn có thể ổn định cuộc sống cho bà con trót “di cư tự do” hiện nay, kể cả khi mà riêng tỉnh Đắc Nông có tới gần 14 nghìn người. Thứ hai: nếu chúng ta không kiểm soát được tình trạng người dân tiếp tục lũ lượt kéo vào các “miền đất hứa” vốn yên bình hoặc đã được tái lập lại sự yên bình sau cơn bão di cư tự do, thì hậu quả của cái vòng luẩn quẩn và đau lòng của nạn hàng nghìn người “nhảy dù” vào giữa rừng lại tái diễn. Và bài toán trên còn chưa biết đến bao giờ mới có lời giải.

Ông Vũ Mạnh Khuông, Chi Cục trưởng Chi Cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn tỉnh Đắc Nông, có lẽ là người vừa am hiểu lại vừa trình bày vấn đề bao quát,

cụ thể, rành mạch nhất về vấn đề di dân tự do ở Đắc Nông mà chúng tôi từng gặp trong quá trình đi dọc ngang Tây Nguyên tìm hiểu về “những cánh chim rừng không môi”. Thứ nhất là vì nhiệm vụ, thứ nữa, có thể là vì ông Khuông trần trở quá nhiều với câu chuyện nóng bỏng này rồi. Theo “quan sát” từ vài thập niên qua của ông Khuông, thì Đắc Nông là vùng đất mới chịu sự tàn phá của cơn bão “di cư tự do” gần đây thôi. Trước, chủ yếu người phía Bắc tràn vào vùng Đắc Lắc. Mãi đến năm 1992-1993, khi ấy (Đắc Nông lúc đó vẫn chưa tách ra khỏi Đắc Lắc để thành lập tỉnh mới) hai bên đường QL14 chạy từ cầu 14 về Gia Nghĩa hiện nay (tỉnh lý Đắc Nông) hầu hết rừng còn rậm rạp, xanh ngắt, âm u. Bà con gọi đó là “rừng lạnh”, vì đi càng sâu về phía địa giới của Đắc Nông, rừng giá càng hoang sơ, mát lạnh.

Mãi đến năm khoảng 10 năm trở lại đây, vùng Đắc Nông ngày nay bắt đầu bị ô ạt tàn phá bởi người di dân tự do. Con số khoảng 14-15 nghìn người “nhảy dù” vào phá rừng, gây ra nhiều bất ổn ở Đắc Nông hiện nay vẫn chỉ là ... áng chừng. “Chứ còn nhiều người ở rừng, chưa thể thống kê được” – lời ông Khuông. Nhiều khi, dự án điểm được lập đưa gần 300 hộ dân di cư tự do vào, mắt trước mắt sau bà con bỏ

đi tiết. Bỏ đi rồi, lựa chọn mãi rồi, thấy chỗ ấy vẫn tạm được, lại ào ạt kéo đến, rất là vô tổ chức. Cái mẫu thuẫn nằm ở chỗ: bà con thì thích rừng già, rừng giàu để phá, đốt, trọc, tria, để kiếm ăn. Còn phía nhà quản lý thì phải căn cứ theo kỹ thuật của ngành lâm nghiệp, phải chọn rừng nghèo kiệt, rừng có trữ lượng gỗ không cao để đưa bà con vào “cải tạo đất” và an cư lập nghiệp. Chứ những chỗ là rừng, chúng ta đã giao cho lâm trường hoặc bên Ban quản lý khu bảo tồn phụ trách, muốn giao cho bà con, phải xin ý kiến “chuyển đổi mục đích sử dụng” của Trung ương.

Việc lấy rừng và đất rừng giao cho người ta ở và làm rẫy, rõ ràng là một việc cần cân nhắc kỹ càng. Không có đất thì không “sắp xếp” ổn định cho người di cư tự do đã “trót” vào địa bàn. Nhưng, liệu chúng ta, Chính phủ ta có chấp nhận phá rừng để ổn định cuộc sống cho người di cư tự do không? Trước những khó khăn ấy, ông Khuông cho biết: vừa rồi, Phó Thủ tướng Chính phủ vào làm việc với tỉnh Đắc Nông đã có nhận định: khó khăn còn nhiều như thế. Giờ các đồng chí hãy chọn một vùng khó khăn nhất (trong giải quyết vấn đề di dân tự do) rồi làm dự án điểm để ổn định cho dân di cư tự do trên địa bàn đi. Tỉnh đã chọn dự án tại Đắc Glong (mà trọng tâm là Đắc Rmăng như đã đề cập ở trên – NV), dự án trị giá hơn 100 tỷ đồng.

Báo cáo từ Chi cục Kiểm lâm Đắc Nông, do Chi cục trưởng Đỗ Ngọc Duyên cho biết khi làm việc trực tiếp với chúng tôi vừa qua: hiện nay tỉnh được ghi nhận là đứng trong “TOP” 10 tỉnh còn nhiều rừng của cả nước, với diện tích còn lại là: 360.000 ha. Trong đó, rừng đặc dụng chiếm 28.000 ha; rừng phòng hộ đầu nguồn là 36.000 ha; rừng sản xuất 297.000 ha...

Tuy nhiên, tốc độ rừng bị phá ở Đắc Nông cũng đang ở mức kỷ lục: năm 2004, có 300 ha rừng bị tàn phá; con số này năm 2005 tăng lên 386 ha; năm 2006 là 326 ha. Đến năm 2007, theo những gì thống kê được, thì toàn tỉnh “chỉ có” 210ha rừng bị tàn phá. Năm 2008, tình trạng có vẻ lại nóng lên, khi mà, chỉ trong 2 tháng đầu năm, ít nhất 48ha rừng đã bị chặt.

Một trong những nguy cơ lớn trong việc rừng ở Đắc Nông bị mất đi, theo ông Duyên, là việc các công ty lâm nghiệp không đủ năng lực bảo vệ rừng. Trong khi đó, khi rừng bị mất thì việc quy trách nhiệm cho chủ rừng chưa rõ ràng. Ví dụ: nếu anh là Giám đốc một công ty lâm nghiệp, anh để xảy ra tình trạng phá rừng, anh phải bị xử lý hành chính, cao hơn là xử lý hình sự, như thế mới bảo vệ được rừng. Chúng ta đã không làm nghiêm được điều đó, thì rừng bị mất là không có gì khó hiểu.

Di cư tự do là ... dĩ nhiên có phá rừng. Đặc Nông không có đất trống, đất trọc. Từ đèo Phụng Hoàng xuống có ít đất trọc, nhưng đất ấy, nói thẳng là bà con đi “nhảy dù” họ không thích, họ bảo là “không ở được”. Người di cư tự do, có khi trực tiếp đốn gỗ, đốt rừng, dựng lều mà sống tạm bợ để tiếp tục ... phá rừng lan rộng mãi ra. Có khi họ gián tiếp phá rừng, bằng cách mua lại đất của người phá rừng trước đó, cái người bán đất ấy lại tiếp tục đi phá ở khoảng rừng khác. Chung quy, bao nhiêu khốn khổ, đau thương đổ rớt cho rừng. Người ta, đã xác định di cư tự do, là phải ít nhất mỗi hộ vài héc-ta thì người ta mới “chấp nhận” được. Đất ấy không phải trên trời rơi xuống, chỉ “chiếm” từ rừng thôi. Nếu chúng ta đã biết bản chất vấn đề như thế, thì một mặt phải có “bàn tay sắt” ngăn chặn số hộ tiếp tục tràn vào. Mặt khác phải có đất và tiền để làm dự án sắp xếp người di dân tự do đang sống tại rừng của Đặc Nông. Giả dụ có phương án chuyển đổi cái rừng trung bình trở lên (đã bị phá ít nhiều) cho mục đích ổn định dân di cư tự do, thì, theo ông Khuông, Đặc Nông cần tới 500 ha để giải quyết xong số dân di cư tự do đang “tồn đọng”. Phải làm đường giao thông, làm các công trình dân sinh như trường học, bệnh xá, điện thắp sáng, nước sinh hoạt và nước sản xuất ... Tất nhiên, ai cũng biết rừng đã bị “gặm nhấm” tan hoang rất nhiều. Chúng ta đang thực hiện chính sách giữ rừng nguyên trạng, nếu có xà xẻo tí rừng đang bị nghèo đi nào (cho dự án trên), thì cũng là một sự “hy sinh” buốt lòng. Đó là bài toán học búa thứ nhất.

Bài toán thứ hai là tiền. Theo ông Khuông, ước tính, hiện nay, mỗi năm, toàn tỉnh Đặc Nông, cần 40-50 tỷ đồng cho việc sắp xếp, ổn định dân di cư tự do. Trong khi đó, số tiền mà cơ quan chức năng thực thi nhiệm vụ này được chi mỗi năm chỉ là 1/10 nhu cầu, ví như năm 2007: con số này chỉ là 5,5 tỷ VNĐ. “Mà cái mức chi tôi vừa nói là tạm sắp xếp được những người di dân tự do ở Đặc Nông, với điều kiện người di cư tự do không tiếp tục tràn vào nữa. Ví như ở Tuy Đức, cái “mô hình” ở Trung đoàn 720, khi mà số hộ ào vào thêm nhanh quá, gặp đôi khuôn khổ số hộ đã quy định trong dự án, là “vỡ”. Là đã nghèo càng nghèo thêm!” - ông Khuông nhấn mạnh.

Năm 2001 trở về trước, khi chúng ta có quyết sách cứng rắn, bà con di cư tự do vào thì kiên quyết giữ rừng nghiêm ngặt, kiên quyết trả người “nhảy dù” về quê cũ. Tình trạng “nguội” hẳn được một thời gian. Từ năm 2002 trở lại đây, tình trạng lại “nóng” lên khi mà chúng ta chủ trương bà con đã vào thu sắp xếp, ổn định cuộc sống, giúp bà con định cư tại chỗ. Từ đó, đúng là có tình trạng, bà con bán nhà bán đất ở quê cũ, kéo nhau cả làng cả bản vào Tây Nguyên, phá rừng, tự “chia đất”, lập xóm lập thôn, cứ thế biến mình thành người từ “trên trời rơi xuống” rồi chây ì, âm thầm chờ ngày được ... cấp đất “ổn định cuộc sống”.

Một ngôi nhà tạm nằm cô độc trên núi đá vôi ở vùng Tây Bắc. (Ảnh: PanNature)



VII Vĩ thanh

Tôi tự thấy mình gắn bó nhiều với đồng bào miền núi phía Bắc, từng sống trong những vùng ruộng nương hoang biệt khi bà con vừa chân ướt chân ráo di cư tự do đến “cắm chốt” giữa rừng già, từng đến với những bản làng ở nơi cao nhất Việt Nam, ở đó, thú rừng giàu có nhất, được bảo vệ nghiêm ngặt nhất cũng đã bị tàn phá thảm thương. Nhưng, nỗi ám ảnh về sự bất lực của người giữ rừng, sự vô lối của những kẻ phá rừng ở

Tây Bắc không nhiều bằng những gì tôi đã tận mắt nhìn thấy, tận tai nghe thấy ở Đắc Lắc, Đắc Nông.

Với tư cách nhà báo, tôi từng là người duy nhất, đi bộ cả ngày trời dập lửa cùng bà con và cán bộ huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái khi rừng già bị cháy. Rừng cháy khốc hại do những kẻ trồng cả chục, cả trăm héc-ta cây thuốc phiện đốt, hòng giết chết những cán bộ đi triệt phá nương anh túc

“vàng thoi bạc nén” của họ. Rồi công an tóm được những kẻ thủ ác, tên tuổi của họ, bức ảnh về rừng thuốc phiện họ trồng lên mặt báo hân hoan. Nghĩa là rất cụ thể, rất thật. Nhưng, điều đó chưa thể sánh với những gì tôi đã thấy ở mảnh đất Đắc Lắc, Đắc Nông này.

Bãi thu giữ gỗ và xe vận chuyển gỗ lậu tại hạt kiểm lâm Đắc Mít. Nhìn vào đây, mới biết rừng đang bị phá khủng khiếp tới mức nào!

Vùng di cư tự do này, rừng bị phá một cách thâm hiểm. Dường như người ta phá công khai quá hoặc là người cán bộ nhìn thấy người ta phá nhiều quá rồi nên coi là chuyện bình thường thì phải. Rừng cháy đỏ rực cả góc trời Ea Súp, rừng bị đốt nườm nượp ở Đắc Glong, gỗ lớn bị đốt đen thui, nằm như ngã rạ, kín cả một rông núi. Khói đốt nườm mù mịt, cả những người di cư tự do sậm sùi khóc thương phận nhục nhằn của mình đều ngay trước mặt tôi.

Hàng nghìn người nhảy dù vào tàn sát hàng nghìn héc-ta rừng ở Tuy Đức; cùng lúc, gần 4.000 người “cố thủ” cạo trọc rừng Đắc Rmăng. Những việc đau thương ngàn ấy mà cứ nhẹ như lông hồng. Nó diễn ra ven đường cái hoặc trước mắt người cán bộ đưa đường cho chúng tôi. Tây Bắc, có khi phải đi cả ngày leo núi mới gặp phá

rừng, mà gặp rồi thì hoặc là kiểm lâm phải nhảy ra bắt lâm tặc, hoặc lâm tặc sẽ đuổi đánh kẻ tò mò nghiêng ngó sự “phi pháp”. Đàng này, ở đây, rừng cứ bị tàn sát giữa thanh thiên bạch nhật, như cái điều cần phải thế. Cái chết của rừng trở nên ai oán hơn.

Thào Seo Vành cười lấp lóa răng bịt vàng kể về cả tháng trời bỗng bế vợ con đột nhập vào Cư Kbang rồi lẫn lút sống ven suối, ăn mỳ tôm của người cán bộ tốt bụng để lại trên bờ đá; Vàng Văn Dừng nức nở xin cán bộ hãy thương phận “cùng trời cuối đất” của mình và hàng nghìn bà con mình. Họ ám ảnh tôi bởi phận người di cư tự do, cái sai của họ là cái sai “đã rồi”, cái sai do sự sôi ráo đến kiệt lực của cái dạ dày. Nhưng, khi đã được sắp xếp ổn định cuộc sống rồi, chắc gì họ đã đổi đời trên vùng đất mà họ coi là làm chơi ăn thật, là “đất tốt đến mức, thế gian này không ở đâu có đất tốt bằng” kia (người di cư tự do tin như thế khi vào Tây Nguyên). Bởi biến người vô tận nữa lại ập vào, như cả trăm hộ đã ập vào xã vốn đã toàn dân di dân tự do Cư Kbang (Ea Súp), như hàng trăm hộ tiếp tục phá vỡ mô hình “an cư cho người nhảy dù” ở Trung đoàn 720 (Tuy Đức).

Như điểm nóng Đắc Rmăng. Mà ngay cả khi họ không vô tổ chức làm vỡ kế hoạch đi nữa, thì số phận của xã Đắc Sin (huyện Đắc Rlấp, Đắc Nông) đã ám ảnh tôi rất

nhiều về sự “có bữa nào ăn bữa ấy”, “cha chung không ai khóc”. Hai đợt di dân lớn vào hai năm 1987 và 1998 đã biến vùng rừng hoang là nơi tiếp giáp với rừng Nam Cát Tiên trù phú này trở thành một cái xã khổng lồ với khoảng 1.000 nhân khẩu, với cả nghìn héc-ta hồ tiêu. Cả thập niên, Đắc Sin màu mỡ, là thiên đường của điều, hồ tiêu, rồi cà phê, bà con đã bóc lột rừng, rồi bóc lột đất của rừng đến cạn kiệt. Họ giàu lên, nhưng hàng chục năm họ vẫn ở lều, ở nhà tạm. Đúng hơn, xã Đắc Sin vẫn chỉ là cái lều nương của bà con, nếu có tiền, họ ổn định ở nơi khác. Họ canh tác mà không nghĩ đến cái kế lâu dài. Đất bạc màu quá nhanh, tiêu, điều, cà phê bị sâu bệnh, sản lượng và diện tích cùng giảm thê thảm. Nhiều “gương sáng” làm kinh tế vẫn sa đà nghiện hút. Cán bộ xã thì lục đục, có không ít người đã mắc vòng lao lý. Lãnh đạo xã cứ một mực cho rằng: xã có quá nhiều người giàu, khi mà giá tiêu năm 2008 này là gần 70 nghìn đồng/kg, nhiều nhà mua đất ở khắp Sài Gòn, Đồng Nai, Gia Nghĩa hoặc làm trang trại ở quê cũ phía Bắc. Nhưng, nhìn xóm làng điêu hiu, trẻ em nheo nhóc, cuộc sống tạm bợ như một cái ruộng rẫy ở “quê hương của vua tiêu, tỷ phú điều” như thế, tôi vẫn thấy quá... tiêu điều. Chúng ta bỏ xứ tha hương, chúng ta hy sinh những cánh rừng màu mỡ, chúng ta để vợ con nheo nhóc, thất học để... đêm ngày miệt mài với rừng xanh núi đỏ; để rồi đổi lấy những điều đó ư?

Giọt nước mắt của Vàng Dừng, sự đau đớn của Seo Vãnh là có thật. Có thật như nụ cười hồn nhiên của các bé học sinh gái người Mông củi nước, nấu cơm trong hốc rừng trụi lụi. Khát vọng tìm miền đất giàu sang của gần 14.000 người đã nhảy dù vào Đắc Nông có thể là chính đáng và chân thành, dầu nó đã gây nên sự đau đầu cho “chảo lửa” di cư tự do kia. Nên chăng, chúng ta phải nương theo “nhu cầu cuộc sống” của bà con mình, để chủ động điều tiết, đưa dân đi vào vùng kinh tế mới, với sự mạnh dạn cắt những vùng rừng đã nghèo kiệt (mà ta chưa chịu công nhận) cho họ, tổ chức quản lý họ bằng nghĩa đồng bào nhưng nghiêm minh, nghiêm khắc, công bằng. Biết đâu, như thế lại chỉ vừa dung hòa được cái tục “phạ phung” (di chuyển theo chu kỳ) của một số cộng đồng; vừa tạo điều kiện cho bà con được đi tìm vùng đất hứa mà làm giàu; vừa thực hiện được chủ trương sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ lá phổi xanh cho xứ sở và cho cả địa cầu. Cắt đất rừng chủ động còn hơi là việc rừng bị phá một cách không thể kiểm soát như hiện nay. Nên chăng, có hàng trăm hàng nghìn người tử tế đã thử góp chữ “nên chăng” cho tình trạng này, nhưng xem ra, bài toán vẫn còn phải “treo” ở đó. Chỉ có bài toán của rừng là đã có lời giải: rừng đã bị giết và sẽ còn bị giết.

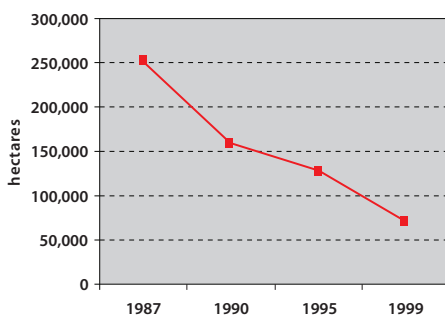
Phần IV: Rừng vàng một thuở

Rừng ngập mặn là hệ sinh thái độc đáo, có vai trò quan trọng trong tự nhiên và cuộc sống con người. Tuy nhiên, khi đề cập đến lợi ích của rừng nói chung, người ta thường chỉ tính đến những giá trị kinh tế trực tiếp do rừng mang lại như gỗ, củi, các loại lâm sản khác. Vì vậy, rừng ngập mặn thường bị đánh giá thấp khi đề cập đến “giá trị”. Trên thực tế, những giá trị sinh thái cũng như giá trị kinh tế gián tiếp mà rừng ngập mặn mang lại là rất lớn.

Trước năm 1945, rừng ngập mặn chiếm diện tích tương đối lớn ở Việt Nam với 400.000 ha, trong đó có 250.000 ha ở khu vực Nam bộ. Bán đảo Cà Mau là vùng có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất cả nước với khoảng 150.000 ha. Trong những năm 1962 – 1971, quân đội Mỹ đã dùng chất độc hóa học hủy diệt 104.123 ha, trong đó có hơn một nửa là diện tích khu vực bán đảo Cà Mau.⁹

Trong nhiều nguyên nhân gây suy giảm rừng ngập mặn phải kể đến tác động của việc phá rừng làm đầm nuôi tôm và các loại thủy sản khác. Từ cuối những năm 1980 đến nay, do nhu cầu tôm xuất khẩu tăng mạnh và sản lượng đánh bắt từ tự nhiên giảm sút, hệ thống đầm nuôi tôm đã được phát triển ồ ạt ở hầu khắp các địa phương có diện tích rừng ngập mặn. Tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu) năm 1981 chỉ có 4.000 ha diện tích nuôi tôm, đến năm 1992 đã tăng lên 80.000 ha – gấp 20 lần! Chỉ trong vòng 8 năm (1983 – 1995), Minh Hải đã có 66.253 ha rừng ngập bị chuyển thành đầm tôm.¹⁰

Mất rừng ngập mặn ở Việt Nam



Nguồn: Báo cáo diễn biến môi trường Việt Nam. Cục Bảo vệ Môi trường, 2002.

⁹ Sinh thái rừng ngập mặn. Trương Thị Nga. Bộ môn Môi trường và Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ.

¹⁰ Rừng ngập mặn Việt Nam. Phan Nguyên Hồng. NXB Nông nghiệp. 1999.

Trong vòng 50 năm qua, Việt Nam đã mất đi ít nhất 80% diện tích rừng ngập mặn. Mặc dù đã có nhiều chương trình, dự án tham gia phục hồi rừng ngập mặn nhưng mức độ thành công còn hạn chế. Ở những khu vực trọng điểm nuôi trồng thủy sản như vùng ven biển Nam Bộ, diện tích rừng ngập mặn vẫn tiếp tục suy giảm. Người dân không mặn mà với các chương trình phục hồi rừng ngập mặn do lợi ích kinh tế từ nuôi trồng thủy sản vẫn quá hấp dẫn.

Nuôi tôm công nghiệp mặc dù mang lại lợi nhuận lớn nhưng trên thực tế đã được chứng minh là không bền vững. Việc rừng ngập mặn bị chặt phá, thay bằng diện tích mặt nước mở làm thay đổi tính chất lý hóa của đất, biến đổi lượng vi sinh vật hữu ích, suy giảm hoặc làm biến mất các loài động vật đáy, làm mất vườn ươm của ấu trùng tôm, cua, ... gây ảnh hưởng tiêu cực đến sinh kế của những người dân nghèo sống phụ thuộc vào những nguồn tài nguyên này. Bên cạnh đó, rừng ngập mặn mất đi cũng gia tăng mức độ xâm nhập mặn, thúc đẩy quá trình xói lở ven biển, ven sông. Việc sử dụng thức ăn công nghiệp và các hóa chất cũng làm gia tăng ô nhiễm nguồn nước và nguy cơ lan truyền dịch bệnh. Trong những năm 1994-1995, dịch bệnh ở tôm phát triển mạnh tại 9 tỉnh đồng bằng ven biển Nam Bộ gây ra nhiều thiệt hại cho chính những người nuôi tôm và môi trường.

Việc mất đi một diện tích lớn rừng ngập mặn ven biển đồng nghĩa với Việt Nam đã mất đi một hệ thống bảo vệ an ninh sinh thái cực kỳ quan trọng. Các nhà khoa học đã chứng minh rừng ngập mặn có khả năng làm chậm dòng chảy và phát tán rộng nước triều, giảm mạnh độ cao của sóng khi triều cường, hạn chế tác hại của sóng thần vào bờ lớn. Sau đợt sóng thần tàn khốc tháng 12/2004 tại châu Á, khảo sát cho thấy nơi nào có rừng ngập mặn còn nguyên vẹn thì thiệt hại được giảm thiểu rất lớn. Rừng ngập mặn có thể làm giảm 50-75% chiều cao của sóng và 90% năng lượng của sóng lớn. Kể cả khi năng lượng sóng rất lớn thì rừng ngập mặn có thể bị phá hủy hoàn toàn nhưng hấp thu phần lớn nguồn năng lượng khổng lồ, bảo vệ cuộc sống con người trên đất liền. Phục hồi rừng ngập mặn ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới phát triển bền vững. Phan Nguyên Hồng, Nguyễn Thị Kim Cúc, Vũ Thục Hiền. NXB Nông nghiệp. 2008.¹¹ Ở Việt Nam, thực tế đã chứng minh rừng ngập mặn giúp ích rất lớn trong bảo vệ đê biển, làm sạch môi trường nước sau lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất. Ngoài ra, hệ sinh thái rừng độc đáo này còn hạn chế sự xâm nhập mặn và bảo vệ nguồn nước ngầm ven biển.

Hiểu biết về giá trị to lớn của rừng ngập mặn ở nước ta còn nhiều hạn chế - đặc biệt khi chúng ta thường quy “giá trị” thành giá trị kinh tế trực tiếp đơn thuần. Các nhà khoa học đã xếp Việt Nam vào danh sách những nước bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở mức cao nhất. Nếu chúng ta tiếp tục “cởi bỏ” lớp áo giáp bảo vệ vùng ven biển để đổi lấy những lợi ích kinh tế trước mắt như hiện nay, trong tương lai gần chính chúng sẽ phải đối mặt với những nguy cơ thảm họa thiên nhiên mà thiệt hại nhiều khi còn lớn hơn gấp nhiều lần những gì thu được từ đánh đổi lợi ích sinh thái.

¹¹ *Phục hồi rừng ngập mặn ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới phát triển bền vững.* Phan Nguyên Hồng, Nguyễn Thị Kim Cúc, Vũ Thục Hiền. NXB Nông nghiệp. 2008

DÀNH CHO NHÀ BÁO

Thuật ngữ

- Rừng ngập mặn: là một loại rừng đặc biệt ở vùng cửa sông ven biển của các nước nhiệt đới và cận nhiệt đới. Rừng ngập mặn gồm những cây gỗ, cây bụi và cây thân cỏ thuộc nhiều họ khác nhau nhưng có một số điểm giống nhau về mặt sinh thái, sinh lý như khả thích nghi với môi trường đất chưa có nền ổn định và lầy, mặn, thiếu ô xy.
- Đất ngập nước: là những vùng đầm lầy, than bùn hoặc vùng nước bất kể là tự nhiên hay nhân tạo, thường xuyên hay tạm thời, có nước chảy hay nước tù, là nước ngọt, nước lợ hay nước biển, kể cả những vùng nước biển có độ sâu không quá 6m khi triều thấp.
- Biến đổi khí hậu: là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo. Nguyên nhân chính làm biến đổi khí hậu trái đất là do sự gia tăng các hoạt động tạo ra các chất thải khí nhà kính, các hoạt động khai thác quá mức các bể hấp thụ và bể chứa khí nhà kính như sinh khối, rừng, các hệ sinh thái biển, ven bờ và đất liền khác.

Tài liệu nên đọc

- Nghị định 109/2003/NĐ-CP về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước.
- Phục hồi rừng ngập mặn ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới phát triển bền vững. Phan Nguyên Hồng, Nguyễn Thị Kim Cúc, Vũ Thục Hiền. NXB Nông nghiệp. 2008.
- Cẩm nang ngành lâm nghiệp. Chương trình Hỗ trợ ngành lâm nghiệp và đối tác, Bộ NN và PTNT. 2006 (Tài về: <http://tinyurl.com/cam-nanglamnghiep>).
- Cẩm nang ngành lâm nghiệp – Chương Hệ sinh thái rừng. Chương trình Hỗ trợ ngành lâm nghiệp và đối tác, Bộ NN và PTNT. 2006 (Tài về: <http://tinyurl.com/rungvn>).
- Giảm nghèo và rừng ở Việt Nam. William D. Sunderlin và Huỳnh Thu Ba. Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế. 2005. (Tài về: <http://tinyurl.com/rungvagiangheo>).

Tham khảo trực tuyến

- Chuyên đề “Rừng vàng một thuở”: <http://tinyurl.com/rungngapman>
- Bản đồ rừng ngập mặn toàn quốc: <http://tinyurl.com/bandoRNM>
- Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2005 – Chuyên đề đa dạng sinh học. <http://tinyurl.com/baocaoMT>

Rừng ngập mặn Cà Mau: Chuông buồn ngân đến bao giờ

Nhật Hồ

Đã có quá nhiều cảnh báo xung quanh việc chặt phá rừng ngập mặn (RNM) ven biển lấy đất nuôi trồng thủy sản (NTTS). Hệ quả của nó làm các thảm thực vật ven biển dần cạn kiệt, diện tích rừng liên tiếp bị mất đi một cách bất hợp pháp và cả hợp pháp. Ngay như con tôm nuôi tại vùng đất này cũng bộc lộ nhiều khó khăn: chậm lớn, năng suất thấp, người nuôi tôm lỗ vốn... Trong khi đó, chính quyền các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang lúng túng trong việc quy hoạch phát triển rừng.

Trẻ con nghèo ven rừng đi bắt cua.
(Ảnh: Nhật Hồ)





I Rừng rưng những cánh rừng tàn

Trong vòng 5 năm (2000 – 2005), tại Bạc Liêu lực lượng kiểm lâm đã xử lý 1.462 vụ vi phạm phá rừng. Tại Cà Mau con số này trên 2.000 vụ. Hình thức vi phạm chủ yếu là chặt phá rừng, bao ví nước để lấy đất NTTS. Cho dù chính quyền địa phương và lực lượng kiểm lâm có cố gắng đến đâu trong việc giữ rừng, rừng vẫn mất. Những vết đất tro lại gốc mả, gốc đước khẳng khiu trước gió minh chứng cho những lần tàn phá rừng để lấy đất nuôi tôm và sử dụng vào mục đích khác.

RNM Bán đảo Cà Mau được xác định có 3 loại cá thể chủ yếu: cây mả, cây đước và cây vẹt. Theo Sở NN&PTNT tỉnh Cà Mau, hiệu quả kinh tế từ những cánh rừng

không cao. Cây đước dùng để làm nhà ở, làm củi, hầm than. Không như những cánh rừng già của miền Trung, miền Đông hay vùng miền núi phía Bắc, gỗ là “tài sản” quý giá nhất của rừng. Tại đây cây gỗ thuộc hàng thứ yếu mà chính mặt nước mới là “tài sản” sinh lợi cho những người nhận khoán đất rừng. Vì vậy những hộ dân nhận khoán đất rừng đã làm mọi cách để mặt nước được rộng thêm ra, con tôm được rộng đường bơi trong phạm vi mà họ nhận khoán.

Tại xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu có trên 300 hộ gia đình và 9 tổ chức nhận khoán đất rừng từ năm 2000 với diện tích trên 3.400 ha. Mấy năm qua số diện tích này cứ teo dần theo thời gian nhận khoán.

Ông Nguyễn Minh Thống, Quyền Chủ tịch UBND xã Vinh Hậu A, huyện Hòa Bình cho biết: “Địa phương chỉ quản lý về mặt hộ khẩu và những vấn đề có liên quan đến dân sinh, còn việc chăm sóc bảo vệ rừng là nhiệm vụ của các anh kiểm lâm. Nhiều khi thấy những cánh rừng bị người dân bao vây nước lại để nuôi tôm, thân cây đước trợ chúng tôi xót lắm, nhưng không thể làm gì được”.

Theo quy hoạch của UBND tỉnh Bạc Liêu, từ chân đê Trường Sơn trở ra biển chỉ được trồng và bảo vệ rừng; từ mé biển trở vào 500 m là rừng phòng hộ ven biển, được bảo vệ nghiêm ngặt. Tuy nhiên, nếu đo từ chân đê ra tới mé biển nhiều nơi chưa đến 500 m, chính vì vậy người dân tác động vào rừng phòng hộ là điều khó trách khỏi.

Sau khi có nghị định số 09/CP của Chính phủ (năm 2001), Bạc Liêu cho phép toàn bộ vùng phía Nam QL1A chuyển đổi từ đất sản xuất kém hiệu quả sang NTTS. Không biết trong quá trình khảo sát thế nào mà trên 210 ha rừng trồng (trên 7 năm tuổi) nằm lọt thỏm vào khu vực được xếp vào “đất sản xuất kém hiệu quả”, vậy là chuyển sang NTTS. Chưa đầy 3 tháng, 210 ha rừng đước san bằng, lùi bước cho con tôm sú.

Tại Cà Mau, vào trước những năm 80 của thế kỷ trước, cánh rừng của huyện Ngọc Hiển, Năm Căn nhiều người dân “di cư”

vào đây bao chiếm đất đai để khai thác thủy sản. Những vật rừng mất đi từng ngày thay cho bờ bao, cống rãnh, thậm chí là ao đầm. Đến cuối những năm 90 của thế kỷ trước, Cà Mau quy hoạch lại rừng không có cách nào khác hơn là hợp thức hóa cho những người sống trong rừng trước quy hoạch. Những hộ bao chiếm đất rừng giờ đây được gọi là “chủ rừng” một cách nghiêm nhiên.

Loay hoay bài toán tôm – rừng

Năm 1998, tỉnh Cà Mau có chủ trương chuyển com tôm sang “sống” dưới tán rừng. Chủ trương này được gói gọn trong 5 từ “con tôm ôm cây đước”, tức người dân được phép nuôi tôm trong rừng đước. Theo đó, cấm tác động đến cây đước, com tôm được thả lan trong rừng đến con nước thủy triều thì thu hoạch.

Tuy nhiên, đến năm 2001, khi con tôm sú đã xuất hiện tại mảnh đất cuối cùng của tổ quốc thì mọi chuyện trở nên đảo lộn. Trước đây, chủ yếu nuôi tự nhiên. Sản phẩm thủy sản thu được là: tép bạc, tôm đất, tôm thẻ, cua biển, ốc len... tất cả đều do thiên nhiên ban tặng. Người dân chỉ việc dùng dụng cụ để bắt đi bán. Khi con tôm sú (loại tôm nuôi) có mặt thì cách khai thác theo kiểu “săn bắt háy lượm” không tồn tại nữa, thay vào đó là phải nuôi.

Để nuôi được con tôm sú buộc người dân phải bao ví nước, thả giống. Rừng bắt đầu bị chặt phá. Đầu tiên là chặt để làm bờ bao ví nước, sau đó là mở rộng ra kênh mương để có thêm nhiều diện tích mặt nước nuôi tôm. Hậu quả của trường trình này làm những cánh rừng bị tàn phá một cách nhanh chóng hơn. Đứng trước nguy cơ rừng sản xuất có thể bị băm nát vì con tôm, Cà Mau tiếp tục có chủ trương “tách tôm ra khỏi rừng”. Đi đầu trong công tác này là huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Sau quá trình rà soát lại toàn huyện có trên 36.000 ha diện tích đất rừng buộc tách tôm ra khỏi rừng. Thật ra, tách tôm ra khỏi rừng là hình thức sử dụng diện tích đất rừng được giao khoán. Người dân được quyền sử dụng từ 30 – 50% diện tích nhận khoán để NTTS tùy theo diện tích.

Ông Trần Hoàng Chen, Bí thư huyện ủy huyện Ngọc Hiển là người tâm huyết với chương trình “tách tôm ra khỏi rừng”. Để thể hiện sự nghiêm minh, ông kỷ luật loạt đảng viên không chấp hành chủ trương này. Chính vì vậy hiện nay mô hình tôm rừng tại Ngọc Hiển được xem là một trong những “kiểu mẫu” của việc trồng, bảo vệ rừng và nuôi tôm. Ông Chen cho biết: “Dân trong rừng hầu hết đều có cuộc sống khó khăn. Muốn giữ được rừng phải làm cho đời sống của người dân khá lên. Để đạt được điều này nhất thiết phải tách tôm ra khỏi rừng mới mong giữ được rừng và đời sống người dân mới khá lên được”.

Tuy nhiên cho đến nay, Cà Mau vẫn chưa hoàn thành chương trình tách tôm ra khỏi rừng do nhiều nguyên nhân khác nhau. Ông Lê Văn Kháng, Phó chủ tịch UBND huyện Ngọc Hiển cho biết: “Chủ trương tách tôm ra khỏi rừng được thực hiện mạnh nhất vào năm 2007. Đến nay có trên 500 hộ thực hiện. Tuy nhiên, cái khó là hầu hết diện tích đã lên bờ bao để nuôi tôm vì vậy để đạt được tỉ lệ tôm – rừng theo quy định phải lấp ao tôm từ từ sau đó mới tiến hành trồng rừng. Đây là một việc làm rất tốn kém nhưng phải thực hiện nếu muốn giữ rừng một cách bền vững”.

Để vận động người dân ừ ao tôm trồng rừng, huyện hỗ trợ dân mỗi ha 2 triệu đồng; còn lại người dân tự bỏ tiền ra. Tuy nhiên, không phải ai cũng có một số tiền lớn để làm chuyện mà họ chẳng muốn: thu ngắn diện tích mặt nước để trồng rừng.

Mô hình nào cho cây đước và con tôm “chung sống” hòa bình với nhau trong cùng một đơn vị diện tích các tỉnh bán đảo Cà Mau vẫn chưa tìm ra. Chính vì vậy những khoảng trống trong rừng vẫn còn đó như thách thức. Dù khai thác rừng để NTTS khá nhiều nhưng đời sống của cư dân ở những cánh rừng ngập mặn không khá so với mặt bằng chung của khu vực.



Hầm than trầm là sinh kế duy nhất của nhiều người dân dưới tán rừng trầm U Minh hạ trong những năm qua.
(Ảnh: Duy Nhân)

Sống dưới tán rừng, khai thác mặt nước để nuôi trồng thủy sản (NTTS). Họ là những người bị cho là “tiên phong” phá rừng. Thậm chí có người còn gọi họ là “lâm tặc”, nhưng họ thực chất là những người hiền lành gánh trên vai cái nghèo dai dẳng. Chính vì cuộc mưu sinh buộc họ phải vào rừng.

Ông Cao Văn Hơn, ấp Tân Châu, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau có 3,9 ha đất rừng – tôm do Liên tiểu khu 154 – 163 trực thuộc Cty Lâm nghiệp Ngọc Hiển quản lý đã mấy mùa thu hoạch tôm dưới tán rừng nhưng kết quả chẳng được là bao. Năm 2006, ông vay ngân hàng 27 triệu đồng để cải tạo đất, lên bờ bao đến nay chưa trả nổi. Cả gia đình

trông chờ vào con tôm dưới tán rừng, nhưng liên tiếp hai năm nay tôm “không chịu” lớn, bán chẳng được bao nhiêu tiền. Ông ngậm ngùi: “Vốn liếng bỏ vào trên 10 triệu đồng, gồm tiền giống, tiền cải tạo, nhưng thu lại chẳng đáng kể. Cứ thu hoạch như thế này, không biết đến bao giờ tôi mới trả được tiền ngân hàng”.

Gần đó, ông Nguyễn Văn Năm, 64 tuổi thu hoạch tôm có khá hơn do năm 2006 rừng đến hạn thu hoạch, diện tích mặt nước NTTS nhiều hơn những người khác. Ông cho biết: “Đây là rừng trồng, năm 2006 Cty cho thu hoạch trắng sau khi trừ chi phí gia đình tôi được nhận được trên 20 triệu đồng từ tiền bán gỗ. Sau khai thác, tôi cải tạo lại đất nuôi tôm nên cũng khá”.

Theo quy định, đất rừng sau khi khai thác gỗ, người dân được phép cải tạo NTTS trên tất cả diện tích. Một năm sau tiến hành trồng rừng lại. Thời gian đầu, cây còn nhỏ, diện tích mặt nước nhiều nên việc nuôi tôm nhiều thuận lợi. Tuy nhiên, so sánh hiệu quả kinh tế giữa cây đước (bán lấy gỗ) với nuôi tôm thì cây đước chẳng sánh vào đâu! Trồng 10 năm với 3,9 ha bán gỗ chỉ gần 20 triệu đồng, tính ra một năm người dân thu nhập chưa đến 2 triệu đồng. Chính vì vậy họ khó có thể “thương cây, nhớ rừng”. Tại Liên tiểu khu có 380 hộ dân nhận đất rừng sản xuất, bình quân mỗi hộ 3 ha. Hàng năm Liên tiểu khu khai thác 6.000 m³ gỗ đước bán cho các thương lái vào tận rừng mua. Giá trị cây đước không cao, con tôm bấp bênh nên hầu hết người dân có mức sống dưới trung bình.

Anh Trần Hoàng Đông, có 4 ha đất rừng thuộc Cty Lâm nghiệp 184 (ấp Chà Là, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, Cà Mau) năm 2006 vay 20 triệu đồng để lên bờ bao đến nay cả vốn lẫn lãi lên đến 25 triệu đồng. Toàn bộ 4 ha đất rừng của anh phải đến 3 năm nữa mới tới đợt khai thác. Từ đây cho đến 3 năm không biết lấy gì để nuôi sống gia đình trong điều kiện tôm nuôi đang gặp khó khăn. Chuyện giữ cho cánh rừng xanh tốt đang mâu thuẫn với thu nhập từ con tôm của gia đình anh.

Gia đình anh Nguyễn Hồng Phương, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển có trên 10 ha rừng tự trồng, nhưng cuộc sống cũng không có gì khấm khá. Anh buộc lòng phải chặt bỏ một số diện tích cây mắm để lấy đất nuôi cá. Năm 2007, thu nhập từ cá trên 20 triệu đồng, đủ trang trải cho gia đình 7 miệng ăn cả một năm, không dám cất nhà vì ... không có tiền.

Cư dân trong rừng đước, hầu hết đều nghèo dù tiếp xúc với chúng tôi lúc nào họ cũng cười. Theo thống kê của tỉnh Cà Mau, đời sống của dân trong rừng có đến 36% hộ dưới chuẩn nghèo; còn lại đủ ăn. Hộ giàu chưa đến 5%.

Ở rừng, mong tôm

Đó là một thực tế diễn ra từ rất lâu tại RNM ven biển miền Tây. Họ là dân ở dưới tán rừng, nhưng hoàn toàn không yêu rừng mà cứ trông chờ vào con tôm, con cá. Những cây gỗ rừng hiệu quả kinh tế thấp không thể nuôi sống họ được mà chính con tôm mới là nguồn thu nhập chính.

Bà Nguyễn Thị Nhỏ quê tại huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu cách đây 18 năm lặn lội xuống ấp Cái Đồi Nhỏ, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân mua đất rừng nuôi tôm. Năm 1992 chính quyền xã bảo đảm

là đất làm phân, buộc phải trồng lại rừng, chỉ được khai thác 40% diện tích mặt nước nuôi tôm. Tháng 02/2008 con trai bà là Nguyễn Quốc Thế, chặt cây làm chòi canh tôm bị xử phạt 970.000 đồng và tạm giữ tại xã 2 ngày. Bà cho biết: “10 năm trước tôi đã có sổ chủ quyền, khai thác thủy sản khá lắm. Từ ngày trồng rừng đến giờ đời sống vô cùng khó khăn, do cây rừng càng ngày càng lớn chiếm hết chỗ cho con tôm. Tôi đề nghị nên mức bờ bao lên để bảo vệ rừng và cho con tôm nó sống, chớ cấm tác động kiểu này chắc tôi phải bỏ xứ ra đi thêm một lần nữa quá”.

Ngôi trong căn nhà “Đại đoàn kết”, anh Nguyễn Minh Dương thở than: “Tôi nhận đất rừng trên 3 ha, để vừa bảo vệ rừng, vừa nuôi trồng thủy sản, nhưng 2 năm nay chẳng thu được gì, rừng cũng chẳng chịu lớn. Bà con chúng tôi đề nghị cho lên bờ bao đem nước vào nhưng cũng không được chấp nhận”.

Tại khu vực kênh ủy ban, thuộc ấp Cái Đồi Nhỏ, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, Cà Mau hầu rừng trồng đã trên 10 năm nhưng to bằng bắp tay do thiếu nước và thiếu sự chăm sóc của người dân. Ông Lê Văn Khả, một hộ dân nhận khoán cho biết: “Hai năm nay tôm nuôi liên tiếp thất bại, đời sống chúng tôi rất khó khăn. Theo tôi muốn giữ rừng được


phải cho người dân có cái ăn cái mặc chớ để bụng đói mà giữ rừng là không thể”.

Cạnh đó anh Hoàng cũng thuộc diện nhà nước cất nhà “Đại đoàn kết” ngồi co ro nhìn ra cánh rừng khô, than thở: “Người ta nói sống ở rừng giàu lắm, nhưng bây giờ không có cái để ăn nữa. Tôm tép thất bại thế này chắc gia đình tôi bỏ nơi này đi nơi khác kiếm ăn mất”.

Cuộc mưu sinh ở những cánh rừng bây giờ không đơn giản chút nào. Con tôm mỗi ngày nuôi một khó khăn do: chậm lớn, thời gian nuôi kéo dài, giá hạ ...

Người dân trực tiếp ở những cánh rừng nuôi tôm không biết tại sao. Nhưng điều này đã được các nhà khoa học cảnh báo cách đây 15 năm. Đó là do tác động quá mức vào những cánh rừng ngập mặn, khai thác bãi bồi vô tội vạ ... Hệ quả hiện tại là những cái giá phải trả do tác động quá mức vào môi trường.

Bài toán rừng tôm đã được chính quyền các tỉnh miền Tây thấy rất rõ, nhưng họ cứ mãi loay quay với việc quy hoạch, “cách ăn chia”. Gần đây, để phát triển và bảo vệ rừng, Bạc Liêu, Cà Mau quy hoạch lại 3 loại rừng theo chỉ đạo của Bộ NN&PTNT. Tuy nhiên, mỗi lần quy hoạch diện tích rừng lại bị “bóc hơi” đi vài chục ngàn ha.



Người ta tìm đủ mọi cách làm cho rừng chết dành lấy đất nuôi tôm (Ảnh: Nguyễn Tiến Hưng)

III Quy hoạch, quản lý rừng - Những dự báo buồn

Cà Mau, Bạc Liêu chính thức thông qua quy hoạch 3 loại rừng theo chỉ đạo của Bộ NN&PTNT. Tuy nhiên, sự thay đổi quy hoạch này làm cho trên 30.000 ha rừng “bốc hơi”. Cà Mau cũng đang chuyển dần chủ sở hữu rừng từ doanh nghiệp nhà nước sang mô hình công ty. Theo đó đến năm 2010, toàn bộ rừng trồng của Cà Mau sẽ tư nhân hóa.

Quy hoạch... mất đất rừng

Năm 1975 diện tích rừng của Minh Hải (gồm cả Bạc Liêu và Cà Mau) trên 230.000 ha; đến năm 1995, diện tích này còn lại 200.000 ha. Khi tái lập tỉnh Bạc Liêu, diện tích rừng của Cà Mau còn lại trên 180.000 ha. Cho đến nay con số chính thức được công nhận diện tích đất lâm phần của Cà Mau là 108.000 ha. Gần đây Cà Mau quy hoạch

lại 3 loại rừng, và theo lần quy hoạch này diện tích rừng đã giảm trên 30.000 ha so với trước quy hoạch. (diện tích rừng sản xuất giảm đi nhiều, còn diện tích rừng phòng hộ có tăng song không đáng kể).

Lý giải về việc “mất trên 30.000 ha” này, Sở NN&PTNT giải thích: trước khi rà soát quy hoạch rừng, diện tích đất lâm nghiệp được tính bao gồm cả diện tích đất kênh bờ của các hộ sản xuất nông lâm kết hợp, nay quy hoạch này loại ra số diện tích này. Một lý do khác được đưa ra là do: các đơn vị rừng được chuyển mục đích để xây dựng trụ sở làm việc, các khu dân cư, khu hành chính với tổng diện tích trên 223 ha; khu vực rừng trầm chuyển đổi làm khu dân cư, đường ống dẫn khí khu Khí – Điện – Đạm Cà Mau với diện tích 66 ha; diện tích bị xoáy lở 318 ha ... Tuy nhiên, theo khảo sát của nhóm phóng viên chúng tôi, tại khu vực rừng đước, được xem là rừng sản xuất thuộc các huyện Ngọc Hiển, Phú Tân, Năm Căn hầu hết được giao khoán cho người dân. Tại đây người dân làm bờ bao để bảo vệ mặt nước, mỗi người là một ô vuông riêng. Chính vì vậy không thể tách diện tích bờ bao ra khỏi rừng đước. Một số người dân cho biết, họ nhận khoán đất rừng với tỷ lệ sử dụng đất là 3/7; 4/6 hoặc 5/5 chính vì vậy đã trừ phần đất sản xuất nông lâm ngư kết hợp ra rồi.

Trong khi đó, tại Bạc Liêu, diện tích sau khi quy hoạch lại 3 loại rừng của tỉnh còn lại 6.338 ha, mất 1.726 ha. Lý do “mất” vì UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 trước đó, cho phép chuyển đổi toàn bộ diện tích rừng từ đê biển trở vào đất liền NTTS. Tại Sóc Trăng, sau khi quy hoạch lại 3 loại rừng, diện tích RNM cũng giảm đi trên 3.000 ha so với trước khi quy hoạch.

Chắc chắn những nhà quy hoạch có bước chuẩn bị và luận cứ khoa học của mình trước khi đưa ra con số cụ thể trồng và bảo vệ rừng. Tuy nhiên, thật khó chấp nhận được khi mà mỗi lần quy hoạch diện tích rừng lại mất đi. Thời gian càng về gần thì rừng càng ít, nhất là RNM. Và không rõ, đến lần quy hoạch thứ bao nhiêu thì rừng sẽ còn là con số không?

Quản lý rừng theo cách nào?

Theo lộ trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đến năm 2010 tất cả các doanh nghiệp nhà nước sẽ được cổ phần hóa. Doanh nghiệp lâm nghiệp cũng không ngoại lệ. Để chuẩn bị cho bước “chuyển mình” này, Cà Mau đã tách ghép hàng loạt Lâm ngư trường trở thành Cty lâm nghiệp hoạt động theo luật doanh nghiệp. Ông Ngô Chí Dũng, Giám

đốc Sở NN&PTNT Cà Mau cho biết: “Theo lộ trình, ngoài các khu bảo tồn quốc gia, vườn quốc gia Cà Mau sẽ còn lại hai công ty lâm nghiệp chính. Đó là Cty lâm nghiệp Ngọc Hiến (đại diện cho RNM) và Cty Lâm nghiệp U Minh (đại diện cho rừng ngập lợ). Hai Cty này hoạt động theo luật doanh nghiệp và sẽ được cổ phần hóa sau năm 2010”. Ông Dũng lý giải: hiện nay giá trị cây trầm, cây đước rất thấp, nên khi thành lập Cty sẽ phải tính toán đến đâu ra cho sản phẩm cây trầm, cây đước. Được biết, cho đến nay Cà Mau đã có đến 5 dự án thu mua nguyên liệu cây trầm, cây đước để sản xuất, chế biến gỗ, làm giấy...

Đã là doanh nghiệp thì kinh doanh theo luật doanh nghiệp. Đó là điều hiển nhiên. Tuy nhiên, hiện tài sản “đất rừng” tại Cà Mau hầu hết là của người dân quản lý, nhiều người đã được cấp sổ chủ quyền hợp pháp. Chính vì vậy họ góp vốn với Cty theo cách nào cho đến bây giờ địa phương này cũng chưa biết cụ thể. Ông Lê Hoàng Vũ, Giám đốc Cty Lâm nghiệp 184, huyện Ngọc Hiến đang quản lý 6.400 ha đất lâm phần nhưng có đến 6.200 ha là đất của người dân, tỏ ra lo lắng: “Về danh nghĩa, chúng tôi quản lý rừng, nhưng quản lý về mặt nhà nước, nay trở thành Cty thì khó mà quản lý được. Đất là của dân, nếu có phá rừng, chúng tôi cũng chỉ báo cáo

với UBND xã, kiểm lâm chứ không thể xử lý được”. Theo ông Vũ, cần phải có lộ trình trong việc sắp xếp đổi mới doanh nghiệp lâm nghiệp, bởi khi người nông dân trở thành công nhân của Cty nhưng tất cả từ tập quán sản xuất, cách nghỉ, cách làm, cách ứng xử đều còn nguyên nông dân sẽ rất khó khăn.

RNM ven biển vẫn còn đó, rừng sản xuất đang thu hẹp, các tỉnh có rừng đang ra sức kêu gọi các nhà đầu tư khai thác chế biến gỗ. trong khi người dân sống dưới tán rừng (kể cả đước và trầm) đều khó khăn. Chưa ai dự đoán được điều gì khi những người nông dân trở thành công nhân của Cty cổ phần lâm nghiệp. Nhưng có một điều chắc chắn là diện tích rừng đang vơi dần theo năm tháng. Một giải pháp cho rừng ngập mặn phát triển ngay bây giờ vẫn chưa muộn.

Đất rừng phương Nam: Người dân không “mặn” với rừng

Nguyễn Tiến Hưng

Dòng người di dân đang đè nặng lên đất rừng phương Nam. Người dân hái lượm của rừng, của biển song vẫn không thoát khỏi cảnh cơ cực. Trong khi đó, đất rừng ngày một thu hẹp, rừng ngày một nghèo kiệt. Công việc quản lý, bảo vệ và phát triển vốn rừng như con thuyền ngược nước. Kiểm lâm đập phá lò than trên mặt đất thì người hầm than xây dựng lò than dưới lòng đất, tranh thủ đào lén lúc giữa đêm để nuôi tôm...





I Người dân không “mặn” với rừng

Vào rừng ngậ mặn với kiểm lâm

Hạt kiểm lâm huyện Ngọc Hiến cho tôi tháp tùng với chuyến tuần tra. Anh Dương Hoài Phương, Hạt trưởng, căn dặn: “Anh em đi rừng phải chú ý đội mũ bảo hiểm. Dân mình cũng “liều” lắm. Họ phang cây xuống là lãnh đủ đó!”

Chiếc vỏ lái composite gắn máy Honda 11CV, nhả gas vọt thẳng hướng rừng. Khu rừng già Giao Đu (xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiến) bị triệt hạ để hầm than. Đây là điểm nóng nạn đào phá rừng hầm than và đào đất rừng nuôi tôm.

Trước đây, khu rừng đước cao chót vót đến vài chục mét, dày đặc, chen chúc, che khuất mặt trời. Những cây đước giao đầu vào nhau, phủ kín không gian con rạch nhỏ. Loài khỉ, vượn, sóc... đu theo cành cây đước từ bên này sang bên kia sông tìm bạn, kiếm mồi. Người dân địa phương đặt tên cho khu rừng là Giao Đu.

Nhìn khu rừng bị tàn phá, đào bới như vừa trải qua một trận bom cày dạn xối. Anh kiểm lâm cho biết: “Khu vực này có 8 hộ dân “tía thừa” cây đước để bán, để hầm than. Đến mức không còn tía thừa đước nữa thì chặt sạch, đào đất rừng làm vuông tôm trên diện tích hơn 50 ha”.

Tương tự, 25 hộ dân Lâm ngư trường Kiến Vàng chiếm 4 ha đất để đào kinh xổ tôm. Không làm lén nữa, bà con còn phát đơn yêu cầu đòi lại đất. Tại khu vực rừng Cây Phước, xã Viên An Đông, thuộc Ban quản lý rừng Tắc Biển, các hộ dân di cư tự do tự bao chiếm 10 ha rừng được để đào kinh, xây cống, xổ tôm.

Khi lực lượng kiểm lâm, cán bộ quản lý rừng đến thì lập tức những người này lánh vào rừng, bỏ chòi vuông trống hươ. Lực lượng kiểm lâm dỡ lều, đập cống, cuốn lú. Nhưng rồi chỉ vài ngày sau, lều mới, cống mới, đặt lú mới lại mọc lên.

Xử phạt chưa đủ răn đe

Công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý những sai phạm lâm luật gần như chưa đủ sức răn đe. Người vi phạm lâm luật bị xử lý rồi lại tái phạm ở mức độ nặng hơn.

Ông Huỳnh Văn Khởi, 41 tuổi, ở ấp Nhung Miên B, xã Viên An Đông đã từng bị phạt hành chính 200.000 đồng về hành vi chiếm đất rừng trái phép. Đóng phạt xong, Huỳnh Văn Khởi lại tái phạm nhiều lần, thiệt hại rừng lớn hơn. Khoảng tháng

02/2001, Huỳnh Văn Khởi tự ý khoanh bao 6,2 ha rừng trồng năm 1992. Ngày 12/02/2002, Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiến tuyên phạt Huỳnh Văn Khởi với mức án 9 tháng tù giam, buộc bồi thường 3.041.500đ nhưng khó thi hành vì quá nghèo.

Ông Huỳnh Văn Khởi chấp hành án tù xong lại vào rừng chặt cây rừng, đào phá đất rừng để nuôi tôm. Tòi vào một khu rừng ở ấp Nhung Miên, xã Viên An Đông, gặp nhiều túp lều trống, cống xổ tôm vừa xây xong. Người thanh niên tên Hoàng ung dung ngồi đốt lò than, tỏ vẻ khó chịu. Cạnh đó, chiếc xuồng ba lá vương vãi cây đước còn tươi, một đồng cây đước được kéo lên bờ.

Khi được hỏi chủ nhân của xuồng và cây ai chặt? Anh ta trả lời cộc lốc: “Không biết!” Khu vực gần đó, thuộc ấp Xẻo Lá thuộc Ban quản lý rừng Tắc Biển hầu như cây đước nào cũng bị triệt hạ, đào kinh, xổ tôm. Đây là khu rừng mà Trần Văn Hùng, 43 tuổi cùng người mẹ ngoài 60 tuổi đã chặt phá 135 m² rừng, mật độ 600 cây/ha, bị Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiến đã xử phạt Trần Văn Hùng với mức án 9 tháng tù giam, bồi thường 2.452.500đ.

Một vài người dân nhanh chóng chạy theo lực lượng kiểm lâm, đổ lỗi cho cán bộ lâm trường cho người nhà vô chặt cây. Khi chia tay với họ, anh em kiểm lâm cho biết những người chiếm đất rừng được để nuôi tôm không ai khác chính là những người thân, bà con dòng họ của những người đang ở tù vì tội phá rừng, chiếm đất rừng trái phép đã nói ở trên.

Vương vương khói hầm than

Vàm Ong Định thuộc lâm phần Lâm ngư trường 13/12, cách thị trấn Năm Căn (huyện Năm Căn) con sông Cái Lớn có dãy lò hầm than âm i quanh năm. Những ngôi nhà lá liền kề xám xịt vì bụi khói, thách thức.

Anh em kiểm lâm đến dãy lò than Vàm Ong Định, người lớn, trẻ em đều gọi đúng tên họ. Những người dân ở đây năn ni lực lượng kiểm lâm bỏ qua để kiếm tiền mua gạo. Giải toả xóm lò than Vàm Ong Định rất nhiều lần. Lực lượng kiểm lâm dùng máy bơm chữa cháy rừng để phá huỷ lò than. Xóm lò than bị đập tắt lửa ngày trước thì ngày sau dựng lại nhà, xây lò mới, lửa vẫn âm i, khói vẫn bốc lên.

Anh Dương Hoài Phương, Hạt trưởng Hạt kiểm lâm Ngọc Hiển tâm sự: “Nạn phá rừng ngập mặn do áp lực xã hội, di dân tự do. Người dân vào rừng mang theo cái nghèo đói. Hiệu quả kinh tế con tôm làm cho người dân tìm mọi cách triệt hạ cây rừng để mở rộng diện tích nuôi tôm. So với những năm trước, số vụ xâm phạm rừng, đất rừng lớn, phức tạp, cần thẳng”.

Chuyện thời sự nóng bỏng rừng được là những người “chủ nhỏ” trực tiếp phá rừng. Họ tĩa thưa để hầm than kiếm tiền. Rừng thưa dẫn đến mức không thể tĩa thưa được nữa thì phá sạch để đào kinh nuôi tôm. Thời gian gần đây, người dân xây lò than dưới lòng đất giữa rừng, đào phá đất rừng vào ban đêm để qua mặt lực lượng kiểm tra.

Tôi theo chuyến ghe chở than được từ HTX 19/5 ở xã Tam Giang (huyện Ngọc Hiển) về TP Cà Mau. Xuồng máy đi trong đêm, qua bao kinh rạch rừng được Năm Căn, Ngọc Hiển. Khói đốt lò than nặng nặng, vương vương rừng được bạt ngàn.

Những căn nhà của dân di cư
“bám trụ” nơi đất rừng.



II Xung đột rừng - tôm

“Con tôm ôm cây đước” đã từng là hình tượng thân quen gắn với dải đất cuối cùng của Tổ quốc về mô hình sản xuất bền vững vùng rừng ngập mặn. Nhưng cái việc cố ý gán ghép ấy đã không tạo nên mối duyên tơ thực sự giữa tôm và rừng. Con tôm được chế biến xuất khẩu mang về ngoại tệ, được coi trọng như cô gái mỹ miều, quý phái, kiêu sa trong khi cây đước già xù xì, teo tóp như gã đàn ông bất lực, vô dụng. Rừng đước Cà Mau đang bị thu hẹp, nghèo kiệt. Chuyện bảo vệ rừng, chuyện nuôi tôm thành nỗi lo cháy lòng đối với người dân sống dưới tán rừng ngập mặn Cà Mau.

Rừng ngập mặn Cà Mau suy kiệt

Đất rừng ngập mặn Cà Mau hình thành từ trái cây mắm cắm xuống đất bãi ven biển, mọc thành rừng mắm. Cây đước tiếp bước tạo thành rừng xanh bạt ngàn, trùng điệp. Rừng biết đi, đất sinh đẻ là nét đặc trưng đất rừng ngập mặn Cà Mau.

Những ai đã từng biết rừng ngập mặn Cà Mau, nay có dịp trở lại đều nao lòng bởi diện tích rừng suy giảm đột ngột, bị chia cắt bởi vô số vuông tôm. Tổng diện tích lâm phần rừng ngập mặn Cà Mau còn khoảng 118.000 ha, 66.000 ha có rừng, tập trung nhiều nhất ở huyện Ngọc Hiển, Năm Căn, Đầm Dơi, Phú Tân...

Chiếc xe Honda bon bon tên quốc lộ 1A (đoạn TP Cà Mau - Năm Căn, dài 54km). Đứng trên phà Đầm Cù, vượt sông Bảy Háp, thuộc địa bàn các xã Hàm Rồng (huyện Năm Căn) thấy lúa thưa rừng mẫm ven sông. Khu vực rừng xã Hàm Rồng, Đất Mới, thị trấn Năm Căn khoảng 21.700 ha đã chuyển sang sản xuất ngư - lâm kết hợp. Diện tích rừng già đã xoá hết dấu vết, chỉ còn sót lại cây đước non trên bờ, lúa thưa trong ruộng tôm với độ che phủ 7,5%.

Anh Nguyễn Thanh Phương ở ấp Chổng Mỹ, xã Hàm Rồng (Ngọc Hiển) cho biết: “Ba anh em trai tôi quê gốc xã Lý Văn Lâm (TP. Cà Mau) đến đây gần 20 năm, đã có gia đình riêng, được cha mẹ chia cho 3,9 ha đất trồng rừng, nuôi tôm. Chủ trương nuôi tôm phải kết hợp với trồng rừng nhưng người dân cứ chú trọng đến nuôi tôm. Trồng rừng đước hơn 10 năm mới thu hoạch, chia chác với lâm ngư trường thì còn không đáng là bao”.

Chỉ có tôm mới nuôi sống được gia đình. Bà con cố sức nới rộng ruộng tôm, chặt tía cây rừng, đào mương rộng ra. Từ đầu năm đến nay, tôm nuôi ở đây cũng chết dần dần, có gia đình đói. Tôm giống thả nuôi độ hơn 2 tháng mới bắt đầu chết, không biết bệnh gì. Chưa trừ tiền giống, công cải tạo ruộng, mỗi tháng anh em Phương

chia đều được 700 - 800 ngàn đồng nuôi vợ con.

Ông Tạ Văn Cà, 78 tuổi, ở Xẻo Lá, Viên An Đông (Ngọc Hiển) phân trần: “Tôi là người cố cựu ở rừng đước, chứng kiến bao đổi thay của rừng. Người khôn của khó. Dân tại chỗ sinh con đẻ cái, dựng vợ gả chồng bám vào rừng mà sống. Rồi dần từ xứ đến lập nghiệp ngày một đông. Rừng đước bị mất quá nhiều, không còn rừng già, chỉ có rừng non ven sông rạch. Nhìn bên ngoài xanh um vậy mà bên trong chỉ có ruộng nuôi tôm.”

Con tôm không ưa rừng tốt

Cây rừng lên cao, khép tán che khuất ánh sáng, nước mất ô - xi nên y rằng tôm thất. Lá cây rụng cũng làm ruộng tôm thất. Không ai đành lòng giữ rừng mà để vợ con nhịn đói. Người dân lên đốn cây bán, đào ruộng tôm rộng thêm.

Kỹ sư Nguyễn Văn Tấn, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng rừng ngập Cà Mau cho biết: “Rừng đước trồng trong ruộng tôm từ năm thứ 3 trở đi bắt đầu ảnh hưởng đến môi trường nuôi tôm. Khi rừng khép tán làm giảm lượng ánh sáng tới mặt nước, làm giảm các nguồn thức ăn tự nhiên trong ruộng tôm. Rừng càng lớn, lượng vật rụng trong ruộng càng nhiều,

phân giải yếm khí làm ô nhiễm nguồn nước trong ruộng tôm”.

Ông Nguyễn Văn Lâm ở xã Tân An (Ngọc Hiến): “Nuôi tôm là nghề bà cậu. Trời thương, trời cho. Ngày trước, lấy nước dưới sông rạch khi nước lớn. Đến con nước Rằm, Ba mươi thì xổ nước ra, bắt tôm”.

Nhà nhà nuôi tôm, người người nuôi tôm càng làm cho nguồn tôm giống tự nhiên cạn kiệt. Và lại, tôm sú chế biến xuất khẩu mới có giá cao nên người nuôi tôm phải nuôi thả tôm sú giống.

Từ năm 1995 đến nay, tôm nuôi bị chết dài dài. Người nuôi tôm cứ phải thả tôm giống, xổ ruộng không trúng, không có lời. Nuôi tôm theo tập quán có pha lẫn tâm linh nên người dân mua giống, thả nuôi phải chọn ngày tốt, cúng kiếng đủ thứ.

Cán bộ khuyến ngư cho rằng diện tích ruộng suy giảm làm cho môi trường không thuận lợi cho con tôm phát triển bền vững. Nhưng người nuôi tôm thì cứ phải mở rộng lớn diện tích nuôi tôm.

Ở huyện Ngọc Hiến đã giao 14.400 hộ với khoảng 51.000 ha sản xuất lâm - ngư kết hợp. Qui mô sản xuất người dân nhận đất

nhận rừng từ dưới 3 ha đến hơn 7 ha/hộ. Một diện tích rừng khá lớn ở huyện Ngọc Hiến, có 65 đơn vị nhận 2.350 ha “tự túc”.

Nhưng cơ quan, cán bộ không chịu cực, không có thời gian, kinh nghiệm nuôi tôm nên giao khoán cho dân nghèo để hưởng chênh lệch.

Dòng người di dân tự do luôn gây áp lực tài nguyên rừng rừng ngập mặn Cà Mau. Theo kỹ sư Đặng Trung Tấn, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật rừng ngập Cà Mau: “Diện tích có rừng ở huyện Ngọc Hiến hơn 50.000 ha, chiếm 43,8% diện tích lâm phần, 80% rừng cấp tuổi nhỏ. Trữ lượng rừng khoảng 624.522 m³, giảm 10 lần so với trữ lượng rừng năm 1987. Rừng bị suy giảm về diện tích, chất lượng rừng nghèo, cơ cấu đơn điệu và bị chia cắt manh mún bởi ruộng tôm làm hạn chế sự khôi phục, phát triển vốn rừng”.

Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật rừng ngập Cà Mau tổng kết một số kết quả nghiên cứu về sản xuất lâm - ngư kết hợp bằng cách chặt bỏ tán lá mỗi năm một lần với tỷ lệ 30%, tạo điều kiện ánh sáng chiếu xuống ruộng tôm đối với rừng trồng 4 tuổi và sau đó tiến hành tỉa thưa cây đước với cường độ 40% đem lại kết quả tăng năng suất tôm gấp 3 - 4 lần.

Thế nhưng việc tía thưa không phải người dân nào cũng tự giác áp dụng vì mất nhiều công sức, họ cũng nòn nóng nuôi tôm để lo cái ăn trước mắt. Toàn bộ 46.000 ha sản xuất lâm - ngư kết hợp bị phá vỡ tỷ lệ 30% - 70% diện tích tôm - rừng trong từng khuôn hộ.

Tách tôm ra khỏi rừng: nói dễ, làm khó

Mô hình sản xuất rừng - tôm dưới tán rừng ngập mặn Cà Mau nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất cập. Giữ rừng thì mất mùa tôm. Rõ ràng con tôm, cây đước không thể chung sống trên cùng một diện tích vì hiệu quả kinh tế trước mắt.

“Con tôm ôm cây đước” không ngon canh ngọt cơm. Thực trạng dưới tán rừng ngập mặn Cà Mau là giữ rừng không được, nuôi tôm cũng không xong, đời sống người dân gặp khó khăn cần tháo gỡ. Tách tôm ra khỏi rừng để vừa giữ được tài nguyên rừng, vừa phát triển bền vững nghề nuôi tôm.

Bí thư Huyện ủy Ngọc Hiển - ông Trần Hoàng Chen rất tâm huyết với rừng, với nghề nuôi tôm. Ông cùng với lãnh đạo huyện Ngọc Hiển xây dựng nghị quyết bố trí lại sản xuất, đa dạng hoá cây trồng vật

nuôi trên cùng một diện tích nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cho người dân.

Các nhà khoa học, các doanh nghiệp, giới báo chí về Ngọc Hiển bàn bạc việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng đời sống người dân. Ông Trần Hoàng Chen nhìn nhận: “Ngọc Hiển là huyện giàu tiềm năng kinh tế, được thiên nhiên ưu đãi nguồn lợi thủy sản đa dạng, phong phú và tài nguyên rừng không phải nơi nào cũng có được. Kể từ sau sự cố tôm chết, kinh tế huyện Ngọc Hiển trì trệ, chậm phát triển”.

Hỏi chuyện trồng rừng, nuôi tôm đường như “gãi trứng chõ ngứa” của ông Bí thư Huyện ủy Ngọc Hiển. Ông cho rằng kinh tế người dân chậm phát triển là do nền sản xuất thụ động, trông chờ vào sự ban phát của thiên nhiên. Việc tách tôm ra khỏi rừng phải có sự thống nhất từ quan điểm chỉ đạo đến người dân”.

Dựa vào đề án đổi mới tổ chức quản lý rừng và đất lâm nghiệp của UBND tỉnh Cà Mau, huyện Ngọc Hiển tìm ra hướng đi mới: “Tách tôm ra khỏi rừng”. Khi con tôm không còn chung sống được với cây đước trên diện tích rừng thì phải tách ra để cứu cả hai.

Đó là “cuộc đại phẫu thuật” đất rừng ngập mặn. Lâm ngư trường Tam Giang 3 dùng

xáng đào kinh phân chia phần đất trồng rừng và nuôi tôm theo từng khuôn hộ cho gần 100 hộ dân.

Một phần diện tích đất rừng khai thác trắng cho bà con sản xuất chuyên nuôi tôm. Phần diện tích còn lại theo tỷ lệ qui định trồng lại rừng, bảo vệ nghiêm ngặt, trả lại môi trường tự nhiên cho cây rừng phát triển. Mô hình thí điểm tách tôm ra khỏi rừng ở Lâm ngư trường Tam Giang 3 gợi mở cách thức, hướng đi mới.

Nhưng chuyện tách tôm ra khỏi rừng đang được bà con nhận đất nhận rừng ở Ngọc Hiến lo lắng. Bà con lấy đầu ra tiên đầu tư đào đắp để tách tôm ra khỏi rừng. Cái khó nữa là những người dân có diện tích nhỏ thì việc tách chừa diện tích trồng rừng theo qui định sẽ càng làm cho diện tích nuôi tôm bị thu hẹp, không đảm bảo cuộc sống.

Kỹ sư Đặng Trung Tấn, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật rừng ngập Cà Mau nhận xét: “Việc tách tôm ra khỏi rừng có nhiều cái lợi. Phần diện tích nuôi tôm sẽ tạo điều kiện người dân phát triển sản xuất, không bị ảnh hưởng. Phần diện tích được tách ra để trồng rừng

không bị bao ví, trả lại môi trường tự nhiên để khôi phục rừng”.

Cái khó là ý thức người dân, kinh phí đầu tư đào bờ bao chia tách tôm ra khỏi rừng. Những hộ dân có diện tích nhỏ không muốn tách tôm ra khỏi rừng vì diện tích nuôi tôm còn quá nhỏ. Đây là vấn đề cần khảo sát kỹ, tổ chức thực nghiệm và tổng kết khoa học”.

Tỷ lệ diện tích nuôi tôm - trồng rừng theo qui định không có trong thực tế trong phát triển mô hình lâm - ngư kết hợp dưới tán rừng ngập mặn. Việc tách tôm ra khỏi rừng thì ranh giới nuôi tôm - trồng rừng phụ thuộc rất nhiều vào ý thức của người dân, mức sống người dân. Không ai có thể thay thế người dân sống dưới tán rừng ngập mặn giữ gìn ranh giới tôm - rừng khi tách tôm ra khỏi rừng.

Khai thác tiềm năng ven biển Cà Mau: Ăn xổi ở thì

Nhật Hồ



Người dân “cắm cùi dọn rừng đước” để lấy diện tích nuôi trồng thủy sản. Đến bao giờ cái nghèo mới hết đeo bám họ và cuộc sống người dân mới an bình dưới tán rừng?
(Ảnh: Nhật Hồ)

Bãi bồi ven biển thuộc vùng Bán đảo Cà Mau (BĐCM) được thiên nhiên ưu đãi. Nơi đây không những rừng ngập mặn phát triển mà nguồn lợi thủy sản cũng rất lớn. Thiên nhiên ưu đãi là vậy, nhưng những người dân ven biển không giàu. Cuộc sống của họ bấp bênh, ngập lặn theo con nước lớn ròng như chính công việc hằng ngày của họ.



Ăn mót của biển

Bãi biển Vĩnh Châu (huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng) 11 giờ trưa trời đầy nắng và gió. Em Sơn Chuôi, 8 tuổi lững thững xách lon cua biển lội từ bãi bồi về bờ đê đem bán cho lái. Hôm nay em bắt 8 con, bán được 10.000 đồng. Em Thạch Thị Sà Huých, 12 tuổi bắt nhiều hơn, bán được 20.500 đồng. Em Sơn Ngọc Tú, 11 tuổi học lớp 3 tại Khóm 6, Thị trấn Vĩnh Châu, Sóc Trăng về sau cùng trong tổng số trên 30 chục con em bắt cua khá hơn, bán được trên 50.000 đồng.

Chúng tôi hỏi đùa “lấy tiền vô thị trấn chơi trò chơi điện tử phải không?”. Em xua tay: “con dưa hết cho mẹ hà”. Quách Thị Hua, người thu mua cua giống tại bãi biển này cho biết mỗi ngày cô xuất ra từ 3 -4 triệu đồng để mua cua của những đứa trẻ này, “bây giờ cuối vụ cua giống rồi, mua rất ít. Cao điểm có đến hàng ngàn người ra bãi bắt cua lặn”.

Cao điểm trên bờ biển dài 20 km này lượng cua giống các chủ vừa mua vào lên đến trên 500 triệu đồng. Mỗi con cua giống nhỏ xíu như hạt me, hạt dưa (người

dân gọi là cua me, cua đũa) được những người dân ven biển dùng mọi phương tiện để bắt. Cua me 1.500 đồng/con, cua đũa 1.200 đồng/ con. Lợi nửa ngày trời trên 10 km, những người bắt giỏi cũng kiếm được vài chục ngàn. Nguồn lợi này đã làm cho cư dân ven biển ùa xuống bãi bồi để nhặt nhanh những thứ mà biển ban tặng.

Khỏi phải nói, nhìn họ là biết ai cũng nghèo. Áo không đủ lành, tóc vàng cháy, da đem nhèm. Anh Nguyễn Minh Tân, người thu mua cua giống cười khẩy với chúng tôi: “Giàu có ai mà ra biển bắt cua, các anh khéo hỏi”.

Trong khi đó tại cửa biển Nhà Mát (Bạc Liêu), Khai Long (Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau) hàng ngày có đến hàng ngàn con người ùa xuống bãi bồi để tìm kiếm những thứ còn lưu lại trên biển. Chưa ai thống kê hết những sản vật mà “đội quân” tủa ra bãi bồi bắt được hàng ngày đem về đất liền. Chỉ tính riêng mặt hàng cua biển thuộc các tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau mỗi ngày các chủ vừa bỏ ra trên 700 triệu đồng để thu mua.

Cách đây 10 năm, người ta ra bãi bồi để bắt tôm, nghêu, cá thương phẩm. Còn bây giờ hầu như đã hết. Tất cả ùa xuống bãi để

bắt những loài giống thủy sản như: cua, cá kèo, nghêu, sò bán cho người nuôi. Từ tháng 1 – 3 bắt cua giống; tháng 4 – 7 bắt cá kèo; tháng 8 -12 bắt nghêu cám. Đã có những “mỏ nghêu” bị người dân bằm nát lũng sục khắp nơi khi nó mới vừa to hơn hạt cát.

Hiu hắt làng ven biển

Trong quá trình khai thác biển, những cư dân này quần tụ lại, tự lập thành xóm trên những vạt rừng, cửa sông để thuận tiện cho việc ra bãi biển. Tuyệt nhiên không có hộ khẩu, khai sinh và chẳng có “cục đất chọi chim”. Tại ấp 14, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu từ trên 20 năm nay đã hình thành một xóm như thế.

Cả gia đình bà Lê Thị Miên (có 4 người) nguyên quán tại huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào đây đã 20 năm. Nay thành viên gia đình đã lên đến trên 20 người sống trên đất làm phân, hàng ngày ra biển bắt cua, nghêu, sò. Bà cho biết: “Hồi ấy ở quê nghèo lắm mới vào đây sinh sống. Không nghề, không tiền lấy đâu mua đất nên bám vào biển mà sống. Người ta có tiền đóng tàu, chúng tôi đào đầu ra tiền nên dùng xiệp, lưới, te bắt trong mé”.

Ở đây có đến 149 hộ sinh sống trên đất lâm phân hành nghề bắt trộm sản vật của biển trên bãi bồi. Họ hầu hết là dân nghèo của các địa phương khác đến đây sinh sống. Cả mấy trăm hộ như vậy đều không có đất sản xuất, chẳng có hộ khẩu, nhà sập xệ vừa đủ che nắng, che mưa. Những cơn bão lớn, họ xúm xích, co ro vào trụ sở UBND xã ăn náu. Tạnh cơn mưa, họ quay trở lại và ùa ra biển để kiếm sống qua ngày.

Hầu hết những cư dân ven biển đều là những người nơi khác tới. Họ không phải là người địa phương. Tuy nhiên, tất cả đều có điểm chung là nghèo, không có tư liệu sản xuất, sống theo con nước thủy triều lên xuống. Chính vì vậy mà đời sống của họ cũng bấp bênh theo con nước lớn ròng.

Theo khảo sát của Tổ chức Chũ thập đồ Việt Nam đối với vùng đất ngập nước ven biển BĐCM và Sóc Trăng. Trên 70% sống dưới mức nghèo đói theo chuẩn quốc tế và tỷ lệ hộ nghèo trên 50% theo chuẩn nghèo Việt Nam. Tổ chức này cũng đã viện trợ bằng chương trình định

cư, tách họ ra khỏi rừng phòng hộ ven biển gần 1.000 hộ. Tại Bạc Liêu có đến 237 hộ thuộc chương trình này, Cà Mau trên 300 hộ. Ông Tô Thanh Hải, có trong danh sách được cấp nhà vào làng tái định cư cho biết: “Chúng tôi vào làng tái định cư cũng mừng, nhưng biết làm gì mà sống. Không đất, không nghề lấy gì nuôi 4 miệng ăn”. Vậy là mặc cho làng tái định cư mọc lên, họ vẫn bám rừng, bám biển mà sống qua ngày.

Chính quyền tại những xã ven biển vùng BĐCM và Sóc Trăng không lạ gì những làng tự phát như thế. Nhưng có một điều lạ là ai cũng biết bãi bồi là nguồn tài nguyên lớn; là nơi để tôm cá vào sinh sôi nảy nở nhưng hàng mấy chục năm nay không quản lý, quy hoạch để khai thác. Có chăng là khai thác theo kiểu tận diệt và ùn ùn nuôi tôm ven biển mà phó mặc cho môi trường ven biển bị ô nhiễm một cách trầm trọng.

Những vương tôm chiếm đất của rừng ngày càng nhiều. Ảnh chụp tại huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.



Tận diệt tài nguyên

Có rất nhiều chương trình khai thác biển như: đánh bắt xa bờ, cảng vụ, du lịch biển... nhưng những vạt đất bãi bồi trải dài từ mé rừng ra biển thì chưa ai chú ý đến. Hoặc có chú ý đến là tận diệt, khai thác nó một cách vô tội vạ.

Theo Bộ NN&PTNT, khu vực bãi bồi ven biển thuộc Bán đảo Cà Mau (BĐCM) có trữ lượng lớn về thủy sản. Nơi đây thuận lợi cho các loài thủy sản vào đây trú ngụ và sinh sản. Ven biển thích hợp cho việc nuôi trồng thủy sản (NTTS) nước mặn.

Những người sinh sống ven biển vùng BĐCM ai cũng nhận thấy rõ là vài năm trở lại đây nguồn cá tôm tự nhiên không còn nhiều. Ông Trần Văn Phương, Bí thư xã Vĩnh Hậu A, huyện Hoà Bình, Bạc Liêu - một xã ven biển Bạc Liêu cho biết, xã có đến 1.738 ha nuôi tôm theo mô hình công nghiệp, bán công nghiệp. Năm 2005 chết hàng loạt, chẳng có con gì sống được, kể cả tôm thiên nhiên”.

Toàn vùng BĐCM có trên 400.000 ha NTTS, trong đó có đến trên 30.000 ha nuôi theo mô hình công nghiệp, bán công

nghiệp. Cty Duyên Hải Bạc Liêu có diện tích nuôi theo mô hình công nghiệp lớn nhất khu vực với trên 1.000 ha. Tuy nhiên 2 năm nay Cty này bỏ hoang đến trên 200 ha do từ ngày nuôi tới nay chưa thu hồi được vốn. Hàng trăm ha đất ao đầm khô trơ đáy, bụi bay mù mịt.

Bạc Liêu, Sóc Trăng, năm 2006 tôm nuôi bị thất bại thảm hại, nợ ngân hàng tăng cao, tỷ lệ nợ xấu lên đến mức báo động (Sóc Trăng 14%, Bạc Liêu 34%). Đó là hệ quả của việc khai thác quá mức và bất hợp lý tiềm năng ven biển.

Theo sở NN&PTNT Bạc Liêu, Cà Mau những vạt rừng ven biển là nơi cá con sinh sống, do khai thác quá mức nên nguồn lợi thủy sản từ thiên nhiên đem đến đã giảm đi đáng kể. Đáng báo động là kiểu khai thác đẩy xiệp, đăng lưới ba màng để bắt cá giống, con ruốt, thậm chí dùng hoá chất để đánh bắt.

Hàng năm, Chi Cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bạc Liêu phát hiện và xử lý trên 200 trường hợp vi phạm, nhưng xem ra chỉ mới xử lý cái ngọn. Đầu năm 2006, trên bãi bồi thuộc huyện Đông Hải (Bạc Liêu) có đến hàng ngàn người đổ ra bãi bắt nghêu giống. Xã Long Điền Đông ra ngăn nhưng lực bắt tòng tâm. Những người bắt

nghêu tâm sự: “Đây đâu phải là đất của xã mà xã ngăn”. Xem lại quy hoạch, đúng là cả dải đất từ cửa biển Mỹ Thanh (Sóc Trăng) đến chót mũi Cà Mau chưa hề được cấp chính quyền quản lý, quy hoạch cấp cho bất cứ một tổ chức, cá nhân nào.

Vào ngày 09/03/ 2007, ông Trần Hoàng Chen, Bí thư huyện uỷ huyện Ngọc Hiển (Cà Mau) lặn lội từ xứ sở bạt ngàn rừng ngập mặn đến huyện Hoà Bình (Bạc Liêu) học tập mô hình rừng – tôm. Ông cho biết: “Mô hình tách tôm ra khỏi rừng ở Ngọc Hiển đã thất bại. Người dân sử dụng 30% mặt nước liền kề nuôi tôm theo quy định, tôm không sống nổi do lá đước gây ô nhiễm còn cây đước bị bao ví nước cũng không chịu nổi”. Những cánh rừng ngập mặn ven biển của Ngọc Hiển bị loang lỗ do nuôi tôm, trong khi đó tại Bạc Liêu rừng mắm nguyên sinh cũng bị lật gốc do người dân đổ xô đi đào sâm đất.

Chính sự khai thác một cách “tự nhiên chủ nghĩa” không theo quy hoạch, căn cứ khoa học đã làm cho nguồn tài nguyên ven biển dần bị cạn kiệt. Tệ hại hơn là làm cho môi trường NTTS ngày càng bị xấu đi rõ rệt.

“Ăn” vào môi trường

Thạc sĩ Khuê Lê, phó giám đốc Sở Tài nguyên – Môi trường Bạc Liêu cảnh báo: “Nuôi tôm, nhất là theo mô hình công nghiệp - bán công nghiệp (CN-BCN) mà không xử lý nước thải tốt sẽ kéo theo hiệu ứng dây chuyền về môi trường ven biển. Đừng tưởng biển sẽ rửa trôi tất cả mầm bệnh mà nó chỉ loanh quanh ven bờ rồi theo triều cường chảy sâu vào đất liền”.

Đó là nguyên nhân khiến 3 năm liên tiếp trở lại đây Sóc Trăng – Bạc Liêu và cả Cà Mau tình trạng tôm nuôi chậm lớn, thất bại liên tiếp xảy ra. Điển hình là xã Vĩnh Hậu A, có đến trên 1.200 ha diện tích nuôi theo mô hình CN-BCN, năm 2007 không hiệu quả phải chuyển sang mô hình quảng canh. Bài học này phải trả “học phí” lên đến 22 tỷ đồng tiền nợ quá hạn tại các ngân hàng đến nay không có khả năng thanh toán.

Trong khi đó, tiến sĩ Võ Hùng Dũng, Giám đốc Phòng Công nghiệp – Thương mại Việt Nam chi nhánh Cần Thơ ví von: hiện nay chúng ta đang “ăn” vào môi trường. Những lưu dân từ các nơi khác đến vùng bãi bồi ven biển khai thác theo tự nhiên, họ “ăn” dần vào môi trường sống của chính mình trong khi đó các nhà quy hoạch chưa quy hoạch kịp. Hoặc họ nhìn nhận ra hoặc chưa nhận ra mà có những quy hoạch chưa thật sự hợp lý.

Ông dẫn chứng: “ĐBSCL đóng góp hơn ½ sản lượng thủy sản nhưng không có một Viện nghiên cứu quốc gia nào nằm ở đây. Nó cũng đóng góp hơn ½ kim ngạch xuất khẩu nhưng cũng không có Trung tâm thông tin, Trung tâm kiểm nghiệm có tiêu chuẩn quốc tế nằm trong vùng”.

Ở một lĩnh vực khác, tiến sĩ Lê Xuân Sinh, Khoa Thủy sản trường Đại học Cần Thơ cho rằng “Phát triển NTTS không theo quy hoạch cũng như không có thiết kế công trình và vùng nuôi hợp lý đã và đang làm tăng mức độ ô nhiễm nước và đất ở nhiều tiểu vùng nuôi mà vùng ĐBSCL là một điển hình”.

Một nghiên cứu của thạc sĩ Trình Trung Phi, Phân viện NTTS Minh Hải cho biết, nhu cầu nuôi cá kèo, cua biển thương phẩm rất lớn, hiện tại giống tự nhiên chỉ đáp ứng 20 -30% nhu cầu, chính vì vậy khó có thể quản lý nổi người dân ra bãi bồi bắt cua, cá kèo giống.

Những vạt rừng bị đào bồi. Những đầm tôm ven biển bị bỏ hoang. Những người đi bắt cá, cua giống soãi bước chân dài hơn ra bãi. Những hoá chất được đưa xuống đầm tôm. Những công-te-nơ hàng xuất khẩu thủy sản bị trả về... đó chưa phải là những cái “những” cuối cùng nếu chưa làm cho cư dân ven biển khá hơn và quy hoạch khai thác bãi bồi ven biển hợp lý.



Lò than giữa rừng - đốt cây rừng ngập mặn làm than.
(Ảnh: Nguyễn Tiến Hưng)

II

Đóm lửa cuối đường hầm

Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau chính thức khuyến cáo nuôi tôm theo mô hình sinh thái, hạn chế nuôi theo mô hình công nghiệp-bán công nghiệp (CN-BCN). Để quản lý đất bãi bồi ven biển, các tỉnh này từng bước quy hoạch lại các 10 hợp tác xã (HTX) nuôi nghêu, sò ven biển tại vùng Bán đảo Cà Mau (BĐCM); quy hoạch du lịch ven biểnDẫu hơi muộn, nhưng việc chăm lo đời sống cho dân nghèo ven biển được xem là một cách nhằm hạn chế việc khai thác bãi bồi quá mức.

Năm 2006, tỉnh Bạc Liêu xuất ngân sách trên 400 triệu đồng hỗ trợ cho các HTX nuôi nghêu và can thiệp với Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh cho các hộ dân vay vốn để góp vào HTX. Năm 2008,

Bạc Liêu đã bỏ ra trên 300 triệu đồng để “nuôi” những HTX nuôi nghêu này nhằm củng cố lại môi trường ven biển.

Ông Sơn Kim Hùng, Chủ nhiệm HTX nuôi nghêu, sò Biển Đông A cho biết: Gọi là HTX cho oai chứ thực chất hoạt động không đúng luật. HTX có 1.024 xã viên, hầu hết là người dân tộc Khmer nghèo không đất sản xuất. Trước đây họ ra biển bắt nghêu, sò sinh sống”. HTX “sở hữu” 1.160 ha diện tích bãi bồi ven biển thuộc xã Vĩnh Trạch Đông. HTX hoạt động được tỉnh hỗ trợ con giống, đất và miễn thuế. Năm 2007 HTX hòa vốn, xã viên được ăn chia không nhiều. Trong khi đó, tại huyện Hòa Bình, 4 HTX nuôi nghêu ven biển gần như không hiệu quả.

Ông Phan Trường Giang, Giám đốc Sở Thủy sản Bạc Liêu cho biết: “Chúng tôi khoanh nuôi nghêu, sò trên bãi biển mục đích chính là giúp dân nghèo có thu nhập ổn định và bảo vệ môi trường ven biển. Chính vì vậy so với luật thì sai vì họ không có vốn, không tài sản để góp vốn, nhưng giải quyết hết gần 4.000 người nghèo là việc nên làm”.

Tại huyện Ngọc Hiển, một HTX nuôi nghêu thuộc xã Đất Mũi (từ Khai Long đến Vàm Xoáy được hình thành bước đầu đem đến hiệu quả cao, tạo công ăn việc làm cho trên 300 người dân nghèo mà trước đây được gọi là “nghèo tặc”. Ông Trần Thành Chen, Bí thư huyện ủy huyện Ngọc Hiển cho biết: “Chúng tôi sẽ quy hoạch lại việc khai thác rừng hợp lý, quy hoạch lại bãi bồi; giải quyết mâu thuẫn giữa du lịch và những người địa phương nghèo ven biển ngay trong năm nay. Không thể để dân tự phát sản xuất rồi chính quyền mới chạy theo sau”.

Trong khi đó tại huyện Vĩnh Châu, huyện xây dựng các làng ven biển có đường, điện, nước sinh hoạt một cách đàng hoàng cho dân nghèo. Để những hộ này có thu nhập, huyện tạo điều kiện bằng cách cho mượn đất sản xuất, ưu tiên tuyển dụng lao động vào bảo vệ các đầm tôm của huyện. Bạc Liêu cũng quy hoạch làng tái định cư tại xã

Vĩnh Trạch Đông (Thị xã Bạc Liêu), Vĩnh Thịch, Vĩnh Hậu (huyện Vĩnh Lợi) cho những người nghèo ven biển.

Tỉnh cũng quy hoạch các khu du lịch ven biển, đồng thời xây dựng các xóm dân cư dọc theo tuyến đê biển. Ông Cao Anh Lộc, Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu khẳng định: “Bằng mọi cách phải làm cho người dân nghèo ven biển có công ăn việc làm, có thu nhập. Không thể nói họ là những lưu dân tỉnh khác, không có hộ khẩu thì “tránh” họ được. Cũng không thể để họ lấn chiếm đất làm phần làm nhà ở mãi được. Đã đến lúc phải thay đổi cách nghĩ về những người dân ven biển. Muốn bảo vệ được bãi bồi, trước tiên phải chăm lo đời sống của những người nghèo ven biển”.

HTX nuôi nghêu chưa phải là cứu cánh để bảo vệ vùng bãi bồi ven biển, nhưng dấu sao nó cũng giải quyết số lượng lớn dân nghèo ven biển có công ăn việc làm mà không phải ra biển “đụng thứ gì bắt thứ ấy”. Để bãi bồi vùng BĐCM trở lại nguyên bản của nó, rất cần những nghiên cứu, quy hoạch. Bởi tại vùng đất này đầu chỉ có con tôm, con sò, con nghêu, hạt muối và những dự án du lịch sinh thái đơn lẻ. Sẽ ra sao khi đất bãi bồi ven biển bị băm nát bởi những cuộc mưu sinh nhọc nhằn của những người nghèo?

Rừng “vàng” một thuở

Kim Ngón

Rừng ngập mặn Cà Mau (rừng đước Năm Căn) và rừng tràm U Minh hạ một thời là niềm tự hào không chỉ riêng của người dân Cà Mau. Mặc dù bị chiến tranh tàn phá nặng nề nhưng rừng nơi này vẫn còn dày đặc, xanh thắm. Rừng tràm trải rộng khắp vùng U Minh Hạ, rừng đước ở vùng Năm Căn – Ngọc Hiển bám theo những hạt phù sa lấn dần ra biển. Thế rồi, làn sóng chiếm đất phá rừng để làm nông nghiệp, nuôi tôm rầm rộ sau đó ít năm đã khiến rừng Cà Mau nhanh chóng suy kiệt. Để cứu rừng, hàng loạt các chủ trương, cơ chế chính sách phát triển kinh tế rừng đã ra đời. Tuy nhiên, cuộc sống luôn biến đổi, nhiều cơ chế đã không còn phù hợp nữa, trở thành rào cản đối với phát triển của rừng. Trên thực tế, rừng Cà Mau đang nằm trong quỹ đạo chậm phát triển đó.





Xã hội hoá rừng còn lắm nhiều khê

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau, năm 2007 hiện trạng quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp được quy hoạch lại với tổng diện tích 168.299 ha. Trong đó, diện tích rừng đặc dụng 24.591 ha, rừng phòng hộ ven biển 40.241 ha và rừng sản xuất 103.467 ha.

Những năm trước đây, mỗi năm Nhà nước đầu tư hàng tỷ đồng cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, và một bộ máy các lâm ngư trường, ban quản lý bảo vệ rừng được hình thành theo từng khu vực để thực hiện nhiệm vụ này. Nhưng do cơ chế quản lý, bảo vệ rừng từng lúc, từng nơi chưa phù hợp dẫn đến một hệ quả là diện tích rừng ngày càng thu hẹp, vốn rừng cạn kiệt, tỷ lệ che phủ thấp.

Trước đây, mô hình quản lý và bảo vệ rừng theo truyền thống đã phát huy hiệu quả nhất định, rừng do các đơn vị quốc doanh quản lý tập trung theo từng khu vực, nên mật độ rừng còn khá cao. Tuy nhiên, do nhu cầu bức xúc cuộc sống của người dân, Nhà nước có chủ trương giao đất, giao rừng cho dân quản lý, bảo vệ, kết hợp với việc đầu tư sản xuất nông, ngư, lâm nghiệp.

Lúc này, khái niệm rừng kinh tế ra đời, và mô hình quản lý, bảo vệ rừng ở Cà Mau cũng thay đổi, được nhiều người nói đến là lâm nghiệp xã hội, có cộng đồng dân cư sống trên lâm phần tham gia vào công tác

quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Rừng thật sự đã có chủ.

Xuất phát từ chủ trương này, trong một thời gian dài tỉnh Cà Mau đã đưa gần 20.000 hộ dân thuộc gia đình chính sách nghèo, hộ đồng bào dân tộc, hộ không đất sản xuất vào lâm phần để giao đất, giao rừng theo Nghị định 01/CP của Chính phủ (nay là Nghị định 135). Vô hình chung rừng Cà Mau trở thành “cái túi” mang cả một bộ phận khá lớn dân nghèo, thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Hơn thế nữa, trong những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ trước, do công tác quản lý lỏng lẻo, rừng Cà Mau “húng” thêm một làn sóng dân di cư tự do từ các nơi đến định cư sinh sống tạm bợ ở các khu vực ven rừng đước và rừng tràm. Chỉ tính riêng khu vực rừng ngập mặn có hơn 6.000 hộ sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ ven biển. Gánh nặng dân di cư tự do lại đặt ra nhiều vấn đề xã hội phức tạp cho đến bây giờ tỉnh Cà Mau chưa có giải pháp.

Ông Ngô Chí Dũng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau, cho biết hiện nay trên toàn lâm phần rừng đước và rừng tràm Cà Mau có hơn 24.000 hộ dân với 120.000 nhân khẩu đang sinh sống, trong đó có hơn 21.000 hộ dân được giao khoán đất lâm nghiệp.

Ở khu vực rừng tràm có 6.000 hộ nhận khoán với diện tích 33.000 ha, quy mô chủ yếu từ 3-10 ha/ hộ. Ở khu vực rừng ngập mặn có khoảng 15.800 hộ nhận khoán sản xuất với diện tích trên 70.000 ha, quy mô sản xuất rất đa dạng, có khoảng 35% số hộ có quy mô diện tích dưới 3 ha, nhưng có những hộ diện tích được giao khoán trên 10 ha. Nguyên nhân trước đây ở khu vực này các hộ dân tự bao chiếm, sau đó được sắp xếp, ổn định và hợp thức hóa thủ tục giao khoán theo nghị định 01/CP.

Từ thực tế đó, việc đầu tư quy hoạch, sắp xếp công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã đặt ra nhiều vấn đề bất cập.

Gam màu tối dưới tán rừng!

Đến rừng tràm U Minh hạ, tôi thoáng chạnh lòng trước cảnh rừng bị “xèo ruột” manh mún ra theo từng cụm, tuyến dân cư. Đó là hình thức để giao khoán cho dân, quản lý sử dụng theo tỷ lệ quy định 7-3 (diện tích trồng rừng 70%, trồng lúa 30%). Theo đó, các kênh trục thủy lợi được mở ra dọc ngang như bàn cờ trong ruột rừng, làm cho rừng như một mảng da beo manh mún, điều hiển nhiên vốn rừng sẽ cạn kiệt.

Được biết, chủ trương giao khoán đất lâm nghiệp lúc bấy giờ là phải “liên canh – liên cư – liên ruộng – liên rừng” và thuận lợi cho giao thông đi lại, nên các lâm ngư trường đã giao khoán cho dân ở những khu vực có kinh xáng đi qua.

Hiện tại trên lâm phần rừng tràm U Minh hạ có 62 tuyến dân cư, dẫn đến tình trạng dân cư được bố trí rải rác trên toàn lâm phần, rất khó khăn cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi xã hội phục vụ cho đời sống của người dân dưới tán rừng tràm. Do đó, bức tranh đời sống khu vực rừng tràm nhiều năm qua vẫn không thể thoát khỏi một gam màu tối.

Thực tiễn gần 20 năm qua cho thấy việc bố trí sản xuất lúa xen lẫn với rừng là không bền vững, kém hiệu quả và chứa đựng nhiều mâu thuẫn giữa việc giữ nước phòng chống cháy rừng và điều tiết nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Hằng năm khi kết thúc mùa mưa, các đơn vị quản lý và bảo vệ rừng đã cho đập lại hết các con đập để trữ nước phòng, chống cháy rừng. Điều này làm cho sản xuất nông nghiệp bị ngập úng, năng suất lúa rất thấp, thậm chí có năm nông dân trắng tay.

Mặt khác do bố trí đất sản xuất nông nghiệp đan xen với rừng nên người dân không có điều kiện cải tạo đất, dẫn đến năng suất cả lúa và rừng đều thấp. Mâu thuẫn trong sản xuất kéo dài nhiều năm nay nhưng chưa có bài toán khả thi để khắc phục. Cái vòng luẩn quẩn này như điệp khúc buồn cứ lặp đi lặp lại làm cho đời sống người dân dưới tán rừng gặp rất nhiều khó khăn, túng quẫn.

Bây giờ nhiều người trong số họ không còn thiết tha với rừng nữa...

II

Rừng bị bức tử

Chiến lược giữ rừng tốt là gì? Chắc chắn không phải là bảng báo cáo dày hàng chục trang của các ngành chức năng khi đặt ra chỉ tiêu hằng năm phải phấn đấu trồng bao nhiêu rừng và giữ bao nhiêu rừng... Vấn đề cốt yếu ở đây là làm thế nào để người dân dưới tán rừng không bị nghèo, tạo cho họ quen dần cảm giác làm chủ rừng và là chủ thật sự, trên tất cả là rừng phải mang lại được lợi ích kinh tế nhất định cho họ.



Đáp án nào cho bài toán dân sinh?

Theo anh Phan Minh Chí, Phó giám đốc Cty Lâm nghiệp U Minh I, để người dân thật sự gắn bó với rừng thì điều cần thiết là lợi ích kinh tế từ rừng mang lại phải đảm bảo cuộc sống của người dân dưới tán rừng. Nhưng trong thực tế, kinh tế rừng trầm mấy năm qua chưa thỏa mãn yêu cầu đó.

Mặc dù đề án 24 của UBND tỉnh Cà Mau ra đời mỗi năm đều tăng thêm mức hưởng lợi cho người dân, nhưng với vốn rừng nghèo kiệt, trồng theo phương pháp tự nhiên truyền thống, 12 năm mới tới chu kỳ khai thác, mức hưởng lợi bình quân của người dân ở Cty Lâm nghiệp U Minh I là 1,2 triệu đồng/ha mỗi năm là quá thấp, người dân không thể trụ nổi dưới tán rừng.

Bước đột phá mấy năm gần đây được xem là hướng mở cho rừng trà, đó là chuyển sang trồng trà thâm canh, năng suất cao, rút ngắn chu kỳ khai thác xuống gần một nửa thời gian so với phương pháp trồng trà quảng canh truyền thống trước đây. Nhưng cái khó lại nảy sinh, người dân không có vốn đầu tư, không thể thực hiện đại trà được, giá cây trà lại ngày càng giảm, khó tiêu thụ đã đẩy người dân càng xa rừng hơn.

Cuộc sống của người dân dưới tán rừng được thì “dễ thở” hơn, có ngày một hộ nơi đây kiếm được hơn 1 triệu đồng nhờ nuôi tôm, bằng cả một mùa thu hoạch của một số người dân dưới tán rừng trà. Tuy nhiên, không phải vì thế mà người dân ở rừng được thiết tha rừng hơn. Trái lại, với sức hấp dẫn từ lợi nhuận của con tôm, họ càng tìm cách bức tử rừng để cho con tôm có nhiều đất sống. Thời gian lưu lại với người dân dưới tán rừng nơi này, tôi được nghe những mẩu chuyện cười ra nước mắt về việc người bỏ công trồng rừng rồi lên lút tự bức tử rừng.

Vào năm 1990, việc giao khoán đất rừng ở khu vực rừng được Năm Căn – Ngọc Hiến được diễn ra. Trước đó rừng tự nhiên tại khu vực này gần như bị băm nát bởi làn sóng dân bao chiếm, phá rừng nuôi tôm. Khi chủ trương giao khoán có hiệu lực thì buộc mỗi hộ được giao khoán phải cam kết giữ tỉ lệ diện tích trồng rừng 60% và diện tích nuôi tôm 40%.

Từ đó, nơi đây xuất hiện cụm từ “con tôm ôm cây được”. Nhưng “cuộc hôn nhân chớp vá” ấy nhanh chóng đổ vỡ bởi nó không mang lại lợi ích kinh tế cho người dân nhận khoán đất rừng.

Nhiều năm qua, xung đột giữa con tôm và cây được cứ diễn ra một cách âm thầm, nhưng không kém phần cam go, quyết liệt. Chính xác hơn đó là sự xung đột giữa rừng và chính những người chủ rừng.

Trong tâm thức của người nhận khoán đất rừng, họ đã xem việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng như một nghĩa vụ bắt buộc chứ không phải là cứu cánh mưu sinh, thậm chí nhiều người còn cho rằng rừng là một phần tác nhân làm cho họ nghèo đi.

Nếu như 1 ha nuôi tôm mỗi năm có thể thu hoạch được lợi nhuận hơn 40 triệu đồng, trong khi cùng diện tích ấy trồng rừng với chu kỳ 14 năm khai thác một lần cũng chỉ thu được lợi nhuận khoảng 40 triệu đồng. Mặt khác, độ che phủ của rừng càng cao thì con tôm càng khó phát triển. Chỉ so sánh đơn giản vậy thôi, thì đã không ít người sẵn sàng tính chuyện bức tử rừng khi nhận thấy sự phát triển của nó bắt đầu xâm hại đến con tôm, cũng là chạm đến nồi cơm của họ.

Họ bức tử rừng bằng nhiều cách, như ví nước cho rừng ngập úng mà tự chết, hoặc đập đập vỏ cây cho cây mất dinh dưỡng chết dần rồi báo với lực lượng kiểm lâm là

rừng chết do bị... chuột cắn. Hiện tượng lạ lùng này đã được một số nhà chuyên môn kiểm chứng cách nay vài năm và kết luận là thật, sau khi họ chặt một khúc cây được bỏ vào lồng chung với một con chuột(!)

Để giải quyết sự xung đột ngày càng sâu nặng giữa con tôm và cây đước, năm 2005, chủ trương tách tôm ra khỏi rừng đã ra đời. Có điều, chủ trương được nhiều người đánh giá là sáng kiến và phù hợp ấy đã vấp phải một bài toán khó là kinh phí cải tạo đất, nên việc thực hiện đến nay vẫn còn bỏ ngỏ. Ông Lê Văn Kháng, Phó chủ tịch huyện Ngọc Hiến, thừa nhận chủ trương tách tôm ra khỏi rừng sẽ khó thực hiện trong một thời gian nhất định và trở ngại trước mắt là người dân chưa đồng tình, do chi phí để cải tạo đất để tách tôm ra khỏi rừng quá tốn kém.

Khi phương án tách tôm ra khỏi rừng vẫn còn là bài nháp dở dang thì các công ty lâm nghiệp trên lâm phần rừng đước nghĩ tới việc triển khai thực hiện một mô hình mới gọi là nuôi tôm sinh thái. Cụ thể, nếu hộ nào giữ được mật độ rừng 58% trên đất nuôi tôm thì được cấp giấy chứng nhận “tôm sinh thái”, được thu mua với giá ưu đãi hơn tôm thường để xuất khẩu sang Thụy Sĩ.

Tuy nhiên, đó cũng chưa phải là phương án khả thi và thuận lòng người dân nhận khoán đất rừng, vì thế việc giải quyết xung đột giữa con tôm và cây đước đến

thời điểm này càng thêm rối rắm. Nhiều hộ dân nhận khoán đất rừng ở các công ty lâm nghiệp thuộc lâm phần rừng đước Năm Căn – Ngọc Hiến thừa nhận với tôi một sự thật đáng buồn, họ không thích phương thức nuôi tôm sinh thái và nếu được phép thì họ sẽ sẵn sàng phá hết rừng để nuôi tôm.

Ông Lê Trung Thành, ấp Bông Súng, xã Tam Giang (một hộ nhận khoán đất rừng Cty lâm nghiệp 184), thẳng thắn bộc bạch: “Tôi đã không ít lần bức tử rừng để chừa đất sống cho tôm. Đó cũng là đất sống cho mình. Bản thân tôi cũng như bao người dân ở đây ai cũng nhận thấy được tầm quan trọng của rừng, nhưng nỗi cơm hăng ngày của chúng tôi còn quan trọng hơn gấp bội. Thử hỏi, có ai để cái bụng đói mà vào đây khư khư giữ lấy mấy cây rừng.”

Từ những tâm tư rất thật của những người dân giữ rừng, tôi không khỏi băn khoăn cho tương lai của rừng Cà Mau. Tôi còn nhớ có lần một giám đốc công ty lâm nghiệp thuộc lâm phần rừng ngập mặn Cà Mau bảo rằng nếu không có chiến lược tốt, rừng Cà Mau sẽ mất. Vấn đề cốt yếu ở chỗ làm thế nào để người dân dưới tán rừng không bị nghèo, tạo cho họ quen dần cảm giác làm chủ rừng và là chủ thật sự, trên tất cả là rừng phải mang lại được lợi ích kinh tế nhất định cho họ.



Biển chưa lặn sóng

Nhật Hồ

56 km bờ biển chạy dài từ Nhà Mát đến Gành Hào, chưa ai đếm được bao nhiêu hạt phù sa bồi đắp cho đất liền một năm. Chỉ biết rằng cách đây 30 năm bờ biển gần lắm, gần tưởng chừng như với tay là bắt được. Biển hiền hòa đem những hạt phù sa nuôi đất, nuôi người như đất mẹ nuôi cây cỏ. Nhưng bờ biển Bạc Liêu, cũng như rất nhiều bờ biển khác trên thế giới, chưa khi nào lặn sóng. Chính vì thế khai thác biển, sống bằng nghề biển là nghề liệt vào may rủi và khó nhọc.

Một ngày lang thang trên bãi biển

Tôi là một kẻ ngoại đạo trong cái nghề mà đại đa số những cư dân ven biển Bạc Liêu đều biết và sống bằng nó: cào nghêu, đẩy xiệp. Sáng sớm tôi có mặt trên bờ biển Nhà Mát, ánh nắng chói chang rọi xuống rừng mần ánh

lên một màu lóng lánh. Với tôi đó là cảnh đẹp, nhưng với gia đình ông Lâm Dương, ấp Biển Tây B, xã Vĩnh Trạch Đông chưa bao giờ nhận ra điều đó mặt dù ngày nào ông cũng ra biển, đối diện với biển, mưu sinh ven biển bằng nghề cào nghêu.

Nướn vội miếng cơm trong lon nhỏ xíu sức mẻ nhiều chỗ ông tâm sự: “Mỗi ngày cào

được vài chục ngàn đồng thôi. Người ta cào đồng quá nên nghề cũng ít đi nhiều. Hồi tháng trước mình tôi cào một ngày trên trăm ngàn lận đó”. Cách đây một tháng, bãi biển Nhà Mát như một công trường đang vào giai đoạn thi công nước rút. Hàng trăm người đổ xô ra biển cào nghề. Những con nghề giống nhỏ xíu. Nhỏ đến mức khó có thể phân biệt đâu là nghề đâu là cát. Vậy mà nó đem đến cho những cư dân nghèo thu nhập không thua bất cứ một nghề lao động phổ thông nào.

Anh Kim Dương nhà ở ấp Giồng Giũa B cả 3 người đến đây cào đã một tháng nay, hôm qua cả gia đình cào bán được 70.000 đồng. Anh xua tay khi tôi đưa máy ảnh lên chụp: “Cậu đi ra biển chụp đẹp lắm, đồng người lắm”.

Hôm nay là ngày 4 âm lịch, con nước ròng vẫn còn. 8 giờ nước mới lờ bãi, vậy mà những người đi đẩy xiệp, cào nghề bắt đầu lội ra biển. Tôi ái ngại hỏi anh Trần Thanh Hòa: “Nước thế này không sợ sóng đập trời ra biển sao?”. Anh nhìn tôi từ đầu đến chân rồi buông một câu trả lời gây sốc: “Ông biết cái gì về biển mà nói”.

Như biết mình lỡ lời anh nói: “nước vừa mới rút tôm mới nhiều mình phải đón luồng tôm đẩy xiệp mới có chờ đợi nước ròng lờ bãi sát quen rồi tôm nó chạy ra biển hết lấy đâu mà đẩy”. Nói đoạn anh quay bảo với người đi chung, đi ra nhanh

kéo trời mưa. Trời đang nắng chang chang, phía xa có vài đám mây trắng ngòan ngòan bay lượn. Có lẽ chính đám mây này báo hiệu cho anh Hòa biết trời sắp mưa ...

Tôi lang thang trên bãi biển cùng với trên 300 người đi cào nghề, đẩy xiệp. Họ không lang thang, chỉ có mình tôi lang thang thôi. Vì tất cả họ đều cào không ngơi tay, chỉ có tôi là đi hết chỗ này đến chỗ khác để ... nhìn.

11 giờ trời bắt đầu đổ mưa. Tôi ba chân bốn cẳng chạy vào bờ. Nhưng chỉ có mỗi mình tôi, tất cả đều ở lại với dụng cụ của mình xục xạ những sản vật của biển ban phát để tìm cái ăn, cái mặc cho con cái, gia đình và cho chính họ.

Cũng những trận mưa như thế, cũng trên bãi biển này, anh Lý Dệ bị sét đánh chết trong lúc dầm mưa cào nghề. Những người đi cào nghề đều sợ, nhưng trước nhu cầu của cuộc sống thôi thúc họ bước xuống bãi biển mặc cho trời mưa gió.

Gian nan những chuyến tàu

Toàn tỉnh Bạc Liêu có trên 1000 chiếc tàu đánh bắt thủy sản. Trong đó có trên 300 chiếc có khả năng ra khơi đánh bắt, còn lại chủ yếu sáng đi chiều về. Bắt được con gì bán con đó kiếm sống qua ngày. Huyện Đông Hải là nơi có nhiều phương tiện khai thác thủy

sản nhất tỉnh. Toàn huyện có 461 phương tiện đánh bắt thủy sản với tổng công suất trên 64.000 CV.

Trong đó 214 chiếc có khả năng đánh bắt tầm xa (từ 90 CV trở lên). Có quá nửa đội tàu đánh bắt tầm xa của huyện neo đậu không dám ra khơi nữa. Tác động của giá xăng dầu làm cho phương tiện khai thác thủy sản của huyện gần như bị tê liệt. Anh Nguyễn Quang Tuyên, cán bộ phụ trách đánh bắt thủy sản Phòng Thủy sản – Nông nghiệp của huyện cho biết: “Giá dầu hiện nay đã tăng lên so với trước đây 5.000 đồng/lít, hiện các cây xăng tại đây bán 11.500 – 11.650 đồng/lít.

Mỗi chiếc ra khơi từ 5.000 – 6.500 lít dầu, vì vậy chi phí dầu vào tăng thêm trung bình 20 – 30 triệu đồng trong khi đó giá tôm, cá không tăng đã làm nản lòng người đi biển”. Nhìn những đội tàu neo đậu san sát nhau tại Khu vực 4, Khu vực 1 như đi trú bão mới thấy hết khó khăn của ngành kinh tế này của huyện.

Anh Nguyễn Minh Đức, chủ tàu đánh bắt tầm xa BL 3259 TS vừa cập bến bán ca cho một vựa tại Khu vực 3 cho biết: “Tôi ra khơi 12 ngày đêm, cho phí hết tất cả 22 triệu đồng chưa kể tiền bán ghe nhưng bán được chỉ hơn 23 triệu đồng. Về chuyến này chắc tôi không ra khơi nữa”. Ông Nguyễn Văn Tâm, một ngư phủ tại

Gành Hào nói với tôi: “Bây giờ chẳng ai dám ra khơi đâu. Họ đợi có thông tin có cá, tôm mới dám ra khơi vì đi mà không đón luồng được thì lỗ tiền dầu như chơi”.

Ngành đánh bắt thủy sản khó khăn, kéo theo 2.000 người tại khu vực thị trấn có nguy cơ không việc làm. Thế mới biết biển đầu chỉ nuôi sống những người trực tiếp khai thác mà tác động mạnh đến những người làm dịch vụ và lao động trên bờ.

Thật ra ngư trường Bạc Liêu không đến nỗi phải thất bát, cạn kiệt nguồn tôm cá. Những đội tàu từ Bình Thuận, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cà Mau đến đây khai thác và họ sống được trên ngư trường Bạc Liêu. Còn những ngư phủ Bạc Liêu gần như quá tin vào sự hào phóng của biển mà chậm đổi mới phương thức đánh bắt nên lúc nào cũng thua thiệt.

Nay giá xăng, dầu tăng cao đã làm cho họ lao đao vì biển. Người ta đổ cho những phương tiện đánh bắt gần bờ, những chiếc ghe cào gần bờ theo cách “tận diệt”. Nguyên nhân ấy chưa phải là tất cả, bởi biển có hào phóng cỡ nào cũng khó có thể đáp ứng nhu cầu của con người ngày càng tăng và dĩ nhiên phương tiện đánh bắt cũng tăng lên.

Ông Nguyễn Tấn Khương, Trưởng Phòng Thủy sản – Nông nghiệp huyện Đông Hải

cho biết: “Chúng tôi đã đầu tư vốn cho 6 chiếc tàu đánh bắt xa bờ chuyển đổi từ cào cá sang cào tôm nhưng hiện nay chỉ có một chiếc trả được nợ còn lại xem ra khó có khả năng trả được nợ”.

Công bằng mà nói biển Bạc Liêu hiện nay cá tôm không nhiều như trước đây. Bởi người ta lấy cửa biển quá nhiều trong khi chưa trả về với biển những gì cần thiết. Môi trường vùng ven biển Bạc Liêu đầy rác thải, mặt nước ô nhiễm, những vạt rừng đang bị con người khai thác quá mức ... tất cả làm cho nguồn lợi của biển đang dần cạn kiệt.

Những đội tàu vẫn ra khơi, họ không biết vì sao càng ngày càng ít cá, tôm cũng như không biết rằng biển không phải là tài nguyên vô tận.

Đánh thức tiềm năng ven biển

Bạc Liêu có chiều dài bờ biển 56 km. Đây là điều kiện thuận lợi để Bạc Liêu phát triển kinh tế biển. Nhưng mấy năm qua kinh tế biển vẫn chưa hiểu đúng và đủ. Người ta cứ nghĩ kinh tế biển là khai thác những gì trên biển cả ban tặng mà quên rằng bờ biển là một tài nguyên.

Thậm chí tài nguyên này có giá trị gấp nhiều lần so với những gì khai thác được từ mặt nước biển. Đó là du lịch ven biển. Mấy năm qua, Bạc Liêu đã xây dựng hệ thống du lịch ven biển. Cửa biển Nhà Mát đã được quy hoạch xây dựng cụm du lịch với nhiều hạng mục khác nhau có tổng mức đầu tư trên 100 tỷ đồng. Nhưng tiếc rằng quy hoạch này chậm được triển khai thực hiện.

Chính vì vậy tại đây chỉ chổng chơ một nhà hàng Hương Biển hoạt động. Những tặng phẩm du lịch từ biển chưa được chú ý khai thác.

Một con đường ven biển từ cửa biển Nhà Mát đến cửa biển Gành Hào đã được triển khai thực hiện. Đây là một trong 13 công trình trọng điểm của tỉnh thực hiện hoàn thành trong năm 2005. Hiện đơn vị thi công đang gấp rút thực hiện, nhưng khả năng hoàn thành vào năm nay là không thể. Nhưng dù gì đi nữa thì đây sẽ là con đường huyết mạch nối liền những cư dân ven biển, những xóm làng heo hút ven rừng với thành thị.

Chí ít ra nó cũng rút ngắn khoảng cách văn minh giữa thị xã và vùng quê heo hút ven rừng. Để đón đầu công trình này, huyện Vĩnh Lợi quy hoạch 30 ha tại xã Vĩnh Thịnh làm khu du lịch của huyện. Trong khi đó huyện Đông Hải đã hoàn

thành khu quy hoạch du lịch ven biển tại khu vực 5, thị trấn Gành Hào. Những dự tính cho một vùng kinh tế ven biển bây giờ đã là quá muộn. Nhưng muộn hơn là nó chưa được thực hiện một cách đồng bộ.

Du lịch ven biển, quy hoạch bãi nghêu giống, bảo vệ rừng là những từ đã được nghe khá lâu và được chú ý đến cũng đã lâu, nhưng cho đến hôm nay bãi nghêu nhà nước quy hoạch ở đâu, giao mớ chưa thì chẳng ai biết. Mỗi khi nghêu giống xuất hiện hàng trăm con người ra biển vô tư cào, vô tư bắt trong khi chính quyền địa phương không ngăn cản nổi. Bởi một điều duy nhất là hành lang pháp lý bảo vệ bãi nghêu chưa xây dựng. Vậy là cửa biển vẫn là cửa trời cho, người dân khai thác cửa biển chớ có khai thác gì của Nhà nước đâu. Thế là quy hoạch bãi nghêu vẫn là quy hoạch, người dân khai thác cứ khai thác.

Nếu có sợi dây nối đất liền với biển đó là những con tàu và những công trình ven biển. Khai thác biển gắn liền với bảo vệ biển. Đã đến lúc không nên cho người dân tràn lan ra biển nhặt nhạnh những sản

vật biển ban phát. Phải trân trọng những gì biển ban tặng và khai thác dần, biển nó thành sản phẩm du lịch. Bởi bao giờ người dân còn ra biển cào nghêu, đẩy xiệp thì cuộc đời họ khó có thể phát lên được.

Đứng trước biển cảm thấy mình nhỏ nhoi đến lạ. Nhìn những con nghêu giống nhỏ xíu như hạt cát mà cư dân ở đây mới cào về mới thấy hết nỗi nhọc nhằn của người dân. Tôi cứ băn khoăn một điều không hiểu vì sao cư dân ven biển Bạc Liêu hầu hết đều nghèo.

Cái nghèo này chắc chắn một điều không phải biển cả bạc đãi họ dù con sóng bạc vẫn vỗ bờ hàng ngày. Những dự án du lịch, con đường ven biển phẳng lỳ, những chiếc thuyền ra khơi, những dãy nhà san sát nhau, những đầm tôm, những bãi nghêu, những chiếc áo xanh đỏ đủ màu ... cứ lấp loáng trong đầu tôi khi nhìn về tương lai của vùng đất ven biển, tôi hoàn toàn không bị hoa mắt trước nắng, gió và sóng biển. Biết đâu ngày mai ...

Các tác giả



Họ và tên: Trần Thị Thuý Bình
Bút danh: Thuý Bình
Cơ quan công tác: Đài truyền hình Hà Nội



Họ và tên: Nguyễn Tiến Dũng
Bút danh: Tiến Dũng
Cơ quan công tác: Báo Khoa học và Đời sống



Họ và tên: Nguyễn Văn Hận
Bút danh: Nguyễn Tiến Hưng
Cơ quan công tác: Báo Tiền Phong



Họ và tên: Phạm Trung Hiến
Bút danh: Trung Hiến
Cơ quan công tác: Báo Khoa học và Đời sống



Họ và tên: Đỗ Doãn Hoàng
Bút danh: Đỗ Doãn Hoàng
Cơ quan công tác: Báo Lao Động



Họ và tên: Nguyễn Hoàng
Bút danh: Nguyễn Hoàng
Cơ quan công tác: Báo VietNamNet



Họ và tên: Phan Đăng Hoè
Bút danh: Phan Đăng Hoè
Cơ quan công tác: Nhà báo tự do



Họ và tên: Phạm Vũ Nhật Hồ
Bút danh: Nhật Hồ
Cơ quan công tác: Báo Lao động



Họ và tên: Lại Hồng Linh (áo trắng)
Bút danh: Hồng Linh
Cơ quan công tác: Báo Công an Đà Nẵng



Họ và tên: Nguyễn Thanh Minh
Bút danh: Thanh Minh
Cơ quan công tác: Báo Quảng Nam



Họ và tên: Hoàng Thiên Nga
Bút danh: Hoàng Thiên Nga
Cơ quan công tác: Báo Tiền Phong



Họ và tên: Phùng Duy Nhân
Bút danh: Kim Ngón
Cơ quan công tác: Báo Người Lao động



Họ và tên: Trần Hữu Phúc
Bút danh: Hữu Phúc
Cơ quan công tác: Báo Quảng Nam



Họ và tên: Vũ Văn Tiến
Bút danh: Vũ Văn Tiến
Cơ quan công tác: Báo Nhà báo và Công luận



Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) là tổ chức phi lợi nhuận, hoạt động nhằm bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng và phong phú của thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương thông qua tìm kiếm, quảng bá, thực hiện các giải pháp bền vững và thân thiện với môi trường.

Thông tin chi tiết về PanNature xin tham khảo tại website: www.nature.org.vn

Trang thông tin điện tử “Con người và Thiên nhiên”: www.thiennhien.net

Ấn phẩm này được xuất bản với sự tài trợ của



Đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam